



# CAO ĐÀI GIÁO LÝ

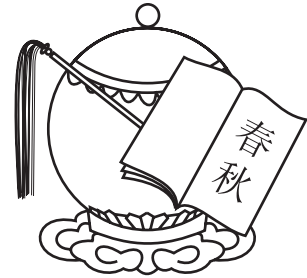
MỪNG LỄ KHÁNH ĐÀN  
ĐỨC THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ



CON NGƯỜI ĐẠO ĐỨC **TỪ THIÊN QUAN TỨ PHƯỚC**  
VÀ CON NGƯỜI SỬ MẠNG **ĐẾN SỬ MẠNG THIÊN ÂN**  
**HỌC LỜI ĐỨC THÁI** HÒA HỢP YÊU THƯƠNG  
**THƯỢNG ĐẠO TỔ DẠY TÔN GIÁO**

HÌNH ẢNH NGƯỜI **GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ**  
NHÂN VIÊN CQPTGLĐĐ QUA **CƠ QUAN PHỔ THÔNG**  
BÀI CẦU NGUYỆN CƠ QUAN **GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO**

123



# Nội san Cao Đài Giáo Lý số 123

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO  
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chư đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

**QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN**



# Nội san Cao Đài Giáo Lý số 123

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO  
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

## mục lục

<b>QUAN ĐIỂM: CON NGƯỜI ĐẠO ĐỨC VÀ CON NGƯỜI SỬ MẠNG</b>	<b>4</b>
■ <i>Ban biên tập.</i>	
<b>TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO: HÌNH ẢNH CÁI ĐÒN BẨY TRONG SỬ MẠNG HÀNH ĐẠO</b>	<b>6</b>
■ <i>Ban biên tập.</i>	
<b>TỪ THIÊN QUAN TỬ PHƯỚC ĐẾN SỬ MẠNG THIÊN AN</b>	<b>10</b>
■ <i>Thiện Chí.</i>	
<b>THIÊN QUAN TỬ PHƯỚC VÀ HỨA NGUYỆN PHỤNG THỪA THIÊN LỊNH</b>	<b>17</b>
■ <i>Xuân Mai.</i>	
<b>HỌC LỜI ĐỨC THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ DẠY</b>	<b>19</b>
■ <i>Giáo sĩ Huệ Ý.</i>	
<b>GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO</b>	<b>25</b>
■ <i>Thiện Hạnh.</i>	
<b>CON ĐƯỜNG AN LÀNH TRONG CƠ MẠT PHÁP</b>	<b>36</b>
■ <i>Hồng Phúc.</i>	
<b>HỌC CÁCH GHI NẮM ĐẠO CỦA ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG QUA THÁNH GIÁO CƠ QUAN</b>	<b>47</b>
■ <i>Đạt Tường.</i>	
<b>CHÍN ĐIỀU CẦN NHỚ</b>	<b>51</b>
■ <i>Giáo Sĩ Huệ Ý.</i>	
<b>THÔNG CÔNG</b>	<b>54</b>
■ <i>Đạt Tường.</i>	
<b>BỘ THIẾT GIÁP CỦA NGƯỜI TU</b>	<b>58</b>
■ <i>Diệu Thuận.</i>	
<b>DỤNG THỂ LIÊN HOÀN</b>	<b>65</b>
■ <i>Chí Thật.</i>	


HÌNH ẢNH NGƯỜI NHÂN VIÊN CQPTGL QUA BÀI CẦU NGUYỆN CƠ QUAN ■ <i>Thanh Long.</i>	69
HỌC CHỮ HÁN QUA THÁNH GIÁO: BÀI ĐƯỜNG THI NGÀY TẾT CỦA PHẬT DI LẶC ■ <i>Bửu Long.</i>	74
THÁNH THẮT TÂN LONG Ở CAMPUCHIA ■ <i>Đạt Truyền.</i>	77
ĐỒN TỖ BÀ TRONG VĂN HÓA CAO ĐÀI GIÁO ■ <i>Minh Trung.</i>	78
HÒA HỢP YÊU THƯƠNG TÔN GIÁO ■ <i>Đạt Tường.</i>	84
LIÊN GIAO HÀNH ĐẠO TUẦN LỄ HÒA HỢP TÔN GIÁO ■ <i>Thanh Long.</i>	88
NGÀY XUÂN LẠC DU VÀO CÔI THIÊN THI ■ <i>Tử La Lan.</i>	92
HẠNH PHÚC VÀ AN LẠC ■ <i>Thiện Lý.</i>	96
ĐỌC BÁO: HÀNH HƯƠNG VỀ CÔI BAO DUNG ■ <i>Ban biên tập.</i>	105
PHÉP CHỌN NHÂN TÀI CỦA NHÀ HẬU LÊ ■ <i>Thiện Chí sưu tầm.</i>	108
PHÁT HUY NĂNG LỰC GIAO TIẾP QUỐC TẾ CỦA CƠ QUAN ■ <i>Thiện Quang.</i>	110
12 CON GIÁP GỐC VIỆT ■ <i>Đình Chung.</i>	114
TRANG TĐGS: GIÚP NGƯỜI KHÁC THAY ĐỔI THÁI ĐỘ & HÀNH VI ■ <i>Cao Bạch Liên sưu tầm.</i>	117
MỘT SỐ NGHI LỄ DÂN GIAN TIẾN HÀNH VÀO ĐẦU XUÂN ■ <i>Diệu Thuận sưu tầm.</i>	121
TRUYỆN NGẮN: SONG SINH ■ <i>Thiện Lý.</i>	123
VIẾT NGẮN ■ <i>Bửu Long.</i>	125
Ý NGHĨA HÀNH HƯƠNG ■ <i>Diệu Thuận</i>	127
TRANG GIA CHÁNH: SÚP MẶNG TÂY ■ <i>Bạch Tuyết.</i>	129
TRANG THƠ: VÔ THƯỜNG ■ <i>Phong Hiếu.</i>	129
BẠN CÓ BIẾT: ĂN CHAY KHÔNG HỀ NHẠT NHỂO ■ <i>Ban biên tập sưu tầm.</i>	130
TRANG TRUYỆN TRANH: GIÁ CỦA PHÉP MÀU ■ <i>Cọ trắng.</i>	131
THEO DÒNG ĐẠO SỰ ■ <i>Thanh Hiền.</i>	132

con người  
Đạo đức  
con người  
Sứ mạng

Người tín hữu, sau khi nhập môn vào đạo, tức đã chọn nếp sống đạo đức cho đời mình. Từ đây, song song với đời thường, tín hữu được tham gia các sinh hoạt tôn giáo nơi thánh sở. Nhờ biết gìn quy giữ giới, học hỏi giáo lý rồi tu tập trong tập thể đồng đạo, người tín hữu dần dần trở thành con người đạo đức trước mắt xã hội.

Đó là định hướng tốt đối với một người thường, cũng là kỳ vọng chung của các tôn giáo trong mục tiêu hoàn thiện xã hội. Nhưng cải thiện cuộc đời là một đại cuộc, không phải chỉ mở rộng cửa chùa, cửa đạo, chờ đợi bá tánh giác ngộ mà đương nhiên xã hội trở thành đời thánh đức. Thế nên, các tôn giáo đều phải mở trường đào tạo tu sĩ, giáo sĩ và các bậc lãnh đạo tài đức. Hàng hướng đạo này sẽ được Giáo hội hay Hội thánh ban trao sứ mạng trọng yếu “hoảng giáo độ đời” bằng các pháp môn hay giáo pháp thích ứng trong từng giai đoạn lịch sử.

Đặc biệt trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế vừa khai Đạo, vừa trao sứ mạng nói trên cho những người xứng đáng gọi là hàng “Thiên ân sứ mạng”. Đó là vinh dự lớn lao, nhiệm vụ



cao cả, trọng trách phi thường. Tuy nhiên trọng trách ấy không chỉ dành riêng cho một ai, mà dành cho tất cả con người đạo đức có ý thức sứ mạng đối với Cơ Đạo Kỳ Ba, tự nguyện nhận lãnh vai trò “phổ độ”, tức là chuyển tiến trình tự độ sang độ tha. Hành giả bước từ hạ thừa, trung thừa lên đại thừa. Lúc ấy, hành giả mang lấy “Sứ mạng Đại thừa”. Sứ mạng cao cả này không dành riêng cho các chức sắc cao cấp hay bậc lãnh đạo tôn giáo, mà thời kỳ này được Ôn Trên gieo ý thức “mỗi tín đồ là một Thiên ân”.

Đối với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, những đạo hữu có cơ duyên tu học hành đạo tại đây là từ người đạo đức bình thường bắt đầu tự nguyện nhận lấy sứ mạng Đại thừa ở từng mức độ nhất định, nên được gọi chung là những “nhân viên Cơ Quan”. Nên, người nhân viên ở đây không thể tự mãn hay an phận tu học theo các chương trình thường xuyên, mà phải có ý thức sứ mạng thật sáng tỏ. Nghĩa là luôn luôn ở trong tư thế chuẩn bị và bắt tay vào sứ mạng theo tôn chỉ- mục đích của Cơ Quan và của chung toàn Đạo. Vì Cơ Quan là guồng máy đã và đang vận hành không ngừng, toàn thể nhân viên phải liên kết thành một dây chuyền. Bất cứ đạo hữu nào chưa đặt mình vào sự vận hành điều hòa ấy đều trở thành một con ốc không trơn tru làm trở ngại cho guồng máy, thậm chí, thật đáng tiếc, vô tình đứng bên ngoài động cơ. Tiếc là tiếc cho người tín hữu đạo đức đã tự đánh mất “sứ mạng”. Dầu sao, guồng máy vẫn chạy đều, vì đây là “Thiên cơ”.

“Thiên cơ, thế sự định phân rồi; chờ đợi con người đạo đức thôi”<sup>1</sup>, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo từng dạy như thế. Con người đạo đức này nhất định phải là người sứ mạng, vì Thiên cơ đã ưu ái an bài những cơ hội tốt nhất cho sứ mạng:

*Cội cỏ, mưa xuân khoe sắc thắm,  
Tàn cao, nắng hạ vượt lưng trời.*

Và người sứ mạng phải “ngước mắt nhìn trời, trời lồng lộng”, hướng về sứ mạng Đại Đạo, hướng về Bản thể đại đồng nhân loại:

*Hộc hồng hấp cánh muôn phương lộng,  
Với đầy đủ dũng khí, xông pha vào cuộc đời  
như cá kình trong biển cả dạt ba đào;  
Kình ngạc vẫy vùng khắp biển khơi.*

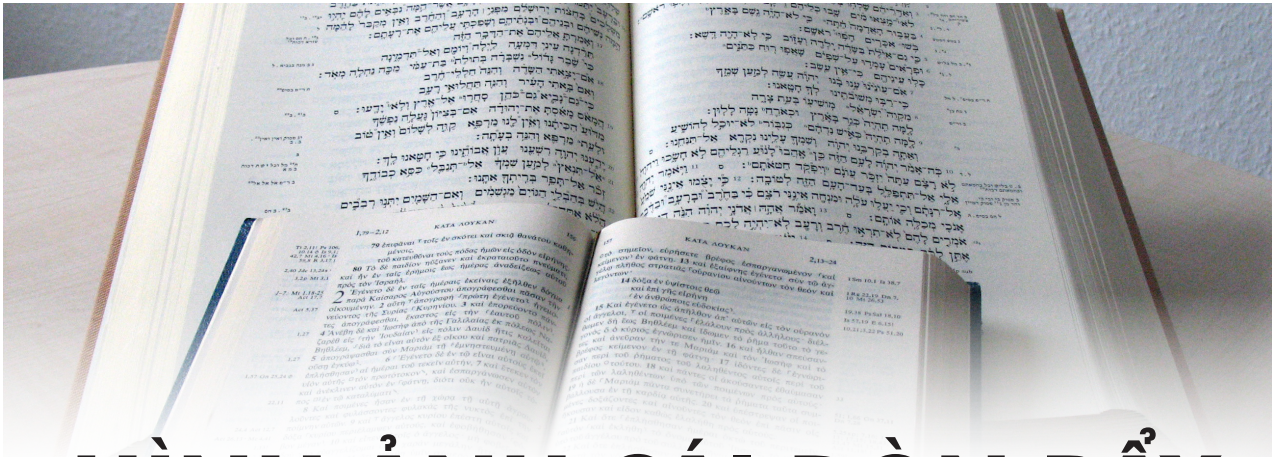
Đó chính là sứ mạng Đại thừa mà con người đạo đức đã nhận lãnh, thì không thể mãi là con chim sẻ trong khu vườn nhỏ, con cá chép trong lòng sông hẹp.

*Sứ mạng thiên ân tua gấn bó,  
Nên ta, nên Đạo, mới nên người.<sup>2</sup>*

Sứ mạng Đại thừa đương nhiên là “Sứ mạng Thiên ân”. Những ai cảm nhận được Thiên ân mới có Quyền pháp Đạo. Có Quyền pháp Đạo mới thực hiện được và hoàn thành được sứ mạng Đại thừa. Người nhân viên Cơ Quan đã được Ôn Trên dạy bảo, nhắc nhở nhiều lần về điều trọng yếu đó.■

1. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 29-12 Mậu Ngọ (27-01-1979).

2. Sđd, bài thất ngôn bát cú của Đức Giáo Tông.



# HÌNH ẢNH CÁI ĐÒN BẢY trong sứ mạng hành đạo

■ ĐỨC GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO THÁI BẠCH KIM TINH

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO, 03-5 BÍNH DẪN.

THI

*Sứ mạng GIÁO dân trước sửa mình,*

*Nêu cao TÔNG chỉ vị nhân sinh,*

*Muốn cho ĐẠI chí mau thành tựu,*

*Tâm diện ĐẠO nhưn phải lưỡng bình.*

Mừng chư hiền đệ hiền muội. Bản Đạo đến hôm nay để tiếp tục cùng chư đệ muội trên đường sứ mạng. Miễn lễ đồng an tọa. (...)

Bản Đạo cũng nêu lên một ý đạo về cái đòn bảy trong sứ mạng hành đạo để chư đệ muội thử suy gẫm.

Này chư đệ muội!

Chúng sanh nhân loại là điểm cản.

Các đạo sự là điểm tựa.

Hàng Thiên ân là điểm động.

Nếu thiếu một trong ba thì không gọi là đòn bảy.

Còn hành đạo cũng thế, nếu thiếu một trong ba thì người Thiên ân không hoàn thành được sứ mạng.

Ngày xưa các bậc chức sắc, chức việc trình

độ giác ngộ còn giới hạn, nên các Đấng Thiêng Liêng thường dạy hành đạo:

- để lập công bồi đức,
  - để Cửu Huyền Thất Tổ được siêu thăng,
  - để có phước đức cho mình.
- Đó là vị kỹ còn luân hồi.

Ngày nay, hàng Thiên ân chúc việc có khả năng tu tiến cao hơn, biết ý thức được đạo lý thâm sâu hơn, nên Thiêng Liêng thường dạy phải xả thân để phụng sự, đó là vong kỹ, là giải thoát.

Tuy nhiên, xét tường tận hơn thì nào phải vong kỹ, bởi vì chư Thiên ân xả thân để phụng sự cho ai? – cho chúng sinh, nhân loại, mà chính chúng sinh nhân loại là điểm cản, phụng sự là điểm tựa, chư Thiên ân là điểm động. Nếu không có điểm cản, không có điểm tựa thì chư Thiên ân lấy chi mà hành đạo, hành đạo cho ai, và làm sao để hoàn thành sứ mạng mà trở về ngôi xưa vị cũ.

Chư Thiên ân rất may mắn gặp Tam Kỳ đại ân xá, các Đấng Thiêng Liêng tạo điều kiện, dụng đó, vừa làm tròn sứ mạng phục vụ nhân sinh, vừa lập ngôi vị thiêng liêng ở ngày mai.

Đừng bảo hành đạo vì Thầy, vì Đạo, vì nhân sinh, thật ra là vì mình đó. Nhưng vì mình một cách tinh vi, vô cố, vô chấp. Nếu không Đạo, không Thầy, không chúng sinh thì chư hiền cầm đòn lấy chi mà bầy, và có ai để mà bầy. Cười... Cười (...)

Bản Đạo ban ơn lành chư hiền đệ, hiền muội. Chư hiền đã hết lòng vì Thầy vì Đạo trong hoàn cảnh khó khăn này, đó là một kỳ công lớn cho hành giả. Càng nhiều khó khăn thử thách mới thấy được tâm chí vững bền của hành giả trên đường sứ mạng, luôn luôn có Bản Đạo bên chư hiền đệ muội.

Ban ơn chư đệ muội, Bản Đạo già từ. Thăng.

### **THẾ NÀO LÀ SỨ MẠNG LỊCH SỬ?**

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, HỘI THỜI, 11-8  
BÍNH DẪN.

GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO THÁI BẠCH KIM TINH. Bản Đạo mừng chư đệ muội.

Bản Đạo đến hôm nay để cùng chư đệ muội tiếp tục con đường sứ mạng. Vậy chư đệ muội đồng an tọa chú ý nghe Bản Đạo dạy.

Này chư đệ muội! Cơ Đạo hiện nay lâm vào tình trạng bế tắc. Lý do cộng nghiệp<sup>1</sup> chúng sanh dầy dẫy mà chư môn đệ của Đức Thượng Đế còn non tài kém đức và khả năng công phu đạo hạnh chưa đủ sức giải trừ<sup>2</sup> để cơ Đạo vươn lên giai đoạn khai thông. Chư Thiên ân đệ muội phải nhận thức rõ ràng sứ mạng lịch sử của mình để hoàn thành sứ mạng Thiêng Liêng giao phó. Vậy thế nào là sứ mạng lịch sử? (...)

Tam Kỳ Phổ Độ là một giai đoạn quan trọng trên lịch sử diễn tiến của nhân loại trong kỳ Hạ nguơn. Đây là thời kỳ có một không hai trong quá trình tiến hóa tâm linh nhân loại vì được điểm phúc hồng ân lớn lao duy nhất Thượng Đế giáng trần lập Đạo cứu

độ và tận độ. Nhân loại cũng đang thời kỳ tiến cơ mật kiếp, ác nghiệp chông chất bao đời cũng đến hồi tác động với muôn vàn tai họa khủng khiếp. Sự chênh lệch cách xa, một bên trí năng<sup>3</sup> phát minh khoa học và một bên đạo đức lương tri, tạo nên tai họa khủng hoảng mờ mịt không lối thoát. Hoàn cảnh lịch sử, thời điểm lịch sử, phải có giải pháp lịch sử, sứ mạng lịch sử và tất nhiên con người sứ mạng lịch sử. Điều này có nghĩa cụ thể là trong giai đoạn lịch sử này không làm tròn sứ mạng có một không hai thì vĩnh viễn không còn cơ hội nào khác để thực hiện cả. Đó là điều mà chư Thiên ân đệ muội phải tâm tâm niệm niệm xét suy cho thấu đáo.

Chắc nghe đến đây chư Thiên ân đệ muội sẽ tự hỏi: Thế làm gì bây giờ? (...)

Theo Bản Đạo thì hãy tự đặt câu hỏi là mình đã làm chưa và làm được gì rồi. Vì đường lối, phương pháp Ôn Trên đã nhiều lần dạy bảo và kế hoạch từng năm cũng đã dạy; giờ chỉ chủ yếu thực hành, thi hành tích cực, có phương pháp, có quy trình<sup>4</sup>, chia từng việc từng phần.

Nhìn chung toàn nền Đạo hiện nay chỉ có Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý có nhiều công phu tu học, nghiên cứu và đóng góp tích cực xây dựng giáo lý Đạo trong tương lai. Lại nên chư Thiên ân đệ muội nắm chắc hai phần việc:

– Trước nhất là nghiên cứu giáo lý Đạo theo chiều sâu và chiều rộng.

– Phần nữa là công phu, lập hạnh, vừa công phu tịnh luyện vừa bồi công lập đức.

Tóm lại, đó là hai lãnh vực trí năng và đạo hạnh:

– Trí năng để thuyết minh giáo lý soi sáng cho người tu học, cho mọi người, mọi tầng lớp, mọi nơi, mọi dân tộc và mọi trình độ văn minh.

1. cộng nghiệp: Nghiệp chung của tất cả mọi người (collective karma). Đối lập với cộng nghiệp là “biệt nghiệp”, nghiệp riêng của từng người (individual karma).  
2. giải trừ: Làm cho không còn tác dụng; vô hiệu hóa.

3. trí năng: Năng lực hiểu biết và suy nghĩ.

4. quy trình: Thứ tự các bước phải tuân theo để tiến hành một công việc.



– Đạo hạnh để thể hiện cụ thể tôn chỉ giáo lý Đạo làm gương mẫu cho nhân sanh. Sống nếp sống đạo trong sinh hoạt hàng ngày, nhất nhất đều thể hiện lý đạo.

Chư Thiên ân đệ muội hãy làm thế nào cho giáo lý Đạo có một căn bản lý luận vững chắc, khoa học và khai triển sâu rộng mọi mặt. Giải đáp các vấn đề then chốt của triết lý siêu hình, hiện đại khoa học, v.v. Các việc này có tầm mức vô cùng quan trọng, vì muốn độ người phải có trí thức siêu việt hơn đời, phải ưu thế hơn trên mặt trí năng tư tưởng. Nhưng Đạo là lẽ sống, là hạnh phúc nên phải thể hiện cụ thể chân lý cao siêu ấy trong mỗi người qua nếp sinh hoạt hằng ngày, tác phong đạo hạnh thuyết phục mọi người chung quanh để cảm dễ phục, vừa lành vừa hay, vừa ích lợi vừa chân thật, đó là những yếu tố quan trọng tiến đến thành công trong lãnh vực tâm lý xã hội.

Chư Thiên ân đệ muội hãy là một Thích Ca, Khổng Tử, Jésus của thời đại mới mong thực hiện sứ mạng lịch sử cơ đạo Kỳ Ba.

#### THI BÀI

1. *Giáo lý Đạo vô vàn sâu rộng,  
Khắp thế gian chứa đựng khôn cùng,  
Hãy đem mắt huệ mà trông,  
Chỉ cho nhân thế con đường siêu sinh.*
2. *Kìa bé nhỏ hạt nhân nguyên tử,  
Vẫn chuyển nhanh trật tự rành rành,  
Muôn loài muôn vật trong trần,  
Lớn như vũ trụ, tinh vân<sup>6</sup> cũng đồng.*
3. *Ai khéo vẽ hạt nhân quỹ đạo<sup>7</sup>,  
Ai đặt bày cơ Tạo<sup>8</sup> xoay vẫn?*

5. hạt nhân nguyên tử: Nguyên tử là phần tử nhỏ nhất của một nguyên tố, bao gồm hạt nhân ở giữa và một hay nhiều electron chung quanh. Hạt nhân là phần trung tâm của nguyên tử.

6. tinh vân: Vệt sáng mờ mờ trên bầu trời ban đêm được tạo nên do ánh sáng của những cụm sao mờ dày đặc hoặc của những đám khí lẫn bụi phát sáng trong vũ trụ.

7. hạt nhân quỹ đạo: Quỹ đạo của hạt nhân. Trong quá trình chuyển động, hạt nhân vạch ra một đường; đường này gọi là quỹ đạo.

8. cơ Tạo: Máy Tạo Hóa. Sự vận chuyển tự nhiên trong vũ trụ. Cơ Tạo hay máy Tạo đồng nghĩa với Đạo.

*Thiên điều quy luật công bằng,  
Thông linh kỳ diệu quyền năng của Trời.*

4. *Trong muôn vật loài người linh tánh,  
Đặc biệt là có đặng tự do,  
Tự do thì phải biết lo,  
Tìm đường siêu thoát chớ dò theo ma.*
5. *Trong nhân giới<sup>9</sup> Đạo là quy luật,  
Tiêu chuẩn là đạo đức chí nhân<sup>10</sup>,  
Khuyến đời giác ngộ lẽ chân,  
Khuyến người đốc chí ăn năn làm lành.*
6. *Đem tư tưởng đấu tranh tư tưởng<sup>11</sup>,  
Mượn tinh tâm<sup>12</sup> nuôi dưỡng thiện tâm,  
Hằng ngày hằng khắc<sup>13</sup> lo chăm,  
Vun chồi tâm đạo diệt mầm cỏ hoang.*
7. *Lý đơn giản vài hàng ngắn gọn,  
Nói cho người chấp nhận thật gay<sup>14</sup>,  
Muôn vàn học thuyết giải bày<sup>15</sup>,  
Cốt sao tâm phục mới hay độ người.*
8. *Đạo hạnh phải rạng ngời chính khí<sup>16</sup>,  
Tác phong luôn giữ thể khiêm cung,  
Chí thành, chân thật, khoan dung,  
Khuyến đi nhắc lại dày công cũng thành.*
9. *Phép dẫn đạo<sup>17</sup> tâm thanh<sup>18</sup>, ngôn hạnh<sup>19</sup>,  
Tiếp giao<sup>20</sup> người biết tánh hiểu tình,*

9. nhân giới: Cõi người ta.

10. chí nhân: Có lòng nhân đến cực điểm.

11. Đem tư tưởng đấu tranh tư tưởng: Dùng tư tưởng đạo đức, tốt lành để gạt rửa tư tưởng trái đạo đức, xấu xa.

12. tinh tâm: Tâm phẳng lặng, không bị mọi tình cảm chi phối.

13. khắc: (1) Một phần tư của một giờ. (2) Cũng có nghĩa một phần sáu của một ngày (không kể đêm). Thí dụ: đêm năm canh, ngày sáu khắc. Khi nói “hàng giờ hàng khắc” thì dùng khắc theo nghĩa (1). Khi nói “hàng ngày hàng khắc” thì dùng khắc theo nghĩa (2).

14. thật gay: Thật là khó khăn.

15. giải bày: Nói ra cho hết để người khác hiểu rõ ràng, trọn vẹn.

16. chính khí: Khí hạo nhiên, hạo nhiên chi khí. Chí khí khảng khái, bất khuất, mạnh mẽ, to lớn mà Trời phú cho con người.

17. dẫn đạo: Chỉ dẫn đường lối. Dẫn dắt người vào đạo, chỉ lối cho người biết tu.

18. tâm thanh: Lòng trong sáng, không dục vọng.

19. ngôn hạnh: Lời nói hòa ái, đạo đức

20. tiếp giao: Giao tiếp. Trao đổi, tiếp xúc với nhau.

*Làm cho thấm thiết chị anh,  
Đức tin, ân điển sẽ thành đạo tâm.  
Bản Đạo dạy bao nhiêu, chư đệ muội ghi nhớ  
(...) Bản Đạo ban ơn lành chư đệ muội. Thăng.*

### **HÃY DỪNG TRÍ TUỆ TẬP THỂ VÀ SỰ TU CHỨNG CỦA MỖI NHÂN VIÊN CƠ QUAN**

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 01-12 BÌNH DẪN.

THI

*Muốn ra GIÁO hóa phải nên trò,  
Muốn đạt chơn TÔNG Lão chỉ cho,  
Muốn được ĐẠI thừa xong sứ mạng,  
Thì đường chơn ĐẠO phải siêng dò.*

(...)

Này chư hiền đệ muội! Mục đích và đường lối của Cơ Quan không phải là so hàng với các chi phái và tôn giáo khác, cũng không phải để cạnh tranh việc làm của chi phái và các tôn giáo khác, mà mục đích và đường lối của Cơ Quan là hạt nhân, là gieo chủng tử Tam Kỳ Phổ Độ để gây ý thức quyển pháp và thế nhơn hòa Đại Đạo cho thiên hạ hầu xây dựng cõi đời Thượng ngươn Thánh đức, nhân loại hòa bình, càn khôn ổn định.

Muốn thực hiện được những điều trên thì ngay bây giờ, Cơ Quan hãy trang bị cho mình một số hành trang cơ bản để khi thời cơ đến, thế giới cần hỏi đến cương lĩnh Đại Đạo thì chư đệ muội khỏi phải bối rối.

Điều quan trọng nhất là nhân sự, hãy đặt trọng tâm vào các mầm non, nhất là các Giáo sĩ, kể đến hãy dùng trí tuệ tập thể và sự tu chứng của mỗi nhân viên trong Cơ Quan để thi hành các vấn đề mà Bản Đạo đã dạy trong các đàn trước. Chư hiền đệ muội hãy dốc tâm rồi Bản Đạo sẽ chỉ dẫn thêm.

### **SỨ MẠNG CỦA CƠ QUAN TRỌNG ĐẠI VÀ GIAN KHỔ**

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO, 25-3 ĐÌNH MÃO.

THI

*Thế sự thăng trầm LÝ tự nhiên,  
Hành nhân đâu núng ĐẠI tâm điển,*

*Chỉ e chẳng lúc TIÊN hoa chủng,  
Nào ngại không bồi TRƯỜNG quả duyên.  
Giác ngộ cận ưu mầu GIÁO hóa,  
Thức thời viễn lự pháp TÔNG truyền,  
Phải nuôi ĐẠI chí hàng Thiên sứ,  
Mới rõ ĐẠO cao ánh diệu huyền.*

(...) Cơ Quan là bộ máy sau cùng của Đại Đạo, Đại Đạo xây dựng đời Thượng ngươn Thánh đức, phụng sự nhân loại. Thế nên, sứ mạng của Cơ Quan trọng đại và gian khổ.

– Trọng đại: Nên mỗi một chức vụ trong Cơ Quan dù lớn hay nhỏ đều phải luôn luôn hướng thượng mới xứng với sứ mạng của nó.

– Gian khổ: Để làm bài thi trong trường tiến hóa. Bài thi này có hệ số điểm rất cao dành cho hàng thức giả nào tự nhận chiếc áo Thiên ân để tu nhất kiếp ngộ nhất thời.

Cũng bởi sứ mạng trọng đại và nhiều gian khổ này nên đòi hỏi mỗi nhân viên chức vụ phải hội đủ Tâm, Hạnh, Đức, Tài. Muốn được thế, đạo đức phải thuần chơn, đạo tâm phải chuyên nhất, đạo hạnh phải viên dung. Đó là những điểm cần yếu phải có ở người chức vụ nhân viên.

THI

*Chiếc áo Thiên ân nguyện mặc vào,  
Hãy vì trách vụ được ban trao,  
Không vì chức vụ danh huyền hảo,  
Còn quý báu hơn chiếc cẩm bào.*

Vậy trong niên trình mới này, chư đệ muội, những việc đã nêu trong kế hoạch hành đạo mà chưa làm thì hãy làm, những việc dở dang hãy cố gắng hoàn thành, những việc đang tiến bộ, hãy nuôi dưỡng và phát triển thêm hơn.

Về nội tình nội bộ, hãy lấy tình thương vong kỹ vị tha đối đãi với nhau để con thuyền cứu độ được xuôi dòng. (...)

THI

*Đạo sự muôn dòng rất ngổn ngang,  
Hỡi hàng Thiên sứ hiệp chung bàn,  
Sao cho sứ mạng mau hoàn mỹ,  
Xứng đáng con yêu Đức Ngọc Hoàng.  
Ban ơn chư đệ muội, Bản Đạo già từ. Thăng.■*

# T ừ THIÊN QUAN TỨ PHƯỚC đến SỨ MẠNG THIÊN ÂN

## ■ THIỆN CHÍ



Năm 1965, Đức Chí Tôn ban ơn cho thành lập và khai mạc Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý vào ngày Rằm tháng Giêng là ngày lễ Thiên Quan Tứ Phước, Thầy ban Thánh huấn:

“NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ KIM VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG, THẦY các con. Thầy mừng các con.

Hỡi các con! Thầy đã chọn ngày Thiên Quan Tứ Phước mở Văn Phòng để các con nhờ hồng ân của Thầy mà lập công với Đạo. Thầy cho phép các con an tọa, nghe Thầy dạy đây.

Hỡi các con! Đời càng loạn, đạo càng phải trị, lấy tĩnh mà chế động. Đó là phương pháp của đạo cứu đời. Với cơ đạo hiện giờ, thử hỏi các con có việc làm nào để xứng đáng với chức vụ ấy chưa?

Các con là những điểm linh quang của Thượng Đế phát sanh, đến ngày nay, bao nhiêu cuộc biến chuyển trước mắt các con, tức nhiên mỗi đứa đều phải có ý thức làm sống dậy trách nhiệm trước cơ đạo cũng như cơ đời.

[...] Trước hiện tình đặc biệt ngày nay, nhiệm vụ các con rất cần hơn lúc nào hết. Con không còn tìm ăn những bánh vẽ và trao bánh vẽ cho kẻ khác cùng ăn; mà con phải ăn một thức ăn tinh thần và mọi người đều thọ hưởng thức ăn tinh thần ấy, để có đủ năng lực sáng suốt, ngô hầu đối phó với mọi hoàn cảnh hiện tại và xây đắp lại nền tảng giáo lý vững chắc ở tương lai.

Thời gian không còn cho phép các con làm những bài thí nghiệm nữa.”<sup>1</sup>

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Đinh Tỵ (04-3-1977).

## I. TÌM HIỂU Ý NGHĨA “THIÊN QUAN TỬ PHƯỚC”

### A. TỪ NGỮ:

#### THIÊN 天

1: Bầu trời.

2: Cái gì kết quả tự nhiên, sức người không thể làm được gọi là “thiên”. Như “thiên nhiên” 天然, “thiên sinh” 天生, v.v.

3: Nhà tôn giáo gọi chỗ các thần linh ở là “thiên”. Như “thiên quốc” 天國, “thiên đường” 天堂, v.v.

#### QUAN 官

1: Chức quan, mỗi người giữ một việc gì để trị nước gọi là “quan”.

2: Ngôi quan, chỗ ngồi làm việc ở trong triều đình gọi là “quan”.

3: Công, cái gì thuộc về của công nhà nước gọi là “quan”, như “quan điền” 官田 ruộng công.

#### TỬ 賜

1: Cho, trên cho dưới gọi là “tử”.

2: Ôn, như “dân đáo vu kim thụ kỳ tử” 民到于今受其賜 (Luận ngữ 論語) dân đến bây giờ vẫn còn được chịu ơn.

#### PHƯỚC = PHÚC 福

1: Phúc, những sự tốt lành đều gọi là “phúc”. Kinh Thi chia ra năm phúc: (1) Giàu có (Phú quý) (2) Yên lành (Khang ninh) (3) Trường thọ (4) Có đức tốt (Hảo đức) (5) Vui hết tuổi trời (Thiện chung).

Quan điểm “ngũ phúc” xuất phát từ sách cổ “Thượng thư – Hồng Phạm”.

Phúc thứ nhất là “trường

thọ”, phúc thứ hai là “phú quý”, phúc thứ ba là “khang ninh”, phúc thứ tư là “hảo đức”, phúc thứ năm là “thiện chung”. Cũng tức là thọ, phú, khang ninh, hảo đức, thiện chung.

Trường thọ là không đoán mệnh chết yếu mà khoẻ mạnh sống lâu; Phú quý là tiền tài giàu có và địa vị tôn quý; Khang ninh là thân thể khoẻ mạnh và tâm linh an ninh; Hảo đức là tính tình nhân từ lương thiện và khoan hậu bình tĩnh; Thiện chung là khi sắp kết thúc sinh mệnh, không bị tai nạn, thân thể không đau đớn vì bệnh tật, trong lòng không lo lắng và phiền muộn, an tường tự tại rời xa cõi nhân gian.

### B. NGUỒN GỐC 4 CHỮ “

#### THIÊN QUAN TỬ PHƯỚC”:

Trong bài thuyết minh giáo lý tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý vào một dịp Lễ Thiên Quan Tử Phước năm xưa, Đạo Trưởng Thiên Vương Tinh viết: “Ngày Rằm tháng Giêng cũng gọi là rằm Thượng Ngươn. (Phân biệt với Rằm tháng Bảy và tháng Mười là Rằm Trung Ngươn và Hạ Ngươn.)

Sách vở có khi gọi đầy đủ là Thượng Ngươn Tử Phước Thiên Quan Đại Đế Thắng Hội. (Tử Phước là ban phước. Thiên Quan là vị quan do Trời sai xuống. Đại Đế là tiếng tôn xưng một đấng thiêng liêng. Thắng Hội là lễ hội có tiếng hơn hết.)

Hay gọi là Thượng Ngươn

Thiên Quan Thánh Đản. (Thánh Đản là ngày sinh, ngày vía một đấng thiêng liêng.)

Và thường gọi tắt là Thiên Quan Tử Phước. (Vị quan nhà Trời xuống trần gian chăm lo cho dân, ban bố mọi sự tốt lành cho dân chúng sống ấm no, hạnh phúc.)

Vị quan nhà Trời đó, theo huyền sử, là vua Nghiêu (2357–2255 trước Công Nguyên). Ngài được xưng tụng là Thiên Quan Tử Phước vì công đức Ngài ban rải cho chúng dân rất đỗi to tát. Sử chép rằng vua Nghiêu rất thương dân. Ngài nói: Thấy một người dân đói, ta thấy như là ta đói. Thấy một người dân rét, ta thấy như là ta rét. Thấy một người dân bị áp bức, ta thấy như là ta bị áp bức. Vua Nghiêu cho đặt trống và bảng trước triều đình. Hễ ai muốn



ĐẾ NGHIÊU, TRANH LỰA DO HỌA SĨ MÃ LÂN THỜI NHÀ TỐNG THỰC HIỆN. HIỆN CÒN LƯU GIỮ Ở BẢO TÀNG CỔ CUNG QUỐC LẬP, ĐÀI BẮC.

can gián khuyến cáo nhà vua thì tới đó đánh trống xin vào triều kiến, hoặc là viết lời gián nghị dán lên bảng.

Đọc Nghiêu Điển (một thiên dài trong Kinh Thư ghi chép sự việc thời vua Nghiêu), ta thấy người xưa khen sáu đức Khâm, Minh, Văn, Tú, Cung, Nhượng của vua Nghiêu đạt tới mức cực thịnh. Nghĩa là Ngài có tài trí, thông minh, sáng suốt, văn vẻ, đức hạnh, ý tứ, suy nghĩ sâu xa thấu lẽ, phân biệt chân giả, phân tách sự lý, thông hiểu được chí hướng của thiên hạ, làm nên việc cho thiên hạ, ban ơn đức rộng trùm bốn biển, cao thì lên tới tận trời, thấp thì trải khắp cùng mặt đất...”<sup>2</sup>

[“Kinh Thư”, chương Nghiêu điển: “Đế Nghiêu viết: phóng huân, khâm, minh, văn, tú, an an, duẫn cung, khắc nhượng, quang bị tú biểu...”]

Nghĩa là: “Vua Nghiêu xưa có công rất lớn, cung kính, thông minh, văn nhã, ý tứ, mềm mỏng, hay kính, hay nhường, đức sáng của Người tỏa khắp bốn cõi.”

Đó là đoạn ca ngợi vua Nghiêu, một ông vua huyền thoại cách nay trên 4000 năm trong lịch sử Trung Quốc.]

Trong thư tịch cổ, Đường Nghiêu thường được ca tụng là một vị vua tài giỏi và đạo đức, lòng nhân từ và sự cần cù của

ông được coi là kiểu mẫu cho mọi bậc Đế vương khác của Trung Quốc. Buổi ban đầu lịch sử Trung Hoa, ba gương mặt sáng suốt, Nghiêu, Thuấn và Vũ rất thường được đề cập tới

Theo truyền thuyết, vua Nghiêu lên ngôi khi 20 tuổi, qua đời ở tuổi 119 và ông truyền ngôi cho vua Thuấn, người được ông gả cho hai cô con gái từ trước. Trong nhiều cống hiến của mình, vua Nghiêu được cho là đã phát minh ra cờ vây.

Truyền thuyết “Sào Phủ Hứa Do” là một chuyện đời vua Nghiêu. Nhân vật Bàn Tổ cũng được cho là một nhân vật của thời vua Nghiêu.

Việc Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn chứ không truyền ngôi cho con là Đan Chu thường được sử sách đời sau xem là tấm gương mẫu mực của việc chọn người tài đức chứ không vì lợi ích riêng tư của dòng họ.

Các vua Việt Nam cũng dùng Nghiêu Thuấn là mẫu mực cho việc cai trị. Bên trong điện Thái Hòa (thành nội Huế), ngay trên ngai vua có bài thơ:

Văn hiến ngàn năm dựng  
Núi sông vạn dặm xa  
Hong Bàng thưở lập quốc  
Nghiêu Thuấn vững sơn hà.

## II. VUA LÊ THÁNH TÔNG, VỊ THIÊN QUAN CỦA VIỆT NAM

### A. TIỂU SỬ:

Lê Thánh Tông (chữ Hán: 黎聖宗; 20-7 năm Nhâm Tuất 1442 – 30 tháng 1 năm Đinh Tỵ

1497), là vị Hoàng đế thứ năm của nhà Hậu Lê (tính cả Lê Bang Cơ và Lạng Sơn vương Lê Nghi Dân) trong lịch sử Việt Nam, trị vì từ năm 1460 đến 1497. Ông tên thật là Lê Tư Thành (黎思誠), còn có tên khác là Lê Hạo (黎灝). Ông nổi tiếng là vị minh quân, là người đã đưa Đại Việt lên tới thời hoàng kim của chế độ phong kiến. Ông cũng được xem là một nhà văn hoá và một người coi trọng hiền tài.

Trong lúc trị vì, Lê Thánh Tông đã đề xuất nhiều cải cách trong hệ thống quân sự, hành chính, kinh tế, giáo dục và luật pháp. Ngoài ra, ông đã tiến hành công cuộc Nam tiến, mở mang bờ cõi Đại Việt bằng cách đánh chiếm kinh đô của vương quốc Chiêm Thành (1471), sáp nhập một phần lãnh thổ Chiêm Thành vào Đại Việt; đồng thời có cuộc hành quân về phía Tây đất nước vào năm 1479.



TƯỢNG THỜ VUA LÊ THÁNH TÔNG TẠI VĂN MIẾU QUỐC TỬ GIÁM, HÀ NỘI.

2. Trích dẫn bài “Thiên Quan Tứ Phúc” của Đạo trưởng Thiên Vương Tinh.

Thụy hiệu do người kế vị ông, Lê Hiến Tông truy tôn là Sùng thiên Quang vận Cao minh Quang chính Chí đức Đại công Thánh văn Thần vũ Đạt hiếu Thuần hoàng đế.

## **B. ĐẠO NGƯỜI CỦA LÊ THÁNH TÔNG**

Thế giới quan Nho giáo là cơ sở để Lê Thánh Tông trình bày những quan niệm về “Đạo người”.

(...) Những phẩm chất con người được Lê Thánh Tông đề xuất, căn cứ đầu tiên vào phẩm chất kẻ sĩ. Ông tập trung vào một số phạm trù chính của Nho gia truyền thống để diễn đạt hệ thống đạo đức, bao gồm: Nhân, lễ, nghĩa, trí, dũng, trung, chính, trực, cung, khoan... Trong đó, vượt lên trên và bao trùm tất cả là đức Nhân. [...]

Lê Thánh Tông quan niệm “Nhân” gắn gũi với đời sống xã hội, với tâm hồn, tình cảm của người dân Đại Việt. Ông còn chủ trương xây dựng hệ thống pháp luật mà ở đó nguyên tắc nhân đạo cũng được tính đến như một nguyên tắc quan trọng.

Chẳng hạn đàn bà phạm tội không phải chịu “trượng hình” (đánh bằng trượng) mà chỉ phải chịu “xuy hình”(đánh bằng roi); đàn bà chịu tội “lưu hình”(đi đày) không phải đeo xiềng như đàn ông. (Điều 1, chương Danh lệ). Điều 16, 17, chương Danh lệ có những quy

định khoan hồng với người già và trẻ em, người có hoàn cảnh đáng thương hoặc có tài năng đáng tiếc. Ngoài ra, nguyên tắc nhân đạo còn áp dụng đối với người phạm tội ra tự thú, được tha tội hoặc giảm tội, trừ những tội thập ác (Điều 18, 19, chương Danh lệ).

Với tư cách là vua một nước, ông còn làm riêng một bài thơ răn mình:

*Lòng vì thiên hạ những sơ âu  
Thay việc trời, dám trề đầu  
Trống đời canh còn đọc sách  
Chiêng xế bóng chữa thôi châu  
Nhân khi cơ biến xem  
người biết*

*Chúa thuở kinh quyền xét  
lẽ màu*

*Mượn biểu áo vàng chằng  
có việc*

*Đã muôn sự nhiệm trước  
vào tàu.*

(TỰ THUẬT)

Lê Thánh Tông cho rằng dù đã học hết Tứ thư Ngũ kinh, thấu hiểu đạo lý rồi nhưng lòng chưa thành tâm thật ý, trước sau như một thì vẫn không thể hành đạo được: “Nghiên ngẫm chín kinh đã hiểu thấu đạo lý/ Sở dĩ thực hành được là ở lòng chí thành” (Giang hành ngẫu thành – kỳ nhị). Bên cạnh đó, “Cung, khoan, tín, mẫn, huệ” là những đức tính bổ trợ, có tác dụng làm cho mọi việc được trôi chảy, thông suốt. Đây là những phẩm chất cụ thể gắn liền với mỗi hành vi đạo đức của con người.

Lê Thánh Tông viết: “Tiếp đãi kẻ dưới cung kính thì con đường đi sáng sủa hanh thông.” (Văn minh cổ xúy thi tập bài thứ 5). Ông tuy làm vua nhưng vẫn giữ được sự gần gũi với dân, thương dân; âu cũng thể hiện nếp khiêm nhường của đấng chí tôn và cũng là lòng nhân vậy.

*Thấy dân rét muốt nghĩ  
mà thương,*

*Vậy phải lên ngôi gỡ mối  
giường.*

*Tay ngọc lần đưa thoi nhật  
nguyệt,*

*Gót vàng dận dận máy âm  
duơng.*

(ĐỆT CỬI)

Lê Thánh Tông là một ông vua đặc biệt yêu mến người hiền tài. “Hiền tài là nguyên khí quốc gia”, câu nói nổi tiếng này là của vị Tiến sĩ triều Lê, Phụng trực đại phu, Hàn lâm viện thừa chỉ, Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, vâng mệnh vua Lê Thánh Tông soạn bài ký cho tấm bia Văn Miếu tại Quốc Tử giám, cách đây 530 năm (1484–2014). Ông đã khẳng định vai trò của nhân tài trong việc hưng thịnh đất nước: “Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thì đất nước mạnh và càng lớn lao, nguyên khí suy thì thế nước yếu mà càng xuống thấp. Bởi vậy các bậc vua tài giỏi đời xưa, chẳng có đời nào lại không chăm lo nuôi dưỡng và đào tạo nhân tài, bồi đắp thêm nguyên khí.”

## C. CÔNG ĐỨC LỚN CỦA

### LÊ THÁNH TÔNG:

#### 1. Nhà văn hóa Lê Thánh Tông trên phương diện tự thân

Năm 1495, Hội Tao Đàn ra đời do đích thân Lê Thánh Tông làm nguyên sứ, gồm 28 “ngôi sao thơ” (nhị thập bát tú) như: Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận, Ngô Luân, Ngô Hoán, Nguyễn Xung Xác...

#### 2. Nhà văn hóa lớn Lê Thánh Tông trên cương vị một đệ nhất minh quân trị bình thiên hạ

– Lựa chọn, xây đắp cho đất nước một học thuyết làm nền của sự phát triển.

– Sử dụng hiền tài trong công cuộc “Trị bình thiên hạ”.

– Chăm lo phát triển giáo dục và mở rộng kiện toàn chế độ thi cử.

– Chăm lo xây dựng luật pháp cho công cuộc trị bình thiên hạ.

– Bênh vực nữ quyền.

– Thành lập Hội Tao Đàn, tạo không khí văn chương cho đất nước.

### QUÂN SỰ

Hoàng đế Lê Thánh Tông ra sắc chỉ đầu tiên là chỉnh đốn lại quân đội, đồn đốc và thực hiện các bước để tăng cường các khả năng chiến đấu của các vệ quân năm đạo.

Theo các sử gia, thì vũ khí quân sự dưới thời Lê Thánh Tông đã có những tiến bộ vượt bậc.

### HÀNH CHÍNH

Lên nắm triều chính, Lê Thánh Tông nhanh chóng chấm dứt tình trạng chia rẽ của triều đình. Ông làm việc không biết mệt mỏi, làm gương cho các quan lại. Lê Thánh Tông khẩn trương tổ chức củng cố và xây dựng nền hành chính Đại Việt mạnh mẽ, táo bạo.

Dưới thời Lê Thánh Tông, các quan chỉ được làm việc tối đa đến tuổi 65 và ông bãi bỏ luật cha truyền con nối cho các gia đình có công – công thần. Ông tôn trọng việc chọn quan phải là người có tài và đức.

### KINH TẾ

Hoàng đế Lê Thánh Tông còn đặc biệt quan tâm các chính sách nhằm phát triển kinh tế như: sửa đổi luật thuế khóa, điền địa, khuyến khích nông nghiệp, mở đồn điền, kêu gọi người phiêu tán về quê, đặt ra luật quân điền chia đều ruộng đất cho mọi người.

Những nỗ lực nhằm xây

dựng phát triển Đại Việt của Lê Thánh Tông đã được kiểm chứng qua các bài chiếu, chỉ dụ do ông trực tiếp chấp bút và ban bố, như Chiếu khuyến nông, Chiếu lập đồn điền, Chiếu định quan chế, v.v.

### GIÁO DỤC

Cùng với việc xây dựng thiết chế mới, Lê Thánh Tông đẩy mạnh phát triển giáo dục, đào tạo nhân tài. Ngoài Hàn lâm viện, Quốc sử viện, nhà Thái học, Quốc Tử Giám là những cơ quan văn hóa, giáo dục lớn, Lê Thánh Tông còn cho xây kho bí thư chứa sách, đặc biệt đã sáng lập Hội Tao Đàn bao gồm những nhà văn hóa có tiếng đương thời mà Lê Thánh Tông là Tao Đàn chủ soái.

Dưới thời ông, việc thi cử và học tập thường xuyên và rất nhiều tiến sĩ và trạng nguyên đỗ đạt và thành danh. Ông khởi xướng lập bia Tiến sĩ và tiến hành cho dựng để ghi danh, tôn vinh những người tài và đức của dân tộc Đại Việt ở Văn Miếu–Quốc Tử Giám và các thế hệ, các triều đình sau này tiếp tục bổ sung các tấm bia vinh danh mới.

### LUẬT PHÁP

Bộ Quốc triều hình luật của nhà Hậu Lê đã được hoàn thiện trong thời Lê Thánh Tông, nên còn được gọi là Luật Hồng Đức. Với bộ luật này, Đại Việt đã hình thành một nhà nước pháp quyền sơ khởi và thuộc loại sớm trên thế giới.

Lê Thánh Tông đã lấy



những quan điểm của Nho giáo làm hệ tư tưởng, chỉ đạo việc biên soạn, ban hành luật pháp, nhằm thể chế hoá một nhà nước phong kiến Đại Việt, với truyền thống nhân nghĩa, lấy dân làm gốc.

Bộ luật Hồng Đức được lưu lại đến ngày nay bao gồm 13 chương với 700 điều.

Thế nên, qua khảo cứu và nhận định của các nhà sử học, văn học, Nho học, chúng ta có thể tôn vinh Vua Lê Thánh Tông là một “Thiên quan tứ phúc” của Đại Việt trước kia và Việt Nam ngày nay.

### III. ĐỊNH HƯỚNG “THIÊN QUAN TỨ PHƯỚC” TRONG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

#### A. ĐẠO HỌC CHỈ NAM:

“Mọi sinh hoạt đều đưa con người vào đường Tiến hóa, mới chính là việc phải nghĩ đến trước hết,

“– Hạnh phúc có phải là cái yên vui riêng của bản thân con người?

“– Câu nói hẹp hòi này sẽ đưa con người đến hố sâu tiêu diệt. Hạnh phúc vĩnh cửu là vô ưu vô phiền não. Chính trong cái vô ưu vô phiền não sẽ chứa đựng như bầu trời bát ngát bao la. Những sự việc giả tạm, chỉ là lớp áo hạnh phúc, có chẳng nữa cũng theo thời gian mà phôi pha đi mất.

“[...] Con người phải nhìn nhận chúng sanh là chính mình trong ý nghĩa đại thể và con

người là nhân sinh cá biệt. Có như thế, sự quan sát nhân sinh sẽ không đi đến chỗ sai lầm và chủ quan thiên lệch.”<sup>3</sup>

#### B. ĐỨC CHÍ TÔN DẠY:

“Con ôi! Trên đời không có nỗi đau khổ nào bằng tay tự chặt lấy tay, mình tự hủy diệt mình. Muốn tránh nỗi khổ đó, các con hãy học lòng Tạo Hóa bao la vô biên, vô lượng mà ở đời. Từ ngôn ngữ, hành động, tư tưởng cố tránh được oan nghiệt. Sự thường phạt đã có luật nhân quả thừa trừ chí công vô tư, các con đừng dại dột gây thêm nhân, tạo thêm nghiệp nữa. Các con hàng Thiên ân trong Đại Đạo hãy dốc chí làm gương mẫu của sự thương yêu thì quyền pháp Đại Đạo mới trọn tay thực hiện được. Cộng với công phu tu luyện của các con đó là tu chứng của kết quả sau cùng trong trường tiến hóa của các con.”<sup>4</sup>

### IV. TỪ THIÊN QUAN TỨ PHƯỚC ĐẾN SỨ MẠNG THIÊN ÂN

– Sứ mạng Thiên ân:

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“Này chư hiền đệ hiền muội! Những gì đã được Đức Thượng Đế Chí Tôn cùng chư Phật Tiên Thánh Thần dạy từ mấy mươi năm qua, giờ

đây đã diễn tiến và diễn tiến cho đến khi nào kết quả trước công cuộc xây dựng đời thánh đức Thượng nguồn. Chư hiền đệ hiền muội là những người Thiên ân chúc sắc hướng đạo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đối với cuộc đời, sứ mạng thiêng liêng cao cả đã gắn liền với người được gọi là con cái đã chọn của Đức Chí Tôn, thì hơn bao giờ hết, người Thiên ân đã có quyền pháp đạo Thượng Đế bao trao để lèo lái thuyền từ qua biển khổ.”<sup>5</sup>

– Làm thế nào để nhận được Sứ mạng Thiên ân:

Đức Giáo Tông dạy trong một đàn Xuân:

“Hỡi nhân thế hãy nghe lời Ta phán,

Dân ý thị Thiên ý, một bầu chung xán lạn giữa quần sanh.

Hãy đoạn trái oan thì tánh mạng được an lành,

Nhân dục thị Thiên chi sở dục.

Lòng bác ái, đức háo sanh ấy thuận Thiên thành Đại Đạo.

Trên quăng đường hành đạo, người được xếp vào hàng Thiên ân quyền pháp, muốn hoàn thành sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ phải vừa tự độ vừa độ tha. [...] Nội tâm bình thản thì ngoại thể ung dung, có tác phong đạo hạnh để cảm hóa người đời. Hãy khắc kỷ phục lễ để nâng cao phẩm giá của người tu. Trải một thân mà độ

3. Đạo Học Chỉ Nam, Minh Lý Thánh Hội, Mục “Nhân sanh nhứt lý”.

4. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–01 Đinh Tỵ (04–3–1977).

5. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–3 Ất Mão (26–4–1975).



được ba thân; trải một lòng mà muôn lòng được vui, đó là vừa tự độ, vừa độ tha.”<sup>6</sup>

Đức Đông Lâm Tiên Trưởng dạy:

“Mở cửa Nam Thiên độ khách trần,  
Kỳ ba ân xá thoát mê tân,  
Xây đời thánh đức người an lạc,  
Trải lăm công phu mới vẹn phân.

Đạo là công cuộc vận hành từ trời đất đến vạn vật, từ hữu tướng đến vô hình. Chính con người là một cơ cấu trong mỗi đạo to tát ấy, nên chi con người được lãnh mạng Trời chấp chưởng vạn dân đắp xây nền móng cho xã hội an bình hạnh phúc, hay nhận lãnh sứ mạng giáo dân vi thiện, thoát vòng lụy đạo để tạo cảnh đời an hòa cực lạc, như các vị thánh xưa hay các nhà lãnh đạo quốc gia, lãnh đạo tôn giáo xưa nay. Biết được như vậy thì cá thể cũng như gia đình, gia đình cũng như xã hội quốc gia, xã hội quốc gia cũng như vũ trụ, hình thức tuy có khác, nhưng luật tắc điều hành có khác chi.”<sup>7</sup>

Thiên cơ thế sự định phân rồi,  
Chờ đợi con người đạo đức thôi,  
Cội cả mưa xuân khoe sắc thắm,  
Tàn cao nắng hạ vượt lừng trời.  
Hộc hồng chấp cánh muôn phương lộng,  
Kình ngạc vẫy vùng khắp biển khơi.  
Sứ mạng Thiên ân tua gắn bó,  
Nên ta, nên đạo, mới nên đời.”<sup>8</sup>

## V. KẾT LUẬN

Hôm nay, Rằm tháng Giêng Giáp Ngọ, với cảm hứng khí xuân hòa diệu, tình đồng đạo đồng sứ mạng ấm áp, xin mạn phép Đức Giáo Tông ngâm lại bài thơ khai bút “Để bút khai xuân của Ngài” để kết luận, đồng thời là món quà xuân kính tặng tất cả quý vị:

Tân niên để bút khai xuân,  
Hong ân chan rưới Thiên ân gọi nhuần.

6. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Giao thừa mừng 01-01 Đinh Tỵ (17-02-1977).

7. Đức Đông Lâm Tiên Trưởng, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Đinh Tỵ (25-11-1977).

8. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-12 Mậu Ngọ (27-01-1979).

Ánh xuân quang trập trùng bữa khắp,  
Hương xuân hòa vạn vật thắm tươi,  
Hoa xuân vẫn nở nụ cười,  
Thêm xuân rộn rã bước người Thiên ân.  
Xuân là để canh tân thế đạo,  
Xuân là mầm sáng tạo tương lai,  
Thâu tàng sanh trưởng ngày ngày,  
Phục nguyên đức cả an bài vạn sinh...”<sup>9</sup>

■

TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH ĐOẠN TRONG BÀI VIẾT:

- Đạo Học Chỉ Nam, Minh Lý Thánh Hội, Mục “Nhân sanh nhứt lý”.
- Thánh giáo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Đức Chí Tôn, Đức Giáo Tông Đại Đạo, Đức Đông Lâm Tiên Trưởng.
- Bài Thuyết minh giáo lý đề tài “Huyền nghĩa Thiên Quan Tứ Phước” của Đạo Trưởng Thiên Vương Tinh (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý)
- Tiểu sử Lê Thánh Tông, vi.Wikipedia.org
- Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập (3 volumes)
- Thơ Nôm Lê Thánh Tông, Kiều Văn, <http://newvietart.com/index4.924.html>
- Đạo Người của Lê Thánh Tông, [https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/'Đạo\\_người'\\_trong\\_thơ\\_Lê\\_Thánh\\_Tông](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/'Đạo_người'_trong_thơ_Lê_Thánh_Tông)■

9. Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Nhâm Tuất (08-02-1982).



# THIÊN QUAN TỨ PHƯỚC

## và hứa nguyện

# PHỤNG THỪA THIÊN LỆNH

■ XUÂN MAI

**N**gày Thiên Quan Tứ Phước năm Ất Tỵ (1965) được Đức Chí Tôn chọn để khai mạc Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý, bắt đầu chuyển hướng qua giai đoạn mới theo lời thỉnh cầu của Tam Giáo Tòa, đã là một ân phước lớn lao đối với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, mà hàng ngũ lãnh đạo, nhân viên là những người lãnh mạng Trời nhờ đó lập công với Đạo: làm nhíp cầu nối liền tình huynh đệ, làm sống dậy trách nhiệm trước cơ Đạo cũng như cơ đời, tri và hành theo chánh pháp của Đại Đạo, ngõ hầu đem Đạo vào đời, cải tạo xã hội, đem lại hạnh phúc cho nhơn sanh.

*“Hỡi các con! Thấy đã chọn ngày Thiên Quan Tứ Phước mở Văn Phòng để các con nhờ hồng ân của Thầy mà lập công với Đạo.”*

Đức Chí Tôn chọn ngày Thiên Quan Tứ Phước – ngày Đức Thượng Đế cho vị quan nhà Trời là vua Nghiêu (2357–2255 TCN) xuống trần gian ban bố mọi sự tốt lành cho dân chúng, chăm lo cho dân sống ấm no, hạnh phúc là muốn nhắc nhở nhân viên các cấp hãy cố gắng học tập hạnh đức Thánh nhân đời xưa, noi theo chí hướng của Thánh nhân, làm được công việc Thánh nhân đã làm.

Được lãnh mạng Trời lập công với Đạo chính là hàng Thiên ân sứ mạng đã thọ nhận sứ mạng và hứa nguyện:

*Con cúi xin phụng thừa Thiên lệnh,  
Dưới chơn Thầy phán định phát ban,*

1. Thiên Lý Đàn, 14–01 Ất Tỵ (15–02–1965).

*Dầu trong mọi cảnh khó khăn,  
Nguyện lòng đem hết sở năng thực hành.*<sup>2</sup>

Kỷ niệm ngày thành lập Cơ Quan vào ngày lễ Thiên Quan Tứ Phước cũng là để nhắc nhau thực hành lời nguyện ước phụng thừa Thiên lệnh: Thực hiện sứ mạng Cơ Quan bằng tất cả tâm thành, chí quyết, bằng tất cả sở năng, sở hữu, dầu bao khó khăn, muôn ngàn thử thách, nhưng luôn được vị Thiên Quan Tứ Phước Kỳ ba – Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Lý Thái Bạch dẫn dắt, hộ trì, đỡ nâng những Thiên ân sứ mạng chí thành vì Đạo, thọ lãnh trách vụ nơi Cơ Quan.

Chung tay góp sức thực hiện sứ mạng Cơ Quan chính là thực hiện sứ mạng của Đại Đạo: là sứ mạng cứu độ toàn thể và toàn diện con người được thể hiện trên 3 mục tiêu:

• **Phục hồi Nhân bản, xây dựng đại đồng nhân loại.**

Đại đồng nhân loại là một ước vọng của con người, là một lý tưởng của thế giới, cũng là mục tiêu của sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ. Bởi vì con người đã vô tình hay hữu ý đánh mất cái bản vị cao quý của chính mình. Con người không còn rung động trước những khổ đau của đồng loại, của người đối nghịch nên Thượng Đế phải khai mở cơ Cứu Thế Kỳ Ba. Để đạt được mục đích Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phải phục hồi nhân bản

2. Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Thiên Lý Đàn, 12–02 Bính Ngọ (04–3–1966).

cho toàn nhân loại, mà kế hoạch cụ thể chính là những nấc thang tu tiến trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Nhưng điểm đặc biệt quan trọng nhất trong sứ mạng phục hồi Nhân bản của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là khai thông mối liên hệ giữa Người và Trời. Bởi vì Nhân bản không chỉ là căn bản của nhân loại tính mà còn luôn hàm ẩn Thượng Đế tính trong con người.

Giáo lý Đại Đạo cảnh tỉnh con người trở về nhân bản bằng cách nhắc nhở đẳng cấp tiến hóa của con người là vạn vật tối linh và con người là một chủ thể đã tiến hóa qua vô lượng kiếp mới đạt đến địa vị gần với Trời, nhưng vẫn phải học hỏi, rèn luyện, phụng sự nhân sanh để tiếp tục tiến hóa đến tận cuối đường. Thế gian chưa phải là giai đoạn cuối cùng của con đường tiến hóa. Nhưng thế gian là điều kiện để con người tiếp tục tiến hóa.

#### • Quy nguyên tôn giáo – phục hồi tinh thần Đại Đạo:

Để thực hiện mục đích cứu độ toàn thể và toàn diện nhân loại, các tôn giáo phải phục hồi tinh thần Đại Đạo, dẫn dắt nhân sanh tiến hóa tại thế gian và đạt Đạo giải thoát, trở về nguồn gốc tâm linh khởi nguyên bằng một giáo lý thuần nhất–chính là sự tổng hợp Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo.

#### • Sứ mạng phổ truyền Chánh pháp Đại Đạo – Ban trao sứ mạng Đại thừa:

Sứ mạng phổ truyền Chánh pháp Đại Đạo là trọng điểm không thể thiếu của sứ mạng Đại Đạo để hoàn thành cơ cứu độ toàn diện.

Người tín hữu thực hiện sứ mạng vi nhân, tự độ và ý thức độ tha, nhận lãnh sứ mạng Đại thừa, phải có trách nhiệm lớn lao, nặng nề khổ nhọc để giác ngộ và giải khổ cho chúng sanh. Đồng thời người tín hữu biết lo hành trì đạo pháp để thanh lọc thân tâm, thì bản thể mới trở nên thanh nhẹ. Bản thể có thanh nhẹ thì tiểu vũ trụ mới được an hòa. Có an hòa mới thanh tịnh, có thanh tịnh thì ngũ khí mới gom, tam bửu mới hiệp, cơ quy bên trong mới thành. Thực hiện được cơ quy bên trong, phần giúp đời,

cứu khổ nhơn sanh sẽ thêm hữu hiệu, thì cơ quy bên ngoài sẽ thực hiện một cách dễ dàng và ngược lại khi thực hiện cơ quy bên ngoài tốt thì sẽ giúp cơ quy bên trong thành tựu. Có nghĩa là, muốn phụng sự cơ hòa và cơ quy bên ngoài của Trời Đất, góp phần phụng sự mục tiêu Thế đạo đại đồng của Đại Đạo, con người phải biết thực hiện cơ hòa và cơ quy bên trong. Nội tâm Ngoại thể đồng nhất mới có thể sáng suốt để hài hòa nội bộ và tạo thế nhân hòa mà tận độ chúng sanh, hiển dương Đạo pháp. Điều này có nghĩa là hành giả phải tánh mạng song tu cho thuần thực; Tạo thế nhân hòa từ bản thân, có nghĩa là phục hồi nhân bản nội tại nơi mình, để tìm thấy an lạc trong sự giải thoát khỏi lục dục thất tình, thì mới có đủ thần lực đảm đương trách nhiệm Thiên đạo đại thừa, hoằng Đạo độ đời.

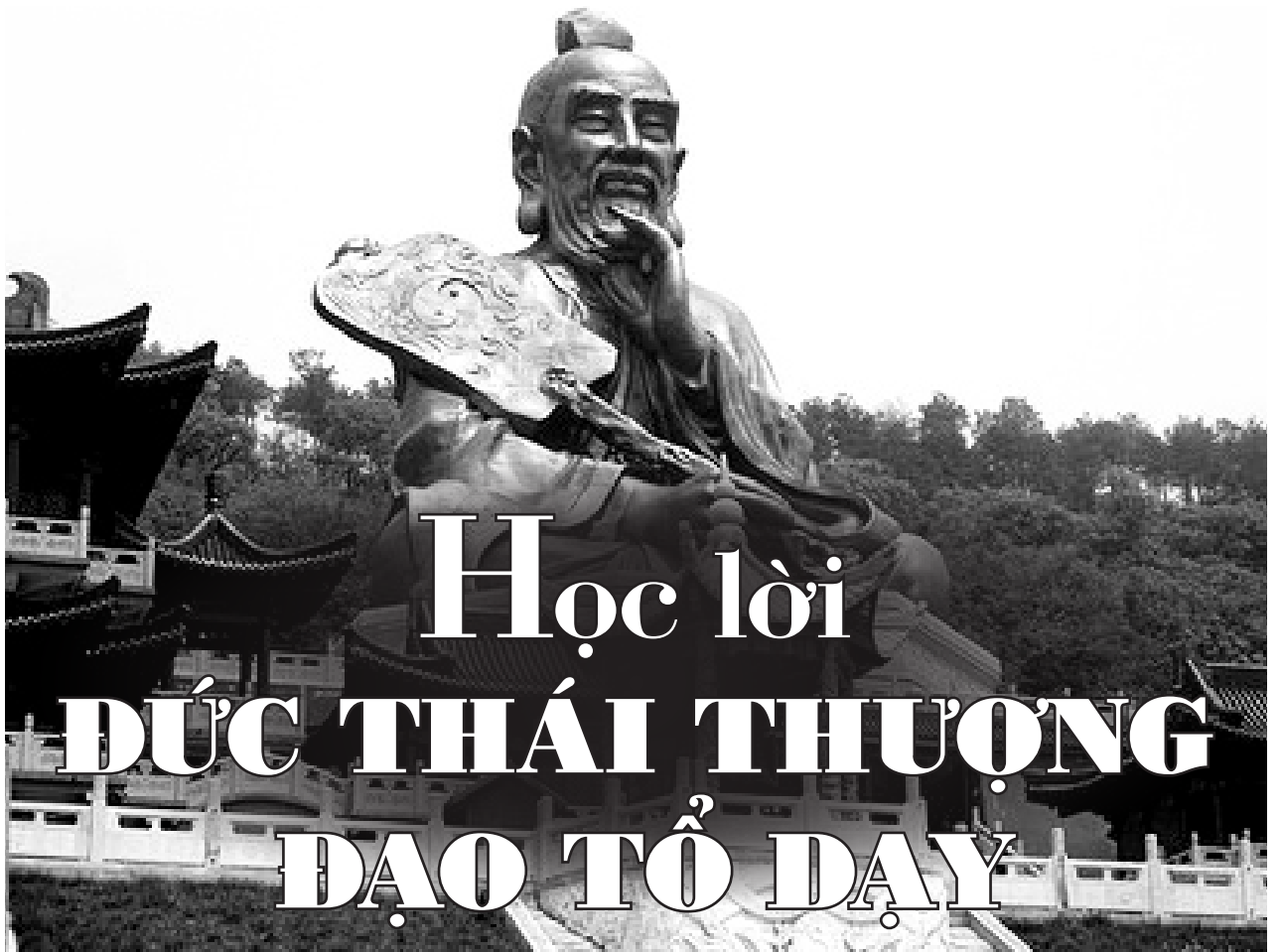
Tuy nhiên, muốn sứ mạng cứu độ được hoàn thành, phải phát huy cho kỳ được đặc ân Thiên nhân hiệp nhất trong Tam Kỳ Phổ Độ và mỗi người con tin của Thượng Đế phải tu tập, rèn luyện để có thể là một Ca Diếp, một Nhan Hồi, một Phêrô...

#### LỜI KẾT

Thiết lễ kỷ niệm Thiên Quan Tứ Phước và kỷ niệm ngày khai mạc Văn Phòng Phổ Thông Giáo lý hàng năm là để nhắc nhở chúng ta: được ban ơn phước và được hộ trì dìu dắt của vị Thiên Quan Tứ Phước Kỳ Ba – Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì hãy nhớ lời nguyện ước với Đức Chí Tôn Từ Phụ: Làm động lực cảm hóa nhơn sanh, chung sức phổ truyền chánh pháp Đại Đạo khắp năm châu, hoàn thành sứ mạng giáo hóa nhơn sanh cùng trở về khởi nguyên nguồn cội.

*Nguyện chung sức mở đường đại chúng,  
Dem Đạo mẫu công dụng mọi nơi,  
Cho người thông cảm cùng người,  
Dẹp tan sắc phái phục hồi tình thương.<sup>3</sup>■*

3. Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Thiên Lý Đàn, 12-02 Bính Ngọ (04-3-1966).



■ GIAO SĨ HUỆ Y

**ĐỨC THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ VƯỢT  
KHÔNG GIAN VÀ THỜI GIAN**

Bốn thời cúng mỗi ngày, người tín hữu Cao Đài  
đọc Khai Kinh Chú:

*Biển trần khổ với trời nước,  
Ánh thái dương dọi trước phương Đông,  
Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông;  
Ra tay dẫn độ dày công giúp đời.<sup>1</sup>*

Rồi:

*Phép Tiên Đạo tu chơn dưỡng tánh,  
Một cội sanh ba nhánh in nhau.<sup>2</sup>*

Nhứt là Tiên giáo tâm kinh:

*Tiên thiên khí, hóa Thái Thượng Đạo Quân,  
Thánh bất khả tri, công bất khả nghị.<sup>3</sup>*

1. Khai Kinh Chú

2. Khai Kinh Chú

3. Tiên giáo tâm kinh.

Nghĩa:

Đức Thái Thượng Đạo Quân,  
Từ Tiên Thiên khí hóa thành,  
Thánh nhân không biết được Ngài,  
Công giúp đời của Ngài, không thể nào nghị  
bàn được.

Những câu đầu của Bài Tiên giáo Tâm kinh  
giảng về Đức Thái Thượng Đạo Tổ vượt không  
gian và thời gian.

Từ đó Ngài lại:

*Nhứt thân ức vạn, diệu huyền thần biến.*

Nghĩa là:

Một thân mà biến hoá muôn ngàn.

Để:

*Vĩnh kiếp quần sanh ngưỡng kỳ huệ đức.*

Nghĩa:

Chúng sanh muôn đời, chiêm ngưỡng ân  
đức của Ngài.

Rồi:

*Đại thiên thế giới dương tụng từ ân.*

Nghĩa:

Khắp cả càn khôn thế giới ca tụng ân đức của Ngài.

Đối với Đức Thái Thượng Đạo Tổ vượt không gian và thời gian, chúng ta không thể nghĩ bàn, không thể hiểu biết được về Ngài. Quyền phép của Ngài vô lượng, Ngài nhiều kiếp cứu khổ chúng sanh, nơi nơi đều ca tụng công đức của Ngài. Trong nhứt thân ức vạn kiếp của Ngài, có một kiếp Ngài lâm phạm vào Rằm tháng hai, được ghi lại trong bài Tiên Giáo Tâm Kinh:

*“Nhị nguyệt thập ngũ, phân tánh giáng sanh.”*

Khi nói đến sự kiện có ngày tháng, rõ ràng là chúng ta nói đến Đức Thái Thượng Đạo Tổ, con người lịch sử.



## **ĐỨC THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ: CON NGƯỜI LỊCH SỬ, ĐỨC LÃO TỬ**

Trong một lần lâm phạm giáo đạo, Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy rằng ngày Rằm tháng Hai là ngày đản sanh của một lần lâm phạm của Ngài thôi, và Ngài mong đợi chúng ta hãy cố gắng tu tánh luyện mạng để trùng hoan cùng Ngài trên cung Đâu Suất mai kia.<sup>4</sup>

*“Này chư môn đồ! Nhị nguyệt thập ngũ phân tánh giáng sanh, đó mới là một kiếp mà thôi. Lão đến chứng tâm thành của chư môn đồ hiển lễ.*

– Lão từ nhứt khí Tiên Thiên biến hoá,

– Chư môn đồ cũng do từ đó mà sở sanh.

– Chư môn đồ hãy lo tu tánh luyện mạng để hoàn thành sứ mạng của người giác ngộ.

*Lão vẫn mong đợi một ngày trùng hoan cùng chư môn đồ nơi cung Đâu Suất.”*<sup>5</sup>

Trong lần phân tánh giáng thế vào Rằm tháng Hai, chúng ta biết đến Ngài qua danh xưng phổ biến là Đức Lão Tử. Vậy cuộc đời Đức Lão Tử ra sao?

Theo Sử Ký của Tư Mã Thiên, Đức Lão Tử người làng Khúc Nhân, hương Lệ, huyện Khổ, nước Sở.

– Ngài họ Lý, tên Nhĩ, tự là Bá Đương, tên thụy là Đam.

– Ngài sanh vào khoảng 500 năm trước công nguyên, đời vua Chu Linh Vương.

4. Nhơn hoà đắc nhứt điểm trung sanh,

Thổ vận triển cơ liệt bán hoành,

Bả trạo uyên nguyên hồi thủ khán,

Nhàn dân y thả trích tam thanh.

(Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Giáp Dần (07-3-1974).

5. Ibid.



– Ngài giữ chức Trụ Hạ Sứ, trông giữ kinh sách của nhà Chu.

Đức Khổng Tử khi viếng nhà Chu, đến hỏi lễ với Đức Lão Tử. Lúc ra về Đức Lão Tử tiễn chân bảo rằng:

“Tôi nghe nói: người giàu sang lấy tiền bạc để tiễn nhau, tôi không thể làm người giàu sang, nhưng trộm lấy tiếng là người nhân đức xin có lời này để tiễn ông. Kẻ thông minh và sâu sắc là gắn với cái chết vì họ khen chê người ta một cách đúng đắn. Kẻ giỏi biện luận, đầu óc sâu rộng làm nguy đến thân mình vì họ nêu lên cái xấu của người khác.

Người quân tử gặp thời thì xe ngựa nghênh ngang, không gặp thời thì như cỏ bồng xoay chuyển. Tôi nghe nói: người buôn giỏi thì biết giấu của báu, khiến người ta thấy dường như không có hàng, người quân tử có đức tốt thì diện mạo dường như ngu si. Ông nên bỏ cái khí kiêu ngạo cùng lòng ham muốn nhiều. Những cái ấy đều không có ích gì cho ông. Tôi chỉ bảo ông có thể thôi.”

Đức Khổng Tử cảm ơn Đức Lão Tử, ra về, bảo học trò:

“Con chim ta biết nó bay, con cá ta biết nó lội, con thú ta biết nó chạy. Đối với loài chạy ta có thể dùng lưới để săn, đối với loài lội ta có thể dùng câu để bắt, đối với loài bay ta có thể dùng tên để bắn, đến như con rồng cõi mây, cõi gió ta không sao biết được. Hôm nay gặp Lão Tử, ông ta có lẽ là con rồng chăng?”

Đức Lão Tử thấy nhà Chu suy bèn lui ở ẩn. Đến cửa ải Hàm Cốc, ông Doãn Hi thành tâm thọ pháp, Đức Lão Tử mới viết lại quyển Đạo Đức Kinh để ông theo đó tu học. Trong Tiên Giáo Tầm Kinh có nhắc đến điển tích này qua các câu:

*Từ khí đông lai, quảng truyền đạo đức,*

*Lưu Sa tây độ, pháp hoá tướng tông.*

Từ đó không ai còn biết tông tích Ngài nữa.

## **GIÁOPHÁP CỬA ĐỨC THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ**

Ngoài Đạo Đức Kinh, chúng ta còn biết các quyển kinh được lưu truyền:

## **1. KINH CẢM ỨNG**

*Hữu cảm tắc hữu ứng,*

*Hữu thành tắc hữu thần.*

Bên ngoài xã hội, hiện nay chúng ta thấy xuất bản quyển Đắc Nhân Tâm, bí quyết thành công trên đường đời, khuyên rằng muốn thành công thì tối thiểu mỗi tháng phải đọc từ đầu chí cuối một lần.

Chúng ta muốn thành công trên đường Đạo thì mỗi ngày phải đọc một lần Kinh Cảm Ứng, để biết điều nào nên tránh, điều nào nên làm. Kinh Cảm Ứng được gọi là bộ Thiên Điều Hình Luật. Chúng ta có thể trích một vài câu:

*Họa phước vô môn, duy nhơn tự triệu.*

Nghĩa:

*Điều họa phước không hay tìm tới,  
Tại mình vờ nên mới theo mình.<sup>6</sup>*

Hay: Phù tâm khởi ư thiện, thiện tuy vị vi, nhi kiết Thần dĩ tùy chi.

Hoặc: Tâm khởi ư ác, ác tuy vị vi, nhi hung Thần dĩ tùy chi.

Nghĩa:

Khi lòng có tư tưởng lành, việc lành dù chưa thực hiện mà đã được vị Thần lành phù hộ.

Còn như tâm có ý chẳng lành, việc chẳng lành dù chưa làm mà đã có vị Thần không lành theo xúi giục.

Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, phải có tâm lành mới nhận được sự hộ phù của Ông Trên.

Kinh Cảm Ứng là quyển kinh nằm lòng của người tu Chiếu Minh. Chúng ta muốn tu giải thoát cũng phải lấy đó làm tiêu chuẩn xét mình chừa lỗi, làm thiện.

## **2. THANH TỊNH KINH**

Quyển kinh dạy về tâm pháp. Một đoạn trong Thanh Tịnh Kinh:

“Đại Đạo vô hình, sinh dục thiên địa. Đại Đạo vô tình, vận hành nhật nguyệt. Đại Đạo

6. Kinh Sám Hối (Câu 13-14).

vô danh, trường dưỡng vạn vật. Ngô bất tri kỳ danh, cưỡng danh viết Đạo.

Phù Đạo giả, hữu thanh hữu trước, hữu động hữu tĩnh. Thiên thanh địa trước, thiên động địa tĩnh. Nam thanh nữ trước, nam động nữ tĩnh. Giáng bốn lưu mật, nhi sanh vạn vật. Nhân năng thường thanh tĩnh, thiên địa tất giai quy.”

Nghĩa:

Đại Đạo không có hình dáng, nhưng sinh ra và nuôi dưỡng trời đất. Đại Đạo không có tình cảm, nhưng khiến cho mặt trời và mặt trăng hoạt động. Đại Đạo không có tên, nhưng nuôi dưỡng và phát triển vạn vật. Ta không biết tên gọi của nó, nên gượng gọi tạm nó là “Đạo”.

Đạo thì có trong có đục, có động có tĩnh. Trời trong đất đục, trời động đất tĩnh. Trai trong gái đục, trai động, gái tĩnh. Động và tĩnh, trong và đục tương tác nhau mà sinh ra vạn vật. Trong là nguồn gốc của đục, động là căn bản của tĩnh. Hễ con người luôn thanh tĩnh thì trời đất sẽ quy về họ (tức là con người hoà hợp với vũ trụ).<sup>7</sup>

### 3. HUỖNH ĐÌNH KINH

Quyển kinh dạy về tâm pháp, hiểu được như thân, hiểu được thần nhân trong cơ thể để tu tánh luyện mạng. Từ xưa đã có lời khuyên răn:

*“Đóng cửa tụng Huỳnh Đình, thiết bặc cố thành ngôi chánh quả;*

Tách mình sang Tây Thổ là người tên đứng bảng Phong Thần.”

Đức Hà Tiên Cô dạy:

*Huỳnh Đình trì tụng trước,*

*Nội cảnh đồ học sau;*

*Ta chưa biết ta đó,*

*Thiên quốc dễ chi vào.*

### 4. ĐẠO ĐỨC KINH

Đạo Đức Kinh là một quyển kinh bao gồm

tất cả các lãnh vực, từ chính trị, quân sự, triết học, đạo học, đạo pháp hết sức đặc biệt của Đức Lão Tử. Theo lời dạy của Ôn Trên chúng ta tìm hiểu về nội tu và ngoại tu.

Ôn Trên dạy:

*Nội tu giải thoát linh hồn,*

*Ngoại tu thế đạo bảo tồn dân gian.*

Hoặc:

*Ngoài xây thế đạo đại đồng,*

*Trong cùng Trời Đất cộng thông cơ mầu.*

Ngoại tu ở đây không có nghĩa là tu bề ngoài, tu hình thức mà mang ý nghĩa tu ở ngoài thân, tu với tập thể, tu với xã hội. Nội tu là tu ở tự thân, ở nội tâm.

#### • NGOẠI TU:

Về ngoại tu Đức Lão Tử dạy:

Ba hạng người:

Trên thế gian có thể chia làm ba hạng người:

a. Bực thượng sĩ hễ nghe Đạo thì siêng năng cần mẫn làm không ngừng nghỉ. (cần nhi hành chi).

b. Bực trung sĩ thì lúc nhớ lúc quên, nên lúc hành lúc không. (nhược tồn, nhược vong).

c. Bực hạ sĩ nghe Đạo thì cười lớn (đại tiếu chi), nếu không cười thì sao gọi rằng Đạo (Đạo huyền diệu, kẻ hạ sĩ không làm sao hiểu được).

Qua lời dạy này, chúng ta đối chiếu lại tự thân mình để tu tiến.

– Những vị biết đến chùa thất, là hiểu “trọng Phật kính tăng”, chứ không phải là hạ sĩ không hiểu được Đạo rồi cười đùa.

– Quý vị Thiên phong chức sắc là thượng sĩ vì vâng lời Ôn Trên dạy rồi hành đạo không ngừng nghỉ. Theo giáo lý nhà Phật, có thể gọi bực thượng sĩ là người có chính duyên sâu dày, hoàn cảnh nào cũng tu.

Số đông trong chúng ta, ở vào bực trung. Vì không có chính duyên sâu dày nên cần có trợ duyên, nhờ bạn bè tương trợ để có sức mạnh tập thể: “Ăn cơm có canh, tu hành có bạn.”

Ôn Trên dạy:

*Kẻ đi trước, khuyên chờ chậm bước,*

7. Lê Anh Minh giải nghĩa.

*Người đi sau cố gắng tiến mau.*<sup>8</sup>

Ồn Trên cũng dạy:

*Đàn anh tiến, đàn em cũng tiến,*

*Đủ pháp quyền vượt biển đặng sơn.*<sup>9</sup>

Đối với chúng ta, những người bực trung rất cần đến tập thể. Ai rời tập thể, khó một mình vượt qua được trở ngại gian nan.

• **SỐNG TẬP THỂ:**

Trong tập thể, phương châm sống chung là:

*“Tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân, hòa kỳ quang, đồng kỳ trần.”*

Nghĩa là:

“Bẻ cái chỗ nhọn bén, mở cái mối chia rẽ, hoà ánh sáng với mọi người, cùng bụi bặm với những bụi bặm trên đời.”

Đức Lão Tử không chủ trương trốn đời ẩn dật mà chỉ muốn dạy chúng ta cách sống trong đời.

Đừng có gai, có góc ưa đâm người này, thọc người kia, tức là “tỏa kỳ nhuệ”.

Đừng có độc tôn ý kiến, độc tôn lời lẽ, tức là “giải kỳ phân”.

Nếu có sung sướng hãy chia cho mọi người tức là “hòa kỳ quang”.

Mọi người có đau khổ chúng ta cùng chung chịu, tức là “đồng kỳ trần”.

Trong ý nghĩa đó “vô vi” không phải là không làm gì hết, nhưng có nghĩa “vô vi nhi vô bất vi”, không làm mà làm tất cả. Làm mà mọi người không thấy mình làm, không biết mình làm, và mình cũng không kể mình làm.

Chủ nghĩa vô vi còn cốt ở chỗ diệt những nguyên nhân tai hại, từ khi nó mới được phát hiện:

*“Vi vô vi, sự vô sự, vị vô vị. Đại tiểu, đa thiểu, báo oán dĩ đức. Đồ nan y kỳ dị, vi đại y kỳ tế.”*<sup>10</sup>

Nghĩa là:

“Làm cái vô vi, thờ cái vô sự, mến cái vô vị.

8. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 04-9 Quý Sửu (29-9-1973).

9. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-10 Bính Thìn (04-12-1976).

10. Đạo Đức Kinh, chương 63: Tư Thủy..

Lớn bé nhiều ít đều lấy đức báo lại oán thù, làm việc khó từ việc dễ, làm việc lớn từ việc nhỏ.”

Lời dạy của Đức Lão Tử: “*Đại tiểu đa thiểu, báo oán dĩ đức*”, làm chúng ta nhớ lại lời dạy của Đức Phật: “Lấy ân báo oán, oán ấy tiêu tan, lấy oán báo oán, oán cứ chập chồng.”

Đức Lão Tử dạy:

*“Cường lương giả, bất đắc kỳ tử.”*<sup>11</sup>

Nghĩa:

“Dùng bạo lực sẽ chết bất đắc kỳ tử.”

Đức Lão Tử trọng nội dung chứ không lờ loẹt hình thức bề ngoài. Những gì lờ loẹt hình thức bề ngoài, chính là khơi động nguồn gốc của trộm cướp gian xảo.

*“Phú quý nhi kiêu, tự di kỳ cữu.”*<sup>12</sup>

Nghĩa:

“Giàu sang mà kiêu, tự vùi hoạ ương.”

Đức Lão Tử cũng dạy: “Đeo gươm sắc, ăn của ngon, tiền của có thừa đó là khoe với kẻ trộm.”

Đối với người đã giàu thì Ngài khuyên hãy cư xử như không giàu, phải chăng là đem tài sản ra giúp mọi người ở hướng tích cực như câu “vi nhân bất phú” (hành được đạo người thì không giàu sang). Hoặc tiêu cực hơn thì cách cư xử ấy không gieo mặc cảm cho người chung quanh và cũng không gợi xấu cho tha nhân.

Đối với người chưa giàu, Ngài khuyên: “*Tri túc giả phú*” (biết đủ thì giàu). Ở đây chúng ta thấy chủ trương của Đức Lão Tử, tất cả mọi việc đều quy về tự thân:

*Tri hơn giả trí, tự tri giả minh.*

*Thắng hơn giả hữu lực, tự thắng giả cường.*

*Tri túc giả phú, cường hành giả hữu chí.*<sup>13</sup>

Nghĩa: Biết người là khôn, biết mình là sáng. Thắng người là kẻ có sức; tự thắng là kẻ mạnh. Biết đủ là giàu; cố gắng là người có chí.

Đối tượng để tranh đấu là bản thân mình chứ không phải tha nhân thì xã hội đâu còn giết giành lẫn hiếp lẫn nhau.

11. Đạo Đức Kinh, chương 42: Đạo hóa.

12. Đạo Đức Kinh, chương 9: Vạn di.

13. Đạo Đức Kinh, chương 33: Biện đức.



“Minh Đạo nhược muội” (sáng về Đạo, dường như tăm tối / Biết Đạo thời như vụng như đần).

Đức Lão Tử dạy: “*Cô lậu quả đức, bất thiện là chỗ ghét của con người... thế mà bậc vua chúa lại dùng để tự xưng chẳng phải là tiến đạo nhược thoái đó sao?*”

Tóm lại, Đức Lão Tử cho chúng ta ba món báu để sử dụng trong cách cư xử với nhau đó là:

“Ta có 3 báu hằng nắm giữ không buông, một là Từ, hai là Kiệm, ba là không dám đứng trước thiên hạ.”

Cho nên người theo lời dạy của Đức Lão Tử không bao giờ quên câu: “Công thành thân thoái.”

Bạc vô công, vô kỹ, vô danh cũng là xong phần hơn đạo để lo Thiên đạo.

#### • LỜI DẠY VỀ NỘI TU:

Đức Lão Tử không mê tín dị đoan, vẽ bùa luyện chú như người đời thường hiểu lầm các thầy pháp là tín đồ đạo Lão. Đức Lão Tử truy nguyên nguồn gốc vũ trụ và những nguyên lý vận hành vũ trụ ấy.

Nguyên ủy của vũ trụ là ĐẠO, từ ĐẠO mới sinh ra muôn loài:

“*Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật.*”<sup>14</sup>

Tại sao không nói KHÔNG sinh NHẤT mà lại nói Đạo sinh nhất? Vì nói không là không có gì hết sao, có mà ở thể “VÔ” (tiềm ẩn), còn “NHẤT” tức là “HỮU”.

*Vô danh Thiên địa chi thủ,*

*Hữu danh vạn vật chi mẫu.*<sup>15</sup>

Đạo có 3 đặc tính là: trông không thấy, nghe không thấy, nắm bắt không được. (Thị chi bất kiến, thính chi bất văn, đoàn chi bất đắc).

– Không trông thấy: Đạo vô hình.

– Không nghe thấy: Đạo vô thanh.

Đạo ấy đi xa rồi trở lại chỗ cũ. (Tự chi viết Đại, Đại viết thệ, Thệ viết viễn, Viễn viết phản).

Đạo là thể, thì Đức là dụng, cái biến hóa của

Đạo. “*Sinh ra mà không nhận có, làm ra mà không cậy công, nuôi cho lớn lên mà không làm chủ, đó là Đức mẫu nhiệm.*”

Đức Lão Tử dạy:

“*Vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan kỳ phục. Phù vật vân vân, các quy kỳ căn. Quy căn viết TĨNH. Tĩnh viết PHỤC MỆNH. Phục mệnh viết THƯỜNG.*”<sup>16</sup>

Nghĩa:

“Vạn vật đua sống, ta nhân đó xem chúng trở về (nguồn). Vạn vật trùng trùng đều trở về cội. Trở về cội rể là tĩnh; tĩnh là phục mệnh; phục mệnh tức là trường cửu.”

Muốn “quy căn phục mệnh” thì phải “Trí hư cực, thủ tĩnh đốc” (lòng cực kỳ trống rỗng, yên tĩnh).

Muốn nội tu thì phải bắt chước TRỜI:

“*Thiên đạo vô thân, Thường dữ thiên nhân.*”<sup>17</sup>

Nghĩa:

“Trời đất không thiên vị, mà thường gia ân cho người lành.”

## KẾT LUẬN

ĐẠO, giáo lý của Đức Lão Tử rất tích cực để mỗi người tự hoàn thiện mình, sống hòa hợp với đồng loại, với thiên nhiên.

1. Đức Thái Thượng Đạo Tổ từ Tiên Thiên Khí hóa sanh, chúng ta được Ngài dạy “cũng có một căn cơ” như vậy.

2. Chúng ta vào cõi Hậu thiên, mầm Tiên thiên ấy ẩn bên trong, hành giả lo “tu tánh-luyện mạng” để phản bổn hoàn nguyên.

3. Tu tánh cốt yếu ở hai chữ YÊN LẠNG, luyện mạng cốt yếu ở chỗ THẦN ĐÀU KHÍ ĐÓ.

4. Hành giả quày bước, vừa thực hành nội tu để trau dồi tánh mạng, vừa thực hành ngoại tu để dìu dắt huynh đệ bước sau.

5. Huyền đồng là đích đến của hành giả để được “Cùng Trời đồng nhứt, cùng Đạo ứng thông”.

Chúng ta học cho tinh tường, hành cho thâm sâu thì có ngày sẽ đến nơi, đến chốn. ■

14. Đạo Đức Kinh, chương 42: Đạo hóa.

15. Đạo Đức Kinh, chương 1: Thể Đạo.

16. Đạo Đức Kinh, chương 16: Quy căn

17. Đạo Đức Kinh, chương 79: Nhiệm Khế

# Giới thiệu sơ lược về **CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO**



## ■ THIÊN HẠNH

**K**hi thành lập Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đã ban Thánh huấn như sau:

*“Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý không phải là một chi phái, cũng không phải của một cá nhân nào, hay một đoàn thể nào, mà phải là của toàn Đạo, một nhịp cầu nối liền tình huynh đệ, một điện đài thấu và phát những động năng thúc đẩy cho sự thống nhất giáo lý, tức là tinh thần vậy; để các con sẽ gặp nhau, quy nguyên ở vị trí duy nhất, tri và hành theo chánh pháp của Đại Đạo.”<sup>1</sup>*

## **CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO**

### **1. NGUYÊN NHÂN THÀNH LẬP CƠ QUAN**

Đạo Cao Đài do hoàn cảnh lịch sử đã phải phân chia ra nhiều chi phái hay hội thánh để

mở rộng cơ phổ độ chúng sanh ra khắp mọi nơi. Do đó, có thể gọi đây là cơ phóng phát của Đạo. Tuy nhiên, mỗi chi phái phát triển theo đường hướng riêng của mình nên có thể phát sinh những dị biệt trên các lãnh vực nghi lễ, phương pháp tu học và hành đạo, v.v. Yêu cầu của cơ đạo phải tiến đến chỗ quy nguyên thống nhất. Vì vậy, sự phân chia chi phái của đạo Cao Đài là nguyên nhân đầu tiên khiến Đức Thượng Đế thành lập Cơ Quan để thực hiện một sứ mạng đặc biệt.

*“Nếu Đạo không chia nhiều chi phái thì hà tất Đức Chí Tôn mở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý để làm gì hỡi các em? Chẳng nhẽ để thuyết đạo, truyền bá giáo lý bằng cách phổ thông như các tôn giáo, như các chi phái trong Đại Đạo, mà nó không có mục đích nào cao cả hơn sao?”<sup>2</sup>*

1. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Tỵ (15-02-1965).

2. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-10 Tân Hợi (18-11-1971).

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý được Đức Chí Tôn thành lập để hệ thống hóa và phổ thông giáo lý thuần nhất của Đại Đạo. Đây có thể xem như là một nhịp cầu nối liền tình huynh đệ, là mẫu số chung để các chi phái, các hội thánh cùng ngồi lại với nhau xây dựng ngôi nhà chung, Hội thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thống nhất.

*Gặp gỡ nhau trên dòng giáo lý,  
Nhìn với nhau tôn chỉ Cao Đài,  
Không còn chia biệt Đông Tây,  
Không còn phái nọ, chi này Phật Tiên.*<sup>3</sup>

*“Mục đích của Cơ Quan, là kim nam châm, hướng tất cả chi phái Đạo cũng như toàn thể tín đồ Cao Đài về chơn truyền quy củ mà đã được Thầy giáo hóa buổi ban sơ.”*<sup>4</sup>

Do đó, nhằm thúc đẩy quá trình quy nguyên thống nhất Đại Đạo, Cơ Quan có trọng trách đặc nhiệm là xiển dương giáo lý thuần nhất của Đại Đạo.

*“Chắc hẳn chư đệ hiểu rõ mục đích chuyển hướng lập thành Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý ngày nay là một dòng nước luân lưu khơi chảy, là một chất khăn hàn gắn mọi rạn nứt đổ vỡ từ lâu.”*<sup>5</sup>

Mọi việc trên đời này đều có nhân duyên tiền định của nó. Thậm chí đến việc ăn uống thường nhật rất ư là nhỏ nhặt cũng không phải là việc ngẫu nhiên. Vì thế, cổ đức có câu: “Nhất ẩm nhất trác giai do tiền định.” Thành thử ra, những việc lớn lao trọng đại như thành lập một guồng máy Cơ Quan vận hành lý đạo để thúc đẩy cơ quy quyền thống nhất Đại Đạo chẳng lẽ lại nằm ngoài quy luật vận chuyển của Thiên cơ? Đức Giáo Tông Đại Đạo xác tín:

*“Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý được lập thành do Thiên cơ định đoạt trong cuộc luân chuyển*

*tuần hoàn để làm cơ cứu cánh cho nhân loại trong buổi đời mạt kiếp.”*<sup>6</sup>

## 2. CƠ QUAN LÀ BỘ MÁY SAU CÙNG CỦA ĐẠI ĐẠO

Cơ Quan là một bộ máy trực thuộc Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nhưng lại có những điểm đặc thù riêng là không có cơ cấu tổ chức hành chánh đạo và hệ thống thiên phong chức sắc; trụ tướng Cơ Quan cũng không giống như bất cứ thánh sở nào của đạo Cao Đài mà lại giống như một trụ sở hành chánh. Do đó, có thể nói Cơ Quan là một “thánh sở đặc biệt” của đạo Cao Đài.

Nhằm thúc đẩy quá trình quy nguyên của Đại Đạo, Đức Thượng Đế vận hành guồng máy thiên cơ thành lập Cơ Quan vào năm Ất Tỵ (1965). Ông Trên đã có lần xác tín rằng Cơ Quan là bộ máy hay guồng máy sau cùng của Đại Đạo.

*“Bản Đạo cũng có đôi lời nhắc nhở chư đệ muội: “Cơ Quan là bộ máy sau cùng của Đại Đạo. Đại Đạo xây dựng đời Thượng ngươn Thánh đức, phụng sự nhân loại.”*

Bộ máy sau cùng của Đại Đạo hàm chứa ý nghĩa là không còn một “thánh sở đặc biệt” nào sẽ được thành lập nữa. Ngoài ra, Đức Quảng Đức Chơn Tiên cũng đã minh giải ý nghĩa của từ ngữ “sau cùng” là “cùng cực phân chia của nội bộ Cao Đài.”

*“Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý được gọi là Cơ Quan sau cùng. Sau cùng đây có nghĩa là cùng cực phân chia của nội bộ Cao Đài và cũng là cơ năng hoằng pháp giáo lý Đại Đạo thuần thành cho công cuộc phổ độ Kỳ Ba. Thế nên chư hiền đệ hiền muội hữu trách trong guồng máy luân động này là sứ mạng Thiên ân được ban trao từ Thượng Đế, kể cả Tệ Huynh, đều phải ý thức trách nhiệm trước Thượng Đế, toàn Đạo và nhơn sanh.”*<sup>8</sup>

3. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Tỵ (15-02-1965).

4. Đức Thiên Linh Tinh, Nam Thành Thánh thất, 14-02 Bính Ngọ (05-3-1966).

5. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Thiên Lý Đàn, 09-9 Canh Tuất (08-10-1970).

6. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 18-01 Tân Hợi (13-02-1971).

7. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 25-3 Đinh Mão (22-4-1987).

8. Đức Quảng Đức Chơn Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Tân Dậu (16-7-1981).

### 3. Ý NGHĨA DANH TỪ CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ

Sau khi Cơ Quan được thành lập, Đức Ngô Minh Chiêu Đại Tiên đã giải thích khái quát ý nghĩa danh từ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam như sau:

*“Cơ Quan Phổ Thông là bộ máy điều hòa rộng khắp cả. Giáo Lý là dạy lẽ Đạo. (...) Cao Đài là một tá danh của Thượng Đế khi đến mở Đạo tại Việt Nam. Nay để chỉ sự ứng dụng cho Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Còn chữ Giáo sau này, là tôn giáo hay là đạo giáo, chứ không phải giáo là dạy. (...) Việt Nam là cái rún của năm châu, tất cả châu châu cũng đổ dồn về rún.”*<sup>9</sup>

Đức Giáo Tông Đại Đạo cũng đã giải thích ý nghĩa của bốn chữ “Phổ thông Giáo lý”, vừa đơn giản, dễ hiểu lại vừa đầy đủ, thâm sâu.

*Phổ là rộng khắp ngoài thế giới,  
Thông là nguồn suốt tới muôn phương,  
Giáo là dạy nẻo chỉ đường,  
Lý là lẽ thiệt chủ trương thối bình.*<sup>10</sup>

Đến ngày Rằm tháng 4 năm Tân Dậu (15-5-1981), danh hiệu ban đầu của Cơ Quan đã được Đức Giáo Tông Đại Đạo chỉ dạy như sau:

*“Danh hiệu Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý đến lúc này cũng cần để là Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.”*<sup>11</sup>

### 4. THÁNH DỤ QUY ĐIỀU

#### THÁNH DỤ CỦA ĐỨC NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

Đức Thượng Đế đã ban Thánh Dụ cho Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo nhân lễ khánh thành ra mắt Cơ Quan trước toàn Đạo ngày 14-02 năm Bính Ngọ (05-3-1966). Đây có thể được xem là Thánh Sắc Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế thành lập Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, trong đó quy định sứ mạng của Cơ Quan là

phổ truyền “chơn lý thuần nhứt của Đại Đạo cho nhơn sanh lãnh hội” và những phẩm hạnh của người thực hiện sứ mạng căn hội đủ gồm có: đức độ, khoan dung, khiêm cung, hòa ái, thương yêu, kiên nhẫn và trì thủ, hy sinh.

*“NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ KIM VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG, Thấy các con.*

*(...) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý là bộ máy tinh vi ráp bằng gan, bằng óc, bằng kiên tâm, đạo tâm, để phát tiết những động năng hầu thực hiện chơn lý thuần nhứt của Đại Đạo cho nhơn sanh lãnh hội.*

*Các con là đoàn người khai sơn phá thạch để các nguyên nhân tìm vào cửa Đạo, hầu đem đạo Cao Đài truyền bá mọi nơi cho vạn linh rõ biết mà trở lại cùng Thầy. Trong khi các con thi hành sứ mạng trên phải đức độ khoan dung, dưới phải khiêm cung hòa ái, giữ đạo hạnh, rèn luyện đạo tâm, thương yêu, kiên nhẫn, trì thủ, hy sinh, hầu cứu rỗi linh hồn của con khỏi sa đọa và cứu rỗi cho mọi người. Đó là con đã hoàn thành sứ mạng (...).”*<sup>12</sup>

#### QUY ĐIỀU

Bản Quy Điều có thể xem như là bản điều lệ để nhân viên Cơ Quan noi theo đó mà hành đạo. Bản Quy Điều do quý vị tiền bối Cơ Quan soạn thảo với tên gọi ban đầu là bản Dự Án. Đức Thượng Trung Nhứt và Đức Ngọc Lịch Nguyệt đã xác nhận rằng Bản Quy Điều được áp dụng đặc biệt cho Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý để điều hành đạo sự. Tuy nhiên, cũng cần minh định thêm là Tân Luật và Pháp Chánh Truyền áp dụng cho toàn đạo Cao Đài trong đó có cả Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. Nhị vị Tiền Khai Đại Đạo rất chân tình bày tỏ những lời nhận xét như sau:

*“Bản Dự Án sau khi chỉnh đốn, được phê chuẩn, chỉ được áp dụng trong nội bộ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, vì trước kia, khi mới khai Đạo, lập Hội thánh, tại Tòa Thánh Tây Ninh, chính tay Tiên Huynh đã soạn thảo bản Tân Luật và*

9. Đức Ngô Minh Chiêu Đại Tiên, Nam Thành Thánh Thất, 13-02 Mậu Ngọ (04-3-1966).

10. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Thiên Lý Đàn, 20-5 Ất Tỵ (19-6-1965).

11. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Tân Dậu (18-5-1981).

12. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Nam Thành thánh thất, 14-02 Bính Ngọ (05-3-1966).

Pháp Chánh Truyền, đã được Thiên Liêng phê chuẩn. Đến nay, những luật lệ đó vẫn còn được tôn trọng và áp dụng ở các Hội thánh lớn. Ngày nay, nếu Bản Quy Điều không phải là bộ luật thứ hai trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì cũng là những điều lệ đặc biệt và cần thiết cho việc điều hành Cơ Quan trong giai đoạn vận chuyển quy nguyên, mãi cho đến một ngày nào có Hội Thánh và Tòa Thánh duy nhất, có Đại Hội Vạn Linh, sẽ được sửa đổi luôn đến cả Tân Luật và Pháp Chánh Truyền, để hầu kịp với trình độ tiến hóa của nhơn loại và sự vận chuyển của cơ Đạo.<sup>13</sup>

Ôn Trên cũng xác nhận tầm mức vĩ đại và thời gian thực hiện đầy đủ bản Quy Điều (Dự Án), mặc dù so với yêu cầu của cơ Đạo thì chỉ trong phạm vi rất khiêm tốn, trong muôn một mà thôi.

“Xuyên qua bản Dự Án, muốn đem ra thực hành đầy đủ, phải cần một thời gian đến hai mươi năm sau, tuy rằng bản Dự Án này mới chỉ có một phần nằm trong chương trình của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.”<sup>14</sup>

Bản Dự Án đã được Đức Lê Đại Tiên phê chuẩn ngày 12-02 Bính Ngọ (04-3-1966) để trở thành Quy Điều chánh thức cho Cơ Quan.

“Lão giáng giờ này để duyệt lại bản Quy Điều cùng giúp chú hướng đạo một bài Cầu Nguyện.”<sup>15</sup>

Bản Quy Điều gồm có 9 chương và 72 điều quy định chức năng hoạt động của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý gồm:

Chương 1: Danh hiệu là Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

Chương 2: Trụ sở.

Chương 3: Mục đích chánh là phổ thông và phổ biến trong nhơn sanh một giáo lý Cao Đài thuần nhất.

Chương 4: Hoạt động Cơ Quan gồm: liên giao hành đạo, nghiên cứu, bảo trợ, thuyết pháp, ấn tống kinh điển sách vở đạo, xuất bản, báo chí,

13. Đức Thượng Trung Nhật và Ngọc Lịch Nguyệt, Thiên Lý Đàn, 07-02 Bính Ngọ (26-02-1966).

14. Ibid.

15. Đức Lê Đại Tiên, Thiên Lý Đàn, 12-02 Bính Ngọ (04-3-1966).

truyền thanh, đào tạo hướng đạo, mở chi nhánh ở trong và ngoài nước.

Chương 5: Tài chánh do nhơn sanh đóng góp và hoạt động kinh tế tự túc.

Chương 6: Thành phần và phân công. Sơ đồ tổ chức Cơ Quan. Chương 7: Phạm sự và trách nhiệm các cấp chức vụ và nhân viên Cơ Quan.

Chương 8: Nhiệm kỳ, hình phạt, tranh chấp và bầu cử.

Chương 9: Dự hờ là các điều khoản tu chỉnh Quy Điều và chấm dứt hoạt động Cơ Quan.

Bài Cầu nguyện Cơ Quan

Bài Cầu Nguyện do Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên ban cho trong đàn cơ phê chuẩn Bản Quy điều Cơ Quan.

“Bài Cầu Nguyện gồm có chín (9) vé nhơn cho bốn (4) ra con số ba mươi sáu (36). Đó là lý Đạo, để các hàng hướng đạo cùng hiền đệ, hiền muội triết lý hiểu rộng thêm.”<sup>16</sup>

Bài Cầu Nguyện thật sự là một áng thơ trác tuyệt có tác dụng rung cảm tận đáy lòng nhằm un đúc can trường và nhiệt huyết của mỗi người nhơn viên Cơ Quan trên dặm dài thiên lý thực hành sứ mạng.

Nhơn viên Cơ Quan luôn trân trọng và thành tâm đọc bài Cầu Nguyện nầy trong các buổi lễ trang trọng và khắc ghi hàng ngày trong tâm khảm như một lời nguyện hứa.

*Nguyện chung sức mở đường đại chúng,*

*Đem đạo mẫu công dụng mọi nơi,*

*Cho người thông cảm cùng người,*

*Đẹp tan sắc phái phục hồi tình thương.*

(CÂU 21-24)

## 5. LỊCH TRÌNH HÀNH ĐẠO

Lịch trình hành đạo do Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên ban ơn chỉ dạy tại Ngọc Minh Đài ngày 15 và 24 tháng 4 Bính Ngọ (3-6 và 12-6-1966) và Thiên lệnh tại Thiên Lý Đàn ngày 23-5 Bính Ngọ (10-7-1966).

16. Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên, Thiên Lý Đàn, 12-02 Bính Ngọ (04-3-1966).

Lịch trình Hành đạo quy định căn bản chức vụ các cấp từ Tu Sĩ, Giáo Sĩ, Phó Ban, Trưởng Ban, Vụ Trưởng, Minh Tra, Cố Vấn Chi Đạo và Ban Thường Vụ Cơ Quan.

Phần căn bản quy định cho các cấp chức vụ trong guồng máy Cơ Quan bao gồm: giáo lý (Đại Đạo và Tam Giáo Đạo), sử đạo, đức hạnh, ngoại ngữ và đạo pháp. Để có thể hình dung được phần nào căn bản này, xin được minh họa phần căn bản đầu tiên ấn định cho Tu sĩ như sau:

*“Tu sĩ là người đang thời kỳ giác ngộ, lập tâm hành đạo, tẩy xú khai thanh, hằng lo tu học, rèn luyện và công quả trên cương vị giáo dân vi thiện, để bước lên tầng Giáo sĩ. Tu sĩ cần phải biết những điều nầy:*

1) Về đạo hạnh, tác phong phải có khác biệt hơn người thế tục, trang nghiêm thuần hậu, cẩn hạnh cẩn ngôn, khiêm cung từ tốn;

2) Nên tổ chức Đại Đạo phải biết qua, phải nắm lòng kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, phải hiểu rõ từ nghĩa lý tác dụng của bài kinh;

3) Ngũ giới cấm, tứ đại điều quy, bốn phận ở gia đình, trong đạo, lúc học đường cho thông suốt;

4) Nên nhân văn học phải hiểu;

5) Các tương quan căn bản, chỉ căn bản thôi, về Ngũ Chi trong Đại Đạo.

*Tu sĩ cần phải biết một ngoại ngữ, bất cứ ngoại ngữ nào. Quy lệ nầy gồm cho ngoại quốc Tu sĩ (nghĩa là một ngoại ngữ và một cho bốn xứ).*

*Tu Sĩ không bắt buộc ở thời gian. Khi khóa áo Tu sĩ phải có một lúc lập chí phệ trần trong một thời hạn học tập cả đời lẫn đạo để tiến lên tầng Giáo sĩ.”<sup>17</sup>*

## 6. NỮ CHUNG HÒA CƠ QUAN

Nguyên thủy, Nữ Chung Hòa là một tổ chức phát sinh từ Đại Đạo, hoạt động trong khuôn khổ của Cơ Quan cho nên đặt dưới sự hướng dẫn của Ban Thường Vụ Cơ Quan. Đồng thời, Nữ Chung Hòa cũng được sự giáo hóa, hộ trì

của Đức Diêu Trì Kim Mẫu, các Đấng Tiên Nương, Thánh Nữ trong Tam Kỳ Phổ Độ.

*“Nữ Chung Hòa là một tổ chức phát sinh từ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ngày nay được sự hướng dẫn tá trợ của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Các con đã có Tân Luật Pháp Chánh Truyền để làm khuôn viên mẫu mực, các con đã có Thánh Du Quy Điều để làm hướng đi cứu độ nhưn sanh. Từ nay các con hãy lấy đó để làm kim chỉ nam cho các con trên bước đường hành đạo.”<sup>18</sup>*

## VÀI SỰ KIỆN LỊCH SỬ VỀ NỮ CHUNG HÒA (NCH)

- Năm Nhâm Thân (1932)–Giáp Tuất (1934): Thời kỳ gieo ý thức.
- 29–01 Giáp Tuất (14–3–1934): Đức Diêu Trì Kim Mẫu lập Nữ Chung Hòa Phái. Đức Lê Sơn Thánh Mẫu hướng dẫn.
- 04–02 Giáp Tuất (18–3–1934): Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế sắc phê Nữ Chung Hòa Phái.
- Năm Ất Dậu (1945): Nữ Chung Hòa Phái tạm ngưng hoạt động.
- Năm Ất Tỵ (1965)–Đinh Mùi (1967): Thời kỳ gieo ý thức tại Cơ Quan.
- 15–8 Đinh Mùi (18–9–1967): NCH chính thức tái lập.
- 15–10 Mậu Thân (4–12–1968): NCH hoạt động tại Cơ Quan.
- 15–8 Kỷ Dậu (26–9–1969): Đức Diêu Trì Kim Mẫu ban chương trình năm điểm.

Kể từ niên trình năm Tân Mùi (2011), Nữ Chung Hòa trở thành một Vụ trong Cơ Quan theo Thánh lệnh của Đức Giáo Tông Đại Đạo với tên gọi là Vụ Nữ Chung Hòa.

## CHƯƠNG TRÌNH NĂM ĐIỂM ĐỨC MẸ DẠY NCH

Nhân dịp Trung Thu năm Kỷ Dậu (1969), Đức Diêu Trì Kim Mẫu đã ban ơn chương trình năm (5) điểm cho Nữ Chung Hòa để làm kim chỉ nam hành đạo gồm có: Đoàn kết liên giao

17. Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên, Ngọc Minh Đài, 15–4 Bính Ngũ (03–6–1966).

18. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thánh thất Bình Hòa, 15–8 Kỷ Dậu (26–9–1969).

mật thiết nữ phái các nơi; sưu tầm, nghiên cứu, phát triển giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ; giúp sức để kiện toàn và lành mạnh hóa ban cai quản nữ phái các nơi; làm mẹ, làm chị gương mẫu trong mỗi gia đình; công tác xã hội từ thiện.

*“Đây Mẹ nêu các điểm chánh để các con ý hướng vào đó mà hành sự:*

1. Là các con phải đoàn kết liên giao mật thiết Nữ phái đó đây để kết hợp một khối tinh thần vững chắc hầu trao đổi học hỏi kinh nghiệm đạo lý cho nội tâm mỗi con được hoàn thiện thuần nhứt đạo lý, thoát ra khỏi phạm vi nhi nữ tầm thường để xứng đáng tác phong đạo hạnh của đoàn thể nữ giới.

2. Là sưu tầm nghiên cứu phát triển giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ song song với nam giới để có tài liệu học tập đạo lý thích hợp với nữ giới hầu dẫn dắt đào luyện những mầm non theo nề nếp đạo đức để tiền tấn hậu kế, tre tàn măng mọc trong nếp sống hành đạo giúp đời.

3. Là tùy theo nhu cầu cần yếu cho mỗi địa phương, mỗi Thánh Thất Thánh Tịnh, các con đến đó giúp sức để kiện toàn và lành mạnh hóa Ban Cai Quản nữ phái trong khi chưa thành lập được Nữ Chung Viện.

4. Là hãy ý hướng vào nhiệm vụ của người làm Mẹ, làm chị gương mẫu tạo nên nề nếp đạo đức trong mỗi gia đình, làm gương mẫu cho đoàn con cái của các con noi theo để sau này chúng nó không sai đường lạc lối.

5. Là công tác xã hội từ thiện mà từ lâu các con đã từng tham gia thực hiện, cũng vẫn tiếp tục thi hành mỗi khi có nhu cầu thiết yếu đến các con. Như vậy các con đã có năm điều đó để hoàn thành chương trình hành đạo thay thế cho nội quy rườm rà khắt khe máy móc.”<sup>19</sup>

## 7. ĐÀO TẠO THỂ HỆ TIẾP NỐI

Dòng đạo pháp trường lưu bất tận theo thời gian; sứ mạng của Cơ Quan cũng được nối tiếp

19. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Kỷ Dậu (26-9-1969).

qua nhiều thế hệ. Do đó, việc đào tạo thế hệ tiếp nối tại Cơ Quan đã được khởi sự rất sớm, chỉ hơn một năm sau khi thành lập Cơ Quan. Đức Giáo Tông Đại Đạo đã chuẩn y việc thành lập đoàn thể thanh thiếu niên vào ngày rằm tháng 7 năm Bính Ngọ (30-8-1966). Ngài dạy:

*“Bản Đạo chấp thuận trên nguyên tắc về mục đích và đường lối, nhưng còn về danh từ thì hãy để như sau: Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý.”*<sup>20</sup>

Đoàn thể Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý (TTN/PTGL) trực thuộc Nội Chánh Vụ. Đến năm Ất Mão (1975), Cơ Quan thành lập Thanh Niên Vụ và đoàn thể này chuyển từ Nội Chánh Vụ sang Thanh Niên Vụ. Thanh Niên Vụ sau đó được đổi tên thành Vụ Giáo sĩ Tu sĩ. Hiện nay, Vụ này sáp nhập vào Tập Đoàn Giáo Sĩ được thành lập vài năm trở lại đây.

Tập Đoàn Giáo Sĩ gồm các Tu sinh, Tu sĩ, Giáo sinh, Giáo sĩ hiến dâng trọn đời để phụng sự nhân sanh. Tập Đoàn Giáo Sĩ chịu trách nhiệm đào tạo và quản lý thế hệ tiếp nối gồm các cấp lớp: Vườn ươm, Lễ nghi Đạo đức, Phổ huấn, Tu sĩ và Giáo sĩ. Ngoài ra, Tập Đoàn Giáo Sĩ cũng tổ chức quản lý các lớp Bồi dưỡng giáo lý cho nhân viên Cơ Quan.

## 8. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA CƠ QUAN

Quá trình phát triển của Cơ Quan được chia làm các giai đoạn hai mươi năm. Giai đoạn hai mươi năm đầu tiên từ 1965-1985 được gọi là giai đoạn thử thách theo Thánh ý Đức Diêu Trì Kim Mẫu như sau:

*“Qua hai mươi năm đầu tiên là giai đoạn thử thách sơ bộ để trải nghiệm lòng tin thành với khả năng ý chí của các con.”*<sup>21</sup>

Đức Diêu Trì Kim Mẫu cũng đã phác họa giai đoạn hai mươi năm kế tiếp từ 1985-2005:

*“Hai mươi năm sau là giai đoạn khởi sự tăng trưởng. Tăng trưởng không nhất thiết có ý nghĩa*

20. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Ngọc Minh Đài, 15-7 Bính Ngọ (30-8-1966).

21. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Ất Sửu (05-3-1985).

về hình thức vật chất, mà quan trọng về giáo lý, đạo lý, giáo nghĩa và tâm linh.”<sup>22</sup>

Do đó, các giai đoạn hai mươi năm tiếp theo từ 2005 đến 2025, 2025 đến 2045 v.v. có thể nói là những giai đoạn phát triển của Cơ Quan.

### 9. NHỮNG SỰ KIỆN ĐÁNG GHI NHỚ

Dưới đây là một số sự kiện đáng ghi nhớ của Cơ Quan Phổ Thông Giáo (CQPTGL) Đại Đạo.

- Năm 1962: Cơ Quan Cao Đài Thống Nhất chuyển sang Ban Phổ Thông Giáo Lý.
- 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965): Thành lập CQPTGL Cao Đài Giáo Việt Nam.
- 15-01 Ất Tỵ (16-02-1965): Khai mạc CQPTGL Cao Đài Giáo Việt Nam tại địa chỉ 165E Cống Quỳnh, Quận 1, Sài Gòn (nay là TP.HCM).
- 15-02 Bính Ngọ (06-3-1966): Lễ ra mắt CQPTGL Cao Đài Giáo Việt Nam tại Nam Thành Thánh Thất và Lễ phát ban Thánh Dự Quy Điều.
- 15-4 & 24-4 Bính Ngọ (03-6 & 12-6-1966): Đức Lê Đại Tiên ban hành Lịch Trình Hành Đạo.
- 30-7 Kỷ Dậu (11-9-1969): Lễ đặt viên đá đầu tiên xây dựng trụ sở Cơ Quan.
- 28-12 Kỷ Dậu (04-02-1970): Hoàn tất xây dựng trụ sở Cơ Quan.
- 15-02 Canh Tuất (22-3-1970): Khánh thành trụ sở CQPTGL Cao Đài Giáo Việt Nam.
- 15-4 Tân Dậu (18-5-1981): Danh xưng mới CQPTGL Đại Đạo.<sup>23</sup>
- 15-02 Ất Sửu (06-3-1985): Kết thúc giai đoạn 20 năm đầu tiên của Cơ Quan: “giai đoạn thử thách.”<sup>24</sup>

22. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Ất Sửu (05-3-1985).

23. “Danh hiệu Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý đến lúc này cũng cần để là Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.” Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Tân Dậu (18-5-1981).

24. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Ất Sửu (05-3-1985): “Qua hai mươi năm đầu tiên là giai đoạn thử thách sơ bộ để trải nghiệm lòng tin thành với khả năng ý chí của các con.”

- 15-02 Ất Dậu (24-3-2005): Kết thúc giai đoạn 20 năm thứ hai của Cơ Quan: “giai đoạn khởi sự tăng trưởng.”<sup>25</sup>

### VAI TRÒ CỦA CƠ QUAN ĐỐI VỚI CÁC CHI PHÁI

Cơ Quan không phải là chi phái hay hội thánh Đại Đạo, Cơ Quan cũng không phải là thánh thất hay thánh tịnh; Cơ Quan có vai trò rất đặc biệt là gạch nối liền, là chất khắn liên kết giữa các Hội thánh để xây dựng một Hội thánh thống nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Chính vì thế, vai trò của Cơ Quan là hỗ trợ, giúp đỡ chứ không phải so hàng, cạnh tranh đạo sự của các Hội thánh.

*“Mục đích và đường lối của Cơ Quan không phải là so hàng với các chi phái và tôn giáo khác, cũng không phải để cạnh tranh việc làm của chi phái và các tôn giáo khác, mà mục đích và đường lối của Cơ Quan là hạt nhân, là gieo chủng tử Tam Kỳ Phổ Độ để gây ý thức quyên pháp và thể nhưn hòa Đại Đạo cho thiên hạ hầu xây dựng cõi đời Thượng người Thánh đức nhân loại hòa bình, càn khôn ổn định.”*<sup>26</sup>

Là một phần tử của cơ thể Đại Đạo, Cơ Quan có trách nhiệm phụng sự cơ quy nguyên của Đại Đạo, trong đó các Hội thánh là những đối tượng gần nhất. Do đó, vị trí của Cơ Quan không phải đồng hàng cùng các hội thánh, mà chỉ giữ vai trò làm gạch nối liền mà thôi.

*“Trên đà vận động quy nguyên thống nhất đạo Cao Đài, người hướng đạo Cơ Quan không được chen vào ngôi ngang hàng với các hội thánh, giáo hội, chi phái. Nhiệm vụ người hướng đạo Cơ Quan phải là những bay hồ gắn liền từ viên gạch nầy đến viên gạch khác trong công cuộc xây dựng tòa lâu đài Đại Đạo.”*<sup>27</sup>

Cơ Quan đóng vai trò của đoàn người tiên phong phác họa và thực hiện các chương trình cụ

25. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Ất Sửu (05-3-1985): “Hai mươi năm sau là giai đoạn khởi sự tăng trưởng.”

26. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-12 Bính Dần (31-12-1986).

27. Đức Minh Đức Đạo Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 21-11 Nhâm Tý (26-12-1972).



thể theo đúng chơn truyền của Đại Đạo trên các lãnh vực: nghi lễ, giáo lý, sử đạo, phúc thiện, v.v.

*“Cơ Quan là những kỹ sư vô danh phác họa khai thác những chương trình còn bỏ quên, bỏ sót lại của Chí Tôn Thượng Phụ vì bức màn tranh giành che lấp không còn ai thấy và nhớ đến nó nữa. Cơ Quan phác họa để làm chi? Phác họa để làm môi trường tạo cơ hội cho các chi phái có dịp quây quần nhau chung quanh một vấn đề nào đó. Có quây quần, có gần gũi rồi có sự hiểu biết nhau. Khi hiểu biết nhau thì tin cậy nhau, không còn những nghi vấn ngờ vực trước kia. Có tin cậy hiểu biết nhau mới đem thổ lộ can tràng hoài bão cho nhau để cùng tìm lối đi cho đại cuộc.”*<sup>28</sup>

Chính sự phác họa kiểu mẫu này là những tiền đề rất quan trọng để các Hội thánh thông cảm với nhau hơn vì cùng chia sẻ những mẫu số chung giống nhau.

*“Tiên Huynh nói trở lại: Cơ Quan chỉ làm những việc điển hình, có tánh cách phác họa khai thác kiểu mẫu để cho toàn Đạo nhìn đó làm theo. Còn sự kết quả là kết quả chung cho đạo Cao Đài, chứ không phải cho Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.”*<sup>29</sup>

Sứ mạng của Cơ Quan không chỉ là phác họa kiểu mẫu cho toàn Đạo, mà còn đòi hỏi phải trực tiếp dẫn thân để nâng đỡ những nơi nào chưa có điều kiện thực hiện mô hình kiểu mẫu đó.

*“Sứ mạng trọng đại của Cơ quan là đoàn người xây dựng nâng đỡ tạo lập cho nơi nào chưa có hoặc có nhưng còn yếu đuối. Khi nơi nào đã trưởng thành, tự lập, Cơ Quan rút về vị trí của mình, với sứ mạng nâng đỡ hướng dẫn theo đường lối Đại Đạo. Như vậy cũng quá rõ rồi.”*<sup>30</sup>

## **SỨ MẠNG CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO**

### **1. SỨ MẠNG CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO**

28. Ibid.

29. Ibid.

30. Đức Cao Triều Phát, Thánh thất Bình Hòa, 15-9 Đinh Mùi (18-10-1967).

Như đã trình bày, Cơ Quan không phải là thánh thất thánh tịnh, cũng không phải là Hội thánh, mà Cơ Quan là một “thánh sở đặc biệt”. Do đó, nhiệm vụ chánh của Cơ Quan không phải chỉ giới hạn trong nghi lễ cúng kính, giáo dân vi thiện, quan hôn tang tế, liên giao hành đạo, khám bệnh phúc thiện, v.v. Bởi vì đó là những đạo sự thường nhật của các thánh thất thánh tịnh.

*“Chư đệ muội có nhớ chăng lời Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng thường dạy Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý không phải là thánh thất, thánh tịnh, tòa thánh, giáo hội, cũng không phải của một tôn giáo nào, mà Cơ Quan là của Đại Đạo. Thế nên công việc chánh của Cơ Quan không phải chỉ để lễ bái, ăn chay, khuyên người lánh dữ làm lành, cũng không phải để lập công lên hàng giáo phẩm, nắm giáo luật mà cai trị giáo dân...”*<sup>31</sup>

Cơ Quan là một thành viên “sau cùng” của Đại Đạo, được Đức Chí Tôn ban Sắc Dụ thành lập vào năm Ất Tỵ (1965), tức là gần 40 năm sau khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khai minh tại Việt Nam vào năm Bính Dần (1926). Cơ Quan hành đạo trong bối cảnh các Hội thánh Cao Đài đang nỗ lực phát triển cơ đạo của mình. Cơ Quan nhận lãnh sứ mạng tiên phong phác họa kiểu mẫu cho các Hội thánh Cao Đài để làm mẫu số chung cho công cuộc thống nhất cơ Đạo trong tương lai. Sứ mạng của Cơ Quan được cô đọng trong hai lãnh vực vô cùng trọng yếu được Đức Giáo Tông Đại Đạo nhấn mạnh là phổ thông giáo lý và đạt Đạo giải thoát.

*“Trách nhiệm của Cơ Quan có hai điểm chánh là tự độ và độ tha; tự hoàn thiện mình và hoàn thiện tha nhân trên hai phương diện:*

*– Phổ thông, phổ truyền giáo lý về mặt ngoại giáo công truyền.*

*– Đạt Đạo giải thoát bằng phương pháp tánh mạng song tu về mặt nội giáo tâm truyền.”*<sup>32</sup>

Hai trọng điểm sứ mạng của Cơ Quan cũng

31. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 17-02 Mậu Thìn (03-4-1988).

32. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 22-01 Bính Dần (02-3-1986).

có thể diễn tả một cách khác là nghiên cứu giáo lý và công phu lập hạnh. Tuy là hai cách diễn tả khác nhau nhưng ý nghĩa vẫn đồng nhất và không sai biệt.

“(…) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý có nhiều công phu tu học, nghiên cứu và đóng góp tích cực xây dựng giáo lý Đạo trong tương lai, lại nên chu Thiên ân đệ muội nắm chắc hai phần việc:

– Trước nhất là nghiên cứu giáo lý đạo theo chiều sâu và chiều rộng.

– Phần nữa là công phu lập hạnh, vừa công phu tịnh luyện vừa bồi công lập đức.

Tóm lại, đó là hai lãnh vực trí năng và đạo hạnh. Trí năng để thuyết minh giáo lý soi sáng cho người tu học, cho mọi người, mọi tầng lớp, mọi nơi, mọi dân tộc và mọi trình độ văn minh. Đạo hạnh để thể hiện cụ thể tôn chỉ giáo lý đạo làm gương mẫu cho nhân sanh. Sống nếp sống đạo trong sinh hoạt hàng ngày, nhất nhất đều thể hiện lý Đạo.”<sup>33</sup>

Vì thế, sứ mạng Cơ Quan có thể tóm tắt trong bốn chữ là giáo lý và đạo pháp. Về phương diện giáo lý, Đức Giáo Tông Đại Đạo đã nêu lên những yêu cầu mà Cơ Quan cần phải tập trung nỗ lực và ý chí để hoàn thành. Ngài dạy: “*Chu Thiên ân đệ muội hãy làm thế nào cho giáo lý Đạo có một căn bản lý luận vững chắc khoa học và khai triển sâu rộng mọi mặt. Giải đáp các vấn đề then chốt của triết lý siêu hình hiện đại khoa học v.v. Các việc này có tầm mức vô cùng quan trọng, vì muốn độ người phải có trí thức siêu việt hơn đời, phải ưu thế trên mặt trí năng tư tưởng.*”<sup>34</sup>

Còn về phương diện đạo pháp, Cơ Quan cần thực hiện trọng điểm là: “*Đạo pháp thuần chơn, huyền vi chứng đắc.*”<sup>35</sup> Mục tiêu chứng đắc của đạo pháp còn được gọi là tu chứng.

“*Tu là phải chứng. Có như vậy chu hiền đệ mới*

33. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11–8 Bính Dần (14–9–1986).

34. Ibid.

35. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 27–02 Kỷ Tỵ (03–4–1979): “*Bản Đạo dạy những trọng điểm sau đây cần thi hành: (1) Đạo pháp thuần chơn huyền vi chứng đắc. (2) Sứ Đạo. (3) Xác lập Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo. (4) Đào tạo nhân sự. (5) Phát triển kinh tế tự túc.*”

hoàn thành sứ mạng trọng đại đã ban trao. Tu chứng có hai phần:

1. Phần do nội giới tu chứng, phần này sẽ đạt đến chỗ lục thông.

2. Phần đức độ uy nghi, tác phong thuần phác, đó là tiêu biểu của Chơn Nhơn.

Tuy hai mà một, ảnh hưởng thành tựu không riêng.”<sup>36</sup>

Giáo lý và đạo pháp là hai phạm trù tối quan trọng trong cơ Cấu Độ Kỳ Ba nhằm đạt đến mục đích tối hậu của Đại Đạo là Thế đạo đại đồng và Thiên đạo giải thoát.

Ngoài ra, Cơ Quan còn có trách nhiệm xoa dịu những nỗi khổ đau của con người nơi trần thế. Đây chính là sứ mạng phổ tế quần sinh nơi cõi tạm. Chính vì thế, Cơ Quan đã triển khai những việc làm cụ thể phát xuất từ tấm lòng nhân ái vị tha. Phòng Khám bệnh Phước thiện Cơ Quan đã hoạt động liên tục kể từ năm 1990 với ba buổi khám bệnh và phát thuốc miễn phí cho bệnh nhân nghèo hàng tuần. Ngoài ra, Cơ Quan đã hỗ trợ một phần kinh phí thuốc chữa bệnh cho các Phòng Khám bệnh Phước thiện các nơi, đóng góp hằng năm việc xây dựng nhà tình thương, cứu trợ đồng bào bão lụt, tham gia chương trình xóa đói giảm nghèo tại địa phương, v.v. Đây chính là những việc làm thiết thực để mỗi nhân viên Cơ Quan có dịp vun quén bổ đắp tâm của mình trong cuộc sống hàng ngày.

## 2. TIÊU CHUẨN NHÂN VIÊN CƠ QUAN

Điểm đặc thù của Cơ Quan là không có hệ thống chức sắc, mà chỉ có chức vụ quy định bởi Thánh Dự Quy Điều để làm phương tiện thực hiện trách vụ mà thôi. Do đó, nhân viên Cơ Quan hội tụ nơi đây cũng có một cơ duyên đặc biệt.

*Thầy sắc ban Văn phòng giáo lý,*

*Cho con nào có chí hy sinh,*

*Vì chánh Đạo dám quên mình,*

*Đem tài phục vụ nhân sinh buổi này.*

36. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 09–10 Tân Dậu (5–11–1981).

*Thầy không mượn lâu dài, chùa, thất,  
Mượn lòng con chơn thật mà thôi,  
Không chức sắc, không vị ngôi,  
Mà còn khổ cực, còn hồi gian nan.<sup>37</sup>*

*“Cho đến hôm nay sự hiện diện của chư hiền trong Cơ Quan không phải là ngẫu nhiên. Chư hiền hãy suy gẫm động lực đã đưa chư hiền vào Đạo nói chung, vào Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý nói riêng, một Cơ Quan chỉ có chức vụ làm phương tiện cho trách vụ. Thế mà chư hiền phải theo đuổi và gắn bó, chịu bao sự trui rèn tự nội tâm đến ngoại cảnh. Có phải Cơ Quan đã mang lại cho chư hiền một niềm vui bất tận là được phụng sự nhân sanh và được sự gần gũi nhắc nhở của các Đấng Thiêng Liêng từng bước một trên đường sứ mạng?”<sup>38</sup>*

Cơ Quan được Đức Chí Tôn ban trao một sứ mạng rất trọng đại và gian khổ. Trọng đại vì tầm mức quy mô và yêu cầu to tát của nó, gian khổ vì tính chất và mức độ cam go của sứ mạng. Cốt sao việc phác họa và thể nghiệm giáo lý thuần nhất và đạo pháp chơn truyền có thể ứng dụng cho các hội thánh Cao Đài như một mẫu số chung để thống nhất thánh thể của Đức Chí Tôn tại trần gian và cũng để xương minh nền Đại Đạo toàn thể giới. Việc làm này đâu phải là một việc đơn giản, ngày một ngày hai mà có thể thành tựu được. Do đó, nhân viên Cơ Quan cần phải nỗ lực rèn luyện không ngừng về tâm đức trí năng để đạt đến một tiêu chuẩn hoàn hảo theo yêu cầu của Ông Trên.

*“Cũng bởi sứ mạng trọng đại và nhiều gian khổ này nên đòi hỏi mỗi nhân viên chức vụ phải hội đủ Tâm, Hạnh, Đức, Tài. Muốn được thế, đạo đức phải thuần chơn, đạo tâm phải chuyên nhất, đạo hạnh phải viên dung. Đó là những điểm cần yếu phải có ở người chức vụ nhân viên.”<sup>39</sup>*

Hơn thế nữa, Đức Giáo Tông Đại Đạo còn yêu cầu sự phấn đấu cao tột và rốt ráo của người

Thiên ân để có thể hoàn thành được sứ mạng ban trao trong Tam kỳ Phổ độ.

*“Chư Thiên ân đệ muội hãy là một Thích Ca, Khổng Tử, Jésus của thời đại mới mong thực hiện sứ mạng lịch sử cơ Đạo kỳ Ba.”<sup>40</sup>*

### **3. HOÀN THÀNH SỨ MẠNG CHẠY ĐUA TIẾP SỨC**

Công cuộc vận hành guồng máy Cơ Quan để thực hiện sứ mạng có thể xem như một cuộc chạy đua tiếp sức của nhiều thế hệ. Đây cũng là lẽ tất nhiên, bởi vì, đạo lý thì trường lưu mà đời người thì hữu hạn. Mặt khác, nhiệm kỳ của Cơ Quan là vô hạn định; cho nên, ngày nào mà sứ mạng Cơ Quan chưa hoàn thành thì ngày đó nhân viên Cơ Quan còn phải tiếp tục hành đạo, cuộc chạy đua tiếp sức còn tiếp diễn.

*“Chư hiền đệ muội đừng nhắm vào tuổi đời cá thể của mình mà đốt giai đoạn trưởng thành của cơ đạo. Mỗi người mỗi việc, hành cho đến nơi đến chốn. Mỗi một lớp người xây đắp một giai đoạn, mỗi một thế hệ nhân sinh xây dựng một bước tiến một cấp cao.”<sup>41</sup>*

Sẽ là công bằng nếu mỗi thế hệ hành đạo đều hoàn thành các đạo sự đã đề ra trong mỗi giai đoạn. Nếu vì bất kỳ một lý do gì không hoàn thành được kế hoạch, các phần việc dở dang sẽ được chuyển giao cho đoàn người ở chặng kế tiếp để thực hiện. Và một điều hiển nhiên là không một ai thích thú bắt đầu hành trình của mình bằng những công việc dang dở từ trước cả. Tuy nhiên, có những đạo sự chỉ có giá trị thực hiện trong một giai đoạn nào đó mà thôi, nếu trì hoãn chần chờ không thực thi ngay thì cơ hội công quả sẽ qua đi, đành phải ngậm ngùi trong nuối tiếc.

### **HOÀN THÀNH SỨ MẠNG**

Sứ mạng của Cơ Quan là phổ thông giáo lý và phổ truyền chánh pháp Đại Đạo. Đây chính là mẫu số chung để các Hội thánh cùng nhìn về một

37. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 30-12 Giáp Thìn (01-02-1965).

38. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 17-02 Mậu Thìn (03-4-1988).

39. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 25-3 Đinh Mão (22-4-1987).

40. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-8 Bính Dần (14-9-1986).

41. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Ngọc Minh Đài, 15-01 Kỷ Dậu (03-3-1969).

hướng nhằm xây dựng một Hội thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thống nhất. Khi nào trụ tướng của Hội thánh thống nhất nẩy thành hình thì sứ mạng của Cơ Quan có thể tạm gọi là viên mãn.

*“Đến khi nào có một Hội Thánh duy nhất cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thì lúc bấy giờ Chí Tôn Thượng Đế sẽ tùy công đức, công trình của mỗi người mà an ngôi định vị.”*<sup>42</sup>

Lúc bấy giờ, danh xưng và nhân sự của Cơ Quan sẽ do Hội thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ quyết định. Nhân viên Cơ Quan lúc bấy giờ sẽ vô cùng thanh thản và hoan hỷ để tiếp tục hành trình dẫn thân của mình với vai trò mới và sứ mạng mới.

## KẾT LUẬN

Thấm thoát mà Cơ Quan đã trải qua một chặng đường gần 50 năm với biết bao thăng trầm, vui buồn, bĩ thối. Năm mươi năm – quãng thời gian khá dài so với một đời người, nhưng lại quá ngắn ngủi so với chiều dài của lịch

sử. Những bậc tiền bối Cơ Quan ngày xưa đã dày công khai sơn phá thạch để xây dựng trụ tướng và nề nếp hành đạo ban sơ, nay đã lần lượt trở về cõi vĩnh hằng, phục lệnh Đức Chí Tôn. Dòng đạo sự với sứ mạng phổ thông giáo lý và phổ truyền đạo pháp được nối tiếp bởi đoàn người sứ mạng hôm nay và mai sau. Cuộc chạy đua tiếp sức vẫn còn tiếp diễn cho đến khi sứ mạng được hoàn thành. Đó là ngày cơ Đạo quy nguyên thống nhất. Trên dặm dài thiên lý phụng sự thiên cơ, thiết tưởng mỗi người nhân viên Cơ Quan luôn khắc ghi lời giáo huấn của Đức Giáo Tông Đại Đạo:

*“Người đạo Cao Đài là gương mẫu, là chiếc đò, là nhịp cầu đưa khách từ bến mê sang bến giác, là điện đài thu phát động năng thúc đẩy sự thống hiệp giáo lý, là tính chất của Tạo Hóa kết hợp sự thương yêu cho toàn diện thế giới nhưn loài.”*

*Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý của người đạo Cao Đài phải ý thức trách nhiệm to tát Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.”*<sup>43</sup> ■

42. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Ất Mão (27-3-1975).

43. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Ngọc Minh Đài, 15-7 Canh Tuất (16-8-1970).



# THÁNH GIÁO

**C**on người ở thế gian chỉ thấy cái sống trước mặt mà không hay cái chết ở sau lưng. Bởi vậy, kẻ thế thường hay dám làm những sự tội lỗi gian ác để tranh danh đoạt lợi mà sống, không ngờ cái sống ấy đi đến chỗ chết.

Những bậc giác ngộ thì tìm lẽ hằng sống trong sự chết, nên mới dám trọn hy sinh để ra hành đạo, vì đã hiểu lẽ hư thiệt ở trần này đều là giả tạm phù vân, có chi là bền bỉ, chỉ có đạo đức là lẽ thật thôi.

Bởi vậy, chư môn đệ ở vào buổi cuối hạ nguơn này sớm ngộ được Đại Đạo thật rất hữu duyên lành. Vậy luôn luôn phải sáng suốt nhận định trong việc Đạo để tiến đến mức thành công. Cần nhứt là phải dứt bỏ hẳn sự ham muốn tranh đua về vật chất. Bởi sự ham muốn là nguồn gốc của sự tội lỗi đau khổ. Người tu cần phải tham thiền nhập định, lóng lòng trong sạch, tâm linh mới được sáng suốt. Vậy chư môn đệ phải ráng phát triển đầy đủ những đức tánh tốt và siêng cần trong việc tu tịnh, vì có tịnh yên thì tinh thần mới phát huệ.

Đời càng xáo trộn, người Đạo cần phải luôn luôn yên tịnh tâm hồn tiếp diễn lành, cho cõi thế trần mau phục hồi lại cảnh Thánh Đức Thượng Nguơn.

ĐỨC THÁI THƯỢNG LÃO QUÂN, THÁNH HUẤN HIỆP TUYỂN, QUYỂN I, HỘI THÁNH TIÊN THIÊN, 1961, TR.149. ■

# CON ĐƯỜNG AN LÀNH TRONG CƠ MẶT PHÁP

■ HỒNG PHÚC

**C**húng ta đang sống trong thời kỳ văn minh rực sáng của nền khoa học kỹ thuật với vô số những phát minh phục vụ tiện nghi đời sống vật chất con người, nhưng chưa bao giờ chúng ta cảm thấy bất an như hiện tại do bởi đang phải đối mặt với sự đe dọa của mọi thứ tai họa từ nhiều phía không biết sẽ xảy đến với mình lúc nào.

Bức tranh nhân loại toàn cầu không chỉ một màu xám xịt mà đã xuất hiện ngày càng nhiều những mảng đen. Trong khi hiện tượng nóng lên toàn cầu vẫn đang là vấn đề tranh cãi giữa các nhà khoa học với nỗi lo sự nóng lên toàn cầu, băng Bắc và Nam cực tan chảy, nhấn chìm các thành phố lớn nhất ở ven biển, thì một dự báo mới đăng trên Meteoweb từ năm 2012, dựa trên những đo đạc trên mặt trời, thời kỳ băng giá mới trên trái đất có thể sẽ xảy ra bắt đầu từ năm 2014, và các nhà khoa học Nga cho rằng thế giới sẽ bị hủy diệt vì lạnh.

Theo Phó Giám đốc Đài thiên văn vũ trụ Pulkovo thuộc VHLKH Nga Habidullo Abdusamatov, vào năm 2014, hiện tượng lạnh khủng khiếp sẽ bắt đầu trên thế giới và đỉnh

điểm của thời kỳ lạnh giá sẽ xảy ra vào năm 2055, và sẽ kéo dài không dưới 2 thế kỷ, và ông cảnh báo, đây chỉ là thời kỳ lạnh giá (mà không phải kỷ băng hà lạnh hơn và kéo dài hơn rất nhiều) nhưng không có nghĩa là nó gây ra ít tác hại. Mỗi chu kỳ lạnh giá luôn luôn kèm theo các đại dịch, mất mùa, gây ra sự di chuyển của nhiều dân tộc trên các vùng địa lý. Đây là thời kỳ băng giá thứ năm trong 9 thế kỷ qua. Những hiện tượng băng giá tương tự đã được ghi nhận vào thế kỷ thứ XIII, XV, XVII và XIX.

Dự báo này đã thành sự thực, cuối năm 2013, nhiều nơi trên thế giới đã phải đối đầu với sự băng giá. Ở Mỹ, tất cả 50 tiểu bang của Mỹ đều có nhiệt độ hạ xuống mức dưới 0 độ, Tại Hawaii, nhiệt độ cũng giảm xuống tới -6°C. Cơ quan dịch vụ thời tiết quốc gia Mỹ cho biết: “Đây không phải là hiện tượng chưa từng có, nhưng nó không bình thường. Thông thường, ở Florida, Texas hoặc Louisiana nhiệt độ không hạ xuống dưới 0 độ.” Ngay tại VN, một quốc gia nhiệt đới lần đầu cũng đã đón nhận những cơn bão tuyết tại một số vùng ở miền Bắc. Điều này cho thấy

con người không thể biết được những gì sẽ xảy ra đến cho trái đất này về mặt thời tiết.

Bên cạnh đó, lò lửa chiến tranh vẫn đang âm ỉ, các quốc gia vẫn ráo riết chuẩn bị quân sự để đối phó với nhau và người ta biết rằng nếu xảy ra chiến tranh thế giới lần nữa thì hậu quả sẽ vô cùng thảm khốc nên các cường quốc vẫn đang nỗ lực giải quyết bằng đường lối chính trị ngoại giao, nhưng xem chừng nguy cơ chiến tranh vẫn lơ lửng.

Trong cuộc sống hàng ngày, qua các phương tiện truyền thông, muôn ngàn thứ tai họa chết người dồn dập xảy ra trên toàn thế giới, từ thiên tai: sóng thần, động đất, núi lửa, bão tố, lũ lụt đến nhân họa do vô tình hay cố ý như tai nạn giao thông đường bộ, đường thủy, hàng không, rồi cướp của giết người, mua bán, hiếp dâm, hành hạ phụ nữ... Đáng quan tâm nhất là ngay trong tự thân mỗi cá nhân, cũng tiềm ẩn tai họa. Ai cũng có thể vướng những căn bệnh nan y như ung thư, tiểu đường, tim mạch...

Liên hợp quốc vừa cho lưu hành Bản báo cáo đặc biệt của Viện nghiên cứu quốc tế về ung thư, với nhận định bi quan rằng trong những năm gần đây, căn bệnh quái ác này có tốc độ phát triển quá nhanh tại mọi khu vực trên Trái Đất, và tiếp tục là nguyên nhân gây tỷ lệ tử vong cao nhất thế giới. Báo cáo trên cho biết trong năm 2012, trên toàn thế giới có hơn 14 triệu người bị chết vì các loại bệnh ung thư khác nhau. Các chuyên gia của Viện nghiên cứu quốc tế về ung thư cảnh báo nếu con người không sớm tìm được biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn tốc độ phát triển như hiện nay của căn bệnh này, thì sau 20 năm nữa, mỗi năm nó sẽ cướp đi ít nhất 22 triệu nhân mạng. Các chuyên gia cho rằng để ngăn chặn bệnh này, các biện pháp “tự cứu mình” của tất cả mọi người cũng đóng vai trò vô cùng quan trọng, trong đó có việc thay đổi lối sống.

Tất cả tai họa gây ra cho con người ngày nay là hậu quả mà con người phải nhận lãnh từ cái nhân con người đã tạo ra, nhưng đồng thời

cũng cho thấy đây là hiện tượng tất yếu của thời mạt pháp, là giai đoạn kết thúc một chu kỳ vũ trụ mà con người không thể tránh khỏi.

## I. THẾ NÀO LÀ CƠ MẠT PHÁP?

Pháp (zh. 法, ja. hō, sa. dharma, pi. dhamma), tiếng Phạn là dharma, dịch theo Hán-Việt là Đạt-ma (zh. 達磨, 達摩), Đàm-ma (zh. 曇摩), Đàm-mô (zh. 曇無), Đàm (曇) (ngũ căn √dhr), có nghĩa là “nắm giữ”, đặc biệt là nắm giữ tính năng hoạt động của con người. Cách dùng chữ Pháp rất đa dạng với nhiều nghĩa:

- Tập quán, thói quen, tiêu chuẩn của phép cư xử;
- Điều phải làm, nghề nghiệp, bổn phận, nghĩa vụ;
- Trật tự xã hội, quy củ trong xã hội;
- Điều lành, việc thiện, đức hạnh;
- Sự thật, thật tại, chân lí (sa. satya);
- Nền tảng của thế gian và các cõi giới;
- Tín ngưỡng tôn giáo;
- Tiêu chuẩn để nhận thức về chân lí, về luật tắc;
- Giáo lí, sự giải thích;
- Bản thể, bản tính;
- Thuộc tính, phẩm chất, đặc tính, cấu trúc cơ bản.
- Trong luận lí học, là tiền đề hay là đối tượng của một động từ.

Tóm lại, có thể hiểu Pháp là «tất cả những gì có đặc tính của nó – không khiến ta lầm với cái khác – có những khuôn khổ riêng của nó để nó làm phát sinh trong đầu óc ta một khái niệm về nó» (nhậm trì tự tính, quỹ sinh vật giải 任持自性、軌生物解).

Pháp với chữ P hoa nghĩa là lời dạy của Đức Phật Thích Ca, “Đức Phật và Phật pháp”. Phật học từ điển của Đoàn Trung Còn ghi: Người ta dùng chữ Pháp để chỉ về đạo lý của Phật. “Bất cứ việc chi dầu nhỏ hay lớn, hữu hình hay vô hình, tốt hay xấu, hữu vi hay vô vi, chân thật hay hư vọng, đều có thể gọi là Pháp. Và từ những nguyên tắc, những lẽ thường, lý nhỏ cho đến

tôn giáo, lại cái luật chung bao gồm vũ trụ, làm một với hư không, cũng gọi là Pháp.” Theo đó, chữ Pháp là hết thấy sự sự vật vật, sự sự lý lý.

**MẠT PHÁP:** Đây là thuật ngữ xuất phát từ Phật giáo liên quan đến sự phát triển của Phật pháp với hai thuyết: tam thời và ngũ thời.

1. Thuyết tam thời: chánh pháp – tượng pháp – mạt pháp:

– Thời kỳ Chánh Pháp: Là thời kỳ Đức Phật còn tại thế cho đến khi giáo lý của Ngài còn được phổ biến chân truyền. Phần đông người tu được chứng quả, thời gian này khoảng năm trăm năm sau khi Đức Phật nhập niết bàn.

– Thời kỳ Tượng Pháp: Thời kỳ này khoảng một ngàn năm lúc chư vị đệ tử của Phật còn tại thế, nối nhau truyền Chánh giáo, nhưng vì không được chân truyền nên đồ chúng đặc quánh ít hơn thời gian Chánh pháp.

– Thời Mạt Pháp: Phật giáo suy vi vì thất chân truyền, thiên hạ thiên về vật chất mà không lo đến đường tinh thần nên rất ít người chứng quả.

2. Thuyết năm thời kỳ: Theo Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng, sau khi Đức Thế Tôn nhập niết bàn, Phật pháp sẽ diễn biến qua năm thời kỳ, từ thịnh đến suy. Năm thời ấy gọi là Ngũ kiên cố, mỗi giai đoạn là 500 năm.

– Thời Giải–thoát–kiên–cố: Sau khi Đức Thế Tôn nhập niết bàn, trong 500 năm đầu tiên, đệ tử của Phật có nhiều vị chứng quả, được vào cảnh an vui giải thoát. Thời kỳ này các phương diện học, tu, chứng đều thịnh, hành như hiểu sâu lẽ mầu, giữ gìn giới hạnh, một trăm người tu có đến sáu bảy mươi vị đắc đạo. Bấy giờ trong nhơn gian đầy đầy những bậc thánh hiền.

– Thời Thiên định kiên cố: Sang 500 năm thứ hai, hàng Phật tử xuất gia, tại gia tuy ít kẻ chứng đạo như thời gian trước, song phần nhiều đều thực hành đúng theo lời Phật dạy, đi sâu vào cảnh giới thiên định. Giai đoạn này, trong một trăm người tu, có được sáu, bảy người chứng đạo.

– Thời Đa–văn–kiên–cố: Qua 500 năm thứ ba, đạo căn của chúng sanh đã cạn kiệt hơn trước, người tu Phật đa số chỉ thích học rộng nghe

nhiều; các phương diện diễn dịch kinh sách, biện luận đạo lý được thịnh hành khắp nơi. Lúc này kẻ thiết thật cầu giải thoát thâm nhập thiên định, còn ít có người, huống chi là chứng quả. Tuy nhiên, trong muôn ức người tu, cũng có đôi ba bậc đắc đạo.

– Thời Thập–tự–kiên–cố: Sang 500 năm thứ tư, Phật giáo đồ phần nhiều hướng về việc cất chùa, xây tháp, bố thí, tụng kinh để cầu phước báo; về phương diện văn tự giáo lý rất ít có người.

– Thời Đẩu–tranh–kiên–cố: Đến 500 năm thứ năm, nhơn loại vì ngã chấp nặng, tự ái nhiều, chẳng những ngoài đời thường xảy ra cảnh tượng tranh đua giết hại lẫn nhau, mà trong đạo cũng lắm kẻ chen lấn trên đường danh nêo lợi. Chúng ta đang ở trong giai đoạn này của Phật pháp, cũng gọi là thời Mạt pháp, tức là giáo pháp Phật đã đến thời kỳ cuối, sắp đến lúc diệt vong. Thời Mạt pháp sẽ kéo dài đến khi Đức Phật Di Lặc ra đời (vị Phật thứ năm trong Hiền kiếp). Điều này trùng hợp với lời dạy của Đức Chí Tôn khi khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Tóm lại, năm thời kiên cố đi theo chiều kiếp giảm, nên căn lành của chúng sanh càng ngày càng kém. Phước đức căn lành của nhơn loại càng kém, thì trong đạo càng ngày ít bậc cao tăng, ngoài đời càng ngày thêm nổi đảo điên tai nạn.

Thời này cũng thường được gọi là Hạ nguơn Mạt kiếp. Từ “Mạt kiếp” trong kinh sách Phật giáo được dùng để chỉ thời kỳ cuối cùng của loài người hiện nay, trước khi họ bị huỷ diệt hầu hết. Đôi khi người ta còn đồng nhất từ đó với “tận thế” trong Kinh Thánh, mặc dù từ này để chỉ thời điểm chấm dứt tồn tại vĩnh viễn sự sống trên Trái Đất nói chung.

Các Kinh sách tôn giáo ở phương Đông cũng như phương Tây đều đã từng nói nhiều đến vấn đề “tận thế” – giai đoạn mà toàn bộ nhân loại trên Trái Đất đều sẽ gặp tai ương khủng khiếp nhất.

Theo tín đồ Ba Tư giáo, mỗi thời đại có điểm khởi đầu và điểm kết thúc, đó là một chiến trường rộng lớn giữa cái Thiện và cái Ác.

Đối với đạo Hồi, ngày “tận thế” cũng được coi đồng nghĩa với sự phán xét. Trong kinh Coran có viết: “Đó là ngày mà tiếng kèn đồng vang lên và bọn ác xanh mắt lên vì kinh hoàng”. Các tín đồ Hồi giáo cũng cho rằng, ngày “tận thế” sẽ được báo trước bởi một thời kỳ suy sụp của mọi giá trị đạo đức.

Theo các đại sử, cứ sau một giai đoạn phát triển nhất định của nền văn minh nhân loại trên Trái Đất thì lại có một cuộc lọc sàng để phán xét sự tiến hóa của con người. Nhân loại chúng ta hiện nay đã trải qua 2 lần lọc sàng và sắp tới sẽ là lần lọc sàng thứ ba.

Theo Kinh Thánh Cựu Ước, kể từ khi Thượng Đế tạo ra loài người và để cho tiến hóa, thì loài người tiến hóa theo đường vật chất, quên mất nguồn cội và đạo đức tinh thần, vì vậy mà tội ác ngày càng chồng chất. Thượng Đế nhìn thấy chỉ có gia đình ông Nô-ê là còn giữ được đạo đức và công bình. Ngài ban ơn cho Nô-ê, bảo Nô-ê đóng một chiếc thuyền rất lớn, khi có nước lụt dâng cao thì đem tất cả gia đình lên, mang theo lương thực và các sinh vật mỗi loài một cặp trống – mái. Thượng Đế đã gây ra trận Đại hồng thủy, nước ngập mênh mông khắp mặt đất, tiêu diệt hết nhân loại và sinh vật, chỉ còn lại gia đình ông Nô-ê và các loài vật trên thuyền sống sót. Khi nước lụt rút hết, gia đình ông Nô-ê và các loài vật rời khỏi thuyền, lên mặt đất canh tác, tạo ra thực phẩm, tiếp tục sinh sống và phát triển. Từ đó vợ chồng Nô-ê trở thành thủy tổ loài người sau cuộc “tận thế” lần thứ nhất.

Người ta cho rằng: cuộc sàng lọc lần thứ hai có lẽ đã xảy ra với sự sụp đổ của châu lục Atlantide, dấu tích của nền văn minh này còn ghi lại trong các Kim tự tháp ở Ai Cập. Sau lần “tận thế” thứ nhất, loài người đã tiến triển qua nhiều thế hệ, dần dần khôn ngoan và tiến bộ hơn, nhưng cũng càng ngày càng hướng vào vật chất, xa lánh đạo đức tinh thần. Con người càng tiến bộ, khôn ngoan hơn thì càng tự kiêu tự đại, khinh rẻ hoặc phủ nhận các vị Thần, Thánh,

Tiên, Phật và Thượng Đế. Đến kỳ phán xét lần thứ hai của Thượng Đế. Đã xảy ra trận động đất cực kỳ dữ dội, làm sụp đổ châu Atlantide, tạo thành biển Đại Tây Dương ngày nay. Nền văn minh của châu lục đó đã bị nhấn chìm hoàn toàn xuống đại dương. Nhân loại trở lại thời kỳ phát triển hoang sơ.

Như vậy, qua hai thời kỳ “tận thế” được biết đến nhờ các kinh sách cổ xưa, chúng ta thấy đó chỉ là những cuộc đại phán xét của Thượng Đế đối với nhân loại. Người ta cho rằng các chư Phật, Tiên, Thánh, Thần đã thi hành đúng theo Luật nhân quả đối với cả nhân loại sau những thời kỳ chuyển luân tiến hóa nhất định.

Theo Thiên Chúa giáo, Đức Chúa Jesus đã cho biết trước những điều thống khổ xảy đến cho loài người. Khi ngày Phán Xét đến? sẽ có những điềm báo trước lần lượt hiện ra như:

1. Điểm Trời: trật tự thiên nhiên bị rối loạn, mùa tiết không còn điều hòa nữa và sẽ có những ngày Thiên hôn Địa ám.

2. Điểm đất: thường xảy ra những trận địa chấn kinh khủng, động đất cùng sóng thần, bão lụt sẽ hủy hoại sinh mạng, phá hại mùa màng, gia súc không biết cơ man nào kể xiết.

3. Điểm người: con người ngày càng hung dữ. Đức Jesus cho biết *“nên biết rằng trong những ngày cùng cuối, sẽ là những lúc khó khăn. Vì rằng con người sẽ rất ích kỷ, tôi tớ cho bạc tiền; hay khóac lác, tự cao, phạm thượng, chống báng cha mẹ, bất nghĩa, vô thần... các người hãy lánh xa những hạng người đó. Nay thì những ai muốn sống hiền lành theo Chúa lại bị ngược đãi. Nhưng những người hung dữ và giả đạo đức cứ tiến mãi theo điều ác, làm lạc hướng người khác, đồng thời tự đánh lạc hướng mình.”* (Timothée)

Theo Cao Đài giáo, Đức Chí Tôn dạy trong Đại Thừa Chơn Giáo:

*“Đạo có ba gương, ba gương ấy là cái số cuối cùng của Trời Đất.*

*– Trước hết mở đầu là THƯỢNG NGUỒN. Thượng nguồn đây chính là nguồn tạo hóa, là nguồn đã gây dựng cả càn khôn vũ trụ. Vậy khi mới tạo*



thiên lập địa, nhưn loại sanh ra thì tánh chất con người rất đổi hỗn hỗn ngạc ngạc, còn đang thuần phác thiện lương, nên chỉ cứ thuận tùng Thiên lý mà hòa hiệp dưới trên, tương thân tương ái. Thời kỳ ấy người người đồng hấp thụ khí thiên nhiên, nên hằng cộng hưởng thanh nhàn khoái lạc mà vui say mùi Đạo tháng ngày. Bởi đó, đời thượng cổ mới có danh là đời THƯỢNG ĐỨC, mà thượng nguơn ấy cũng kêu là nguơn THÁNH ĐỨC nữa.

– Kể đó bước qua TRUNG NGUƠN thì nhưn tâm bất nhứt, tập quán theo thói đời, thâm nhiễm những nét xấu mới làm cho xa mất điểm thiện lương, bèn cậy ở sức mình mà hiệp bức lấy nhau, chém giết lẫn nhau, tương sát tương tàn, mạnh còn yếu mất thì mới sanh ra biết bao trường huyết chiến, không còn kể đồng loại đồng chủng, đã lợt tình đồng nghĩa đồng bào. Bởi đó đời trung cổ mới có danh là đời THƯỢNG LỰC, mà trung nguơn ấy cũng kêu là nguơn TRANH ĐẤU nữa.

– Tiếp đến HẠ NGUƠN, sự tranh đấu ngày càng ráo riết, dữ tợn, góm ghè thì nhưn loại lại che sức mạnh mà dùng não cân nên mới bày ra chước quỷ mưu tà, kế sâu bẫy độc, thiệt là khốc liệt phi thường. Song đó cũng lẽ tự nhiên, càng tranh đấu mới càng tấn hóa. Ngặt càng tranh đấu lắm lại càng ác liệt lắm, nên tranh đấu thét phải đến ngay thời kỳ tiêu diệt. Bởi đó, đời hiện tại là đời MẠT KIẾP, còn hạ nguơn nầy là nguơn ĐIỀU TÀN.

Nhưng hễ loạn là tới trị, vong tất phục hưng, nên Nguơn Tiêu Diệt tất sẽ bước đến Nguơn Bảo Tồn là nguơn đạo đức phục hưng, để sắp lập lại như đời thượng cổ, thế nên cũng gọi là nguơn TÀI TẠO. Vậy nhưn loại bước qua thời kỳ nầy là thời kỳ quy nhứt thống, đại luân hồi của thiên địa đó. Mà ngày nay đã đúng số nhứt định của Tạo Doan, đã tới nguơn cuối cùng của thiên địa, vì tính ra thì đã mười hai vạn chín ngàn sáu trăm năm, nên đã tới thời kỳ tạo thiên lập địa một lần nữa. Các con, ngày nay Thầy đã đến đây rồi là Thầy muốn ngửa tay ra mà tế độ các con. Vậy các con phải nương nín lấy Đạo mẫu, ráng luyện

chơn tánh cho thuần dương thì ắt tránh khỏi cuộc dinh hư tiêu trưởng của đời sắp đến, nghe các con!”

## II. ĐẠI ÂN XÁ KỶ BA CỦA ĐỨC CAO ĐÀI

Với sự xác nhận của Đức Thượng Đế: đúng số nhứt định của Tạo Doan, đã tới nguơn cuối cùng của thiên địa, Trái đất này đã sắp đến hồi bị hủy hoại, đồng nghĩa với sự tận diệt của loài người do bởi sự vi phạm những định luật của vũ trụ mà con người đã gây ra. Với đức háo sinh vô biên, Đức Thượng Đế không thể làm ngơ nên Ngài đã giáng trần dùng điển quang qua huyền cơ diệu bút khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

“Thầy lập đạo tại xứ An Nam này nhằm thời kỳ cuối cùng của nhưn loại. Các con ôi! Vách tường sắp đổ nạn khổ hầu kẻ. Thầy há nỡ điềm nhiên tịnh tọa để xem bầy con sắp phải tận vong tiêu diệt sao? Thế nên Thầy không nài gian khổ nhọc nhằn đem mỗi đạo mà cứu vớt các con trong hồi khẩn cấp này.”

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn cho biết: “Kỳ hạ nguơn mạt kiếp là kỳ đại ân xá.”<sup>2</sup> Và Đức Đông Phương Lão Tổ xác nhận: “Tam nguơn mới có một lần đại ân xá.”<sup>3</sup>

“Đại” có nghĩa là lớn, “ân” có nghĩa là ban ơn, và “xá” có nghĩa là tha tội, có nghĩa là “sự ban ơn lớn lao” và “sự tha tội lớn lao” mà Đức Thượng Đế ban cho khắp toàn nhân loại khi Ngài mở cơ tận độ trong Kỳ Ba, nếu loài người biết nghe và làm theo lời dạy của Ngài.

Như vậy, Đại ân xá chỉ diễn ra một lần duy nhứt vào Hạ nguơn Mạt kiếp. Vì vậy, đây là một cơ hội quý báu mà bất kỳ ai muốn thoát khỏi ngục tù của luân hồi sinh tử đều phải nắm bắt lấy để tu, “nếu không, phải trải qua biết bao ngàn kiếp nữa mới đến kỳ đại ân xá, lập đời

1. Đại Thừa Chơn Giáo, năm 1950, tr.394.

2. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Huồn Cung Đàn, 09-02 Tân Sửu (25-3-1961).

3. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Thiên Lý Đàn, 15-5 nhuận Tân Hợi (07-7-1971).

thượng ngươn<sup>24</sup> của đại chu trình kế tiếp trong Càn Khôn vũ trụ.

“Sanh đặng kiếp làm người mà không tiến hóa được, ắt phải chịu thoái hóa, chịu kiếp trầm luân, thay hình đổi xác: đái giác phi mao; chừng đó, nếu muốn tu để tiến lên lại kiếp làm người là một việc khó khăn. Phải muôn ngàn kiếp mới có một kỳ đại ân xá, là mỗi lần sàng sọc thanh lọc để sắp xếp lại một thế giới thánh thiện cho những chơn linh giác ngộ và đào thải cận bã vào lớp khôỉ trần hay vào phi cầm tẩu thú.”<sup>25</sup>

Đại ân xá chỉ có trong Tam Kỳ Phổ Độ, vào thời Hạ ngươn mạng kiếp, do chính Đức Thượng Đế ban cho để tạo ra cơ hội lần cuối cùng cho chúng sinh trên địa cầu này. Do đó, giai đoạn cuối đời Hạ ngươn là giai đoạn thanh lọc, sàng sọc cho loài người sạch tội để dự cuộc “thay trời đổi đất”, lập một cõi đời thanh khiết. Đã sàng sọc thì không tránh khỏi chấn động, xây sát và tổn thương. Nếu không có sự ban ơn đại xá của Đức Chí Tôn, nhân loại khó có thể được tiến hóa để thích ứng với điều kiện sống mới trong ngày mới.

Vì thế, cùng với sự đại ân xá là sự sàng sọc rất mạnh mẽ, quyết liệt, nghiêm khắc. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã dạy:

“Thời đại ân xá này, người chí tâm tu ắt dễ thành mà kẻ vô tình cũng dễ bị đọa.”<sup>26</sup>

Những thử thách, khảo thí sẽ diễn ra rất khốc liệt đối với con người:

“Đây là thời kỳ đại ân xá, biết bao nhiêu cảnh sàng sọc khó khăn trở ngại sẽ làm chùn chân những ai không có một chí quyết, một tấm lòng hi sinh [cho nhân loại].”<sup>27</sup>

“Chư hiền vẫn cũng còn nhớ lời Chí Tôn thường dạy: Tam Kỳ Phổ Độ, Đại Ân Xá mà đó cũng là

cơ hội phân phàm lọc thánh, phân Phật tách ma. Hoặc là Thánh hoặc là phàm, hoặc là Phật hoặc là ma, cũng trong ngươn hạ này mà thôi. Vì thế nên cơ sàng sọc chọn lọc [diễn ra] từ mặt đời đến mặt đạo. (...) Thế nên, Bản Đạo cũng như các Đấng Thiêng Liêng thường nhắc nhở chư hiền phải rán bền chí kiên tâm, siêng năng trì thủ để chấp hành đạo sự, trên có Thấy cùng chư Phật Tiên dắt đến chỉ dạy từ bước đi, dưới có bạn hiền nương nhau đồng tu đồng tiến.”<sup>28</sup>

Con người trong thời mạng kiếp hữu duyên, hữu phước nhận được hồng ân to lớn của Đức Thượng Đế, nhưng đồng thời, đây cũng là những người đã vương mang không biết bao nhiêu tội lỗi trải qua vô lượng kiếp luân hồi, mà trong một kiếp làm người chắc chắn không thể nào đủ thời gian cũng như đủ sức để trả cho hết nghiệp, trong khi đây lại là thời kỳ cuối cùng của đại chu kỳ vũ trụ. Con người muốn tồn tại sau Hội Long Hoa, hưởng đời Thánh đức, phải thanh toán hết nợ đã vay nơi cõi tạm như lời Đức Quan Âm đã khẳng định: “Bao nhiêu căn duyên nghiệp quả đều phải trả xong mới hưởng được buổi lập đời Thượng ngươn Thánh đức.”<sup>29</sup> Cho nên, nếu không có được sự đại ân xá của Đấng Cha Trời, thì chắc chắn con người sẽ không thể nào thoát cơ tận diệt. Ngay cả có được sự đại ân xá, nợ vay một trả một cũng không thể nào trả cho hết được. Chính vì vậy mà Đức Thượng Đế vì lòng từ vô biên, muốn cứu đàn con còn nẻo sinh tồn trở lại nguồn xưa, cho nên Ngài không chỉ ban Đại Ân Xá mà còn kèm theo hệ số.

Thánh giáo Cao Đài dạy:

“Thời đại ân xá, ai tu cũng có thể được đắc quả. Một việc làm thiện dầu nhỏ nhen đến mấy đi nữa cũng vẫn là việc thiện và được ghi ở hệ số 3. Trái lại, việc ác dầu cho nhỏ đến thế mấy đi chăng nữa cũng vẫn là việc ác.”<sup>30</sup>

4. Đức Đông Phương Chương Quân, Thiên Lý Đàn, 23-6 Canh Tuất (25-07-1970).

5. Đức Bảo Hòa Thánh Nữ, Vĩnh Nguyên Tự, 17-6 Đinh Tỵ (31-7-1977).

6. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Ngọc Minh Đài, 24-3 Kỷ Dậu (10-5-1969).

7. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Tân Hợi (02-12-1971).

8. Đức Đông Phương Chương Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Ất Mão (27-3-1975).

9. Thánh giáo sưu tập, 1968-1969, tr.110.

10. Đức Đông Phương Chương Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Tân Hợi (14-02-1972).

Đức Chí Tôn cho làm việc thiện dù nhỏ cũng được tính công quả gấp 3 lần, đồng thời Ngài cũng giảm tội 7 lần cho những ai quyết tâm tu hành:

*Con biết tu Thầy thu lại bớt,  
Tội đủ mười, Thầy sót còn ba  
Nếu con chẳng hiệp, không hòa,  
Tội ba cộng bảy con mà còn chi.*

Như vậy, Đại Ân Xá Kỳ ba được Đức Thượng Đế cho tăng công, bớt tội.

### III. CON ĐƯỜNG AN LÀNH TRONG CƠ MẠT PHÁP

Khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với cơ Đại ân xá tức là Đức Cao Đài đã mở ra một sinh lộ cho con người thoát khỏi họa diệt vong. Không những đó là con đường mà nếu con người đi theo thì sẽ tìm được sự an lành trong thời mạt pháp mà còn có cơ hội chấm dứt kiếp luân hồi sinh tử.

#### 1. PHUNG SỰ CUỘC ĐỜI ĐỂ TRẢ NỢ TIỀN KHIÊN

Con người sống trên thế gian bị tác động bởi Luật Nhân quả không chỉ trong kiếp hiện tại mà gắn chặt với con người từ kiếp này sang kiếp khác trong vòng luân hồi sinh tử. Con người chỉ có thể đoạn trừ Nhân quả khi nào trả hết nợ vay từ vô lượng kiếp, và chấm dứt việc vay nợ trong kiếp này. Tam Kỳ Phổ Độ với cơ Đại Ân xá của Đức Cao Đài không chỉ là cơ hội ngàn năm một thuở cho những ai quyết tâm thoát vòng nhân quả để trở lại bến khởi nguyên, mà còn chỉ ra phương thức giảm bớt việc bị đòi nợ để rồi phải trả bằng những tai ương, bệnh tật ngay trong kiếp sống hiện tại

Thánh giáo Cao Đài dạy:

*“Hễ công quả nhiều, làm phúc làm đức nhiều, thương người giúp chúng nhiều, thì phước đem đổi tội, chế giảm tiêu mau, đến khi nào phước càng cao thì oan khiên nghiệp chướng càng sớm dứt.”<sup>11</sup>*

Con người sở dĩ gặp nhiều điều khổ đau trong cuộc sống là do bị đòi nợ tiền khiên.

Những món nợ phải trả mà không cần biết chủ nợ là ai. Tai họa nhiều có nghĩa là nợ vay nhiều. Hiểu được như vậy, con người chủ động trả nợ bằng cách làm nhiều điều thiện, làm nhiều điều ích lợi cho tha nhân, cho cộng đồng. Làm công quả chính là để trả nợ. Trong ý nghĩa này, nội dung này, công quả trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được Đức Thượng Đế cho hệ số ba, tức là mỗi người tín đồ Cao Đài nếu phát nguyện làm công quả thì luôn được tính gấp ba lần giá trị của công quả đã làm, để có thể khấu trừ mau hết nợ tiền khiên. Đây chính là một sự ban ơn rất lớn trong kỷ nguyên tận độ của Đức Thượng Đế Chí Tôn.

Mặt khác, mỗi người khi sinh ra đời là mặc nhiên phải thọ ơn biết bao người khác quanh mình, cho nên sự cống hiến sở năng, sở hữu của mình cho xã hội, vừa có tính tự mưu sinh, cũng vừa có tính đáp đền ơn xã hội, đồng bào, cho sự sinh tồn của cộng đồng loài người. Kinh Sám hối có câu: Trên lo báo tứ ân trọng đại. Tứ ân là bốn ơn lớn mà con người phải đền đáp trong đạo làm người: ơn trời đất, cha mẹ tổ tiên, dân tộc giống nòi, nhân loại và ơn thầy dạy.

Đức Thượng Đế dạy: *“Từ bến khởi nguyên, con ra đi vương một sứ mạng trong hai đoạn đường: một đem Đại Đạo lập đời; hai trở về với Đại Đạo.”* Như vậy, con người đến trần gian này, không phải ngẫu nhiên đến rồi đi một cách vô ích. Con người đến thế gian là bước vào trường huấn luyện, để thực hành những hiểu biết, kinh nghiệm, học tập, làm việc, sinh hoạt xã hội, sinh hoạt tinh thần, suốt cuộc đời phải vượt bao nhiêu là chướng ngại, chịu bao nhiêu là thử thách để làm tròn sứ mạng vi nhân. Chính vì vậy con người phải phụng sự cuộc đời, phụng sự xã hội để có điều kiện trở về.

Tinh thần phụng sự không kể việc nhỏ hay việc lớn. Đừng nghĩ người có tiền của giàu có mới có cơ hội làm điều thiện. Mỗi người tùy khả năng của mình mà làm, công quả nào cũng có giá trị của nó. Sự hy sinh một nắm gạo của người nghèo khó cho kẻ bất hạnh hơn mình có

11. Đức Đô Thống Quân Địa Thần, Ngọc Minh Đài, 15-4 Mậu Thân (11-5-1968).

giá trị ngang bằng tiền muôn bạc vạn của người giàu có. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn căn dặn chúng ta cần chú ý đến việc thực hành điều thiện từ những việc nhỏ nhất như chia cơm sẻ áo cho những người đói rách. Tuy việc làm nhỏ nhoi như thế nhưng với tấm lòng vong kỷ vị tha, cũng là hạnh Bồ Tát vậy. Ngài dạy:

*“Giúp đỡ người thua kém nghèo hèn, diu dắt người sa cơ thất thế, tuy là việc nhỏ không sánh được với người xưa đã bỏ ngai vàng, lia cung ngọc, nhưng đó cũng là công đức ích lợi vị tha. Lúc no bụng nhớ kẻ đói ở quanh mình, khi lành lặn ấm áp nên nhìn người đói rách lang thang, chia cơm sẻ áo, không tích trữ, đó là hạnh Bồ Tát tại thế. Tuy việc nhỏ mà nên Đạo, đừng chê nhỏ mà không làm.”*<sup>12</sup>

Chúng ta không biết được là mình đã vay bao nhiêu, đã tạo bao nhiêu nhân từ tiền kiếp và không biết mình sẽ bị đòi nợ lúc nào và phải trả ra sao, thì thôi cứ một lòng tạo nền âm chất bằng cách cứ làm bất cứ điều gì mà mình có thể làm mang lại lợi ích, niềm vui cho kẻ khác mà không tính toán so đo, thì chắc chắn sẽ bớt đi những bất an trong đời sống.

## **2. TU THÂN, SỬA MÌNH SỐNG THEO ĐẠO TRUNG CỦA TRỜI ĐẤT**

Con người là sản phẩm hoàn hảo nhất của Tạo Hóa được đặt vào vị trí cao trọng giữa Trời và Đất (thể hiện ngôi Trung) để nhận sứ mạng lớn lao là thay Trời tiếp tục lập đời nơi cõi thế gian như lời Thánh giáo: *“Người là một địa vị quan yếu vô cùng, giữa lưỡng gian. Người là chủ sự quân bình, lợi dụng được thiên thời địa lợi, làm cho vũ trụ vạn vật hanh thái, an lạc, mỹ miều. Đây cũng nên nhắc lại quyền tối thượng. Trời Đất đặt vào con người một địa vị thiêng liêng. Nếu nhơn bản biết vun trồng, nguồn sống của con người biết khai thông, biết phát triển thì người giàu mạnh sáng sủa, khác chi Trời Đất, mặt nhật, mặt nguyệt.”*<sup>13</sup>

Nhưng rồi con người vì mê đắm vật chất, để lòng tham dục lấn áp lãng quên trách nhiệm cao quý của mình đã được Tạo Hóa phó giao là quản cai muôn loài vạn vật, và càng tiến bộ, con người càng thiên lệch, xa rời đạo Trung vốn ẩn tàng trong thiên nhiên; con người không chỉ tàn phá môi trường, làm mất sự cân bằng sinh thái tự nhiên, mà còn đánh mất nhân bản, hủy hoại, làm xiêu vẹo ngã nghiêng cái mà Thượng Đế đã chia cho con người. Có nghĩa con người đã đi ngược với luật Trời, đã bước ra khỏi quỹ đạo vận hành thiên lý, cho nên phải rơi vào chỗ diệt vong.

Đạo Trời Đất là đạo Trung, con người muốn tìm lại sự bình an thì không còn con đường nào ngoài sự trở về với đạo Trung mà theo lời dạy của Đức Khổng Tử được ông Châu Hy diễn dịch hai chữ Trung Dung: “Hễ cái tâm không chênh bên này, không lệch bên kia, ở được mức giữa gọi là Trung; còn như giữ thường thường một mực, không hay dời đổi thì gọi là Dung. Trung là con đường ngay mà tất cả mọi người phải theo. Dung là cái lẽ định sẵn quản trị tất cả mọi người.”

Để sống theo đạo Trung, con người phải tu thân sửa mình, khắc kỷ phục lễ, tập tành sống Đạo, lúc nào cũng giữ ở mức vừa phải trong mọi sinh hoạt đời sống để giữ gìn thân xác cho khỏe mạnh, ăn uống điều độ, không ăn quá no, không để quá đói, áp dụng phép dinh dưỡng theo khoa học, mùa nào thức nấy, nghỉ ngơi hợp lý. Không hủy hoại thân xác, phí phạm sức khỏe cho những ham muốn hưởng thụ thấp hèn. Làm kiếm tiền để tự nuôi sống bản thân, gia đình và góp phần vào công cuộc xây dựng xã hội nhưng phải biết tiết chế để có cuộc sống mực thước hợp thiên nhiên, không vì giàu sang mà bất chấp lẽ phải, đạo lý.

– Phải giữ tâm ngay thẳng, thành thật, lúc nào cũng dè chừng bản thân, để tránh xa điều ác, điều quấy, rèn luyện bản thân, luôn luôn tôn trọng lẽ phải, lẽ công bằng, luôn luôn nghĩ đến lợi ích chung của nhân quần xã hội. Luôn tỉnh

12. Vĩnh Nguyên Tự, 29-4 Nhâm Tuất (22-5-1982).

13. ĐHCN.

tâm, không để những chuyện huyễn hoặc xa vời chi phối, dễ bị sa lầy vào mê tín.

Để làm được điều này, con người phải ngày ngày học hỏi đạo lý như lời Đức Vạn Hạnh: *“người tu hành cần phải học hỏi đạo lý để phân định được cái chân cái giả, lẽ thiệt, lẽ hư, điều chánh, điều tà, sự thiện, sự ác. Có chịu khổ công học hỏi suy nghiệm phân tích rõ rệt để tìm lẽ chánh mà lánh điều tà, tìm lẽ chơn mà xa điều giả. Tìm lẽ thiệt mà xa điều hư và để làm sự thiện mà xa sự ác, ví như người tìm vàng trong giữa lòng đất cát.(...) sự tu học luôn luôn phải được liên tục trong nhứt nhứt thường hành, thời thời luyện tập, ví như pháp luân thường chuyển tiếp nối...”*<sup>14</sup>

– Phải luôn tâm niệm cuộc sống trần gian là cõi tạm mà đời sống con người là một mắc xích trong chuỗi tiến hóa không ngừng để quay về với nội tâm, trực diện với chơn tâm để nhìn ra lẽ thật của cuộc đời. Từ đó, tập cho mình một cuộc sống thoải mái giản dị, từ tốn, cố gắng dung hòa mọi dị biệt để tạo tinh thần hòa hiệp.

Trong cuộc sống, dù tu hành, chúng ta cũng không thể tách rời khỏi môi trường xã hội cộng đồng, ngược lại phải nhập thế, sống hài hòa với người thế gian; dùng chữ Lễ để đối xử với nhau, lúc nào cũng giữ sự khiêm tốn với tha nhân, khi đắc thời cũng không cao ngạo, lúc thất thế cũng chán nản buồn rầu. Luôn tự xét mình trước khi bắt lỗi, chỉ trích người khác. Can đảm nhận lỗi lầm, sửa sai chính mình, với người phải giữ trọn chữ Tín. Sống trong tập thể phải tự khép mình vào kỷ luật sinh hoạt chung, cố gắng sống Hòa với mọi người, khéo nhẫn nhịn, phải giữ lòng ngay thẳng, không dùng thủ đoạn với người để trục lợi. Phải biết che giấu bớt cái khôn ngoan hiểu biết của mình trước kẻ tiểu nhân đang thẳng thắn; nhưng cũng cần có lòng khoan dung độ lượng với kẻ khác, không nên phán xét người qua hành động bên ngoài.

14. Thánh giáo sư tập (25–9 Canh Tuất).

– Phải ý thức trách nhiệm của một con người, cụ thể là bốn phận của người công dân có trách nhiệm với đất nước, đồng bào mình, để chia sẻ giúp đời, không đứng bên lề xã hội, mặc cho đồng loại khổ đau trong khi mình sống xa hoa sung sướng.

– Luôn mở rộng cõi lòng để vượt qua mọi thành kiến phân biệt giai cấp, tôn giáo, dân tộc để tiến đến chỗ đại đồng nhân loại. Nhưng cũng không quên cội nguồn dân tộc để dự phần vào công cuộc bảo tồn và phát huy truyền thống ông cha, tức là làm sống lại tinh thần Nhân bản theo Giáo lý Đại Đạo.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy: *“Những hành động đúng đạo lý hằng đem mình để giúp ích cho mọi người thể hiện đức từ bi bác ái. Ngôn ngữ đúng đạo lý hay dùng lời lành lẽ phải hiền hòa êm dịu để an ủi những người khổ nạn đau thương hay đem sự học hiểu chánh chơn như khuyên em chị. Không vì thương mà tha thiết ngọt ngào, không vì ghét mà thị phi biếm nhẽ. Lời thốt ra nên người, nên bạn, nên nước, nên nhà. Lời thốt ra kẻ yêu người chuộng để thực hiện đức độ của người tu, tác phong cho đúng đạo lý, không vì chốn quyền môn mà bá khí, không vì lợi lộc mà cầu xin, không vì uy quyền mà khép nép; người tu hành vẫn ung dung thư thả, vui không hiện trên sắc diện, giận không thay đổi nét nhìn, những cảnh sắc hay hiện tượng bên ngoài không làm cho tác phong bị chế ngự.”*<sup>15</sup>

### 3. CẦU TÌM SỰ HỘ TRÌ GIÚP ĐỠ CHE CHỖ CỦA THIÊN LIÊNG

Con người sống vào buổi Hạ gương mặt kiếp là tội lỗi chất chồng với bao nhiêu nghiệp quả vương mang, cho dù con người giác ngộ, cố gắng quay về nẻo thiện, công quả giúp đời, sống đời ngay thẳng, thực hành đạo lý nhưng cũng không bảo đảm dứt được oan khiên nghiệp

15. Đức Quan Âm Bồ Tát, Chơn Lý Đản, 01–4 nhuận Giáp Dần (22–5–1974).

chương giữa thời kỳ tai họa khôn lường do ảnh hưởng của cộng nghiệp dầy dẫy. Cho nên để tìm thấy sự an lành, không thể nào không cầu tìm sự hộ trì của Thiêng Liêng và diễm phúc thay, con người trong thời mạt pháp lại được Đấng Cha Trời sẵn sàng mở rộng vòng tay che chở nếu con người giác ngộ, chí tâm tu hành tìm lại đường về nơi cõi siêu sanh.

Đức Chí Tôn khẳng định:

*“Thầy giăng trần gieo rãi mối chơn truyền để độ rỗi cả toàn linh tức là Thầy vạch con đường tắt cho Thiên thể hay Kim thân của các con về thẳng nơi Thầy, khỏi phải ngưng nghỉ ở mấy cõi hư linh để cõi cho rỗi bầy lớp thể chất bao bọc lấy linh hồn.”*<sup>16</sup>

Con đường tắt, lối đi tắt mà các Đấng đã dạy ấy chính là con đường trở về với nội tâm của mỗi người. Đó cũng là con đường công phu tu luyện theo tân pháp Đại Ân Xá của Cao Đài để đạt đến mục đích cuối cùng của cơ tận độ là giải thoát khỏi luân hồi sanh tử trở về hiệp nút cùng Thượng Đế, nhưng cũng là con đường an lành để con người tránh khỏi những tai họa của thời kỳ phán xét cuối cùng nhân loại. Bởi vì trong Kỳ Ba Đại Ân Xá, trên có Đức Thượng Đế và cộng đồng chư Phật Tiên cứu độ:

*“Các con là một nhân sanh trong nhân sanh, và cũng là một tín đồ mà Thầy cho đến thế gian. Tất cả đều được hưởng hồng ân trong thời kỳ Đại Ân Xá, để tu thân hành đạo, hầu trở về bốn nguyên linh giác, tức là về cùng Thầy.”*<sup>17</sup>

Như vậy, ân điển của Đấng Cha Trời và các Đấng Thiêng Liêng sẽ chan rưới cho toàn thể vạn linh trong cả Càn Khôn vũ trụ trong suốt thời kỳ Đại Ân Xá. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

*Kỳ đại xá, Thiên ân trải khắp,  
Ban pháp quyền, tái lập thượng ngươn;*

16. Đại Thừa Chơn Giáo, 1950, tr.382

17. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Nam Thành Thánh Thất, 15-02 Kỷ Dậu (01-4-1969).

*Châu nhi phục thi tuần huần,  
Cơ mẫu tiến hóa thiên chơn phản hồi.*<sup>18</sup>

Tuy nhiên, không phải chỉ cầu nguyện suông là được sự hộ trì, che chở của Thiêng Liêng, mà con người phải nỗ lực quyết tâm tu học theo lời chỉ dạy của Ông Trên thì mới đủ điều kiện để bước vào quỹ đạo an lành của Đức Thượng Đế. Bước vào cửa Đạo, người giác ngộ đã nhận chân con đường phải đi và đích điểm phải đến. Con đường phải đi đó, đòi hỏi người tu không chỉ một tinh thần mạnh mẽ, để có được một đức tin kiên định bền vững, mà còn phải có một xác thân khỏe mạnh, thì mới đủ điều kiện để đi trọn con đường tu hành. Cho nên con người phải vừa tu tánh vừa luyện mạng

Tánh và Mạng nơi con người vô minh là chuỗi liên kết nhân quả tạo nên sự khổ đau cho chính bản thân mình như lời Đức Đại Từ Phụ:

*“Nguyên con người trong buổi thiếu thời, còn giữ tánh thiên nhiên thì đâu biết lo rầu buồn giận. Mãi đến lớn lên lần lần nhiễm lấy mùi trần, rồi ham giàu, ham sang, mới rắp ranh trù nghĩ kế nọ mưu kia, phương này chước khác, báo hại phải hại cái chơn Tâm (thuộc Hỏa).*

*Đến khi mưu kế định rồi, lại còn phấn đấu tranh đua để đạt sao cho kỳ được mục đích mới nghe, thì báo hại tới phải lao Can (thuộc Mộc).*

*Bây giờ mục đích đạt xong, đã sang, đã giàu thì lại đâm ra muốn vui xác thịt, nên bề dục sóng tình tha hồ đắm đuối ngày đêm, báo hại thêm ra hao Thận (thuộc Thủy).*

*Đã vui sắc dục thì phải khoái ngọt bùi, nên lại kiếm tầm hải vị sơn trân, sát mạng thượng cầm hạ thú để làm cho khoái đã sự thềm ngon của miệng lưỡi, mà lắm khi chất độc món khác cũng chẳng hề từ, thành ra bệnh tưng khẩu nhập mà báo hại cho phải hao Tỳ (thuộc Thổ).*

*Lại khi ăn uống no say ngon khoái rồi thì bị những vật thực bằng huyết nhục kia nó phát sanh ra tánh người táo bạo, hung hăng, ganh gổ,*

18. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Tân Dậu.

độc ác và háo thắng, tự phụ, máu nóng ham sân mà báo hại hao thêm cho phế (thuộc Kim).

Đó là Ngũ hành đã suy mà Ngũ tạng đã nhược.

Vậy nên người tu phải không ham giàu, không ham sang, không ham dục, không ham, không hết ráo, thế mới thành công.”<sup>19</sup>

Để thực hiện phép Song Tu Tánh Mạng một cách hiệu quả, điều kiện đầu tiên là phải ăn chay. Ăn chay vừa là nuôi dưỡng lòng bác ái, từ bi tức tu Tánh mà cũng vừa mang lại sức khỏe cho bản thân tức Tu Mạng, đồng thời còn là để tránh tạo nghiệp sát sanh sẽ đưa đến thành cộng nghiệp cho cả nhân loại. Việc ăn chay ảnh hưởng đến xác thân tức góp phần trực tiếp vào việc luyện Mạng, gián tiếp đến phần tu Tánh, Ôn Trên dạy:

“Đã là mang thể xác phàm trần, trong đó có thập tam ma và lục căn lục thức lục trần, có lúc thì tâm hồn mình là Thượng Đế, là Phật Tiên Thánh, cũng có lúc tâm hồn mình có những ý nghĩ quá tầm thường, chưa nói đến tội lỗi. Thế nên cần có sự chay lạt, trước tiên là để khử trừ phân thanh, không ăn huyết nhục để khỏi chịu ảnh hưởng không tốt từ thú tính còn lại. Thân thể có được trong sạch, huyết nhục có được khinh thanh thì tâm hồn tánh nét mới được dịu dàng, trí tuệ mới được minh mẫn, thì lời nói mới được dịu dàng khả ái, hành động mới được phúc đức. Chớ không phải ăn chay để thành Phật Tiên Thánh, mà nó cũng là điều kiện tối thiểu cho khởi thủy của việc thành Phật Tiên Thánh nếu có những điều kiện về nội tâm và ngoại thể kế tiếp như đã dạy trên.

Không chỉ đề cập đến việc ăn chay lạt, phép Song tu Tánh Mạng còn đòi hỏi người phải biết điều tiết trong việc ăn uống, vì đây là cách tốt nhất để phòng tránh bệnh tật, ăn uống giữ quân bình, dùng nhiều chất chua hại tỳ, (đau bao tử) nhiều chất đắng thì hại phổi, nhiều chất cay thì hại gan, nhiều chất ngọt thì hại thận ( tiểu đường), nhiều chất mặn thì hại tim. Đức Khổng Tử cũng là người rất chú trọng đến mối quan hệ giữa sức

khỏe, sống thọ và ăn uống. Ngài dạy rằng: Con người chết đi là ba lý do, không phải bởi số mệnh, mà là tự mình chuốc lấy. Chỗ ngủ không thích hợp, ăn uống không điều độ, lao động quá sức, dẫn đến bệnh tật mà chết.”

Tránh làm những việc có thể làm tổn hại đến thân thể: ăn xong mà nằm ngay là việc có hại; lòng đầy ham muốn là có hại; suy tư phiền não là việc có hại. Phải biết sống hợp vệ sinh để bảo vệ sức khỏe.

Cuối cùng để thực hiện phép Song tu Tánh Mạng, việc công phu tu tịnh là tối cần thiết để điều hòa cả về Thần, Khí mà Tân pháp Cao Đài là pháp môn Đại Ân Xá, là con đường ngắn nhất để cho hành giả của kỷ nguyên tận độ rời khỏi bến mê, bước sang bờ giác.

Tu tánh tức là luyện thần để cho điểm Tiểu Linh Quang trở nên sáng suốt linh diệu, định được tâm đừng để vướng mắc các ngục tù như: tửu sắc tài khí, tham sân si dục, sanh lão bệnh tử. Sửa đổi tánh phàm trở thành tánh Thánh, Tiên, Phật. Giữ gìn bốn mạng cho không bình hoạn để làm công quả trả nợ tiền khiên, và lo công phu thiền định để gột rửa linh hồn.

## KẾT LUẬN

Dù thế gian này đang lâm vào cảnh tối tăm với vô vàn hiểm nguy chực chờ, nhưng con đường an lành trong cơ mật pháp đã được Đức Thượng Đế Chí Tôn khai mở chờ đón những ai giác ngộ biết tìm đường tự cứu mình. Con đường an lành đó chính là diệu dụng của pháp môn Tam Công.

Công quả là con đường phụng sự tha nhân, xã hội để chủ động trả nợ tiền khiên của chính mình; Công trình là sự quay về sống đúng đạo Trung để thuận tòng Thiên lý và Công phu để cầu tìm sự hộ trì che chở của Thiêng Liêng giữa cảnh đời tối tăm của thời mạt kiếp. Đó là con đường tắt mà Đức Thượng Đế đã ban cho con cái Ngài làm phương tiện thoát khỏi luân hồi. Đó cũng chính là con đường an lành để con người thoát khỏi vô vàn tai họa đang tiếp diễn trên hành tinh này hôm nay.■

19. Đại Thừa Chơn Giáo.

# Học cách ghi Năm Đạo của ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG qua thánh giáo Cơ Quan

## ■ ĐẠT TƯỜNG

A. Chúng tôi có sưu tầm được một số chứng cứ lịch sử từ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển hay một số lớn văn bản hành chánh của Tòa Thánh Tây Ninh trong 7 năm đầu của Cao Đài giáo (1926–1932)<sup>1</sup> để xem xét về cách ghi Năm Đạo ngày xưa như thế nào khi nhà Đạo chưa phân chia thành các nhánh. Có thể kết luận về giai đoạn này là Năm Đạo hầu như chỉ được tăng thêm vào mùng 1 đầu năm âm lịch, nói chính xác hơn là trên số cúng Giao thừa mỗi năm, Niên Đạo mới bắt đầu được thay đổi.

Đọc lại những văn bản trong hồ sơ lưu trữ của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, chúng tôi thấy cách ghi Năm Đạo vẫn còn được duy trì theo truyền thống ban sơ Đại Đạo cũng như của tổ chức tiền thân Cao Đài Thống Nhất.

Nhưng sau thập niên 70 của thế kỷ trước, từ khi Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý hàng năm thiết Lễ kỷ niệm Khai Minh Đại Đạo thì việc đổi Niên Đạo trên số và các văn bản hành chánh liền thay đổi vào đúng ngày kỷ niệm đó. Với cách đổi Niên Đạo như hiện nay có 2 điều cần suy nghĩ:

1. Nếu vào Rằm tháng 10 Quý Tỵ (2013) vừa qua trên số đã sớm ghi là “BÁT THẬP CỬU NIÊN” thì ba năm nữa vào ngày Khai Minh Đại Đạo năm 2016 trên số sẽ ghi là “CỬU THẬP NHỊ NIÊN”. Và nếu vẫn tiếp tục duy trì như thế thì vào lúc kỷ niệm 100 năm Khai Minh Đại Đạo thì Năm Đạo trên số sẽ được ghi là 102 “NHỨT BÁCH NHỊ NIÊN”!

2. Nếu cho rằng vào thời điểm Rằm tháng 10 Bính Dần (1926)

---

1. Cho đến thời gian trước Rằm tháng 10 Nhâm Thân (1932). Sau đó, khi Ngài Thượng Chánh Phối Sư Nguyễn Ngọc Tương lui về An Hội, không trực tiếp điều hành Tòa Thánh Tây Ninh thì Châu tri số 60 của Hiệp Thiên Đài do Ngài Phạm Công Tác ký ngày 07–11 Nhâm Thân (04–12–1932) bắt đầu ghi “Đệ bát niên” trước khi Xuân đến! [ĐẠO SỬ NHẬT KÝ, Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng, trang 844]



mới bắt đầu được tính là Năm Đạo thứ Nhứt thì những ngày tháng đầu năm sau (Đinh Mão) năm Đạo vẫn phải còn là Năm thứ Nhứt, cho đến Hạ Ngươn Đinh Mão mới bắt đầu chuyển sang Năm thứ Hai. Với phép tính toán đơn giản thông thường, như thế đến Rằm tháng 10 Bính Ngọ (2026) đúng 100 năm sau vào thời điểm đó sẽ phải chỉ mới được ghi lên Năm Đạo thứ 101 mà thôi!

Chính vì vậy, với cách ghi Năm Đạo sớm hơn một tuổi vào ngày Kỷ niệm Khai Minh Đại Đạo của một số nơi đã gây rất nhiều thắc mắc cho chánh quyền Mặt trận Tổ quốc thành phố Hồ Chí Minh cũng như Hà Nội trong một số dịp lễ của Cao Đài chúng ta!

– Liên quan đến ngày Rằm tháng 10 với cách ghi Năm Đạo khi xưa trong những năm đầu của Cao Đài giáo đã được ghi như thế nào?

Những văn bản lịch sử liên quan đến toàn Đạo là những Đạo Nghị Định đầu tiên từ số 1 cho đến số 6, đã được Đức Lý Giáo Tông giáng đàn ban cho ngày 03 tháng 10 Canh Ngọ (Le 22 Novembre 1930), tất cả đều ghi:

*“Đệ ngũ niên”... Nghị định này sẽ ban hành từ ngày Rằm tháng 10 năm Canh Ngọ.”*

– Cơ Quan chúng ta có tìm được 2 vật chứng lịch sử được ký tên của Ngài Thượng Chánh Phối Sư Nguyễn Ngọc Tương:

• Thứ nhứt là *“Đệ lục niên. TỜ TỎ BÀY VIỆC ĐẠO trong Hội Nhân Sanh nhóm lần thứ Nhứt tại Tòa Thánh Tây Ninh ngày Rằm tháng 10 năm Tân Vĩ 24 Novembre 1931.”*

• Thứ hai là *“Đệ thất niên. LỜI GIẢNG CỦA Thượng Chánh Phối Sư, tỏ bày việc đạo trước Hội Nhơn Sanh nhóm tại Tòa Thánh Tây Ninh lần thứ Nhì ngày 15 tháng 10 Annam năm Nhâm Thân 12 Novembre 1932.”*

Liên kết các chi tiết năm đạo của các văn bản lịch sử này. Như vậy, vào ngày Rằm tháng 10 Canh Ngọ 1930, năm Đạo vẫn còn là Đệ ngũ

niên; cho đến Đệ lục và Đệ thất niên vào Rằm tháng 10 của 2 năm kế tiếp. Nếu căn cứ vào cách ghi Năm Đạo của các văn bản lịch sử này, một của thiêng liêng và một của con người thực hiện, thì rõ ràng vào ngày Khai Minh Đại Đạo Quý Tỵ vừa qua chỉ phải là “Đệ bát niên” mà thôi!

**B.** Nay chúng tôi dựa theo nguồn Thánh Giáo Nguyên Bản được lưu trữ của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo làm tài liệu khảo cứu một số Thánh giáo của ba mươi năm sau để so sánh với các dẫn chứng vừa nêu trên.

Chúng tôi trích lọc một số đàn cơ từ Tổ chức Cao Đài Thống Nhất:

Thí dụ: ĐÀN XUÂN CANH TÝ 1960.

*“Lý Đại Tiên Trưởng...”*

*Tuổi đạo đã chông chất ba mươi lăm năm, có lẽ chư hiền cũng tưởng tượng rồi đây đúng ngươn hội Đạo sẽ hoàn thành thống nhất...”<sup>3</sup>*

Bước sang lúc sơ khai khi còn là Ban Phổ Thông Giáo Lý của Cao Đài Thống Nhất rồi tiến đến là Ban Phổ Thông Giáo Lý Liên Quan Hành Đạo và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo ngày nay, một số chi tiết về lời nói hay hướng dẫn của Đức Lý Giáo Tông về cách ghi năm Đạo trên văn bản hành chánh đạo như sau.

1. Năm 1962, trong đàn giao thừa Nhâm Dần Đức Lý Giáo Tông có dạy:

*“Đêm xuân này, Bản Đạo sẽ bàn với chư hiền một vài ý thức về cơ Đại Đạo. Vậy Bản Đạo miễn lễ chư hiền an tọa nghe Bản Đạo phân đây:*

*Ba sáu năm qua, Chí Tôn hoằng khai Đại Đạo trên góc đất Việt Nam là đúng theo số vận tuần hoàn luân chuyển, nên chính mình Đức Thượng Đế phải giáng thế độ trần toàn linh. Tất cả Phật, Tiên, Thánh, Thần đều tuân theo sắc chỉ Ngọc Hư Cung gồm thâu Tam Giáo để độ tận vạn linh cho kịp kỳ Long Hoa Đại Hội.*

*Xuân Nhâm Dần, chư hiền có nhớ chăng phải*

2. Hình nơi trang 686, LỊCH SỬ CAO ĐÀI, QUYỂN II: TRUYỀN ĐẠO, CQPTGLĐĐ, 2008.

3. Khai Cơ Xuân Canh Tý, Nguyệt Thanh Cung, 02-01 Canh Tý (1960), tr.6.

là Đại Đạo năm ba bảy, xuân vẫn trường tồn vĩnh viễn, vẫn về luôn với chư hiền mà Đại Đạo đổi thay, tàn tạ bao nhiêu người lãnh đạo. Rồi đây chư hiền cũng phải đi trên con đường của những người đi trước.”<sup>4</sup>

Cũng trong năm này, ngày Rằm tháng 3 Đức Lý nhắc thêm:

*Đạo vừa ba lẻ bảy năm,*

*Tuổi còn đang độ nảy mầm sanh hương.*

Từ “vừa” diễn đạt ý thời gian mới đi qua. Rằm tháng 3 Nhâm Dần, Đạo mới đi qua tuổi ba mươi bảy.

2. Với khởi thủy của Ban Phổ Thông Giáo Lý Liên Quan Hành Đạo,<sup>5</sup> tiền thân của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý sau này, lúc mới thành lập Ban này Đức Lý Giáo Tông đã có hướng dẫn cách ghi trên những văn bản hành chánh đạo:

2.1. “Chư hiền đã có một danh từ ba mươi sáu năm rành rạn thì đề:

“ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ, Tam Thập Thất Niên, Ban Phổ Thông Giáo Lý”, không phải rộng rãi và khỏi bị đóng khung chật hẹp sao?

*Bản Đạo để đôi lời mong toàn tất hiểu thêm.”*<sup>6</sup>

2.2. Đến đàn giao thừa năm kế tiếp, Đức Lý Giáo Tông lại dạy:

“Hôm nay là ngày khai Xuân, Bản Đạo giáng bút để cùng chư Thiên sắc, chư liệt vị nữ nam trong đôi phút vui xuân.

Trước giờ này, chư hiền đệ muội tựu tề về châu lễ để đón rước ngày vui tươi của toàn thể nhơn loại, Bản Đạo có cảm nghĩ đến sự may mắn cho tiền đồ cơ Đại Đạo.

Vậy Bản Đạo muốn biết chư hiền có ý kiến gì đối với tuổi Đạo Ba Tám.”<sup>7</sup>

Qua bốn Thánh giáo vừa nêu, chúng ta thấy với Đức Lý Giáo Tông cách ghi Năm Đạo chỉ đổi vào đầu năm âm lịch.

4. Hườn Cung Đàn, 01-01 Nhâm Dần (04-02-1962).

5. Sự chuyển hướng thành Ban Phổ Thông Giáo Lý Liên Quan Hành Đạo, vào tháng 4 Nhâm Dần.

6. Hườn Cung Đàn, 01-5 năm Nhâm Dần (01-6-1962).

7. Hườn Cung Đàn, 01-01 Quý Mão (24-01-1963).

3. Giai đoạn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo:

– Vào giai đoạn khởi đầu, trong đàn ngày 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965) Đức Giáo Tông nói:

“Lẽo đẽo bốn mươi xuân chẵn...”

Qua câu nói này, chúng ta thấy phải tính từ mùa Xuân Bính Dần (1926) đến Xuân Ất Tỵ (1965) mới được 40 mùa Xuân.

– Trong một đàn cơ năm 1973, Đức Mẹ có nhắc lại đàn có lời tiên tri của Đức Lý còn ghi trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển thứ nhất.

“Các con còn nhớ không? Đại Đạo năm thứ Hai Đinh Mão, Đức Lý Giáo Tông<sup>8</sup> đã cho các con biết là nạn tai của nhơn loại hầu gần. Sài Gòn, Gia Định, Huế, Hà Nội, Hải Phòng. Thảm! Thảm!...”<sup>9</sup>

Đó là đàn ngày 5 tháng 2 năm 1927 tức ngày mùng 4 tháng giêng Đinh Mão.

Ngày mùng 4 đầu năm âm lịch, Đức Mẹ nhắc lại là “Đại Đạo năm thứ Hai Đinh Mão”<sup>10</sup> (1927). Nếu kết hợp với nội dung Thánh ngôn của Thầy còn ghi trong đàn giao thừa trước đó 4 ngày, chúng ta thấy rõ vào những ngày đầu năm Bính Dần lịch sử đã là Năm Đại Đạo thứ nhất rồi!

– Tiếp theo, chúng ta đọc được trong đàn Rằm tháng 7 Ất Mão (1975) lời Đức Lý Giáo Tông nhắc lại một đàn lịch sử:

“Chư hiền đệ hiền muội, năm Đại Đạo thứ 14 tại Vĩnh Nguyên Tự, Đức Thượng Đế đã mở màn Đại Đồng Hiệp Nhất, cho đến thời kỳ này Cơ Quan có sứ mạng gồm bốn thời kỳ mà Đức Thượng Đế ban cho.

Bản Đạo phân để chư hiền đệ muội Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý hay tất cả đều ý thức đến

8. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn 5 février 1927.

9. Đức Mẹ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 26-12 Nhâm Tỵ (29-01-1973).

10. Từ đàn 5 février 1927 này, giúp chúng ta thấy lời Thánh ngôn vào giao thừa Đinh Mão:

“Thầy lập Đạo năm rồi ngày này, thì môn đệ của Thầy chỉ có 12 đứa...”

Thầy hỏi nếu chẳng phải quyền hành Thầy, dầu cho một vị Phật thiết lớn giáng thế đi nữa, cũng chưa có phương chi mà độ hơn bốn muôn sanh linh... nhờ tay có 6 đứa môn đệ trong một năm choặng bao giờ.”

diễn hành tuần tự của Thiên lý mà hành cho đúng đạo.”<sup>11</sup>

Quyển Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo của Cơ Quan có ghi nhận đàn Đức Chí Tôn dạy về lý thuyết Đại Đồng tại Vĩnh Nguyên Tự vào mùng 01-3 năm Kỷ Mão 1939.

Căn cứ vào lời của Đức Lý Giáo Tông trong đàn năm 1975 với ngày tháng của đàn lịch sử Thầy dạy về thuyết Đại Đồng trong thời Tam Kỳ này rồi tính ngược lại chúng ta thấy mùng 1 tháng 3 năm Bính Dần đã là năm Đại Đạo thứ nhất.

– Trong đàn chúng vị đăng Tiên cho cố Tổng Lý Minh Đạo Huệ Lương, trên văn bản Thánh sắc của Đức Chí Tôn vào ngày mùng 1 tháng 6 Tân Dậu (1981) ghi rõ:

*Trần Văn Quế là một nguyên căn xin Thầy nguyên xuống Thánh địa Việt Nam lập công hành đạo, phò trì chánh pháp (...) Thầy xét công lao đức hạnh, ngày Một tháng Sáu Tân Dậu, tại Thiên đình được bái mạng thọ phong:*<sup>12</sup>

#### SẮC DỤ

#### ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

*Tam Giáo Quy nguyên – Ngũ Chi Phục Nhứt Năm thứ 56*

*Đối chiếu lại với “Đệ lục niên” vào ngày Rằm tháng 10 (1931) của Tờ Tỏ Bày Việc Đạo đã trình bày bên trên, chúng ta thấy tính nhất quán: trước ngày Khai Minh Đại Đạo đã được Ôn trên tính là “Đệ Nhứt niên”.*

#### C. Tóm lại,

Chúng ta thấy tính nhất quán về cách ghi Năm Đạo của Đức Lý Giáo Tông cho dấu ở vào thời gian nào cũng như không gian nào.

Chỉ cần dựa vào nguồn Thánh giáo là tài liệu chánh thức của Cơ Quan Phổ thông Giáo lý Đại Đạo, đặc biệt với những đàn cơ có liên quan đến Văn bản Hành Chánh Đạo có ghi Niên Đạo, chúng ta thấy theo sự hướng dẫn và cách sử dụng của Đức Lý Giáo Tông:

11. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Ất Mão (21-8-1975).

12. Minh Lý Thánh Hội, 07-6 Tân Dậu (08-7-1981).

1. Năm Đạo mới không khi nào đổi vào ngày Rằm tháng 10 mỗi năm.

2. Mà chỉ thay đổi vào mùng 1 Tết âm lịch.

Điều này hoàn toàn trùng khớp với nội dung các Thánh giáo của Cơ Quan mà Ôn trên có nhắc đến Năm Đạo liên quan đến những sự kiện lịch sử.

Có điều chỉnh kịp thời từ trong nhận thức đến thực tế khi thực hiện các công tác hành chánh có liên quan đến Năm Đạo sẽ nâng cao uy tín của Cơ Quan chúng ta với nhân sanh từ trong đạo cho đến ngoài xã hội.

Quyết định chánh thức này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến nhận thức của nhân sanh toàn Đạo đang tin cậy vào quan điểm của Cơ Quan chúng ta về một vấn đề hệ trọng của lịch sử là “ngày Thầy Lập Đạo” chính xác là ngày nào. Điều này cũng có một phần ảnh hưởng rất lớn đến uy tín của Cao Đài giáo trước nhân loại.

Đây là một thí dụ điển hình về việc định hướng tư tưởng của Cơ Quan cho nhơn sanh để có sự thống nhất tinh thần khi kỷ niệm 90 năm Cao Đài giáo xuất hiện.

Và như thế, vào năm 2026, khi kỷ niệm 100 năm Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hiện diện, Năm Đạo khi đó là 101 hoàn toàn khớp với thông lệ xã hội. ■



THÁI dương chiếu diệu sáng soi cùng,  
THƯỢNG đức là đời vẹn hiếu trung.  
LÃO ấu tuân hành tròn sứ mạng,  
QUÂN thần toại hưởng phước đồng chung.  
CHƯỜNG hoa ắt trở đơm hoa đẹp,  
GIÁO thiện từ nhiên lễ thiện tùng.  
ĐẠO đức tảng nền trên thế sự,  
TIÊN bang có thuở hội tương phùng.  
ĐỨC THÁI THƯỢNG LÃO QUÂN, THÁNH HUẤN HIỆP  
TUYỂN, QUYỂN I, HỘI THÁNH TIÊN THIÊN, 1961, TR.149. ■

# 9 điều CẦN NHỚ

■ GIÁO SĨ HUỆ Ý

**B**ước vào niên trình mới, chúng ta cùng học lại lời Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ<sup>1</sup> dạy:

“...Chư hiền đệ, hiền muội...

*Hằng ngày, luôn luôn*

*1. Phải dẹp tự ái để tự kiểm điểm,*

*2. Phải đặt tâm linh ý chí vào định hướng duy nhất,*

*3. Phải tự nhận mình là một nguyên nhân,*

*4. Phải thánh thiện và không chấp nhận những gì thôi thúc mình phải sa, vấp, ngã, dù quyền lợi đạo hay đời,*

*5. Phải bảo vệ lòng tin lẫn nhau trước nhiệm vụ,*

*6. Phải tôn trọng danh nghĩa thể diện chung của Đạo, của Cơ Quan, đừng tôn thờ một ý kiến tư hữu hay một cá nhân nào.*

*– Một lệnh truyền không nghiêm chỉnh,*

*– Hay những lời nói thiếu đức độ, thiếu đạo hạnh,*

*– Một tư tưởng, một ý kiến phe phái,*

*là những kẻ hở cho tà thần xâm nhập, làm hoang mang tinh thần người đạo, hư hoại tổ chức. (...)*

*Tóm lại, chư hiền phải học và phải thực hành những điều kiện nêu trên.”*

Chúng ta triển khai học lời Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy thành sáu điều phải làm và ba điều không làm như sau:

## I. SÁU ĐIỀU PHẢI LÀM

### 1. PHẢI DẸP TỰ ÁI ĐỂ TỰ KIỂM ĐIỂM

Đức Pháp Lược Kim Tiên dạy:

---

1. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15–7 Canh Tuất (16–8–1970).

“Các em ôi! Xuyên qua một khoảng đời của Tiên Huynh khi còn tại thế, đã trải qua quá nhiều sự thăng trầm, buồn vui, khóc cười trong nhiệm vụ.

Nếu là người yếu đức tin,  
+ dễ sờn lòng nản chí,  
+ dễ tự ái, tự phụ,  
+ dễ bỏ gối chùn chân,  
+ thì Tiên Huynh cũng đã là hạng tâm thường như những tâm thường khác.”

Tự ái là thương mình quá giới hạn. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật dạy: “Kẻ thù lớn nhất là chính mình.” Nên cẩn thận, đừng để thương mình trở thành hại mình.

## **2. PHẢI ĐẶT TÂM LINH Ý CHỈ VÀO ĐỊNH HƯỚNG DUY NHÚT**

Đây là điểm mà Đức Quan Âm Bồ Tát dạy: “Cảnh Tiên cũng muốn, của tiền cũng ham.”

Nhà Phật dạy “Chuyên tâm nhứt xứ, vạn sự bất biện.”

Ôn Trên dạy “Nhứt tâm tu học hành đạo bất thối chuyển.”

## **3. PHẢI TỰ NHẬN MÌNH LÀ MỘT NGUYÊN NHÂN**

Trong Thánh Dự, Đức Chí Tôn dạy quý Đạo trưởng tiền nhiệm Cơ Quan: “Các con là đoàn người khai sơn phá thạch để cho các nguyên nhân tìm vào cửa Đạo hầu đem Đạo Thầy truyền bá khắp năm châu.”

Làm người đã khó, căn cơ từ khai Thiên lập Địa mới được là nguyên nhân. Con số nguyên nhân chỉ có chín mươi hai ức. Nhân viên Cơ Quan là nguyên nhân thì mới thực hành được việc tự độ và độ tha.

## **4. PHẢI THÁNH THIÊN VÀ KHÔNG CHẤP NHẬN NHỮNG GÌ THÔI THỨC MÌNH PHẢI SA, VẤP, NGÃ, DÙ QUYỀN LỢI ĐẠO HAY ĐỜI**

Đây là sự nâng cấp của mục 3, gắng “thành người” và phấn đấu “Vươn lên tập thành THÁNH”. Cuộc chiến đấu trước tiên, tài, danh, lợi từ đời đến Đạo. Từ “sứ vụ” thành “dịch vụ” cách nhau không đầy một sợi tóc.

## **5. PHẢI BẢO VỆ LÒNG TIN LÂN NHAU TRƯỚC NHIỆM VỤ**

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“Chư hiền đệ, hiền muội đã đem

1. tâm đạo chí thành để phụng Thiên hoàng Đạo. Cái thành quả ở tinh thần trách nhiệm của chư hiền đệ muội đã
2. gieo được vào lòng người mộ đạo chơn tu
3. một niềm tin vững chắc về Đạo. Đó mới thật là thành quả rất thiêng liêng cao quý mà chư hiền đệ muội vẫn không ngờ.”

Đạo hư vô, Sư hư vô, nhân sanh tin Thầy, tin Đạo qua những chúc sắc, chúc việc, chúc vụ, chính là những con người cụ thể.

## **6. PHẢI TÔN TRỌNG DANH NGHĨA THỂ DIỆN CHUNG CỦA ĐẠO, CỦA CƠ QUAN, ĐỪNG TÔN THỜ MỘT Ý KIẾN TƯ HỮU HAY MỘT CÁ NHÂN NÀO**

Hãy làm sáng danh Đạo và đừng làm mất mặt tổ chức. Ôn Trên dùng hai động từ: tôn trọng, tôn thờ.

– Tôn trọng cái chung: Tôn trọng vừa có lý, vừa có tình; tôn trọng mang tính chí công vô tư, vô ngã.

– Đừng tôn thờ cái riêng: Tôn thờ mang ý nghĩa tình cảm riêng tư, tôn thờ mang tính bè phái.

Đức Chí Tôn dạy: “Hỡi các con! Khi các con đã nhận thức việc nên làm và phải làm để hầu đặt mình trên nhiệm vụ, thì các con hãy quan niệm việc lớn là tiền đồ Đại Đạo và tương lai chủng tộc, mà đừng quan niệm ở Huệ Lương (Trần Văn Quế) hay Thiện Bảo (Ngô Chí Bình). Có vậy các con mới tránh được những hiểm nghi mà làm tròn bổn phận con người của con đối với Thầy, với Đạo và nhân loại.”

## **II. BA ĐIỀU KHÔNG LÀM**

### **1. MỘT LỊNH TRUYỀN KHÔNG NGHIÊM CHÍNHH**

Mối quan hệ đạo sự trân trọng giữa cấp trên và dưới trong tinh thần trách nhiệm (bình đẳng trước Đức Chí Tôn, trách nhiệm thì nặng nhẹ.) Chúng ta nhớ tích “Nụ cười Bao Tự”, đồng bào ta

diễn thành ca dao: “Nói dối là tật phải chừa / Mình không ưa dối ai ưa dối mình / Mai sau dầu có thật tình / Người ta biết được có tin bao giờ.” Đây là căn ngôn giữa các cấp trong nghiêm chỉnh đạo sự.

## 2. NHỮNG LỜI NÓI THIẾU ĐỨC ĐỘ, THIẾU ĐẠO HẠNH

Người xưa dạy “Nhứt ngôn thất đức thiên niên đạo,” lời nói thiếu đạo hạnh gây khẩu nghiệp cho người nói, tự mình làm giảm uy tín, mất sự cảm phục, yêu mến, vâng lời của nhân viên.

## 3. MỘT TƯ TƯỞNG, MỘT Ý KIẾN PHE PHÁI LÀ NHỮNG KẼ HỒ CHO TÀ THẦN XÂM NHẬP LÀM HOANG MANG TINH THẦN NGƯỜI ĐẠO, HƯ HOẠI TỔ CHỨC

Học Dịch, chúng ta biết người phát ngôn thiên vị là đang ở hào bất trung nên bất chính, thế nào cũng bị hối, lẩn, không thể nào vô cớ thì làm sao được cát. Người đó sẽ làm giảm niềm tin của huynh đệ vào Đạo, vào sứ mạng của Cơ Quan, hé cửa để tẩn số lạ đột nhập gây rối loạn tổ chức.

Qua việc học lời Đức Giáo Tông dạy:

1. Chúng ta phải chuyển “tự ái” thành “bác ái”, “bản ngã” thành “vô ngã” để vô tư kiểm điểm chính mình thì mới tu tiến được.

2. Hiệu quả của việc phổ thông, phổ truyền giáo lý không ở những điều mắt thấy tai nghe mà chính là gieo được niềm tin vào tim óc đồng bào, đồng đạo để một ngày chư huynh đệ sẽ trưởng thành trong đức tin mà “đặt trọn lòng tin vào Đức Chí Tôn và Đại Đạo.”

3. Có mối quan hệ hữu cơ giữa vô hình và hữu hình, nên những lời nói nhứt là tư tưởng không trung chính, sẽ mở công tác để các đài cùng tẩn số xâm nhập gây rối loạn tổ chức.

4. Tiến hóa là Thánh hóa, hành giả phải phấn đấu học làm những việc làm của Thần nhân, Thánh nhân, để cứu mình và dẫn lối cho người đi sau.

5. Mỗi cá nhân tín đồ, nhân viên phải hy sinh cái riêng để vun bồi cái chung, làm vì chúng sanh, vì tập thể chứ không thiên lệch về cá nhân, bè phái mà làm mất danh nghĩa và thể diện chung của Đạo. ■



(...)

Đời khổ, ráng tu tịnh định yên,  
Tham thiền mới rõ máy linh huyền,  
Lóng lòng trong sạch tường cơ diệu,  
Rõ được mầu vi cảnh họa nhiên.

■  
Tu tâm luyện tánh cho bền,  
Bền lòng trau sửa thì nên vẹn toàn.  
Mười hai đức tánh truyền ban,  
Người tu hành đúng phục hoàn thiện căn.  
Một là mở rộng lòng nhơn,  
Rộng tình bác ái yêu thương vạn loài.  
Hai là kèm tánh hằng ngày,  
Ôn hòa vui vẻ, chớ gay gắt lòng.  
Ba là có tánh khoan dung,  
Rộng lòng tha thứ nhau cùng những cơn.  
Bốn là dững cảm chẳng sờn,  
Vẹn gìn chí khí đại nhơn ý thành.  
Năm là trọn đức hy sanh,  
Gian lao khổ cực cam đành chẳng nao.  
Sáu là tự tín một màu,  
Không dờn, không đổi, không nao núng lòng.  
Bảy là thiện cảm hòa đồng,  
Kẻ yêu, người mến, ngoài trong kính vì.  
Tám là bền chí gắng ghi,  
Chơn tâm vững chắc sau thì nên công.  
Chín là thanh nhã sạch trong,  
Công bình chẳng bợn, côi lòng yên vui.  
Mười là học Đạo nhiệm mùi,  
Từ bi là đức tánh người chơn tu.  
Mười một cương quyết khư khư,  
Tánh không sè sụt, chớ từ việc ngưng.  
Mười hai là đức hiển dăng,  
Hiển dăng mọi việc để tuân lệnh Trời.  
Mười hai đức tánh rạng ngời,  
Thực hành y đúng Đạo Trời sáng danh.

ĐỨC THÁI THƯỢNG LÃO QUẢN, THÁNH HUẤN HIỆP  
TUYỂN, QUYỂN I, HỘI THÁNH TIÊN THIÊN, 1961, TR.149. ■



# THÔNG CÔNG

(TIẾP THEO CĐGL 122)

## ■ ĐẠT TƯỜNG

### CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC LẬP ĐÀN CƠ

1. SẮC LỆNH LẬP ĐÀN
2. NHÂN SỰ VÀ NHIỆM VỤ
3. PHƯƠNG TIỆN
4. NGHI THỨC LẬP ĐÀN
5. DIỄN TIẾN MỘT BUỔI LẬP ĐÀN CƠ
6. HÌNH THỨC LẬP ĐÀN

- A. SONG ĐỒNG ÂM DƯƠNG
- B. ĐỘC ĐỒNG
- C. SỐ BAN CƠ

#### ▪ Một Ban Cơ:

Như đã trình bày ở trên, tùy theo sắc lệnh của Ôn Trên mà Bộ phận Thông Công sẽ chuẩn bị Ban cơ có 1 hay 2 Đồng tử ngồi thủ cơ. Thông thường thì mỗi khi lập đàn chỉ có một Ban cơ, hoặc Song Đồng Âm Dương hoặc Độc Đồng. Trong buổi đàn, các Đấng Thiêng Liêng sẽ giảng dạy dưới các hình thức:

+ Thủ cơ, viết bóng cho Độc giả đọc:

Thông thường Ôn Trên giảng cơ viết ra cho Độc giả đọc lại để Diễn ký chép. Trước khi lập đàn, Đồng tử phải tĩnh tâm đầy đủ. Thí dụ:

*“Đức! Cái công quả của con là chấp cơ truyền Đạo.*

*Nghe Thầy dạy điều thiếu sót. Như trước khi muốn thủ cơ thì phải lo diệt trần là đừng để vào trí của con một ý muốn riêng chi hết.*

*Cầm cơ thì trí não thanh tịnh, đừng sắm sửa vào trí chi hết. Vì là phần riêng của con thì Thầy lấy chi mà ứng vào đó choặng. Con phải giữ trí tỉnh táo, khi cơ lên thì Thầy ứng câu gì vào trí con viết ra câu ấy. Thầy giảng tâm của con. Như trí con choán hết ý tứ Thầy thì đầuặng linh nghiệm.”<sup>1</sup>*

Tốc độ viết của ngọn bút cơ khá nhanh, Độc giả phải tịnh dưỡng thân tâm đầy đủ trước buổi lập đàn mới đủ thần lực để đọc kịp.

Đây là hình thức thông dụng nhất cho cả 2 loại Ban cơ: Song Đồng hay Độc Đồng.

Qua các thí dụ ở trên, về những trường hợp vong linh chưa đắc vị chính thức và những vong sắp đi đầu thai được phép nhập cơ, cho chúng ta thấy tất cả những đàn này Đồng tử không xuất khẩu mà chỉ viết cho Độc giả đọc mà thôi.

+ Xuất khẩu:

- Độc Đồng xuất khẩu:

Lúc Ôn Trên cho Đồng tử xuất khẩu giọng đọc khá du dương và ở phần được ban cho các bài thi thì Đồng tử ngâm nga giọng điệu trầm

1. Đức Chí Tôn, Thánh ngôn Sưu Tập 1, 29-01 Bính Dần (13-3-1926), tr 32.

bồng tạo nên một môi trường mang nét văn hóa riêng biệt của Cao Đài.

Đồng tử có được khai khiếu mới có thể xuất khẩu. Nói rõ hơn: phải được khai khiếu mới có thể trở thành Đồng tử.<sup>2</sup> Và để có thể xuất khẩu, Đồng tử phải tiếp tục được ân ban khai khiếu ở mức cao hơn. Thí dụ: trường hợp của Đồng tử Thanh Thủy được khai khẩu hoàn toàn:

*“Chư hiền thành tâm để Bản Đạo dùng điển lực của chư hiền khai khiếu cho ấu Đồng tử trong giờ này. Chư hiền hãy định thần nhắm mắt 30 giây, (nửa phút). Bản Đạo ngưng điển... Được rồi, Đồng tử được khai khiếu rồi. Bản Đạo hoan hỷ cho chư hiền đệ muội đó.”*<sup>3</sup>

Một trường hợp khác, Đồng tử được khai khẩu tạm cho buổi lập đàn hôm đó. Thí dụ:

THI

*Quyền pháp Giáo Tông đã định rồi,  
Thừa hành công quả trở về ngôi,  
Dụng bùa chơn khí khai Đồng tử,  
Xuất hiện đàn trung tạm thể thời.*

*Vậy Huệ Chiếu dụng khai thông thiên phủ điếm vào Nê hườn chơn đồng khai khẩu. Đó là áp dụng huyền pháp cấp thời trong đàn chuyển tiếp.*<sup>4</sup>

Qua đây, chúng ta cũng thấy Đồng tử cũng có những cấp độ khác nhau tùy mức độ được khai khiếu. Tuy nhiên, dù đã được khai khiếu trọn vẹn, Đồng tử có tịnh luyện đầy đủ mới có đủ Thân để được Ổn Trên dùng theo cách xuất khẩu. Thí dụ trong một đàn cơ, giữa lúc Đồng tử đang xuất khẩu ngâm thi bài, thì Đức Quan Thánh dạy Độc giả đọc tiếp thi bài, vì lý do thân tâm Đồng tử bất an:

*“Bạch Ngọc độc giả. Vì Trấn Tinh Tử mấy ngày*

*qua thân tâm bất an, nên Bản Đạo bố điển Bạch Ngọc độc giả để khỏi hao thần.”*<sup>5</sup>

• Song Đồng âm dương xuất khẩu:

Thí dụ 1:<sup>6</sup> Đàn tại Vạn Quốc Tự, Tuất thời, 14 tháng 8 Tân Hợi. Khởi đầu Đồng tử Thanh Căn thủ cơ, Đức Kim Quang Đồng Tử giáng đàn truyền sắc lệnh:

*“Sắc lệnh thứ hai cho Bộ phận Hiệp Thiên Đài phối hợp hành sự đàn này rằng truyền xả đàn 5 phút, tái cầu sẽ do Đồng Tử Kim Quang và Thanh Căn hành sự âm dương.*

ĐÔNG PHƯƠNG CHUÔNG QUẢN.”<sup>7</sup>

Khi tái cầu. Khởi đầu Đồng tử Thanh Căn xuất khẩu có: Bảo Linh Thánh Nương, Bảo Thọ Thánh Nương, Liên Hoa Thánh Mẫu giáng đàn. Sau đó, Đức Mẹ giáng dạy về “Âm Đức” bằng văn xuôi thì Đồng tử Kim Quang xuất khẩu ngâm Thi bài. Và tiếp theo, hai Đồng tử xen kẽ nhau ngâm thơ và nói văn xuôi.

Thí dụ 2:<sup>8</sup> Một trường hợp khác, cặp song đồng là nữ.

THI BÀI

(HOÀNG MAI) *Hỡi ai đã vào trường đạo học,  
(THANH THỦY) Phải nghiệm suy nguồn gốc  
vi nhơn,*

(HM) *Cho rành chung lẽ thiệt hơn,*

(TT) *Đặt mình đứng chỗ chánh chơn phụng hành.*

(HM) *Gương kim cổ tài thành vĩ nghiệp,*

*Sử vàng son còn chép Thánh hiền,*

(TT) *Cùng chung luật định cơ duyên,*

*Phàm phu cùng với Phật Tiên thế nào.*

(HM) *Từ không tướng kết vào hữu tướng,*

*Từ vô vi tạm mượn hữu vi,*

(TT) *Non sông gấm vóc tân kỳ,*

*Hình hài một mảnh chi chi mới là.*

2. Xin xem lại đoạn Thánh giáo ở trang 08 về Đồng Tử Phúc, Lộc của Hội Thánh Truyền Giáo.

3. Đức Đông Phương Chuông Quản, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Quý Sửu (18-3-1973).

4. Đức Lý Giáo Tông, Đạo Lý 85, Hườn Cung Đàn, 14-11 Nhâm Tý (1972), tr. 49.

5. Đức Quan Thánh Đế Quân, Ngọc Chiếu Đàn, 04-01 Giáp Thìn (16-02-1964).

6. Cả hai đều là nam. Kim Quang – Hiệp Thiên Đài Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất; Thanh Căn – Hiệp Thiên Đài Hội Thánh Tiên Thiên Châu Minh.

7. Đức Kim Quang Đồng Tử, Vạn Quốc Tự, 14-8 Tân Hợi (02-10-1971).

8. Cả hai là nữ Đồng Tử.



(HM) Một dấu hỏi tìm ra yếu lý,  
 Một vấn đề suy kỹ nguồn cơn,  
 (TT) Đường trần trót đã đặt chơn,  
 (HM) Thân trong vạn hữu tuần hườn diệt sanh.  
 Luật vô thường âu đành là thế,  
 (TT) Bởi hằng thường há dễ rằng không,  
 (HM) Kìa là các Đấng Thế Tôn,  
 (TT) Sanh nhi bất diệt nơi lòng chúng sanh.  
 (HM) Có phải vì phù linh phép lạ,  
 (TT) Hay tài cao vương bá công hầu,  
 (HM) Hay vì thiên hạ khổ đau,  
 Trái thân xây dựng phong trào kỳ cương.  
 (TT) Hay thấu lẽ vô thường sanh tử,  
 (HM) Hay thương đời lành dữ chưa phân,  
 (TT) Xả thân tìm đặng lý chân,  
 (HM) Cứu đời thoát khỏi vòng trần đọa sa.  
 Hay vì nổi phong ba vật chất,  
 (TT) Xui con người đánh mất thiên lương,  
 Đạo mẫu sửa dựng phong cương,  
 (HM) Vô vi nhi trị mở đường hằng sanh.  
 Hay vì chỗ nhân tình nhân thế,  
 (TT) Cho giống nòi bốn bể hiện ngang,  
 Mang thân mang cả can tràng,  
 (HM) Hy sinh cứu thế muôn ngàn đời sau.  
 Cõi trường tồn đượm màu bất diệt,  
 Không vì đời tha thiết suy tôn,  
 Mà vì quốc vận quốc hồn,  
 (TT) Vì chúng cái kiếp vong tôn vạn sinh.  
 (HM) Ôi! đạo pháp huyền linh vô tận,  
 Máy kiến khôn chuyển vận khôn lường,  
 (TT) Phóng cùng chín cõi mười phương,  
 Tóm vào có một chủ trương trị vì.  
 (HM) Một Chúa tể chấp trì vạn hữu,  
 Một quyền năng ban phú vạn sinh,  
 (TT) Một trong thiên địa tài thành,  
 Một trong nhơn vật dữ lành định phân.  
 (HM) Hỡi ai rõ nguyên nhân lẽ Một?  
 Hỡi ai tưởng then chốt biến thiên,  
 (TT) Làm sao nên Phật, Thánh, Tiên,  
 Làm sao tránh khỏi nghiệp duyên luân hồi.  
 (HM) Biết cho đặng thì người là Thánh,  
 Hiểu cho thông trần cảnh là Tiên,  
 (TT) Vô sanh vô diệt vô phiến,

Như Lai thường trụ có riêng đâu là.

(HM) Hỡi sứ mạng kỳ ba cứu thế,  
 Hỡi hiền nhân bốn biển năm châu,  
 (TT) Xem cho thấu lý nhiệm mầu,  
 (HM) Mới tường những nổi cơ cầu éo le.<sup>9</sup>

• Độc Đồng vừa viết vừa xuất khẩu:

– Có khi vì thời giờ còn lại quá ít, để rút ngắn thời gian nên Đấng Thiêng Liêng giảng đàn vừa viết cho Độc giả đọc vừa cho Đồng tử xuất khẩu.

Thí dụ: Trong buổi đàn ngày 26 tháng Chạp Đinh Mùi, sau khi đã có 7 Đấng giảng đàn vào Tuất thời, Đồng tử thủ cơ viết bóng (chùng 6 trang A4.). Đêm đã khuya, Đức Cao Triều Phát giảng sau cùng để dạy tiếp cho Thanh thiếu niên cũng khoảng 6 trang.

“Vi thì giờ có ít, mà tình đạo lại quá dài. Để rút ngắn thời gian cho các em còn bình lại Thánh giáo và hàn huyền đạo sự tâm tình, Tiên Huynh nhờ các em trong ban Điểm ký chia làm hai ban: Bạch Tuyết và Cao Lương Thiện ghi phần Độc giả, Ngọc Kiều và Hồng Cẩm ghi phần xuất khẩu. Huệ Chơn Độc giả.”<sup>10</sup>

Có trường hợp Đồng tử đang vừa viết vừa xuất khẩu nhưng trước khi ban Sắc lệnh, Ôn Trên dạy Độc giả vào đọc phần Sắc lệnh. Sau đó Đồng tử viết bóng để Độc giả đọc.

“Đã đến giờ Giáo Tông giảng bút, các em hãy thành tâm nghinh tiếp. Đây là đàn sắc lệnh, Huệ Chơn độc giả để tất cả đàn trung xác nhận được rõ ràng để hành sự. Tiên Huynh chào chung các em, thăng.”<sup>11</sup>

– Có khi trong lúc Đồng tử đang viết bóng cho Độc giả đọc nhưng do sức khoẻ của Độc giả không đủ Thần nên Ôn Trên cho phép Độc giả

9. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Quý Sửu (17-5-1973).

10. Đức Cao Triều Phát, Thánh thất Bình Hòa, 26-12 Đinh Mùi (25-01-1968).

(Người viết có hạnh được dự đàn này, khi đó mới chỉ 15 tuổi, có sinh hoạt Thanh Thiếu Niên của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý).

11. Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt, Ngọc Minh Đài, 15-02 Đinh Mùi (24-3-1967).

tạm ngưng và cho Đồng tử xuất khẩu tiếp tục lời dạy. Thí dụ:

*Thầy sắc ban Văn Phòng Giáo Lý,  
Cho con nào có chí hy sinh,  
Vì chánh đạo, dám quên mình,  
Đem tài phục vụ nhưn sanh buổi này.  
Thầy không mượn lâu (...)*

(HOÀNG MAI XUẤT KHẨU)

*“Huệ Chơn – Thầy biết con kiệt sức, Thầy miễn lễ, con an tọa.*

*Huỳnh Chơn con hãy đem chung bạch thủy phía tả trên Thiên Bàn.*

*Con hãy uống đi để cho phục sức trong vài giây phút mà hành sự.”*

TIẾP BÀI

*(...) đài chùa thất,  
Mượn lòng con chơn thật mà thôi,  
Không chút sắc, không vị ngôi,  
Mà còn khổ cực, còn hồi gian nan...<sup>12</sup>*

Sau khi dạy xong, trước khi thăng, Đức Chí Tôn dạy Độc giả tiếp tục hành sự:

12. Đức Chí Tôn, Nam Thành thánh thất, 01-01 Ất Tỵ (02-02.1965).

*“(…) Thầy sẽ cho Đức Lý Giáo Tông đến với các con.*

*Huệ Chơn con đã phục sức, con hãy tiếp tục hành phận sự tiếp diễn.*

*Thầy ban ơn lành các con, Thầy thăng.”<sup>13</sup>*

(TIẾP ĐIỂN. HUỆ CHƠN ĐỘC GIẢ).

– Độc Đồng chấp bút viết chữ ra giấy:

Thời gian đầu mới lập Đạo, Ôn Trên cũng thường giảng cơ theo hình thức này. Đọc các bốn Thánh giáo xưa của các chi phái, như quyển Sử Đạo Xây Bàn của Tây Ninh hay Thánh giáo Trước Tiết Tàng Thơ Chiếu Minh,... chúng ta dễ dàng thấy các đàn này. Nhưng càng về sau hình thức này càng lúc càng ít.

Trong tình hình hiện nay, đầu thiên niên kỷ 2000, hình thức chấp bút này được sử dụng trở lại ở những nơi có Bộ phận Thông Công nhưng hoàn cảnh không cho phép lập đàn với hình thức thủ Đại Ngọc Cơ.

(CÒN TIẾP).■

13. Cùng một đàn với bên trên.



Có câu: “Sanh tiền bất tri thiên đường lộ, tử hậu vô ly địa ngục môn”, nghĩa là: “Khi sống mà không biết được đường đi lên, lúc thác tránh sao khỏi cửa địa ngục”.

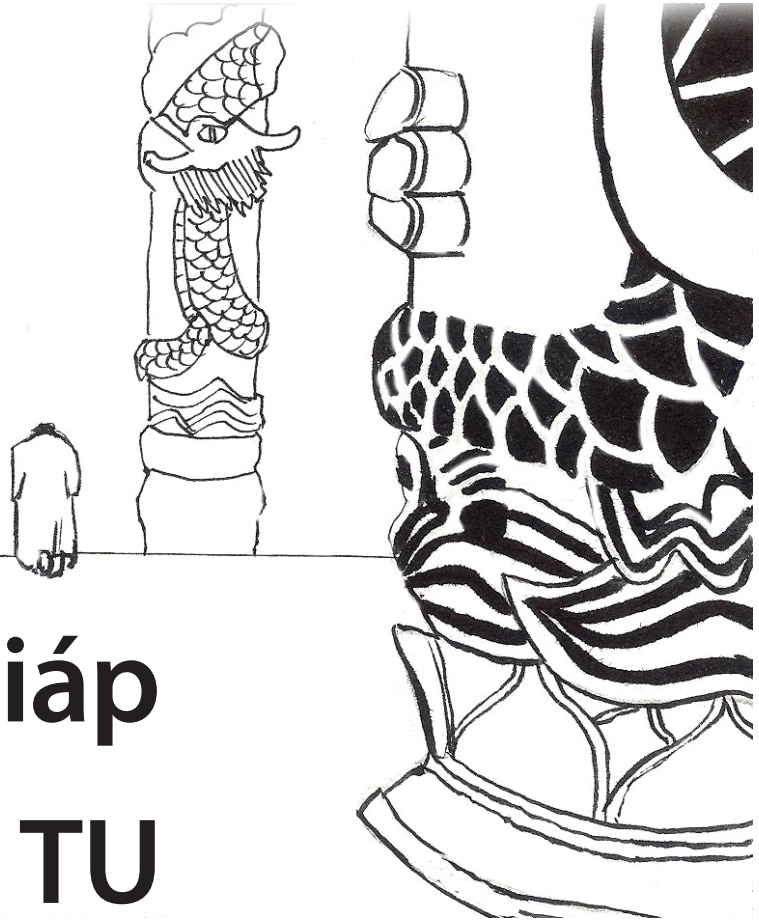
Bởi thế, người tu chơn đạo theo chơn truyền tân pháp rồi, biết rõ phân minh thức thần cùng với nguơn thần, biết được thân giả, thân chơn, hiểu rành nhưn tâm cùng đạo tâm khác hẳn.

Sở dĩ con người chưa biết rõ đường Đạo là bởi tại chưa tự biết mình là ai? – Tưởng xác thân này là ta, ý muốn cùng tư tưởng là ta. Không ngờ rằng đó là những phần phụ thuộc. Cũng như bầu vũ trụ bao la càn khôn thế giới, trên có Đức Ngọc Hoàng cầm quyền cai trị, dưới còn có chư Phật, Thánh, Tiên, Thần phụ giúp.

Cũng như xác thân này có nguơn thần hay là linh hồn làm chủ, nhưng cũng còn phải có vía, phách cùng lý trí giúp cho thể xác thêm phần linh động.

Bởi vậy, người tu chơn đạo biết rõ cái nguơn thần làm chủ xác thân, thì trong lúc công phu nhập định phải định thần gom ý mà chuyển vận.

ĐỨC THÁI THƯỢNG LÃO QUÂN, THÁNH HUẤN HIỆP TUYỂN, QUYỂN I, HỘI THÁNH TIÊN THIÊN, 1961, TR.175.■



# Bộ thiết giáp của NGƯỜI TU

**N**gười chiến sĩ trên bước đường xông pha trận mạc chiến đấu với quân thù cần phải mặc bộ thiết giáp hầu tránh những lần tên mũi đạn để bảo vệ mạng sống cho mình. Thế còn người tu là người đang cầu tu giải thoát, người đi tìm sự an lạc, thanh bình trong cuộc sống thì có cần gươm giáo xông pha trận mạc đâu mà lại nói phải cần bộ thiết giáp, đây có phải là một điều vô lý không? Thưa không, người tu còn hơn các chiến sĩ trên sa trường, không bao giờ được ngơi nghỉ giây phút chiến đấu nào. Cuộc chiến này vô cùng ác liệt diễn ra từng giây, từng phút, từng giờ, từng ngày; chỉ cần người tu một giây lơ là mất

cảnh giác thì sẽ trúng tên đạn ngay. Chính vì thế mà cần phải có bộ thiết giáp để hộ thân trên bước đường chiến đấu với nội tâm và ngoại cảnh. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển I, Đức Chí Tôn có dạy: *“Bởi vậy cho nên Thầy chẳng vì ghét mà không lời khuyên dụ, cũng chẳng vì thương mà không sai quỵ dễ dàng. Thầy nói trước cho các con biết mà giữ mình; chung quanh các con, dầu xa dầu gần, Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn với các con. Thầy hằng xúi chúng nó thừa dịp mà cắn xé các con; song trước Thầy đã cho các con mặc một bộ thiết giáp, chúng nó chẳng hề thấy đặng, là đạo đức của các con. Ấy vậy ráng gìn giữ bộ thiết giáp*

*ấy hoài cho tới ngày các con hội hiệp cùng Thầy. Nghe và ráng tuân theo.”*

Qua lời dạy trên, ta thấy Đức Chí Tôn đã ban cho mỗi người tín đồ Cao Đài bộ thiết giáp để chiến đấu với bầy hổ lang đang chực chờ cắn xé chúng ta. Vậy bộ thiết giáp đó là gì? Nó được may bằng những chất liệu ra sao? Làm thế nào để gìn giữ bộ thiết giáp đó cho tới ngày được hội hiệp cùng Thầy?

Trước tiên, xin được trình bày tại sao Đức Chí Tôn lại thả lũ hổ lang để cắn xé chúng ta và Ngài lại ban cho chúng ta bộ thiết giáp để chống lại chúng.

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển I, đàn ngày 13-3-1926.

## TẠI SAO ĐỨC CHÍ TÔN LẠI THẢ LỬ HỔ LANG CẢN XÉ CHÚNG TA VÀ BAN BỘ THIẾT GIÁP CHONGƯỜI TU?

Lời dạy trên đây của Đức Chí Tôn thể hiện 2 vấn đề:

- Luật công bình của Tạo Hóa.
- Đề thi của mỗi người tu trên bước đường tiến hóa.

### 1. LUẬT CÔNG BÌNH CỦA TẠO HÓA

Đức Chí Tôn với tình thương yêu bao la đối với chúng sinh, đã khai mở Đạo đìu dắt con cái mình noi theo chánh đạo hầu trở về hiệp nút cùng Thầy. Song quý ma cũng đến xin Thầy cho phép chúng lập công bằng cách khảo thí, cám dỗ chúng ta. Đây là luật công bình của Tạo Hóa. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thầy có dạy:

*“Còn phẩm trật quý vị cũng như thế ấy; nó cũng noi chước Thiên cung mà lập thành quý vị, cũng đủ các ngôi các phẩm đặng đầy đọa các con, hành hạ các con, xử trị các con. Cái quyền hành lớn lao ấy do Thầy ban cho nó, nên đặng quyền cám dỗ các con, xúi biếu các con, giành giật các con mà làm tay chơn bộ hạ trong vòng tôi tớ nó. Thầy đã thường nói: Hai đầu cân không song bằng thì tiếng cân chưa đúng lý. Luật công bình thiêng liêng buộc phải vậy. Thầy lắm phen phải bị mất, bị giật con cái của Thầy vì chúng nó. Thầy đã chỉ rõ hai nẻo tà chánh sang hèn rồi vậy. Thầy cũng chỉ*

*phương hướng cho các con đi cho khỏi lầm lạc.”*

### 2. ĐỀ THI CỦA MỖI NGƯỜI TU TRÊN ĐƯỜNG TIẾN HÓA

Chúng ta khi còn đi học, mỗi lần muốn được lên lớp, phải trải qua các kỳ thi để kiểm tra trình độ học vấn của mình xem có đạt hay không. Trên bước đường tu cũng thế, cuộc đời là một trường thi để đo trình độ tiến hóa của người tu, chúng ta phải trải qua nhiều cấp lớp từ thấp đến cao. Nên khi vào cõi trần gian này chúng ta phải học, tu và những khảo đảo, thử thách là những bài thi để kiểm tra xem chúng ta có xứng đáng để được lên lớp hay không. Nếu chúng ta để cho ma vương cám dỗ là chúng ta đã thi rớt, chẳng những không được lên lớp mà còn bị xuống lớp, tức là thoái hóa vậy.

Thế gian này chính là một lò un đúc trui rèn cho con người để được tiến hóa theo luật tiến hóa của Trời Đất. Thế gian có rất nhiều thú vui cám dỗ lôi kéo con người vào chỗ đọa lạc, chính vì thế mà Đức Chí Tôn đã ban cho người tu bộ thiết giáp để có thể thi đậu và lên lớp. Đức Chí Tôn dạy:

*“Hỡi các con! Trần gian là nơi rèn luyện un đúc các bậc Hiền Thánh Tiên Phật, cũng là nơi vận chuyển cho vạn vật tiến hóa theo định lệ dưỡng dục quần sinh, nên đem đất nước*

*gió lửa gây nên thân tứ đại cho các con tạm mượn lấy đó một thời hạn rồi phải trả về cho tứ đại. Trong thời hạn đó, đũa nào khôn ngoan thức tỉnh tìm đường đạo đức để tu hành, xa hết những sự quyến rũ tham dục ở thế gian, sẽ được tiến lên cấp bậc tùy theo trình độ tiến hóa của mỗi kiếp. Con nào kém cỏi tham luyến hồng trần vật chất, phải lăn mình vào chốn luân hồi xuống lên xuống mãi cõi này để chịu sự trầm luân đau khổ.*

*Các con nhìn xem. Những công danh phú quý châu ngọc hoàng kim có bao giờ tồn tại vĩnh viễn với các con đâu? Đó là vật chất hữu hình để làm mê vọng cho các thí sinh trong mỗi kỳ Long Hoa chuyển thế.*

*Hễ một khi vật chất ấy đến với ai thì theo sau đó là nghiệp quả khổ đau cũng tiếp nối. Nếu con nào giác ngộ, xem mọi sự ở đời này như gió thoảng mây bay, chỉ dụng khi hữu dụng và không bao giờ lưu lại linh tâm, mới được thanh thỏa an nhàn khi vào trường ứng thí. Những gì còn lưu lại thế gian là cái nghiệp mà linh hồn còn vướng bận. Thế nên người tu không tạo nghiệp gì lớn ở thế gian cả.”*

Con người luôn phải chịu áp lực chi phối bởi hai mặt nội tâm và ngoại cảnh. Ma vương, ác quỷ lúc nào cũng rình rập bên ngoài và ẩn núp bên trong tâm

3. Ngọc Minh Đài, 15-7 Kỷ Dậu (27-8-1969).

2. SĐĐ, tr.45.

ta. Giặc bên ngoài có thể dễ đánh bại, nhưng giặc bên trong thì rất khó đương đầu, rất khó trừ khử, chúng luôn luôn rình rập để cắn xé, phục kích nội tâm con người. Chúng là lũ hổ lang dục vọng, lợi quyền, bản ngã. Chúng luôn tranh đấu mãi trong tâm người như lời Thầy dạy: *“Toàn cả nhơn sanh phải chịu thảm khổ vì dục vọng, vì lợi quyền, vì bản ngã. Ba con hổ lang ấy đã và đang tranh đấu, tranh đấu mãi cho toàn linh phải đi sâu vào biển tục, cho thương hải hóa tang điền.”*<sup>4</sup>

Ba con hổ lang này là bạn bè, quan hệ rất mật thiết với thập tam ma: thất tình lục dục. Chúng luôn rình rập, xui khiến, lôi kéo chúng ta đi vào nẻo đọa lạc. Tuy nhiên, nhờ có lũ hổ lang đó cắn xé, chúng ta mới biết kinh sợ mà mặc lấy bộ thiết giáp Thầy đã ban cho. Thầy dạy như sau: *“Các con ôi! Từ xưa Thầy đã cho các con biết trước, Thầy sẽ cho một lũ hổ lang đến cấu xé các con, mà Thầy lại ban cho các con một bộ thiết giáp của Thầy là Đạo. Ba mươi sáu năm rồi các con có nhìn dạng lũ hổ lang chẳng? Và các con có trọn vẹn mặc bộ thiết giáp của Thầy không? Chắc là các con khó nghĩ. Vì sao Thầy lại thả lũ hổ lang để xâu xé toàn linh yêu quý của Thầy? Có phải chẳng Tạo Hóa khắt khe? Các con ôi! Nếu không có lũ hổ lang cắn xé các con, không đem lại cho các con một trạng thái kinh cụ hãi hùng, thì đời nào con chịu mặc bộ thiết giáp của Thầy là Đạo. Các con có nhận được lũ hổ lang ấy chưa?”*<sup>5</sup>

Câu hỏi này Thầy đã hỏi cách đây 53 năm, nhưng ngày nay thử nhìn lại xem chúng ta có thật sự nhìn thấy lũ hổ lang trong tâm mình và có mặc bộ thiết giáp đó không cũng như có gìn giữ nó cho đến ngày rời bỏ xác thân tứ đại hay không? Chúng ta hãy cùng tìm hiểu về bộ thiết giáp của người tu và chất liệu dệt nên bộ thiết giáp đó.

## **BỘ THIẾT GIÁP CỦA NGƯỜI TU**

Thông thường khi nghe nói đến bộ thiết giáp

là chúng ta liên tưởng đến một chiếc áo bằng sắt dùng để che chở, ngăn cản không cho vũ khí của đối phương xâm nhập vào cơ thể mình. Nhưng đối với người tu thì bộ thiết giáp đó gồm có 2 phần: Phần hữu hình mà chúng ta có thể nhìn thấy, sờ mó được, chính là đạo phục của chúng ta, chiếc áo dài màu trắng. Và phần khác mà chúng ta không thể sờ mó được, nhưng có thể cảm nhận được, đó chính là đạo đức của người tu và đây mới chính là điều cốt yếu nhất như lời Thầy dạy.

### **1. CHIẾC ÁO DÀI MÀU TRẮNG**

Người đời thường nói: “Chiếc áo không làm nên thầy tu”, tuy nhiên khi một người mặc đạo phục của tôn giáo mình mà lại có những cử chỉ, lời nói trái với đạo lý, người ngoài nhìn vào sẽ đánh giá không chỉ cá nhân người đó, mà còn đánh giá cả một tập thể và tôn giáo mà người đó đang theo. Hơn nữa, đạo phục màu trắng mà người tín đồ Cao Đài sử dụng là màu dễ lấm lem và dễ nhìn thấy những vết nhơ cho dù chỉ là một vết bẩn mờ và nhỏ. Vì thế chiếc áo dài trắng mà người tín hữu Cao Đài mặc mỗi ngày chính là để nhắc nhở chúng ta phải gìn giữ, ngăn ngừa những hành vi trái với lẽ Đạo từ lời nói, tư tưởng đến việc làm.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*Mảnh bạch y che ngoài rất hạp,*

*Là bộ đồ thiết giáp muôn đời,*

*Lửa không cháy, đạn không xoi,*

*Dầu cho chiến họa mấy hồi không sao.*<sup>6</sup>

Đức Thượng Trung Nhựt cũng dạy như sau:

*“Mặc một bộ bạch y để nhắc nhở người giáo đồ cũng như hàng tín hữu luôn luôn phải trong trắng, phải mát dịu, phải hiền hòa nơi nội tâm. Chớ nếu chỉ là bộ bạch y bên ngoài mà thiếu những điều kiện bên trong về đạo đức thì không thể gọi đó là bộ thiết giáp được. Màu trắng cũng là màu dễ lấm và nổi bật những vết nhơ. Dầu lớn, dầu nhỏ, khi đã dính vào, người ngoài dễ trông*

4. Hườn Cung Đàn, 01-9 Tân Sửu (10-10-1961).

5. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Hườn Cung Đàn, Tân Sửu (1961).

6. Vĩnh Nguyên Tự, 03-12 Giáp Thìn (05-01-1965).

thấy và đánh giá người chủ sử dụng bộ đồ. Các em nên lưu ý điều đó mà hành đạo.”<sup>7</sup>

Qua lời dạy trên, ta thấy các Đấng đều dạy rằng nếu chúng ta chỉ có bộ bạch y màu trắng bên ngoài mà bên trong đạo đức không có thì không thể gọi là đã mặc bộ thiết giáp Thầy ban cho. Vậy, chỉ có đạo đức mới làm nên bộ thiết giáp vững bền nhất để chiến thắng lũ hổ lang mà thôi.

## 2. BỘ THIẾT GIÁP BÊN TRONG CỦA NGƯỜI TU: ĐẠO ĐỨC

Theo từ điển Wikipedia, đạo đức được chiết tự như sau:

- Đạo: đường đi, hướng đi, lối làm việc, ăn ở. Trong Kinh Dịch, Đạo chính là trật tự xã hội, phản ánh trật tự vũ trụ.
- Đức: theo Khổng Tử, sống đúng đạo lý là có đức.
- Theo Lão Tử, tu thân tới mức hiệp nhất với Trời Đất, an hòa với mọi người là có đức.

Vậy đạo đức được xem như là khái niệm luân thường đạo lý của con người, nó thể hiện đức hạnh của một người. Đạo đức chính là bộ thiết giáp vô hình, vô tướng của người tu; tuy chúng ta không nhìn thấy được nhưng nó luôn luôn kề cận che chở chúng ta trước sự áp chế của tà thần, ma quỷ, hổ lang. Thế thì chất liệu để dệt nên bộ thiết giáp đó là gì?

• Chất liệu dệt nên bộ thiết giáp đạo đức của người tu:

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn có dạy:

*Mặc áo đạo được vào bên ngoài,*

*Còn bên trong thì lại tính sao?*

*Lẽ đâu chanh, khế, mận, đào,*

*Thập tam chưa diệt, mặc vào ích chi?*

*Đạo thì phải từ bi nhẫn nhục,*

*Lòng vị tha chẳng lúc nào quên,*

*Đó là âm chất xây nền,*

*Đó là của cải vững bền muôn thu.<sup>8</sup>*

7. Giáo Hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi (23-10-1967).

8. Vĩnh Nguyên Tự, 03-12 Giáp Thìn (05-01-1965).

Như vậy, chất liệu đầu tiên để dệt nên chiếc áo đạo đức chính là đức Nhân.

## A. ĐỨC NHÂN VÀ LÒNG KHOAN DUNG

Đức Nhân chính là đạo đức căn bản nhất của con người bao hàm trong mọi đức tính. Trong Luận Ngữ, Dương Hóa 6 có viết: “Người có đức Nhân là người phải nghiêm trang, tế chỉnh, rộng lượng, khoan dung, đức tín, lòng thành, siêng năng, cần mẫn và biết thi ân với năm đức (cung, khoan, tín, mẫn, huệ).” Người có lòng nhân luôn xem mọi người là mình, luôn quan tâm đến người khác, “Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân”, nghĩa là việc chi mình không muốn người khác làm cho mình thì mình đừng làm cho người khác. Hay “Kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân”, nghĩa là mình muốn làm nên thì giúp người làm nên, mình muốn thành đạt thì giúp người thành đạt.

Khi có lòng Nhân với một tấm lòng vị tha vô bờ bến thì sẽ giúp chúng ta tạo được âm chất vì lúc đó người tu luôn quan tâm đến những người chung quanh mình, bất kể thân sơ, thù nghịch; thậm chí còn lo hơn cả chăm lo cho bản thân mình. Lòng Nhân đó cũng chính là một tâm từ bi rộng lớn rải khắp cho chúng sanh một cách bao la vô bờ bến, tựa như ánh sáng mặt trời bao trùm khắp muôn loài vạn vật, rải phước lành đồng đều đến cho mọi người không phân biệt thân sơ, bạn thù, giàu nghèo, sang hèn, nam nữ, v.v. Từ đó mọi việc thù hận, chia rẽ, sẽ tiêu tan, biến mất như đám sương mờ trong nắng sáng. Tình thương đó có một năng lực rất dũng mãnh, có khả năng chuyển hóa dữ ra lành và tạo được một từ trường an lành cho mọi người xung quanh ta. Trong Kinh Từ Tâm (Metta Sutta), Đức Phật có dạy: “Tâm từ phải được rải khắp đồng đều cho mọi chúng sanh, phải bao trùm vạn vật, phải sâu rộng và đậm đà như tình thương của bà từ mẫu đối với người con duy nhất, chăm nom bảo bọc con, dẫu nguy hiểm đến tánh mạng cũng vui lòng.”

Ngoài ra người tu cần phải biết hòa hiệp thương yêu đối với mọi người xung quanh mình

vì trời đất vạn vật được sinh sôi nảy nở bình yên là do nơi sự hòa hiệp. Đạo của Trời Đất không ngoài hai chữ Trung Hòa. Trung hòa chính là đạo làm nên Thánh hiền. Sách Trung Dung viết: “Trung là gốc lớn của thiên hạ; Hòa là sự đạt đạo của thiên hạ.”

Đại Thừa Chơn Giáo cũng viết:

*Âm dương hòa hiệp hóa sanh,*

*Dựng nên đạo đức, lập thành càn khôn.<sup>9</sup>*

Bên cạnh đó, người tu – nhất là những bậc lãnh đạo – phải có một tấm lòng khoan dung vì người lãnh đạo là người thực thi đạo của Trời Đất, mà lòng Tạo Hóa thì luôn ban đều khắp vũ trụ chúng sanh, luôn dang tay từ ái đón rước tất cả sanh linh. Tất cả chúng sanh trên đời này dù người đại, người khôn, người tốt, người xấu cũng đều là con cái của Đức Chí Tôn. Vì thế, người tu cần phải học theo tình Tạo Hóa mà khoan dung tha thứ những lỗi lầm của người khác, thương yêu nhau, sống hòa thuận theo lẽ Trời, hạp lòng người thì sẽ tránh được sự tương tàn, tương sát. Bậc lãnh đạo hơn ai hết phải có tấm lòng khoan dung, hiểu biết và chia sẻ với những khó khăn của các bậc đàn em, dùng tình thương để cảm hóa chứ không nên dùng uy quyền để cai trị, điều hành công việc.

### B. ĐỨC KHIÊM HẠ

Khiêm hạ là một đức tính vắng bóng tự ngã, dẹp tan mọi kiêu mạn; biểu thị sự tôn trọng mọi người. Sống trên đời này ai ai cũng cần được tôn trọng và được xem là có giá trị, vì thế khi ta biết tôn trọng người khác một cách chân thành chính là chúng ta đã đem an vui đến cho người. Có tôn trọng lẫn nhau trong giao tiếp, ứng xử là sự thể hiện một con người có đạo đức. Đức Mẹ có dạy:

*Con kiêu ngạo tự cao thành thấp,*

*Con hạ mình thấp sẽ nên cao,*

*Đừng xưng con đấng kiệt hào,*

*Nhơn sanh chẳng chuộng làm sao tán thành.*

Bài học về đức khiêm tốn đã được thể hiện

rất nhiều trong các Đạo giáo như: Đức Chúa Giê-su đã dạy các môn đệ phải rửa chân cho nhau và Ngài đã thực hành sự khiêm hạ đó bằng cách rửa chân cho các môn đệ trước khi bị đóng đinh trên thập tự giá. Đức Phật dạy chỉ có những ai chinh phục được tự ngã thì mới có thể nhiếp phục được lòng kiêu mạn và thực hành được sự khiêm hạ. Còn trong Cao Đài, Đức Chí Tôn ngay những buổi đầu khai Đạo cũng đã dạy cho các môn đệ bài học về sự khiêm hạ. Khiêm hạ không có nghĩa là tự mình hạ thấp mình mà là sự tự khẳng định chính mình, tôn trọng chính mình trong yên lặng tỉnh giác. Người mà có đạo đức là người luôn khiêm hạ, định tĩnh, nhu nhuyễn, thông dong và vững chãi trước dòng xoáy của bản ngã và làm chủ lấy bản ngã của mình.

### C. NHẪN NHỤC

Là sự chịu đựng, chấp nhận những khổ đau, bức bách, nhục nhằn, khó chịu do các điều kiện bên ngoài đưa đến cho ta mà tự tâm chúng ta vẫn an tịnh. Mỗi lần đối diện với những nghịch cảnh, khổ đau nếu chúng ta biết nhẫn nhục chịu đựng, để từ đó rút ra những bài học đạo lý có ích cho bản thân mình chính là lúc chúng ta đã có một sự chiến thắng oai hùng nhất. Chiến thắng đó không phải là chiến thắng đối phương, thể hiện sức mạnh của ta mà chính là chiến thắng nội tâm của chúng ta. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát có dạy: “*Nhẫn nhục không phải là một điều hèn yếu thua sút đâu chư đệ muội! Chính những lúc chế ngự được giận lòng, những lúc đè nén sự giận dữ phiền muộn, là những lúc sức mạnh vạn năng của tâm hồn được khơi dậy lấy lòng, có nhiều lần chiến thắng nội tâm lòng lấy mà không hay biết, như vậy mới tạo cho mình một hào quang đạo hạnh xán lạn vô cùng, bởi người tu theo đạo khác với người đời tự do phóng túng để thị dục cuốn lôi. Chớ người đời kẻ đạo ai cũng như ai, ngoài thân phàm xác thịt có chi là khác. Khác với người, cao cả hơn người là ở chỗ làm cho lòng mình được yên ổn, được mãn huệ, được rộng rãi như đại dương, như không*

9. Đại Thừa Chơn Giáo, Chiếu Minh Đại Đạo, 1950, tr. 68.

*gian vô tận vô cùng, mà người thế thường không ai làm nổi.*<sup>10</sup>

Người thiếu hạnh nhẫn nhục sẽ dễ làm mất đi đạo đức của chính mình, còn người thực hành được sự nhẫn nhục sẽ tạo cho ta một sức mạnh làm chủ lấy bản thân mình, lúc đó ta đã có được một năng lực tu tập hùng mạnh và năng lực đó sẽ giúp chúng ta kiểm soát được tâm mình, không để cho những cơn thịnh nộ lôi kéo ta làm cho ta mất đi đạo đức và công phu tu luyện.

Nhẫn nhục chính là phương pháp để hàng ma phục quỷ, giúp chúng ta bảo tồn lúc nguy nan, cũng là một trong những điều kiện tất yếu để giúp hành giả xây nền âm chất trên bước đường phản bổn hoàn nguyên, phát huy được những công năng chuyển hóa hầu hàn gắn mọi khổ đau trong đời sống con người.

*Đạo thì phải từ bi nhẫn nhục,  
Lòng vị tha chẳng lúc nào quên,  
Đó là âm chất xây nền,  
Đó là cửa cái vững bền muôn thu.*<sup>11</sup>

Trên đây là một vài chất liệu cơ bản để dệt nên bộ thiết giáp đạo đức của người tu. Để cho bộ thiết giáp đó được vững chắc chúng ta phải làm gì?

## **PHƯƠNG PHÁP GÌN GIỮ BỘ THIẾT GIÁP**

### **1. KHÉP MÌNH VÀO GIỚI LUẬT**

Thánh xưa có dạy: “Đạo bất khả tu du lý dã,” điều đó nhắc nhở người tu chúng ta không được xa rời Đạo dù chỉ trong một sát na, phải gìn giữ nó từng giây, từng phút. Lời tượng của quẻ Bát thuần Khảm có viết: Thủy tấn chi, tập khảm, quân tử dĩ thường đức hạnh, tập giáo sự. Ý nói nước chảy không ngừng là hình tượng của quẻ tập Khảm, người quân tử lấy việc rèn luyện năng lực làm trọng. Vì thế, để gìn giữ bộ thiết giáp đó, người tu phải khép mình vào giới luật,

phải giữ luật lệ nghiêm minh, hằng ngày lo gạn đục lắng trong, dọn mình cho trong sạch trọn lành để được mọi người yêu mến, nhất là trong những lúc khó khăn càng phải gìn giữ đạo đức hơn nữa, phải gìn lý chơn, từ bi, bác ái, v.v.

Thế gian là một trường tiến hóa không những chỉ cho con người mà cũng là nơi để các đảng âm hôn, nạ quỷ được có dịp bồi công lập đức để trở lại cõi trường tồn chánh giác bằng cách dìu dẫn những tâm hôn bất chánh, ích kỷ. Đó chính là luật công bằng của Tạo Hóa, vì thế, để rèn luyện đạo đức, con người phải nương theo đạo luật, pháp chánh, cùng Thánh Dự Quy Điều để trau luyện thân tâm. Đức Chí Tôn có dạy: “*Các con! Ngươn hội đáo kỳ vạn vật đổi thay; Phật, Tiên, Thánh, Thần từ cõi Hư vô đến trần gian giúp Thầy khai mở Đạo để cứu rỗi quần linh trở về nguồn gốc. Nơi cõi trung, hạ giới, các đảng âm hôn nạ quỷ cũng đến cõi thế gian tranh nhau lập công bồi đức để trở lại cõi trường tồn chánh giác và cũng để dìu dẫn những tâm phạm bất chánh, vị kỷ, vị thân, nương Đạo tạo đời, nhiều hại nhân sinh vào hố sâu vực thẳm.*

*Bởi lý do đó, Thầy thường dặn dò nhắc nhở các con hãy học hành theo đạo luật, Pháp chánh, cùng Thánh Dự Quy Điều mới khỏi bị lâm lãn giữa vàng, thau, bạc, thiếc, đen trắng, sáng tối, thiệt hư.*”<sup>12</sup>

Thánh Truyền Trung Hưng có ghi lời Thầy dạy: “*Giới luật là con đường của Thầy dựng nên để cho các con đi về cùng Thầy. Giới luật là một nấc thang để các con bước lên Thiên đàng, các con có chịu bước thì mới đến, không bước lên mà tụt xuống thì làm sao đến được. Giới luật là một phép lạ để các con xua đuổi tất cả loài ma, lũ quỷ ra khỏi người các con để các con đắc thành Phật quả. Con giữ được phép lạ ấy thì loài ma quỷ kia sẽ tránh xa, con không giữ được phép lạ ấy thì ma quỷ sẽ đến gần các con, rồi các con sẽ là ma quỷ.*

10. Nam Thành Thánh thất, 14-10 Canh Tuất (12-11-1970).

11. Vĩnh Nguyên Tự, 03-12 Giáp Thìn (05-01-1965).

12. Minh Đức Đàn, 10-7 Ất Tỵ (06-8-1965), tr.1.



*Từ xưa đến nay, chưa có một kẻ nào không nhờ giới luật mà thành Tiên tác Phật bao giờ.*<sup>13</sup>

## 2. HỌC ĐI ĐÔI VỚI HÀNH

Một tấm gương đạo đức sống động chính là một bài diễn thuyết hay để độ dẫn người đời vào đường chơn chánh. Chính vì thế, nói và hành phải luôn đi đôi với nhau, luôn nêu cao tấm gương đạo đức. Đức Như Ý đã dạy người lãnh đạo phương cách gìn giữ đạo đức để làm tấm gương cho người đời noi theo như sau:

*Lãnh lấy chức phải càng gương mẫu,  
Thọ vai tuồng phải thấu lý cao,  
Chung quanh muôn mặt nhìn vào,  
Từ bao cử chỉ, từ bao lẽ lời.  
Khi hội họp im hơi lặng tiếng,  
Lúc đối trao ý kiến nhẹn nhường,  
Dung hòa mọi mặt mọi phương,  
Suy cao luận thấp lập trường phát đoan.*<sup>14</sup>

**3. TÍCH CỰC LÀM CÔNG QUẢ, TÔ BỒI ÂM CHẤT** để làm cho bộ thiết giáp có thêm công năng che chở cho chúng ta trong những cơn thử thách, khảo đảo. Đức Hiền Thế Đạo Nhơn để lời khuyên như sau: *“Tệ Sĩ nhắc nhở chung những ai còn hững hờ với đạo đức công quả, hãy ráng cố gắng thêm lên, đi sát với đạo, hành sát với đạo, đem tình thương ứng phó, đem vị tha phục vụ trong mọi hoàn cảnh, để có chút vốn liếng về âm chất hầu làm bộ thiết giáp chở che cho qua hồi khảo duyệt sây sàng này.”*<sup>15</sup>

## KẾT LUẬN

Người xưa có nói: “Đức trọng quý thần khâm,” người có đức luôn được mọi người xung quanh yêu mến, ma quỷ phải sợ, thần minh khâm phục. Đạo đức chính là bộ thiết giáp mà Đức Chí Tôn đã ban cho các con cái của Ngài. Vấn đề là chúng ta có nhận thấy được bộ thiết giáp

đó hay không và có biết gìn giữ nó trước sự cắn xé của lũ hổ lang cho đến ngày công tròn quả đủ hay không? Muốn thế, chúng ta phải tập rèn đạo đức không phút giây nào ngừng nghỉ, phải thường xuyên khép mình trong giới luật quy điều, trau dồi tâm tánh, làm chủ bản thân, tích cực công quả hành đạo... để cho đạo đức của mình ngày càng thêm vững chắc, có nghĩa là ta luôn giữ được bộ thiết giáp nguyên vẹn thì chắc chắn sẽ có cơ hội được trở về phục lệnh Đức Chí Tôn nơi cõi thiêng liêng hằng sống.

Xin mượn lời dạy sau đây của Đức Chí Tôn thay cho lời kết:

*“Ngày mới Khai Đạo Thầy đã dạy các con rồi. Đó là Thầy đã ban cho mỗi con bộ thiết giáp để hộ thân, ma vương ác quỷ không làm chi được các con đâu. Các con đừng mê chấp quá rồi xem bộ thiết giáp là thường rồi khinh, rồi bỏ. Hễ bỏ thiết giáp là xa rời đạo đức, tức là xa Thầy đó các con.”*<sup>16</sup>

Và trong một đàn khác Thầy cũng nhắc nhở: *“Những sự phạm tục đều là mưu kế của tà mỵ yêu quái cốt để ngăn trở bước đường Thánh đạo của các con. Những mưu quỷ quyết ấy do lệnh Thầy dùng để thử các con. Thầy đã nói Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn cùng các con. Nó hằng thừa dịp mà cắn xé các con. Song trước, Thầy đã cho các con mặc một bộ thiết giáp chúng nó chẳng hề thấy đặng là đạo đức của các con. Thầy lại khuyên các con gìn giữ bộ thiết giáp ấy cho đến ngày hội hiệp cùng Thầy.*

*Ấy vậy, Đạo là vật rất hữu ích như giáp hữu ích cho thân các con. Nếu các con bỏ giáp thì thân các con ra trần lỗ, còn bỏ Đạo thì các con ở dưới phép tà thần.*

*(...) Các con chớ ngại. Ngày nay Đạo đã khai tức là tà khởi. Vậy thì các con phải hết lòng hết sức mà gìn giữ lấy mình. Chẳng phải giữ mình các con mà thôi, lại còn gìn giữ cả môn đệ Thầy nữa.”*<sup>17</sup> ■

13. Thánh Truyền Trung Hưng, Tịnh đường, 08-11-Ất Tỵ (30-11-1965).

14. Hườn Cung Đàn, 14-3 Tân Sửu (28-4-1961).

15. Ngọc Minh Đài, 14-02 Mậu Thân (12-3-1968).

16. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Nhâm Tý (29-3-1972).

17. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, đàn ngày 29-6 Bính Dần (07-8-1926).

# Dụng thể liên hoàn ■

## ■ CHÍ THẬT

Sứ mạng của Cơ Quan vô cùng trọng đại và nhiều gian khổ, thế nên người nhân viên tu học hành đạo tại nơi đây, phải có ý chí kiên định một lập trường vững chắc, vô ngã phá chấp với một tấm lòng đại lượng, một tinh thần đại đồng không phân biệt, không giới hạn và không đóng khung. Có như thế, chúng ta mới mong hoàn thành trọng trách được phó thác.

Muốn nên việc lớn phải có những tư tưởng lớn, biết dung hợp liên kết những khối óc tinh vi, những bàn tay cần mẫn khéo léo, tạo thành một đoàn kỵ binh lướt gió băng ngàn, tạo nên những kỳ tích uy hùng, những vĩ nghiệp cho Đại Đạo.

Một cánh én không thể đem đến một mùa xuân trọn vẹn huy hoàng, một bàn tay tiếng vỗ chưa vang xa, nhiều bàn tay kết lại âm thanh sẽ vang vọng khắp chốn. Năng lực của một cá nhân tác động vào việc to tát thì có thấm vào đâu, chẳng khác nào đem muối bỏ vào biển, sức lan tỏa chưa rộng khắp. Thế nên, phải dụng thể liên hoàn để tương trợ lẫn nhau trên bước đường thực thi sứ mạng phổ hóa quần sanh, giáo dân vi thiện...

Đức Mẹ dạy:

*“Tất cả các con đứa thì có cái này mà thiếu cái kia. Đứa có tài, đức còn xiển bạc, đứa có đức, tài lại kém, không đứa nào được hoàn toàn, thế nên các con hãy dụng thể liên hoàn hỗ trợ lẫn nhau từ tâm, đức, tài năng, đừng đứa nào mặc cảm e ngại để cho đám tà thần thừa cơ xúi giục các con xích mích ngấm ngấm rồi rạc lẫn nhau, rồi công phu tu tập bấy lâu trên đường hành đạo phải dở dang mà đắc tội nghe các con!”*

Liên hoàn: sắp đặt các bộ phận riêng rẽ, rời rạc sao cho kế tiếp nhau để tạo thành chuỗi thống nhất, nhờ đó các bộ phận này vận hành liên tục và ăn khớp với nhau như các mắc xích trong một vòng dây xích.

Định nghĩa và giải thích từ ngữ liên hoàn nêu trên, thực hiện được như thế thì guồng máy Cơ Quan vận hành có hệ thống, có tổ chức, có sự phối hợp nhịp nhàng từ trên xuống dưới, mọi đạo sự sẽ được hanh thông. Và điều hệ trọng hơn nữa là tổ chức chúng ta không có kẽ hở, từ đó tà thần không có cơ hội lợi dụng len lỏi vào guồng máy Cơ Quan như lời Đức Mẹ dạy: “(...) các con hãy dụng thể liên hoàn hỗ trợ lẫn nhau từ tâm, đức, tài năng, đừng đũa nào mặc cảm e ngại để cho đám tà thần thừa cơ xúi giục các con xích mích ngấm ngấm rời rạc lẫn nhau rồi công phu tu tập bấy lâu trên đường hành đạo phải dở dang mà đắc tội nghe các con!”<sup>1</sup>

Sự nhất tâm trong sứ mạng, sự đoàn kết trong thực hành, là thế mạnh nương tựa vào nhau giúp chúng ta vượt qua muôn ngàn chướng ngại, vượt lên những hệ lụy tầm thường của đời thường, hầu tạo sự gắn kết trong tập thể ví như một thân cây mà cành, nhánh, lá có sự liên hệ mật thiết với nhau như lời Đức Lý Giáo Tông dạy:

*“Cơ Quan là thân cây, mà mỗi chức vụ nhân viên đều là nhánh lá. Đất vun bồi cho thân phát triển, nếu nhánh lá bị sâu rầy cắn phá thì không chỉ riêng nhánh lá bị tổn thương mà làm hại cho toàn thân cây.”*<sup>2</sup>

Có câu: “Sông có khúc, người có lúc.” Ý nói rằng, sông có khúc dài khúc vắng, chỗ trong chỗ đục, chỗ sạch chỗ dơ; phàm là con người cũng tương tự như thế, lúc thanh hồi suy, lúc thái hồi bỉ, khi thăng hồi trầm... đó là những trạng thái tự nhiên, những thay đổi đương nhiên trong thế giới nhị nguyên mà con người đang hiện hữu. Điều chú trọng là chúng ta phải biết nương thời tạo thế, uyển chuyển theo từng hoàn cảnh thiết

thực, từng trường hợp cụ thể, lấy đại cuộc làm trọng, loại bỏ những tư tưởng nhỏ nhen, biết nhẫn nhịn chuyện tầm thường để không lỡ việc phi thường: “Tiểu bất nhẫn, tất loạn đại mưu.” Vấn đề này được Đức Lý Giáo Tông nhắc nhở:

*“Dòng đạo luân lưu vô tận, các chế độ cũng như những khúc sông, có khúc vắng, khúc dài, có khúc trong khúc đục, có khúc dơ khúc sạch, người hướng đạo cần sáng suốt để tùy doi nương vịnh, lèo lái con thuyền vượt sang lướt trên dòng sông Đạo pháp, đừng hờ hững ngả nghiêng mà đắm chìm trong sóng gió.”*<sup>3</sup>

Bàn tay chúng ta có ngón dài ngón ngắn, không ngón nào giống hoặc bằng ngón nào, nhưng thiếu một trong năm ngón thì không trọn vẹn một bàn tay, và mỗi ngón tay đều có hữu dụng và hỗ tương cho nhau rất linh hoạt. Trong một tổ chức cũng thế, có người hay người dở, người có ưu điểm mặt này, người có ưu điểm mặt kia. Khéo léo vận dụng trí tuệ tập thể, lấy ưu bổ khuyết, đắp đổi bổ sung lẫn nhau, không trọng không khinh, tất cả đều được kính trọng trong quyền pháp, lấy Đạo luật đặt thành kỷ luật, làm thành nguyên tắc, để mọi thành viên trong tổ chức xem đó là quy củ chuẩn thẳng điều hòa guồng máy trong sự thương yêu bảo bọc, để tránh những sự chia rẽ, sụp đổ trong nội bộ, và điều này đã được Ôn Trên đặt lên hàng đầu: “Nội tình ổn định trước tiên.” Và Đức Lý Giáo Tông đã để lời dạy:

*“Chấp nhận vào một tổ chức, một cơ quan là đã chấp nhận điều hay lẫn điều dở. Muốn tận dụng tài năng với nhau phải có đủ phương pháp để chế hóa cải tật cho nhau. Tình thương có trang trải thấm nhuần, quyền pháp mới nghiêm minh. Điều hòa nhiệm vụ, nguyên tắc kỷ luật tuy là hình thức nhưng phải tự kiểm tự tu. Thiếu kỷ luật nguyên tắc là đã gây mầm cho sự rẽ chia, sụp đổ.”*<sup>4</sup>

Đức Lý Giáo Tông dạy:

*Đức tài dầu chẳng tương đồng,*

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–10 Ất Mão (17–11–1975).

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 22–01.Bính Dần (02–3–1986).

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–10 Ất Mão (17–11–1975).

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14–01 Canh Thân (29–02–1980).

*Siêng năng cần mẫn thật lòng thì nên.*<sup>5</sup>

Đó là về mặt đối nội, còn đối ngoại thì sao?

Đức Lý Giáo Tông dạy:

*“Đối ngoại cũng thế, cũng lấy đạo lý tình thương làm căn bản. Hôn nữa, có sứ mạng Thiên ân mới thể Thiên hoàng đạo. Muốn thể Thiên hoàng đạo, phương pháp duy nhất là phải vong ngã. Có vong ngã mới có vị tha, có vị tha mới hết lòng tận độ.*

*Người sứ mạng Thiên ân chiến thắng được khi nào làm cho kẻ thù trở nên thân, người ghét trở nên bạn. Có như thế thì xuân mới vĩnh viễn trường tồn trong lòng người Thiên ân sứ mạng, phạm nhân trở nên Thánh nhân trên con đường tự độ.”*<sup>6</sup>

Vong ngã vị tha là điều kiện tối cần, là chất xúc tác hiệu quả, là chất kết dính hiệu năng, cảm hóa thù thành bạn, ghét thành thương. Khó quá, quá khó, nhưng việc khó mà làm được thì mới có giá trị miên viễn như mùa xuân vĩnh viễn trường tồn trong tâm hồn của người được ban trao quyền pháp, thể Thiên hành hóa, phổ độ nhân sinh. Và Đức Lý Giáo Tông còn dạy thêm:

*“Bất cứ ai đến Cơ Quan chư đệ muội cứ xử khéo léo sao cho mọi người cảm thấy một tình thương và có sức hấp dẫn thiêng liêng, đừng để mọi người cảm thấy lạnh lùng băng giá.”*<sup>7</sup>

Cơ Quan là nhịp cầu nối liền tình huynh đệ, thế nên việc đối nhân xử thế phải hết sức khéo léo, mềm dẻo, cử chỉ dịu dàng, ánh mắt thiện cảm, lời nói tao nhã, hành động khiêm tốn, đó là sức hút tràn đầy nhựa sống cảm thông, để tất cả những ai đến với Cơ Quan đều cảm thấy ấm áp trong tình thương đồng loại, trong vòng tay ân phúc của Đấng Cha chung muôn loài.

Thế giới nhị nguyên là trường đối đãi, mọi sự mọi việc đều có chỗ mâu thuẫn, từ đó mới gây ra sự bất bình, bức xúc chuyện này chuyện nọ giữa người với người, làm cho cuộc sống nhân sinh có nhiều xáo trộn, tình cảm giữa con người trong

nhiều môi trường bị rạn nứt, phai nhạt. Muốn xây dựng tình đoàn kết trong cộng đồng, phải thực hành tứ vô lượng tâm, từ, bi, hỷ, xả, khoan dung phá chấp, lấy tình thương làm nền tảng căn bản trong đời sống tu học hành đạo thường nhật, thể theo lời dạy của Đức Quảng Đức Chơn Tiên dạy:

*Tình chung con cái của Thầy,*

*Người với ta vẫn giữ đầy tình thương.<sup>8</sup>*

Đức Lý Giáo Tông dạy:

*Hỡi sứ mạng Thiên ân hướng đạo,*

*Hỡi bạn thân hoài bão cơ Thiên,*

*Dọn đường trở lối về nguyên,*

*Đem mình làm ngọn đuốc thiêng cho đời.*

*Ban Thường Vụ, không đời chí cả,*

*Luyện kỹ rồi nhân ngã cụ vong,*

*Tâm từ, đức huệ vun trồng,*

*Nêu gương kẻ dưới, hợp đồng người trên.*

*Các Vụ Trưởng chí bền tâm đạo,*

*Chớ nại hà vạn khảo thiên ma,*

*Dặn lòng khắc phục cái ta,*

*Đạo đời vai gánh xông pha âu đành.*

*Cùng Phó Vụ lợi sanh hoàng pháp,*

*Có lạ gì phúc tạp chương duyên,*

*Có đoàn thủy thủ trung kiên,*

*Để dàng lèo lái con thuyền sang sông.*

*Trưởng Ban quyết chí công mài sắt,*

*Cùng Phó Ban điều dắt thi công,*

*Có phen cá nọ hóa rồng,*

*Dầu cho lớn nhỏ ân hồng như nhau.*

*Bước tiến đồ trông vào Giáo sĩ,*

*Học nên tài, tâm ý cũng nên,*

*Vạn linh xây móng đắp nền,*

*Dặm dài thiên lý phải bền vó câu.*

*Hỡi Tu sĩ khoác màu áo trắng,*

*Cánh chim hồng xinh xắn tung bay,*

*Giữ đưng nhuộm nét trần ai,*

*Rèn lòng sửa tánh hôm mai chớ rời.*

*Niên trình mới đôi lời Lão để,*

*Chúc chư hiền đạo thể quang minh,*

*Sắc không thì đó cũng tình,*

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Ất Mão (25-02-1975).

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-01 Canh Thân (29-02-1980).

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 16-02 Nhâm Thân (19-3-1992).

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 12-10 Nhâm Tuất (26-12-1982).

Hữu thành tắc ứng chí linh nhiệm mầu.<sup>9</sup>

Các tư kỳ phạt đã được ân ban và phân định, thì cứ thế mà tiến hành các phần việc của Vụ, của Tập đoàn đồng thời triển khai cụ thể xuống các Ban, phổ biến đến các cấp nhân viên, thông suốt mục đích, hiểu rõ đường lối và vai trò của Cơ Quan. Mỗi người tự phấn đấu, rèn luyện tâm, hạnh, đức, tài hầu góp phần vào sứ mạng chung.

Đức Lý Giáo Tông dạy:

*“Điều quan trọng hiện tại chư đệ muội từ hàng lãnh đạo đến nhân viên phải thống nhất quan điểm, một đường lối kiên định, giữ vững mục đích lập trường Đại Đạo. Mỗi nhân viên phải tự trau dồi tâm, hạnh, đức, tài, đến ngày ấy chư đệ muội sẽ được Đức Chí Tôn ân ban.”<sup>10</sup>*

Trên đường thực thi sứ mạng, khó khăn thử thách là điều không sao tránh khỏi, nhưng đó lại là những bài học thực tế, những bài thi có giá trị, giúp cho người hành giả trui rèn ý chí, tiếp cận những trải nghiệm trên bước đường hành đạo. Những khó khăn, những trở trở, những âu lo, phiền muộn đó, được Đức Lý Giáo Tông thấu hiểu và chia sẻ:

*“Càng nhiều khó khăn thử thách mới thấy được tâm chí vững bền của hành giả trên đường sứ mạng, luôn luôn có Bản Đạo bên chư đệ muội.”<sup>11</sup>*

## KẾT LUẬN

Đạo sự trước mắt khối lượng tồn đọng rất đáng kể so với sức lực thì quá tải và thời gian tính đã quá trễ, làm việc này lại bỏ dở việc kia, việc kế tiếp cũng đang sắp hàng chờ chúng ta giải quyết.

Đạo sự ngổn ngang, nhân sự hành đạo không đồng đều, người thì không đủ thời gian giải quyết việc đạo, có người lại thờ ơ với sứ mạng. Nếu chúng ta không ổn định lại tổ chức, tu bổ lại guồng máy, thì với trọng trách to tát được đặt để, liệu có hoàn thành chăng? Nói như thế, không phải để bi

9. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-01 Canh Thân (29-02-1980).

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 17-02 Giáp Tuất (28-3-1994).

11. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 03-5 Bính Dần (09-6-1986).

quan, mà thức tỉnh các cấp nhân viên phải ý thức, để vận dụng kiến thức, phát huy nội lực đúng mức vào các đạo sự đạt hiệu quả khả quan.

Chúng ta vận dụng triệt để thể liên hoàn mà Đức Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng đã dạy bảo, liên kết tâm, hạnh, đức, tài của từng cá thể để tạo thành sức mạnh cho tập thể, có tinh thần hợp tác, chia đều các đạo sự, chia sẻ lúc khó khăn, chung vui khi thành công, đó cũng là điều kỳ vọng của Ông Trời đã đặt để cho các cấp nhân viên dưới Thánh bảng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

Đức Lý Giáo Tông dạy:

*“Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý là guồng máy sau cùng, mỗi người mỗi việc, người nào cũng quan trọng cả. Mỗi người là một bộ phận, hễ khi ráp đúng chỗ, đúng khớp, toàn thể bộ máy phát động điều hòa, âm thanh êm dịu, tác động trời chảy nhậm lệ. Nhân tài không thiếu, chỉ thiếu chỗ để nhân tài đặt mình phục vụ.”<sup>12</sup>■*

12. Thiên Lý Đàn, 23-3 Đinh Mùi (02-5-1967).



## THÁNH GIÁO

Ngươn thần là điểm linh quang,  
Tinh anh rực rỡ thường trông sáng lòa.  
Ngươn thần Thượng Đế ban ra,  
Ngươn thần vốn thiệt cái Ta chơn hồn.  
Thức thần ứng biến đại khôn,  
Thức thần là cái giác hồn của thân.  
Bởi thân nhờn có sáu căn,  
Gây ra sáu thức, sáu trần, sáu ma.  
Gọi rằng lục tặc đó mà,  
Hại thần ám muội đọa sa sáu đường.  
Người tu chơn đạo lập trường,  
Sáu căn, sáu tặc thường thường đón ngăn.  
Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm,  
Đừng cho thâm nhiễm mùi trần, muốn ham.  
(...)

ĐỨC THÁI THƯỢNG LÃO QUÂN, THÁNH HUẤN HIỆP  
TUYỂN, QI, HỘI THÁNH TIÊN THIÊN, 1961, TR.175.■



*hình ảnh*

## NGƯỜI NHÂN VIÊN CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ QUA BÀI CẦU NGUYỆN CƠ QUAN

*Hay một vài suy nghĩ về con người sứ mạng với những điều kiện phẩm hạnh và ý thức thực hiện đạo sự qua lời dạy của Ông Trên trong bài Cầu Nguyện Cơ Quan*

■ THANH LONG

### VỀ CON NGƯỜI LƯƠNG DIỆN VÀ NĂNG LỰC HỒI NGUYÊN

Trên dòng tiến hóa của vũ trụ, có thể thấy vai trò của con người là vô cùng quan trọng. Đọc trong Thánh giáo, Ông Trên từng nói rằng nếu không có con người hành đạo thì Đạo cũng không thể nào hoằng khai được và chính con người là khí cụ của Thiêng Liêng để khơi dòng đạo lý trong cõi trần này. Nhân vị cao trọng của con người có được trên dòng tiến hóa ở thế gian nhờ vào thuộc tính phổ quát “đồng thể linh quang” với Đấng Chí Tôn Thượng Đế hay còn được biết là

bản thể của càn khôn; và cũng do con người sở hữu năng lực rất đặc trưng, “tu hành” – phương tiện để con người học hỏi và tiến hóa tâm linh.

*Có Trời mới có chúng sanh,  
Có con, con mới tu thành Phật Tiên.  
Con là một thiêng liêng tại thế,  
Cùng với Thầy đồng thể linh quang.  
Khóa chìa con đã sẵn sàng,  
Khi vào cõi tục khi sang thiên đình.<sup>1</sup>*

Ở đây, khái niệm con người đã phân ly thành

1. Đức Chí Tôn, 14-01 Bính Ngọ (04-02-1965).

hai đối tượng khả dĩ: con người trong mối quan hệ mật thiết với tính thiêng và con người bàng quang với mọi vấn đề tâm linh. Con người phổ quát có đủ năng lực sống trong trần gian và cũng có thể vào được cõi thiên thanh tịnh. Hễ con người sử dụng năng lực đặc biệt của mình một cách đúng đắn, thì con người có thể di chuyển qua lại giữa hai cõi sắc không. Và đương nhiên, nếu không sử dụng đúng đắn công cụ đó con người mãi ở lại “cõi tục”, vì đó là nơi mà việc sử dụng sai mục đích cái công cụ riêng có thể tồn tại. Như thế, khái niệm con người chỉ cho ta thấy được tính khả năng, tức là con người là trạng thái có thể. Vậy điều gì khiến con người là cái cụ thể?

Việc khơi thông cho dòng đạo lý có lợi cho loài người và muôn vật là sứ mệnh của một linh vật đủ năng lực. Ngoài con người, có thể khẳng định rằng, không còn một sinh vật nào đảm nhận được sứ mệnh đó tốt hơn. Tuy nhiên, dù là người có trách vụ hay là kẻ thờ ơ, một khi đã vào được trần gian sống kiếp người tất đã dự phần vào con đường nhị nguyên lưỡng diện. Nó khiến con người trở nên khó, nhưng không phải là không thể, cảm thụ được sự tồn tại của đạo lý ẩn áo uyên thâm. Thế nên, con người đứng trước vấn đề nan giải: vừa phải luôn xác tín về mình, vừa phải luôn phủ định mình.

Tuy vậy, lời xác tín của Đức Chí Tôn “Có Trời mới có chúng sanh” đã cho ta một niềm tin về dòng đạo lý trường lưu tuôn chảy bất tận trong vô biên của không gian và trong vô cùng của thời gian. Dù con người là trạng thái khả dĩ thì dòng đạo lý hanh thông từ thiên thượng xuống thiên hạ và ngược lại, có thể làm cho con người thấy được bản chất sâu thẳm của cuộc đời và nhận biết được sự hiện hữu siêu linh. Cái thấy tận cùng đó là chiếc chìa khóa của kiếp người, là mục tiêu của cuộc sinh tồn của con người. Cuộc sống của con người có giá trị tự nó hay không thì cũng phải chờ cho đến khi người ta đạt đến cái nhìn trọn vẹn. Mọi sự phủ định tiền định chỉ là sự khước từ không có căn cứ và mọi sự thừa nhận tiên kiến chỉ là sự tin tưởng không cơ sở. Con người, thật

ra, phải di trú vào trong hồng trần lưỡng diện để đi đến được chỗ cái Một bằng mọi năng lực của một thực thể gồm hai phần thực và hư, có và không. Nói như thế, ta cũng vừa cho rằng mọi tổ chức, tập thể đều mong manh thoi đưa lưỡng cực lại qua và bất tất với sự bất tất của con người. Nhưng cũng chính tình trạng bất tất đó lại là hoàn cảnh khiến con người phải hành động như một linh vật có ý hướng tính. Con người chỉ là con người cụ thể khi dự phần vào lao lung trần sinh để xác định cái ý hướng tính đó. Ý hướng tính vừa là phần thưởng về thiên hướng và vừa là công cụ về năng lực mà con người vốn đã có.

Nguồn cội của ý hướng tính vốn sở hữu một quyền lực thúc đẩy năng lực nhận thức và hành động. Và thế là Đức Chí Tôn xác định “Con là một Thiêng Liêng tại thế”. Lời dạy này như muốn gỡ bỏ cái mông lung lưỡng diện đôi co của số phận cho loài linh vật trong vũ trụ. Ý niệm con người được nâng lên tầm vóc mà ở đó con người là kẻ có nhận thức và hành động đúng với cơ vận động của Trời Đất, hay có thể gọi bằng một cái tên thật gần với giáo lý Cao Đài: con người sứ mạng<sup>2</sup>. Chỉ đến khi con người thừa nhận sứ mạng từ thượng thiên và thực hành một cách thành kính, con người đang hiện thực hóa một khả năng như “Có con, con mới tu thành Phật Tiên”.

Con người sứ mạng được thọ nhiều ân phước. Trong ân phước lớn nhất là phần trách nhiệm trọng đại được ban trao trong kỳ Ba. Có thể nói rằng, sứ mạng chính là ân phước vô cùng trọng đại. Ân phước đó lớn hơn mọi hình thức ban ơn nào mà con người sứ mạng có được. Và mọi sứ mạng trọng đại ban trao cho con người cũng đồng thời là ân phước to lớn. Do vậy, được trao sứ mạng và có cơ hội thực hiện sứ mạng là niềm vinh hạnh hy hữu và cao quý.

---

2. Con người sứ mạng. Trong giáo lý Cao Đài, khái niệm này không xuất hiện ngay từ thời kỳ đầu của giai đoạn khai Đạo. Đây là một khái niệm tổng hợp và được xuất hiện sau này nhằm nhấn mạnh vai trò và trách nhiệm của con người tôn giáo trong cơ tiến hóa của vũ trụ (ý kiến riêng của người viết).

*Nhờ ơn Đấng Cao Đài cứu thế,  
Tỉnh thức lòng con trẻ tâm tu,  
Vết tan những ngút mây mù,  
Nhìn tường Đại Đạo trí ngu lọc lừa.*

Con người có được lòng mong mỏi tu học đạo lý thiêng liêng không phải là việc tự nhiên. Càn khôn vốn có phần u, có phần minh; có phần linh diệu khó thấy và có phần bày lộ khả dĩ tri hành. Do vậy, con người nếu chỉ thiên về phần vô hình chưa chắc là người có thực tâm tu; mà chỉ biết có phần hữu hình thì chắc không phải là kẻ có thể thấu hiểu được lý Đạo. Sự tu học của người nhân viên Cơ Quan, xét ra, cũng là phần khai minh trí thức, tâm thức nhờ học tu và tín thành vào các Đấng Thiêng Liêng. Ở đây, cái năng lực rất đặc trưng của con người có thể được hiểu như là khả năng tỉnh thức, vết mây mù và bớt phần mê muội. Đó chính là năng lực tu học của người sứ mạng.

### **PHẨM HẠNH CỦA CON NGƯỜI SỨ MẠNG**

Phẩm hạnh của con người sứ mạng thể hiện trong bài Cầu Nguyện Cơ Quan là sự thực hiện đức nhu thuận. Đức nhu thuận không phải đơn thuần là vẻ bề ngoài nhã nhặn, nhu mềm theo cách một con người xã hội cần có để thể hiện đạo đức xã hội. Trong ý nghĩa Dịch lý, nhu thuận có hai nội dung phổ quát: một là con người thuận tùng theo Thiên lý, theo đạo lý; hai là con người nhu mềm, hòa ái với tha thể trong đời sống xã hội.

Người nhân viên Cơ Quan là người phải có được đức thuận nhu. Như thế, cũng đồng nghĩa với việc nhân viên Cơ Quan phải thực hành theo đạo Khôn của Dịch lý. Mối liên hệ thiêng liêng giữa con người với Đức Chí Tôn, Đấng Tạo Hóa và vận hành vũ trụ đại thể, là một mối liên hệ không thể phủ nhận và thường phải được nhận biết như là một niềm tin cơ bản. Thế nên, người nhân viên Cơ Quan không tự tuyên xưng thân phận vốn dĩ nghèo hèn của phận con người để làm nên danh, nên phận nhằm vào quyền lợi cá nhân, quyền hành chi phối bạn đạo. Thái độ “cúi xin phụng thờ Thiên lịnh” thể hiện đức

tính thừa thuận với đạo lý, với Thiên ý. Nhờ đó, mà mỗi người tu học tại Cơ Quan đều có thể khiêm nhượng để hiệp tâm với Trời và người hầu thực hiện theo lời dạy, ý chỉ của Ông Trên nói chung hay của Đức Chí Tôn, Đấng chương quản cơ Đạo Kỳ Ba nói riêng.

*Con cúi xin phụng thờ Thiên lịnh,  
Dưới chơn Thấy phán định phát ban,  
Dầu trong mọi cảnh khó khăn,  
Nguyện lòng đem hết sở năng thực hành.*

Người nhân viên Cơ Quan thể hiện sự uy hùng tự thân qua hành động “tự cường bất túc”. “Tự cường” là tự thân vượt qua những chướng ngại ngoại cảnh và nội tâm để thực hành đạo lý một cách nhiệt thành và chí kính. Chính lúc hành đạo là lúc người nhân viên Cơ Quan thể hiện được ý nghĩa của Đại Tượng truyện của quẻ Kiển “Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất túc”. Và chỉ khi con người với khả năng nhận ra ý hướng tính trong sứ mạng để hành động “tự cường bất túc” theo đúng nghĩa thì con người trở nên con người cụ thể, con người sứ mạng.

Đức Chí Tôn, trải qua dòng lịch sử nhân loại, luôn mở khai trường giáo đạo để giáo hóa nhân sinh theo từng mỗi nền văn hóa khác nhau chưa từng gián đoạn. Con người nếu muốn học được sự kiên định đó phải không ngừng tu học giáo lý, mở khai tâm linh tự thân và cho tha nhân.

*Đấng Chí Tôn hải hà ngự trị,  
Phật Thánh Tiên nhứt lý phát ban,  
Hồng trần lòng trẻ đặng an,  
Lo tròn hiện tại mở màn tương lai.  
Thọ Quy điều trước đài con đại,  
Dưới Đạo kỳ cúi lạy Trời Cha,  
Hộ con tạo thế nhưn hòa,  
Trời Nam xây dựng bửu tòa vạn linh.*

Hai vé thi trên minh họa một cách đầy đủ hình ảnh của con người sứ mạng với phẩm hạnh thuận với Trời được đại diện bởi Đức Chí Tôn cùng các Đấng Thiêng Liêng; và phẩm hạnh nhu trước sứ mạng tạo thế nhân hòa. Người tu học khi có thể hiểu và hành được theo đúng với nhứt lý; hiểu và hành y như quy điều là đã thể hiện vai trò thừa



thuận của con người. Đó cũng là đức Nguyên của Khôn đạo, tức “Chí tai Khôn nguyên” vậy.

Cho đến khi con người tu học đạt được đức Nguyên Khôn đạo thì khả năng để đi đến kết quả chung cuộc tốt đẹp không phải là không thể. Soán truyện của quẻ Khôn cũng có viết: “(...) nãi chung hữu khánh, an trinh chi cát”, thì lời bài cầu nguyện cũng tương tự viết: “lòng trẻ đặng an” và “thể nhơn hòa” hay “bửu tòa vạn linh”.

## **NHỮNG LỜI NGUYỆN HỨA LÀ ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH ĐẠO LÝ**

Lập nguyện là điều cần yếu của người tu học trên hành trình dài nhiều thử thách. Sự lập nguyện có cơ sở của cái tâm hướng về tha nhân. Lập nguyện, xét đến cùng, có nghĩa là theo dấu Thánh nhân để thực hiện cho được lý tưởng an trinh chi cát. Trên phương diện thực tiễn, lập nguyện tức là định hướng hành động, tức là khai thác triệt để năng lực đặc quyền của một linh vật trong vũ trụ. Soán truyện quẻ Khôn viết: “ứng địa vô cương”, thì ý của Đức Chí Tôn cũng muốn nói rằng con người hoàn toàn có năng lực “lo tròn hiện tại”, “mở màn tương lai” hay hơn thế nữa là “tạo thế nhơn hòa”, “xây dựng bửu tòa vạn linh”. Mọi điều tốt đẹp nhất đều phải bắt đầu từ một điểm quan trọng được Soán truyện gọi là “Khôn Nguyên”, còn ở thực tiễn hành đạo của con người tu học thì đó là lập nguyện, là kế hoạch cho hành động.

(a) Nguyện xây dựng chánh pháp để cuộc trần bớt nỗi tang thương. Lời nguyện này chỉ có thể thực hiện khi người nhân viên Cơ Quan biết vận dụng những cái mình vay mượn của trần thế để thực hành đạo sự. Những món mà con người sử dụng vay mượn là: tài, danh, quyền chức và mọi hình thức vật chất tiện ích trong đời sống cá nhân. Vận dụng các món vay mượn đó để thực hiện phong trào tu học và hành đạo nhắm đến mục đích tối hậu là thấu hiểu cho được chánh pháp Đại Đạo. Đó là trách phận tự tu và giúp nhân sinh cùng tu học của người nhân viên Cơ Quan.

*Nguyện đem cả tài danh quyền chức,*

*Nguyện xem thường vật chất hồng mao,*

*Quyết tâm xây dựng phong trào,*

*Hóa hồng chánh pháp xóa màu tang thương.*

(b) Nguyện xây dựng thực thể đạo lý trong cuộc trần để nhân sinh hòa hiệp, nhân tình hòa lạc, nhân tâm hòa hiệp. Lời nguyện này chỉ có thể thực hiện khi người nhân viên Cơ Quan biết cách hiệp tâm, hiệp tác cùng chư huynh đệ để tạo thành một tập thể có đủ năng lực triển khai đạo lý khắp cùng mọi nơi. Con đường thực hành đạo lý của con người sử mạng không phải là con đường bằng phẳng, suôn sẻ. Người nhân viên Cơ Quan phải luôn nhủ với lòng phải gìn “can trường thiết thạch” để đi trên con đường đạo, học cho được cái Đạo, hành cho được cái Đạo. Muốn làm được như vậy, người nhân viên Cơ Quan phải có tấm lòng son sắt, thủy chung với Đạo. Và muốn có được tâm đạo như vậy, lòng vị ngã phải được thay dần bằng tâm vị tha như lời nguyện “hy thân nguyện nước non cùng”.

Hành động để thực hành lời nguyện này là chung sức đem Đạo truyền bá trong nhân sinh. Trong đó, chung sức là kết liên những yếu tố tích cực để thực hiện trách vụ truyền bá đạo lý. Trong quyển Đồi Đạo Triết Luận, Đức Kim Tiên Chánh Đức cũng có dạy: “Con người chỉ nên kết đoàn với kẻ có lòng, chung sức với người thiện chí, dàn xếp với những đệ huynh thân hữu cùng một chí hướng tốt đẹp. Có liên kết đúng đắn thì mới có đầy đủ chất và lượng sung mãn của những người tiến bộ đúng đắn và có được nguồn sinh lực thực thể. Như thế thì mới mong làm cho số người gian ác từ bỏ thái độ bất lương bất chánh.”<sup>3</sup>

Từ sự chung sức có điều kiện ban đầu để tạo thực thể có khả năng thực sự, đến mục tiêu hành động vô điều kiện phân biệt đối với tha nhân ngoại thể để tạo kết quả tốt đẹp một cách hoàn mỹ như sự thông cảm, tình thương không phân biệt. Đó cũng là nguyên tắc hành động của bất cứ thực thể nào trong thế giới nhị nguyên: nội lực là yếu tố tiên khởi.

3. Đồi Đạo Triết Luận, Quyển nhứt, 1966, trang 29 – 30.

*Nguyện chung sức mở đường đại chúng,  
Đem Đạo mẫu công dụng mọi nơi,  
Cho người thông cảm cùng người,  
Đẹp tan sắc phái phục hồi tình thương.  
Nguyện nung nấu can trường thiết thạch,  
Nguyện giữ gìn son sắt thi chung,  
Hy thân nguyện nước non cùng,  
Mở mang đạo lý vẫy vùng trần la.*

## TẠM KẾT

Như vậy, qua cái nhìn sơ bộ, ta có thể thấy rằng con người sứ mạng là con người được ban ân phước cao trọng thể hiện qua sứ mạng thừa hành mà con người thừa thuận với chư Thiên để nhận lãnh; phải nhu hòa với tha thể để thực hành. Không phải cứ cúi đầu vào tứ thời là thừa thuận, mà phải thực sự thấm nhuần giáo lý đến tận chơn tông<sup>4</sup>. Không phải cứ né tránh thị phi trước những vấn nạn con người thì gọi là nhu, mà phải thực sự vận dụng được sự hiểu biết về đạo lý và trong giải pháp giải quyết vấn đề con người. Chính khi con người dẫn thân và trải lòng với từng mỗi đạo sự bằng cái nhìn tinh thức là lúc con người trở thành con người cụ thể, có thật; và thế là con người mới thực là con người sứ mạng, tức con người đã nhận được ân phước.

Thuận nhu là hình ảnh con người sứ mạng phổ quát. Hình ảnh đó đủ để nói lên giá trị của con người tu học và hành đạo, cụ thể là người nhân viên Cơ Quan. Trong tính cụ thể và thực tiễn, để xây dựng được con người với đức thuận nhu con người sứ mạng, người nhân viên Cơ Quan phải sử dụng năng lực cơ bản độc đáo, tinh thức, vệt mây mù, bớt mê muội hay gọi vắn tắt là tu học để học hỏi, thực hành và thể nghiệm đời sống đạo lý phù hợp với sứ mạng của Đại Đạo. Những hành động phù hợp đó không gì

ngoài: xây dựng phong trào tu học và hành đạo; với thân thì trải thân hành đạo, với người thì hiệp tác, hiệp tâm để dựng thế nhân hòa. Một hình ảnh về con người như vậy không phải là điều tưởng tượng, điều mong ước và cái để hy vọng. Đó là hình ảnh thực tế, thiết nghĩ rằng, có tính thực nghiệm và thể nghiệm của con người sứ mạng. Hình ảnh thực tế của con người sứ mạng là tổng hòa của cứu cánh và hành động.

Con người tuy mỏng lung nhưng hoàn toàn có khả năng đạt đến cái cao cả thông qua sự dẫn thân thực hiện sứ mạng cao trọng được trao phó. Nhưng cho đến khi con người chưa thực sự nhận ra ý hướng tính đó, trần sinh vẫn là cõi lưỡng nguyên đầy tính bất định. Ý hướng tính của kiếp người là động lực khiến con người vượt qua được chính mình.■



4. Như ý nghĩa của lời dạy của Đức Giáo Tông Đại Đạo trong đàn cơ ngày 17-02 Mậu Thìn (03-4-1988):  
*Thánh Giáo rành chưa chắc đã thông,  
Phải cần thấm nhập tận chơn Tông,  
Đốc hành cho trọn là tâm Đại,  
Danh Đạo nên rồi mới thật công.*

# Học chữ hán qua thánh giáo

## BÀI ĐƯỜNG THI NGÀY TẾT CỦA PHẬT DI LẶC



### 1. TỪ BỐN CHỮ NHẤT TRONG BÀI ĐIỀU VĂN

Năm 1308, Mạc Đĩnh Chi được vua Trần Anh Tông cử đi sứ nhà Nguyên. Tới kinh đô, sau khi yết kiến, vua Nguyên Vũ Tông ra một câu đối:

*Nhật: hỏa, vân: yên*

*Bạch đán thiêu tàn ngọc thổ.*

Tạm dịch:

*Trời là lửa, khói hình mây*

*Ban ngày thiêu đốt trăng  
đầy cũng tan.*

(Ngọc thổ cũng có nghĩa là  
vàng trắng.)

Mạc Đĩnh Chi đã ứng  
khẩu, đáp:

*Nguyệt: cung, tinh: đạn*

*Hoàng hôn xạ lạc kim ô.*

Tạm dịch:

*Trăng là cung, mượn sao trời*

*Làm tên, chiều xuống bắn  
rơi qua vàng.*

(Kim ô cũng có nghĩa là  
mặt trời.)

Không giận, mà còn cảm  
khái, sau đó Nguyên Vũ Tông  
đã tự tay viết sắc phong Lương  
Quốc Trọng Nguyên cho sứ  
thần họ Mạc.

Ngày nọ, một hậu phi  
sủng ái của Nguyên Vũ Tông  
mất. Mạc Đĩnh Chi được mời  
lên đọc một bài điều văn viết  
sẵn. Mở bài điều ra, chỉ thấy  
bốn chữ nhất, không chút nao  
núng, ông đọc ngay:

*Thanh thiên nhất đóa vân*

*Hồng lô nhất điểm tuyết*

*Thượng uyển nhất chi hoa*

*Dao trì nhất phiến nguyệt*

*Y! vân tán, tuyết tiêu, hoa  
tàn, nguyệt khuyết!*

Tạm dịch:  
 Trời xanh một dáng mây bay  
 Lò hồng ai điểm một đài tuyết trinh  
 Ngự viên một đóa hoa xinh  
 Dưới ao một phiến trăng khuyh thành đời  
 Ôi! Mây tan, tuyết buồn trôi  
 Hoa vàng hương úa trăng phôi pha hình.  
 Bài điệu văn mang thiên ý thâm sâu, độc đáo,  
 càng làm vua Nguyễn cảm kích và khâm phục...

## 2. ĐẾN CHUYỆN CHỮ NGHĨA HÔM NAY

Qua hơn một ngàn năm Bắc thuộc, tiếng Việt đã mượn tiếng Hán số từ ngữ nhiều lần hơn vốn từ đã có. Có những từ bình dân được người bản ngữ đồng hóa, dần dần tạo ra dáng dấp riêng... Hay có những từ đi vào tiếng Việt theo con đường “bác học” trong các văn bản hành chính. Trong hội nghị “Chữ quốc ngữ và sự phát triển của văn hóa Việt,” Giáo Sư Cao Xuân Hạo đã phát biểu: Người Việt sẽ không giỏi tiếng Việt nếu không thấu đáo nghĩa của các từ Hán-Việt, vốn chiếm tỷ lệ hơn 70% trong vốn từ vựng tiếng Việt...

Riêng trong Thánh giáo Cao Đài, chúng ta bắt gặp rất nhiều từ Hán-Việt, bài Đường thi dưới đây là một thí dụ.

## 3. BÀI ĐƯỜNG THI CHỮ HÁN-VIỆT CỦA PHẬT DI LẠC.

Trên tinh thần cùng học chữ Hán-Việt, trong phạm vi một bài viết, chúng tôi muốn gửi đến quý độc giả, từ nhiều cửa tôn giáo khác nhau, những lời ân cần và thâm sâu của Phật Di Lạc. Đây là bài Đường thi xưng danh, dưới cơ bút Cao Đài, Ngài ban tặng cho nhơn sanh vào ngày mừng hai tết Canh Tuất (07-02-1970,) tại Trúc Lâm Thiển Điện:

THI

*Di đà nhứt cú bất ly tâm  
 Lạc tại kỳ trung lý diệu thâm  
 Thiên địa vô tư năng phúc tải  
 Tôn thần hữu ý thế hà tâm  
 Hoàng đồ nhứt thống an thiên hạ  
 Cục trị tam phân định thức nhân  
 Chủ tế Cao Đài quy vạn giáo  
 Nhơn hòa xuân nhứt lạc ca ngâm*

Chữ Di, có mười lăm chữ đồng âm và khác nghĩa. Chữ Di trong câu thơ mang nghĩa đầy tràn, vượt qua. Chữ Đà có chín chữ đồng âm, ở đây mang nghĩa chỗ đất gập ghềnh. Di Đà muốn nói tới Phật, người đã vượt qua gập ghềnh nẻo luân hồi, đã giải thoát khỏi ta bà khổ hải.

Chữ cú có hai chữ đồng âm, ở đây mang nghĩa câu chữ (phrase).

Chữ kỳ, trong chữ kỳ trung, có mười tám chữ đồng âm, chữ kỳ này cùng chữ với chữ kỳ trong chữ kỳ dư (còn ngoài ra), kỳ thực (thực ra là), hay kỳ thú (xuống một bậc). Chữ kỳ có nghĩa là cái ấy, kỳ trung có nghĩa ở trong ấy. Trong một thánh giáo khác của Phật Di Lạc có lặp lại hai chữ kỳ trung như sau: *Tuy chia ra nhiều tôn giáo, kỳ trung “nhất bản tán vạn thù, vạn thù quy nhất bản” đó thôi...*<sup>1</sup>

Chữ năng, mang nghĩa năng nổ, thường làm.

Chữ phúc có sáu chữ đồng âm, ở đây không mang nghĩa chuyện lành, việc tốt lành như cách hiểu thông thường, mà có nghĩa ở trong lòng.

Trong Đạo Đức Kinh, Lão Tử viết: *Thị dĩ Thánh Nhơn chi trị, hư kỳ tâm, thật kỳ phúc...* Nghĩa là Thánh nhơn khi trị dân, giữ cho dân bụng trống, lòng đầy. Trống là trống lòng dục, còn đầy là đầy lòng Đạo.

Cũng trong Đạo Đức Kinh, có câu: *Nhân năng thường thanh tĩnh, Thiên Địa tất giai quy* (gìn tâm thuần khiết và tĩnh lặng, thì Trời Đất cũng hiệp về). Câu thơ “*Thiên địa vô tư năng phúc tải*” có ý nói Trời Đất (Thiên Địa), thường được chở (tải) ngay trên chuyến xe tâm của chính ta.

Chữ tôn có ba chữ đồng âm, ở đây vừa có nghĩa cao quý, vừa có nghĩa liên quan với Thần đạo.

Chữ thần có bảy chữ đồng âm. Thần ở đây không mang nghĩa Thần Thánh như ta thường nghĩ. Đức Chí Tôn trong đàn cơ 15-3 Tân Hội có lý giải sáng rõ: “*Thần đây là Chơn Thần, là Ngươn Thần trường cứu hăng tại tự bản tự căn ở mỗi các con...*”

1. Trúc Lâm Thiển Điện, 07-02 Tân Hội (03-3-1971).

Tôn thần có nghĩa là Chơn Thần cao quý trong mỗi chúng ta vậy.

Chữ thế, có chín chữ đồng âm, ở đây có nghĩa thế gian, con người. Chữ hà có bảy chữ đồng âm, ở đây mang nghĩa xa. Thế hà tâm có nghĩa kiếm đâu cho xa giữa thế gian này.

Vậy, Tôn thần hữu ý thế hà tâm có nghĩa: thế gian nếu có ý kiếm Chơn thần thì chẳng nên tìm đâu xa.

Hoàng đồ. Đây là một từ khó. Câu Hoàng đồ nhứt thống an thiên hạ, có thể hiểu theo hai nghĩa:

- Hoàng hiểu theo nghĩa thuộc về đế vương, hoàng đồ khi đó có nghĩa cơ nghiệp của vương trị, thay trời trị dân. Bốn biển muốn thanh bình, phải quy về ngôi Trung (nhất thống) để an dân, định quốc (an thiên hạ)
- Hoàng đồ được hiểu theo dẫn giải của Đạo Học Chỉ Nam: Là đường phục mạng quy căn theo đường nhứt Dương sơ phục mà trở về Chơn Tâm Kiến Đạo, lòng được sáng trong, lấy Dương chế Âm để hoàn phần trở về ngôi Thái nhứt. Vậy, câu Hoàng đồ nhứt thống mang lý Đạo vô cùng thâm sâu, muốn nói rằng Đạo ở chỗ Hoàng Cực quy trung, cũng là phép tụ thần về Huyền quan nhứt khiếu...

Hoàng Cực là gì?

Trong nhiều kinh sách Nho Giáo, từ Hoàng Cực đã được trân trọng nhắc đến, được xem như Vương đạo, chuẩn mực trị nước của minh quân Trung Hoa xưa. Hoàng Cực đầu tiên được đề cập trong Hồng Phạm Cửu trụ...

Theo vũ trụ quan Cao Đài, Hoàng Cực là một trong Tam Cực, gồm Vô Cực, Thái Cực, Hoàng Cực. Có thể gọi chung là Đạo, là Pháp, là cửa ngõ biến sinh vạn pháp, là ngôi của Tòa Tam Giáo, của Hội Đồng Phán Xét, mà Đức Di Lặc Thiên Tôn là Hoàng Cực Chủ Nhơn, chủ trì Long Hoa Đại Hội...

Chữ Cực, trong Cực trị, chỉ có một chữ, nhưng mang nhiều nghĩa khác nhau, 1: Rất, (cực đại = rất lớn); Ngôi vua (đăng cực = vua lên ngôi); 3: Hai đầu nam bắc của trái đất; 4: cùng tận.

Chữ trị, có ba chữ đồng âm. Trong Tân Luật và Pháp Chánh Truyền, ta thường nghe chữ chánh trị sự, thì chữ trị trong đó có nghĩa sửa sang. Còn chữ Cực trị ở đây có thể có nghĩa Vương Đạo, Ngôi của Tòa Tam Giáo, ngôi của Hội Đồng Phán Xét...

Như vậy Cực trị tam phân có thể có nghĩa là Vương đạo của Tòa Tam Giáo.

Chữ thức nhơn, ở đoạn Thánh giáo tiếp theo, Đức Di Lặc có dạy:

*Tri thức nằm trong cái xác phàm*

*Tri hay giác ngộ, thức mê ham...*

Theo Hán-Việt từ điển của Đào Duy Anh, chữ thức có bốn chữ đồng âm, Ở đây mang nghĩa sự hiểu biết, sự kiến giải. Trong đạo ý, chữ thức lại ẩn chứa nghĩa thâm sâu hơn. Lật lại kinh Thủ Lăng Nghiêm, ta thấy thức thuộc về ngũ uẩn hay ngũ ấm, bao gồm sắc, thọ tưởng, hành, thức. Đây là năm thứ nghiệp hữu vi che mờ Chơn Tánh. Trong Dưỡng Chơn Tập, có viết:

Trong ngũ uẩn, thức tuy sau cùng nhưng lại là gốc, phải lo hàng phục nó trước. Muốn hàng phục thức thần, không gì bằng biến thức thành trí. Thức thường theo cảnh mà quên về, trí hiểu rõ cảnh nên chẳng mê. Trong cảnh mà mê, trí sẽ thành thức. Hiểu cảnh mà không lưu luyến, thì thức sẽ lại là trí... Tóm lại, theo cảnh là thức, hiểu cảnh là trí. Phóng ra là thức, thu lại là trí...

Vậy, Cực trị tam phân định thức nhơn, có nghĩa: Vương đạo của Tòa Tam Giáo giúp cho người-hiểu-biết (chữ-rất-gượng-dịch cho chữ thức nhơn) được yên định.

Còn hai câu cuối tương đối dễ hiểu, xin không bàn giải ở đây.

Bài thơ này, theo thiển nghĩ, đạo ý thâm sâu, mà kiến văn người viết còn đơn sơ nông cạn, kính mong được quý tiền bối chỉ giáo thêm.

Tóm lại, theo hiểu-biết-rất-giới-hạn của người viết, xin mạo muội tạm dịch như sau:

*Di Đà chữ chẳng rời tâm*

*An vui trong lý rất thâm rất huyền*

(XEM TIẾP TRANG 87)

# THÁNH THẤT TÂN LONG Ở CAMPUCHIA

## ■ ĐẠT TRUYỀN

Theo lời kể của Đầu họ đạo Thánh thất Tân Long, ở Campuchia trước năm 1970 có khoảng 7 Thánh thất Cao Đài ở nhiều tỉnh. Từ năm 1970 đến 1975, nhiều Thánh thất bị hủy hoại. Tại thủ đô Phnom Pênh hiện còn một Thánh thất nhưng bị chiếm hầu hết diện tích. Ở sát biên giới Việt Nam hiện còn Thánh thất Tân Long. Thánh thất và Điện thờ Phật Mẫu Tân Long thuộc Hội thánh Cao Đài Tây Ninh, thuộc Tông đạo Kim Biên (Nam Vang), Trấn đạo Tấn Quốc (Campuchia), ở xã Tân Long, huyện Koh Thum, tỉnh Kandal, Campuchia, nằm cách mé sông Tonlé Bassac (Ba Thắc) 200 mét. Thánh thất Tân Long nằm đối diện với Thánh thất Khánh An nay là Thánh thất thị trấn Long Bình qua con sông Ba Thắc. Sông này rộng khoảng 200 mét, biên giới phân chia giữa Việt Nam và Campuchia. Thánh thất Khánh An có địa chỉ cũ là ấp 1 xã Khánh An, huyện An Phú, nay là thị trấn Long Bình, tỉnh An Giang. Sông Mêkong đến Phnom Pênh (Nam Vang) chia ra làm hai nhánh: Nhánh Tonlé Thom (Sông lớn) chảy tới Tân Châu vào Việt Nam gọi là sông Tiền. Nhánh sông Tonlé Bassac (Ba Thắc) tới ấp 4, xã Khánh An, chảy quẹo vào Việt Nam, gọi là sông Hậu hay Hậu Giang của Việt Nam, chảy ra biển Đông qua cửa Ba Thắc (thời Pháp gọi là cửa Bassac), cửa thứ chín của sông Cửu Long.

Vào năm 1948, Thánh thất Tân Long do ông Khâm Châu Phòng sáng lập. Đến năm 1956, Ông Khâm Châu Ngoạt lên thay. Năm 1972, chiến tranh ác liệt, dân đạo chạy về Việt Nam sanh sống. Năm 1975 thánh thất bị đốt hoại. Năm 1983 Ông Khâm Châu Ngoạt mất. Năm 1986 Giáo Hữu Thái Hộ Thanh làm đầu họ Đạo. Năm 1997, Quyền Đầu tộc đạo Lê Thành Lô thay thế. Năm 2000, Quyền Đầu tộc đạo Huỳnh Tấn Phước tiếp nối cai quản. Năm 2008, Thánh thất

được xây dựng bằng vật liệu nặng. Năm 2010, Ông Lê Thành Non, Lễ sanh, làm Quyền Đầu tộc đạo đến nay. Ngày 02-10-2010, bốn đạo nơi đây tổ chức lễ Khánh thành Thánh thất. Ngày 19-11-2011 tổ chức lễ An Vị Điện thờ Phật Mẫu.

Bốn đạo Thánh thất Tân Long đa phần là người Việt Nam sinh sống bằng nghề làm ruộng. Người Việt qua Campuchia, ban đầu mướn ruộng rồi mua ruộng định cư luôn ở Campuchia. Các trẻ con ở hương Tân Long (Campuchia) hàng ngày đi phà (đò) tại cửa khẩu Long Bình qua huyện An Phú (Việt Nam) để học tập. Người lớn thì thường qua lại Việt Nam để làm ăn, buôn bán. Thánh thất Tân Long có vẻ sung túc không kém Thánh thất Khánh An bên Việt Nam. (Ảnh chụp tháng chạp Nhâm Thìn (01-2013)). ■



THÁNH THẤT TÂN LONG, XÃ TÂN LONG, HUYỆN KOH THUM, TỈNH KANDAL, CAMPUCHIA.



DIỆN THỜ PHẬT MẪU TÂN LONG, XÃ TÂN LONG, HUYỆN KOH THUM, TỈNH KANDAL, CAMPUCHIA.

ĐỒN

TỶ

BÀ

*trong*

văn  
hóa  
Cao  
Đài  
giáo

■ MINH TRUNG



禮以地塵明定人間尊秩序  
樂由天作宣通世介主調和

LỄ dĩ địa trần minh định nhơn gian tôn trật tự  
NHẠC do Thiên tác tuyên thông thế giới chủ  
điều hòa<sup>1</sup>.

Chúng tôi viết bài này từ nguồn cảm hứng khi nghe Duyệt Thị Trang – gia đình dòng dõi nhã nhạc cung đình Huế – giải thích về ý nghĩa con Dơi trên đờn Tỳ Bà; và khi nghe thấy những nhìn nhận lệch lạc về âm nhạc trong một số bộ phận tín hữu. Cao Đài giáo là tôn giáo nội sinh trong lòng dân tộc Việt với tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên Ngũ chi phục nhứt”, thực thi sứ mạng Nho tông chuyển thế, phục hưng văn hóa đạo đức dân tộc... Như ảnh phía trên chúng ta thấy, đờn Tỳ Bà xuất hiện trên nghi thờ Điều Trì Cung, Nhứt Nương Điều Trì Cung cầm bửu pháp Tỳ Bà cầm. Đồng thời, trong dàn đại nhạc của Cao Đài giáo cũng thấy có mặt của đờn Tỳ Bà. Để góp thêm tri thức về đờn Tỳ Bà, người viết xin khai thác vị trí và ý nghĩa của đờn Tỳ Bà trong Cao Đài giáo.

Trước hết, ta cần điểm qua khái quát về Lễ Nhạc theo quan niệm Cao Đài giáo và tìm hiểu về Nhứt Nương Điều Trì Cung. Khi đã hiểu những vấn đề này thì vị trí và ý nghĩa của đờn Tỳ Bà trong Cao Đài giáo cũng được làm rõ.

Đức Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Điều đã từng bày tỏ tầm quan trọng của Lễ Nhạc trong đạo Cao Đài:

“LỄ là một việc rất trọng hệ, vì là cái hình thể của nền Đạo phô bày ra trước mặt người.

Chư Đạo hữu cần phải để công xem sóc nhắc nhở nhau mà gìn giữ tư cách trong mỗi khi hành Lễ cho trang hoàng, hầu tỏ tác lòng thành kính của mình cùng Đức Chí Tôn và chư Tiên Phật Thánh Thần, lại cũng là một phương châm về đường Phổ độ nữa. Mỗi khi chúng ta hành Lễ, thì người ngoại Đạo sẵn ý xem vào mà phân biệt Tà Chánh một ít của nền Đạo trong đó, vì Đạo là việc nhiệm mầu huyền bí rất sâu xa, người ngoài

nào thấu đặng! Duy có chăm nom cách cử chỉ của chúng ta trọng kính các Đấng thế nào, thì đủ cho người về ảnh Đạo ra thế nấy mà thôi.

NHẠC cũng là một việc cần yếu, vì là phương làm cho đằm ấm tao nhã cốt để dìu dẫn giúp cho thành Lễ ra vẻ long trọng, vì đã che lấp các việc xao động trong cơn hành Lễ, trên thì hiển cái vẻ tiêu tao phù trầm cho các Đấng, dưới là làm cho chúng ta, vì nghe đặng cái giọng tao nhã, nhật khoan, hoặc có lúc vì tiếng nhạc trôi mà lòng ta vẫn hân hoan mà quên bằng cái mệt trong cơn hành Lễ hoặc có khoản vì cái thức phù ba của giọng đờn mà làm cho ta yên tịnh, mới có thể thiên tâm vọng cầu các Đấng cho thấu đáo.”

Và Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang cũng từng ban Huấn dụ:

“Lễ Nhạc là rất quan hệ và trọng yếu cho đời và cho con người, cũng chẳng khác chi món ăn và thức mặc vậy. Các Đấng Thánh nhân thời cổ tìm cái căn nguyên cao xa và tôn quý của Lễ Nhạc ở trong đạo tự nhiên của Trời Đất và cho rằng: Lễ là cái trật tự của Trời Đất, Nhạc là cái điều hòa của Trời Đất.

Võ trụ nhờ có Lễ Nhạc mà tồn tại, vạn vật trong Trời Đất nhờ có Lễ Nhạc mới có trật tự phân minh, thời tiết thuận lợi, Âm Dương luân chuyển, khí tính điều hòa mà giúp cho cơ sanh hóa.

Nói cách khác, Lễ Nhạc của Trời Đất tức là cách sắp đặt của Đấng Tạo hóa, làm cho vạn vật được có vị trí phân minh không sai đường, không đổi hướng: hết Xuân qua Hạ, Thu mãn kể Đông về, mưa nắng tùy theo mùa, gió sương tùy theo tiết, hết ngày tới đêm, hết tối tới sáng, nhật nguyệt tuần tự chuyển luân, phân phối Âm Dương điều hòa, ấm lạnh thế nào cho cỏ cây được sown sơ, mùa màng được kết quả.

Cơ quan sanh hóa của người và vật nhờ đó mà tồn tại và tiếp diễn mãi. Cái trật tự và cái điều hòa làm cho vạn vật sanh tồn. Đó tức là Lễ Nhạc của Trời Đất vậy.

Thánh nhơn mới nhơn đó chế ra Lễ Nhạc để làm căn bản trong sự dạy người và trị thiên hạ,

1. Đồi liễn trước Bộ Nhạc Tòa Thánh Tây Ninh.





khiến người ta cư xử hành động sao cho hợp Nhơn đạo, tức là hợp với Thiên lý.

Vì lẽ đó, đối với các bậc Đế Vương đời trước, Lễ và Nhạc có cái địa vị rất là trọng yếu về đường chánh trị. “Lễ tiết dân tâm, Nhạc hòa dân thanh”, là dùng Lễ để tiết chế lòng dân, dùng Nhạc để hòa thanh âm của dân.

Cái hay của Lễ là làm cho có sự cung kính, giữ trật tự phân minh. Cái hay của Nhạc là tạo sự điều hòa khiến cho tâm tánh tao nhã. Nhạc và Lễ phải dung hòa với nhau thì mới được hoàn toàn, vì nếu có Lễ mà không có Nhạc thì người ta đối xử với nhau phân biệt, mất tình thân ái; còn có Nhạc mà không có Lễ thì thành ra thiếu trật tự, khinh lờn nhau.

Vậy có Lễ tức phải có Nhạc để kèm chế nhau cho có điều hòa và phân biệt.

Đức Khổng-Tử tin sự dùng Lễ Nhạc có công hiệu rất lớn, nên Ngài nói rằng: “Quân tử minh ư Lễ Nhạc, cử nhi thố chi nhi dĩ” có nghĩa là: người quân tử biết rõ Lễ Nhạc, chỉ đem thi thố ra là đủ. Vì Lễ thì khiến sự hành vi bên ngoài, Nhạc thì khiến tâm tình bên trong. Cái cực điểm của Nhạc là hòa, cái cực điểm của Lễ là thuận. Nếu bên trong mà tính tình điều hòa, bên ngoài sự hành vi thuận hợp nghĩa lý, thì cái tà tâm vọng niệm thế nào còn chen vào được lòng người ta nữa.

Trái lại, nếu Lễ mà không kính, Nhạc mà không hòa, thì dầu bề ngoài có giữ đủ các lễ lối thì cũng không có ích lợi cho sự tiến hóa của con người.”

Ý nghĩa của Lễ Nhạc thâm diệu là thế! Kế đến, ta cùng làm rõ nghi vấn Nhứt Nương Điều Trì Cung là ai và sao lại dùng đờn Tỳ Bà làm bửu pháp?

## NHỨT NƯƠNG

- Thể danh: HOÀNG THIẾU HOA
- Bửu pháp: Đàn Tỳ Bà.
- Nơi ngụ: Vườn Ngạn Uyển.
- Nhiệm vụ: Điều khiển cơ sanh hóa.

Tư vịnh (bài thài hiến lễ Hội Yến):

*HOA thu ủ như màu nguyệt thẹn,*

*Giữa thu ba e tuyết đông về.*

*Non sông trải cánh Tiên lòe,*

*Mượn câu thi hứng vui để chào nhau.*

NHỨT NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG có tên tại thế là HOÀNG THIẾU HOA, Trung Phong Hữu Tướng của Hai Bà Trưng (năm 40-43 SCN).

HOÀNG THIẾU HOA; con một gia đình nông dân nghèo khó, vào năm 13 tuổi là một cô gái đẹp nhất vùng, lại có sức mạnh siêu phàm. Cha mẹ mất sớm, cô phải vào ở mướn cho một gia đình khá giả trong vùng tại xã Song Quan, tỉnh Vĩnh Phú.

Một hôm, khi đang thả trâu cho ăn ngoài đồng trống, cô trèo lên một gò cao để hóng mát, bỗng thấy một đám quân Tàu (lúc này là quân Tô Định đang xâm chiếm nước ta) đánh đập tàn ác một cụ già ốm yếu và dùng hành động thô bạo. Cô quá bất nhẫn, định lao xuống đánh kẻ dã tâm để cứu cụ già. Chợt cô nghe một tiếng vọng từ phía sau, cô quay lại thì thấy một Ni sư trong bộ nâu sòng vẫy tay gọi. Cô dừng lại, Ni sư tới gần khẽ bảo:

– Con có sức mạnh phi thường, song việc con sắp làm chưa có ích lớn đâu! Không phải cứu một người, mà sức con là cứu cả một dân tộc khỏi bị đô hộ áp bức, đó mới là việc phi thường.

Thiếu Hoa đáp: “Con xin vâng lệnh ân sư”.

Từ đó, cô để tâm rèn luyện sức vóc và lớn lên chiêu mộ nghĩa dũng để cứu nước. Năm 18 tuổi, lược thao gồm tài dưới gần 1.000 nghĩa quân, cổ bảm thôn ấp và đánh phá giặc Hán. Được tin ở Mê Linh vào năm 39-40 SCN, Hai Bà Trưng kêu gọi toàn quân dân chống giặc cướp nước, cô và nghĩa sĩ đáp lời kêu gọi của núi sông, về hợp tác cùng Hai Bà Trưng, được Hai Bà thu nạp và phong là Trung Phong Hữu Tướng Quân. Một lòng vì non nước, Cô thẳng giặc như chẻ tre, công lao quá



lớn và được sự tin yêu của toàn dân, Hai Bà phong cho vị tướng trẻ này là Đông Cung Công Chúa.

Từ năm 41-43 SCN đến ngày khai đạo Cao Đài ngót 19 thế kỷ, đối với thế gian tuy là dài, song ở cõi thiêng liêng, các Tiên gia vẫn liên tục luyện Đạo, thì thời gian vài ngàn năm chẳng là mấy. Do vậy các Đấng vẫn xuống lên cõi trần để lập công thêm.

Đền thờ Hoàng Thiệu Hoa hiện còn tại xã Song Quan, tỉnh Vĩnh Phú. Nay “khai Đạo Kỳ Ba”, vâng lệnh Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Bà thọ lãnh chức Nhứt Nương Diêu Trì Cung để độ rỗi chúng sanh.

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc có lời ca ngợi như sau:

*Cô NHỨT NƯƠNG coi vườn Ngạn Uyển,  
Cầm tỳ bà điều khiển cơ sanh,  
Mỗi đóa hoa, mỗi Chơn Linh,  
Trong vòng luân chuyển mắt nhìn biết ngay.  
Quyển Chưởng Quân trong tay nắm giữ,  
Các nguyên nhân sanh tử hãn toàn (tuồng),  
Từ cõi Thiên chí Địa hoàn,  
Hoa nở đầu kiếp, hoa tàn hồi quy.*

Như chúng ta biết, tỳ bà là tên gọi một nhạc cụ dây gảy của người Việt. Nhiều tài liệu đã cho biết, tỳ bà xuất hiện rất sớm ở Trung Quốc với tên gọi PiPa, rồi ở Nhật Bản với tên gọi BiWa... Và nguồn gốc chung của chúng theo Giáo sư Tiến sĩ Trần Văn Khê là cải biến từ cây đàn Barbat của người Ba Tư. Theo Thích Trí Tượng Nhạc Lục giải thích nguồn gốc tỳ bà của Trung Hoa như sau:

“Đàn tỳ bà sáng chế do Đỗ Chi đời Tần xây thành quách lớn là Vạn Lý Trường thành. Thấy những người dân lao động mệt nhọc. Đỗ Chi sáng chế nhạc cụ này để tiêu khiển.”

Đức Cao Quỳnh Diêu từng giải thích cơ nguyên của Nhạc và đờn tỳ bà trong huyền nhiệm đạo lý như sau:

“Nhạc vốn là một Đạo pháp rất thâm u, đã có trước buổi khai Thiên, vẫn là một từ khí thông công với luồng điện thoai truyền tấu khắp Càn Khôn chiêu tụ chơn hồn cả vạn vật.

Khi thành lập các địa giới, biến sanh đủ muôn loài, rồi thì vạn linh hấp thụ lấy năm âm của thức nhạc mà tỏ vẻ Hỉ, Nộ, Ái, Ố, Ai, Dục riêng của mỗi loại. Nhưng do theo luật công bình thiêng liêng thì buổi sơ sanh của vạn loại cả thảy đều tự khởi với cái giọng đót đát thô bỉ. Chừng tìm hiểu được cái lẽ nhiệm mầu của Trời Đất, nhưn loại mới lần hồi trau luyện sửa đổi cho ra thanh tao trong giọng nói, giúp thêm tinh vi cho khuôn lẽ, tiến hóa cho đến khi phù hợp tánh cách thiên nhiên với nhau mới có cộng hưởng phép điều hòa, mà xây dựng nền phong hóa riêng của mỗi quốc dân; hỗn nước do nơi đó mà phân định cao thấp. Ấy là Đạo pháp để gây nên cơ hiệp chúng y theo triết lý của Lễ Nhạc đã cạn giải.

Nguồn cội của phép điều hòa đã tìm được mà tin dùng vẫn từ buổi cổ thời do nơi Đức Hiên Viên Huỳnh Đế.

Khi Ngài ngự chế ra Lễ Nhạc, Ngài để ý nghe thấy sự hỗn hợp của Bát hỗn: Bào, Thổ, Cách, Mộc, Thạch, Kim, Ty, Trúc, tuy là khác giống nhau mà có thể tỏ ra về hòa âm. Từ ấy, Ngài cứ bình tâm định trí để tìm hiểu lẽ nhiệm mầu

của luật thiên nhiên. Chừng rõ thấu cơ mầu của Trời Đất, Ngài mới tùy nơi hình thể của thức hồ cầm (tục gọi là đàn tỳ bà) có vẻ trạng thái Thiên triều: đôi bên tả hữu có dây văn dây võ, trên có Tứ Thiên Vương, dưới có Thập Điện Quân. Ngài nương theo kiểu mầu ấy gây nên quốc vận, như Ngài đã thành lập một quốc gia.

Về nội dung: nơi triều đình có văn biên để bình chánh, nơi biên cương có võ bị để ngừa loạn, xây dựng nên một quốc thể đủ vẻ nghiêm trang, thuần túy.

Về ngoại dung: Ngài đào tạo nên tông, làng, hương đảng có đủ tánh tình ôn hậu để giáo hóa lê dân với tư cách điều hòa. Toàn trong nước, cả quan dân đều cộng hưởng thái bình, thành thử trong buổi nọ, nhờ nơi đó mà Kinh Lễ và Kinh Nhạc xuất hiện, mà hễ hai bộ Kinh Lễ và Kinh Nhạc được ra mặt diu đời tức là Nho Tông đã sáng lập.

Tiếp theo là phép an dân của Đức Hiền Viên Huỳnh Đế, về sau có vua Nghiêu vua Thuấn là hai bậc Thánh Đế đều noi theo gương ấy mà làm cho cuộc thế rất nên điều hòa, cả lễ thứ thầy đều được an cư lạc nghiệp. Từ ấy đến nay, thời gian đã trải qua trên bốn ngàn năm mà như vật trong thế kỷ 20 này vẫn còn để tâm hoài vọng cho thời cơ điều hòa của phép Lễ Nhạc buổi nọ được tái vãng.

Như thế thì buổi hiện thời, trong hàng trí giả còn có ai là chẳng biết rằng Lễ Nhạc vốn là hai quan điểm đặc sắc để khởi dẫn bước đầu tiên cho nhưn loại, lần hồi gây mối cảm tình nhau mà đoạt được phép điều hòa, nhưt là trong buổi loạn lạc nầy, cả nhưn loại toàn cầu đều chịu thống khổ nguy nan, còn có chi hay để cải sửa cơ đời cho bằng phép ấy. Các Đấng Thiêng Liêng hay gọi nhắc chúng ta nên dùng pháp mầu của Nho Tông để chuyển thế là bởi đó.”

Nhìn chung, Đờn có vẻ trạng thái Thiên triều: đôi bên tả hữu có dây văn dây võ, trên có Tứ Thiên Vương, dưới có Thập Điện Quân.

Đầu đàn thuở ban đầu được khắc chữ Thọ sau này thông dụng khắc con Dơi nhằm thể hiện sự vi diệu của âm nhạc. Đầu đàn có 4 trục thể hiện 4 mùa trong trời đất mà cơ nguyên sanh hóa (tứ

sanh) phải dựa vào. Ý nghĩa con Dơi trên đàn tỳ bà theo Duyệt Thị Trang:

Con Dơi là một con vật rất đặc biệt, chỉ thích ở trong tối, ngủ thì lộn đầu xuống đất nên người xưa ví hạng tiểu nhân là con Dơi. Trong các loại nhạc khí cổ truyền thì cây đàn tỳ bà được gọi là cầm vương vì tiếng đàn tỳ bà có thể cảm hóa được lòng người qua những nỗi niềm:

絃絃掩抑聲聲思  
似訴平生不得志  
低眉信手續續彈  
說盡心中無限事  
輕攏慢撚抹復挑  
初爲霓裳後六么  
大絃嘈嘈如急雨  
小絃切切如私語

Huyền huyền yếm úc thanh thanh tứ  
Tự tố bình sanh bất đắc chí

Đê my tín thủ tục tục đàn

Thuyết tận tâm trung vô hạn sự

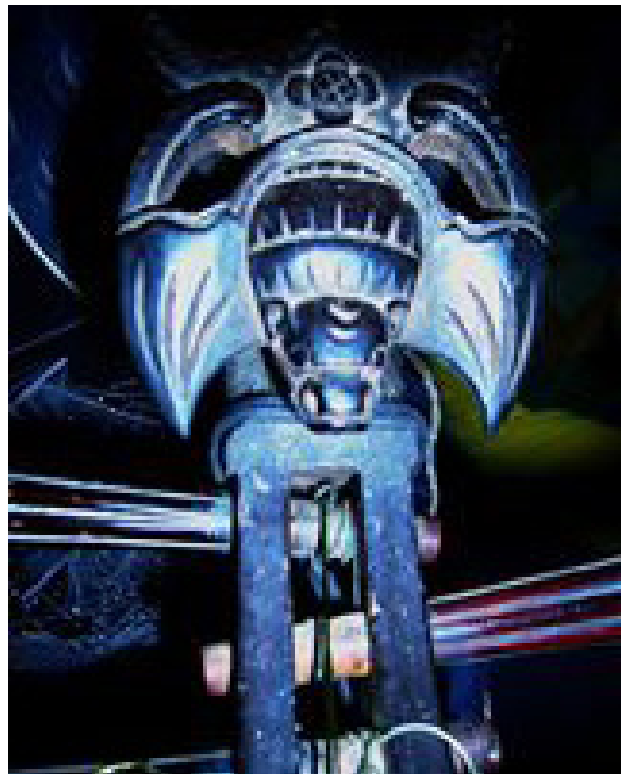
Khinh long mạn nhiên mặt phục khiêu

Sơ vi Nghê thường hậu Lục yêu

Đại huyền tào tào như cấp vũ

Tiểu huyền thiết thiết như tư ngữ.

(TRÍCH TỖ BÀ HÀNH - BẠCH CỬ DỊ).



Theo truyền thuyết vào đời Tần, có con Dơi bỗng nhiên sà vào đậu trên đầu cây đàn Tỳ Bà trong lúc một nghệ nhân đang gảy đàn mà đuôi đi đến 3 lần vẫn cứ bay trở lại không chịu rời đi. Từ đó, mỗi đêm, con Dơi được nghe nghệ nhân chơi đàn cho đến ngày chết khô. Người nghệ nhân xúc động bèn cho làm một cây Tỳ Bà đầu chạm hình con Dơi thay cho chữ Thọ trước đó. Điều này mang ý nghĩa tiếng đàn Tỳ Bà có thể hóa cảm một kẻ xấu thành người tốt, một hạng tiểu nhân thành bậc quân tử, một người tử trong tối thấy được ánh sáng. Bí nhiệm và huyền diệu thay tiếng đàn Tỳ Bà!

Ngoài ra, trong phong thủy, con Dơi tượng trưng cho Phúc. Con Dơi chữ Hán gọi là biện phúc (蝠), đọc cùng âm [fú] với chữ phúc (福), phước theo nghĩa may mắn, phúc lành. Trên con Dơi có đóa hoa mai nên còn gọi là Mai hoa hóa phúc. Hình dáng con Dơi mang dáng dấp chiếc Khánh nên được ví là Phúc khánh mang ý nghĩa tốt lành. Con Dơi treo ngược (đảo) trên đầu đèn, nên còn mang ý nghĩa Phúc đáo (đồng tự đáo, Phúc đến). Dơi thường trang trí màu hồng (đồng âm hồng nghĩa là lớn) để mang thêm nghĩa hồng phúc vô biên...

Phần thân đàn gắn 4 miếng xương thể hiện cho Tứ Đại Thiên Vương ở bốn cõi Trời. Dưới có 10 phím, nhưng phím chót có phân nửa mà thôi, tiêu-biểu cho Thập Điện Diêm-cung (Phần thể Địa là đi tái kiếp), còn 9 phím nguyên thể hiện từng trời Cửu Thiên khai hoá (Phần thể Thiên là các chơn hồn đến đầu kiếp, hiện thành bông hoa nơi vườn Ngạn Uyển).



Đàn có bốn dây tượng cho Luật Tứ sanh: Thai sanh, Noãn sanh, Hoá sanh và Thấp sanh gọi chung là chúng sanh, mà người là vật tối linh, tối đại, tức nhiên được tấn hoá cao hơn hết (Thượng sanh). Chính vì thế mà Đức Như Ý Nương dùng đèn Tỳ Bà là bửu pháp điều khiển cơ sanh hóa.

Nhìn bao quát cây Tỳ Bà để úp trên bàn ta thấy mang dáng dấp Tứ Linh: đầu Rồng, cổ Phụng, lưng Quy và bụng Lân.

Có thể nói, đèn Tỳ Bà có vị trí và ý nghĩa quan trọng trong Cao Đài giáo và được xem như là Tổ cầm. Chính vì thế mà trên sắc phục của chức sắc Bộ Nhạc dùng Tỳ Bà làm huy hiệu.■

## THÁNH GIÁO

Nền Đại Đạo phân làm hai lẽ,  
 Sự hữu hình thực tế độ nhơn,  
 Vô vi chọn lọc đại căn,  
 Mới là truyền bửu Đạo hằng hoát khai.  
 Người hữu phước, Cao Đài hạnh ngộ,  
 Máy huyền vi khó tỏ cho tường,  
 Tự mình đạt điển âm dương,  
 Hòa đồng hiệp nhứt rõ tường lý sâu.  
 Chư môn đệ Đạo mầu tìm hiểu,  
 Lý vô vi lo liệu phận mình,  
 Trau dồi rạng rỡ chơn linh,  
 Thất tình lục dục nơi mình dẹp tan.  
 Thẳng giặc lòng, bình an thể xác,  
 Yên tịnh rồi hoát bát tinh thần,  
 Tiếp thông chơn điển chân nhân,  
 Rõ tường căn vị nơi phần thiêng liêng.  
 (...)  
 Tinh Khí Thần tiếp liên đầy đủ,  
 Dụng ba ngươn bảo thủ xác hồn,  
 Ngày nay rõ Đạo Chí Tôn,  
 Là đường cứu rỗi linh hồn siêu thăng  
 ĐỨC THÁI THƯỢNG LÃO QUÂN, THÁNH HUẤN HIỆP  
 TUYỂN, QI, HỘI THÁNH TIÊN THIÊN, 1961, TR.173.■

# HÒA HỢP YÊU THƯƠNG TÔN GIÁO

## ■ ĐẠT TƯỜNG

BBT– Khóa họp khoáng đại lần thứ 65 của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã nhất trí thông qua Nghị quyết GA 11013, trong đó công bố rằng tuần lễ đầu của tháng 2 hằng năm là “Tuần lễ Hòa hợp tôn giáo hoàn cầu”. Hưởng ứng Nghị quyết này, Cộng đồng Tôn giáo Baha'i Việt Nam đã tổ chức buổi sinh hoạt liên tôn “Ngày tôn giáo hoàn cầu” tại Văn phòng đại diện của Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam (63C/4 Trần Đình Xu, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1) vào ngày Chủ Nhật 09-02-2014 với sự hiện diện của đại diện các tôn giáo: Thiên Chúa, Cao Đài,... Đạo huynh Đạt Tường, Văn Hóa Vụ phó Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, đã đại diện Cơ Quan tham dự, đọc lời cầu nguyện và tham luận trong buổi sinh hoạt này. ■



## 1. CẦU NGUYỆN

Nguyện xin các Đấng Thiêng Liêng hộ trì cho chúng con:

- Rộng mở tâm hồn, không phân biệt tôn giáo, chánh kiến, sống như anh chị em cùng một nhà.
- Dầu cho sở thích và năng lực có khác nhau, chúng con vẫn chung sức, chung lòng:
  - Xây đắp cho quê hương này được quốc thái dân an.
  - Xây đắp cho thế giới này có thể chung sống hòa hợp hạnh phúc.

- Song hành phát triển cả đời sống văn minh khoa học lẫn văn minh đạo đức.

- Nguyện giúp cho chúng con, tấm lòng bác ái từ bi luôn được trường dưỡng, tình thương mãi mãi rộng mở như lòng Tạo Hóa nơi cõi thiêng liêng hằng sống.

*Nhờ ơn Đấng Cao Đài cứu thế,  
Tỉnh thức lòng con trẻ tâm tu,  
Vệt tan những ngút mây mù,  
Nhìn tường Đại Đạo trí ngu lọc lừa.  
Con cúi xin phụng thừa Thiên lệnh,*

*Dưới chơn Thầy phán định phát ban,  
 Dầu trong mọi cảnh khó khăn,  
 Nguyên lòng đem hết sở năng thực hành.  
 (...)  
 Nguyên chung sức mở đường đại chúng,  
 Đem Đạo mẫu công dụng mọi nơi,  
 Cho người thông cảm cùng người,  
 Đẹp tan sắc phái phục hồi tình thương.<sup>1</sup>*

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT  
 NAM MÔ ĐĂNG VINH QUANG TRÊN MỌI SỰ VINH QUANG.

## 2. THAM LUẬN “HÒA HỢP – YÊU THƯƠNG”

Đức Ngô Minh Chiêu, người môn đệ đầu tiên của Đức Cao Đài có dạy:

*“Người tín đồ Cao Đài luôn luôn tôn trọng các xu hướng tín ngưỡng, đem tình thương hòa đồng khắp cả mọi giới, đem thiện cảm gieo rắc mọi nơi, để người người đều nhìn nhận cái lý duy nhất là cứu thế qua khỏi cơ tận diệt, hầu xây dựng hòa bình hạnh phúc nhân loại dưới ngưỡng cửa Đài Cao.”<sup>2</sup>*

– Ngài Huệ Lương, Tổng Lý Minh Đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, sau khi đắc vị Quảng Đức Chơn Tiên có dạy:

*Cao Đài là cái đài cao,  
 Vượt lên tất cả đón rào ngăn che.<sup>3</sup>*

Tôn giáo Cao Đài với danh xưng chánh thức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có mục đích: “Thế Đạo Đại đồng và Thiên Đạo giải thoát.”

– Mục tiêu xã hội qua 2 tiếng “Đại đồng” nói lên tinh thần bình đẳng, yêu thương giữa con người và con người, giữa các tôn giáo với nhau và giữa các ý thức hệ.

Về Đại đồng tôn giáo: Đức Thượng Đế – Cao Đài Giáo Chủ truyền dạy: Yếu tố Đại Đạo, điểm đến chung của các tôn giáo, mang ý nghĩa:

• Các Đấng Giáo Chủ của các tôn giáo (như Thích Ca, Jésus, Mahomad, Baha’u’llah, v.v.) đều

1. Trích đoạn Bài Cầu Nguyên của nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

2. Đức Ngô Đại Tiên, Nam Thành thánh thất, 13-02 Bính Ngọ (1967).

3. Minh Lý Thánh Hội, 07-6 Tân Dậu (08-7-1981).

là sứ giả của Thượng Đế. Mỗi vị mở một con đường nhưng đều đi đến điểm chung, là Đạo hay Đại Đạo.

• Giáo lý Cao Đài nêu bật một bài học căn bản cho tín đồ Cao Đài nói riêng và cho mọi người có tín ngưỡng nói chung là: Đạo và tôn giáo có mối liên hệ giữa nội dung và hình thức. Đạo là bản thể còn tôn giáo là tướng (thể, tướng, dụng).

Đạo là biển cả, tôn giáo là những dòng suối, dòng sông dẫn nước về biển cả. Khi tìm được Đạo, hòa vào đại dương thì không còn tính chất riêng của sông, suối nào nữa. Vì thế Thánh giáo Cao Đài dạy:

*“Trường giang vạn phái xuôi dòng về Nguyên.”*

• Mỗi người trong chúng ta, tùy theo duyên số của cá nhân hay gia đình, dân tộc, v.v. mà tiếp cận với một tôn giáo nào đó rồi đặt lòng tin của mình theo đó. Tuy nhiên, trong thời đại văn minh ngày nay, việc giao tiếp và trao đổi tư tưởng đã dễ dàng, nhanh chóng, thuận lợi, có thể giúp cho những người có tín ngưỡng nhận thức được rằng:

– Tính thống nhất của các tôn giáo là “bản thể” khởi nguyên. Cho dầu là tôn giáo nào đi nữa, một khi đã là “Chánh Đạo” thì không bao giờ lệch ra khỏi tôn chỉ: Công bình – Bác ái – Từ bi.

Cũng vì thế giáo lý Cao Đài dạy:

*Tôn giáo ấy cửa vào tìm Đạo,*

*Đạo là đường hoài bão nhưn sanh.*

“Hoài bão nhưn sanh”, yêu thương sanh chúng và “yêu cả kẻ nghịch với mình” là lý tưởng cao đẹp của các tôn giáo.

Đức Vạn Hạnh Thiển Sư có dạy:

*“Tôn giáo là phương hướng giáo thuyết để dạy đời nhìn thấy những gì thiêng liêng cao cả. Chẳng những chỉ ở phần tâm linh tối thượng, mà tôn giáo còn dạy người đời xem nhau như ruột thịt huynh đệ đại đồng.”<sup>4</sup>*

Đạo và tôn giáo là hai mặt âm dương của một

4. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư, Minh Lý Thánh Hội, 08-9 Kỷ Dậu (18-10-1969).

thể thống nhất. Tâm và vật cũng thế. Vì vậy, giáo lý Cao Đài nêu lên quan điểm “Tâm vật bình hành” để dung hòa 2 ý thức hệ duy tâm và duy vật:

*Duy tâm, duy vật cũng con Trời,  
Hai lẽ song song để dựng đời,  
Duy vật đắp xây nền hữu tướng,  
Duy tâm thánh thiện giúp con người.*<sup>5</sup>

Con người trong nhân loại dù có tín ngưỡng hay không, dù theo tôn giáo nào đi nữa vẫn có thể hợp tác cùng nhau để xây dựng cuộc sống thế gian này được tốt đẹp hơn. Ôn Trên dạy:

*“Người biết lấy đạo lý làm căn bản cho sự sống và cho mọi hoạt động thì dầu với hoàn cảnh nào, trong tôn giáo phái chi nào cũng không hề hấn gì cả. Vì tôn giáo, phái, chi, mọi hình thức khác nhau đó cũng là phương tiện để truyền Đạo, giáo Đạo, chính đốn đạo lý đang hồi suy sụp vậy thôi.”*<sup>6</sup>

Để hy vọng về tương lai hòa hợp, chúng ta, những người hoạt động tôn giáo, cần ý thức hơn nữa như lời nhắc nhở của Đức Vạn Hạnh Thiên Sư:

*“Những tiếng nói khác biệt đã làm cho con người ngăn cách. Những giáo dục tín ngưỡng lại càng đẩy xa con người ra khỏi tập thể. Thực sự thì quan niệm tư tưởng và trí thức đã càng làm cho con người xa nhau hơn nữa.*

*Muốn thực sự gần nhau, muốn thực sự hiểu nhau, con người lặng yên trong màn đêm huệ thức, sẽ thấy mọi niềm cảm xúc của chính mình, đem hòa lẫn tha nhân. Có như thế, tập thể nhân sinh này mới mong tồn sinh trong tiến hóa.”*<sup>7</sup>

Đức Gia Tô Giáo Chủ, trong tôn giáo Cao Đài, khi giảng cơ dạy Đạo về Kinh Dịch qua quẻ Đồng Nhân đã nói:

*“Đến hào Thượng Cửu, thì “Đồng Nhơn vu giao.”  
Vu là đi. Giao nghĩa là giao du, giao du ở gần*

*nhà mình, nước mình thì cũng hẹp chật. Chỉ có lời Soán Từ là “Đồng Nhơn vu dã.” Đồng Nhơn mà vu dã (ra đồng trống) thiệt rộng lớn mênh mông, không bờ bến.*

*Đâu phải ra khỏi cửa hay ở trong tông phái mình mà thôi, còn kết thân tình huynh đệ đại đồng khắp chỗ, đồng hoang hẻo lánh, đâu còn lựa chọn so cân.*

*Vậy hôm nay, Ta cần đặt lại vấn đề, để rồi ngày tới đây đặt mối tương quan, để thành một mối đồng tâm, mà chia lo việc đạo, gánh vác việc đời, hầu đem lại một khối bình đẳng duy nhất, không còn ranh giới rẽ riêng.”*<sup>8</sup>

Như thế, một lần nữa nhắc lại: Sự uyên bác về học thuyết tôn giáo là cần thiết nhưng chính điều này, nếu quá nghiêng về tri thức – hình tướng, lại làm cho nhân sinh dễ xa nhau!

Chỉ có sự lặng yên của việc tĩnh tâm hay thiền định... để đạt đến tâm linh huệ thức, giác ngộ được cái Đạo hay bản thể khởi nguyên của vũ trụ và chúng sanh mới giúp cho chúng ta dầu có tín ngưỡng hay không, dù theo một chủ thuyết nào đi nữa nhưng một khi có lòng thành xây dựng đời sống văn minh đạo đức, dung hòa những ưu điểm của nhau để hầu phục vụ cho sự tiến bộ an lạc của nhân sinh trong tinh thần huynh đệ đại đồng thì chúng ta đã và đang tiến bước đến con đường mà “Đấng vinh quang trên mọi sự vinh quang”<sup>9</sup> của Baha’i đã vạch ra.

### **TÓM LẠI:**

Như vậy mục đích hướng đến của các tôn giáo chỉ có một. Đó là ánh sáng của Đạo lý hay chân lý. Vì thế các Đấng Giáo Tổ luôn lấy ánh sáng làm danh hiệu mình như: A Di Đà – Vô Lượng Thọ Quang; Baha’ullah – Vinh quang của Thượng Đế; Cao Đài – Đại Linh quang; v.v.

Trong thời đại ngày nay khi “năm châu chung chợ, bốn bể chung nhà” việc tìm hiểu giáo lý của

5. Đức Linh Quang Thổ Địa, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 18-01 Tân Hợi (13-02-1971).

6. Đức Đông Phương Chương Quán, Ngọc Minh Đài, 15-11 Đinh Mùi (1967).

7. Đức Vạn Hạnh Thiên Sư, Đạo Học Chi Nam, tiết III “Nhân Sinh và Con Người”, mục 1 “Nhân sinh trong màn đêm huệ thức.”

8. Đức Jesus Christ, Huân Cung Đàn, 15-11 Bính Ngọ (25-12-1966).

9. Baha’i.

nhau qua những buổi sinh hoạt chung sẽ góp phần làm cho khu vườn văn hóa đạo đức ngày càng thêm phong phú.

Nếu như văn hóa là động lực của sự phát triển xã hội, thì những hợp tác giữa các tôn giáo với nhau trong mỗi quốc gia hay từng khu vực hoặc tầm vóc hoàn cầu chắc chắn sẽ góp phần làm cho cuộc sống tinh thần ngày càng thêm đẹp đẽ. Mà tinh thần càng khai phóng lại sẽ góp phần thúc đẩy đời sống vật chất ngày càng văn minh hơn nữa. Như thế:

*Một bàn tay với chẳng xa,*

*Nhiều tay kết lại dang ra đại đồng.*

Việc đối thoại và hợp tác giữa chính quyền các cấp cùng tôn giáo giúp cho sinh hoạt của những đồng bào có tín ngưỡng được phát triển sẽ giúp cho khối đại đoàn kết toàn dân hay nhân loại ngày càng chặt chẽ thêm hơn. Điều này chắc chắn cũng góp được một phần ánh sáng

với cường độ đáng kể, để xua tan những tham dực là nguyên nhân gây ra những đám mây đen tội lỗi của hối lộ, tham nhũng, lạm quyền, v.v. hay bóng tối kinh khiếp cùng âm vang rục rủa của chiến tranh và khủng bố mà toàn thế giới hiện nay đang từng ngày giờ nhúc đầu đối mặt.

– Ở góc độ riêng trong lãnh vực tôn giáo, Đức Thượng Đế Cao Đài giáo chủ khẳng định:

*“Tôn giáo là con thuyền đưa khách mà Đạo là bến đỗ. Các con thuyền cuối cùng cũng xuôi về bến đỗ.”<sup>10</sup>*

Mỗi con thuyền tôn giáo rồi cũng sẽ về đến bến đỗ “Vinh quang của Thượng Đế.” Ấy là sự minh triết, trí huệ của những người giác ngộ được và đạt đến điểm chung nhứt của nhau:

*“Thế Đạo đại đồng và Thiên Đạo giải thoát.”* ■

10. Đức Chí Tôn, Nam Thành thánh thất, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

---

## Học chữ hán qua thánh giáo...

(TIẾP THEO TRANG 76)

*Trong tâm, Trời Đất không riêng*

*Chơn thân hằng tại chẳng tìm đâu xa*

*Hoàng đồ thống nhất giang hà*

*Định lòng ai biết nương Tam Giáo Tòa*

*Quy về vạn giáo, Cao Đài*

*Người hòa vạn vật ngâm bài luân tâm*

### 4. LỜI KẾT

Năm 1953, Phạm Duy đã hạ bút một ca khúc bất tử: Tình ca, một tuyệt tác cả về giai điệu lẫn ca từ. Ông khởi đầu rất mộc, lại vô cùng nghệ sĩ, đầy duyên và ấm tình: Tôi yêu tiếng nước tôi, từ khi mới ra đời người ơi. Mẹ hiền ru những câu xa vời, à à ơi những câu muôn đời...

Người nhạc sĩ Việt vĩ đại ấy đã nói giùm tất cả chúng ta tình yêu quê hương, tình yêu tiếng nhạc lời ca Việt mà ai là người Việt đều mang mặc trong trái tim mình. Tình yêu ấy được nhiều lần nhân lên nữa khi ta tự hào có những lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng trong pho Thánh giáo dài suốt gần chín mươi năm, chính bằng tiếng Việt đầy thương mến và tự hào. Dù tiếng Việt ấy có phần vay mượn trên con đường hình thành của mình.

Đâu đây, chợt đồng vọng một khúc cổ thi:

*Nhân sinh tự cổ thủy vô tử*

*Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh.* ■



## liên giao hành đạo

**TUẦN LỄ HÒA HỢP TÔN GIÁO**

■ THANH LONG

Vấn đề hòa hợp tôn giáo có lẽ đã có những dấu ấn lịch sử trong thế kỷ XX. Năm 1950, Hội đồng Tinh thần tôn giáo Baha'i Hoa Kỳ khởi xướng ngày Tôn giáo Hoàn cầu. Từ năm 1986, Đức Giáo Hoàng John Paul II (Gioan Phaolô II) đã khởi xướng ý niệm về sự hòa hợp tôn giáo bằng việc kêu gọi các lãnh tụ tôn giáo trên thế giới đến Assisi để chia sẻ về hòa bình cho toàn nhân loại. Năm 2010, Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc lần thứ 65 đã thông qua nghị quyết GA 11013 vào ngày 20-10-2010, kêu gọi thực hiện Tuần lễ Hòa Hợp Tôn Giáo Thế Giới (World Interfaith Harmony Week.) Một năm sau, năm 2011, hưởng ứng lời kêu gọi của Liên Hiệp Quốc, các tổ chức tôn giáo trên thế giới ở các nước đã tổ chức các sự kiện nhằm gắn kết các tôn giáo có mặt ở từng quốc gia. Những năm gần đây, các chương trình sinh hoạt liên tôn giáo ở Việt Nam cũng diễn ra nhiều nơi và nhiều dịp tạo điều kiện cho các tín hữu các tôn giáo được xích lại gần nhau hơn. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo trong mối dây liên kết với tôn giáo bạn như chính tôn chỉ của Cao Đài giáo cũng đã có nhiều sinh hoạt tham gia vào hoạt động liên tôn giáo này.

Vào ngày 09-02-2014, một lần nữa, đại diện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo gồm Ngoại giao Vụ trưởng Thiện Nguyễn, Văn hóa Vụ phó Đạt Tường đã tham dự một buổi họp mặt hưởng ứng lời kêu gọi của Liên Hiệp Quốc về Tuần lễ Hòa Hợp Tôn Giáo (World Interfaith Harmony Week) do Cộng đồng Tôn giáo Baha'i Việt Nam tổ chức.

Có thể nói rằng sự hòa hợp trong đời sống con

người trên quả địa cầu này là một trong những hòn đá tảng cho cuộc tồn sinh của không gian sống rộng lớn mà con người là kẻ có quyền năng đặc biệt. Tôn giáo, theo giáo lý Cao Đài, là cánh cửa mở ra cho con người đến với một thực tại siêu việt. Tuy nhiên, khi tôn giáo được xem như là ngôi nhà với một ý niệm về một không gian riêng tư, nó đã trở nên là một hữu thể cần thiết được “giữ gìn” như thể một báu vật giá trị nhưng chết cứng và được cất trong chiếc tủ của định kiến, của tự tôn.

Nhiều tòa lâu đài tôn giáo cốt chỉ để làm biểu trưng cho một sức mạnh trần thế. Thế còn quyền năng phi trần tục thì lại dường như ít được quan tâm bởi chính ngay những con người sống trong tòa lâu đài nguy nga và tráng lệ đó. Tôn giáo, không biết chính xác tự lúc nào, đã trở thành một thực thể trần sinh tham gia vào những cuộc tranh đấu không thương tiếc cho thân phận con người. Thế nên, một sự hòa hợp tôn giáo trong hoàn cảnh như thế, là điều kiện thiết yếu để tạo ra những cơ hội cho con người từ nhiều khác biệt có thể tìm về nhau. Đó có thể là một cuộc đối thoại, có thể là những buổi gặp mặt của những người anh em từ lâu lưu lạc giữa cuộc trần. Có lẽ theo ý tưởng đó, chúng ta có thể chia sẻ với suy nghĩ của Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc trong lời giải bày cho Tuần lễ Hòa Hợp Tôn Giáo: “Điều khẩn thiết là số đông nhân loại phải được năng lực vững chãi trước những thế lực cực đoan. Nhưng điều này chỉ có thể đạt được khi được sự lãnh đạo cương kiện.”<sup>1</sup>

1.. Dịch theo <http://www.un.org/en/events/interfaithharmonyweek/>.

Mỗi một hình thức tôn giáo chánh lý phải thể hiện cho được sự lãnh đạo cương kiện của mình. Và trong sự cương kiện riêng lẻ ấy, đòi hỏi một sự liên thông giữa các nền tôn giáo của thế gian. Hòa hợp tôn giáo thế gian là con đường để đi đến một thực thể Đạo cứu thế Kỳ Ba mà người tín hữu Cao Đài không thể không nhận thức được trong hành động tu học và hành đạo.<sup>2</sup> Xu hướng sẽ là con đường trung chánh dành cho con người tôn giáo trong kỷ nguyên mới.

Trong bức tranh lớn đó, đại diện tôn giáo Baha'i, tổ chức buổi họp mặt giữa các tôn giáo: Công giáo, Cao Đài giáo và Baha'i vào ngày 09-02-2014. Tuy chỉ là một buổi gặp mặt nhỏ, nhưng tinh thần của sự hòa hợp là điều mong muốn thật sự chính đáng để hội họp những con người khác biệt về quan niệm tâm linh. Trụ sở của Cộng đồng Tôn giáo Baha'i Việt Nam không lớn. Đúng hơn đó là một căn hộ thông thường. Và ngày 09-02, căn hộ đó phải thực hiện trách nhiệm đón tiếp những người con của Đấng Tối Cao vốn được tôn xưng bằng những cái tên theo ký tự của trần gian rất khác nhau.

Một trong những phần quan trọng đầu tiên

2. Dẫn theo Tổng Quan về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại trang thông tin điện tử:  
<http://www.nhipcaugiaoly.com/post?id=287#note6>.

Lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo tại Nam Thành Thánh thất ngày 01-01 Kỷ Dậu (16-02-1969): “Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể Đạo Cứu Thế trong Tam Kỳ Phổ Độ, cũng như cái gò gà trong quả trứng vậy.”



của buổi hội họp này là thời gian dâng lời cầu nguyện của đại diện các tôn giáo có mặt hôm đó. Sau khúc nhạc thanh lạc, đại diện Công giáo gồm Cha Xaviê Bảo Lộc và các cộng sự cùng hát lên bài Kinh Hòa Bình như dâng lời nguyện cầu hòa bình cho toàn thể nhân loại. Và như mọi người cũng đã biết, trong bài Kinh Hòa Bình, lời cầu nguyện cũng là lời hứa nguyện của con người mục vụ thực hiện chức phận phụng sự nhân sanh:

*Để con đem yêu thương vào nơi oán thù,  
Đem thứ tha vào nơi lăng nhục,  
Đem an hòa vào nơi tranh chấp,  
Đem chân lý vào chốn lỗi lầm,  
Để con đem tin kính vào nơi nghi nan,  
Chiếu trông cậy vào nơi thất vọng,  
Để con dọi ánh sáng vào nơi tối tăm.*<sup>3</sup>

Đại diện Cao Đài giáo là đạo huynh Đạt Tường, Vụ phó Văn Hóa vụ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, dâng lời cầu nguyện. Lời cầu nguyện của đạo huynh gồm hai phần: phần cầu nguyện sự hộ trì của chư Thiên cho con người tôn giáo và con người sứ mạng nói chung, phần hai là lời xác tín cho sứ mệnh hòa hợp tôn giáo của con người Cao Đài.

“Xin Các Đấng Thiêng Liêng hộ trì cho chúng con:

3. Trích Kinh Hòa Bình phổ nhạc Việt, Tác giả: Kim Long. Về bản Kinh Hòa Bình cũng có nhiều bản khác nhau. Tác giả của bản kinh này cũng còn trong vòng khảo cứu. Xem thêm tại: <http://tgpsaigon.net/baiviet-tintuc/20100107/3643>. Ngoài bản tiếng Ý, còn có bản tiếng Anh.

Lord, make me an instrument of your peace.  
Where there is hatred, let me sow love.  
Where there is injury, pardon.  
Where there is doubt, faith.  
Where there is despair, hope.  
Where there is darkness, light.  
Where there is sadness, joy.  
O Divine Master,  
grant that I may not so much seek to be consoled, as to console;  
to be understood, as to understand;  
to be loved, as to love.  
For it is in giving that we receive.  
It is in pardoning that we are pardoned,  
and it is in dying that we are born to Eternal Life.  
Amen.

– Rộng mở tâm hồn, không phân biệt tôn giáo, chánh kiến, sống như anh chị em cùng một nhà.

– Dầu cho sở thích và năng lực có khác nhau, chúng con vẫn chung sức, chung lòng:

- Xây đắp cho quê hương này được quốc thái– dân an.
- Xây đắp cho thế giới này có thể chung sống hòa hợp hạnh phúc.
- Song hành phát triển cả đời sống văn minh khoa học lẫn văn minh đạo đức.

– Nguyên giúp cho chúng con, tấm lòng bác ái–từ bi luôn được trường dưỡng, tình thương mãi mãi rộng mở như lòng Tạo Hóa nơi cõi thiêng liêng hằng sống.

*Nhờ ơn Đấng Cao Đài cứu thế,  
Tỉnh thức lòng con trẻ tâm tu,  
Vệt tan những ngút mây mù,  
Nhìn tường Đại Đạo trí ngu lọc lừa.  
Con cúi xin phụng thừa Thiên lệnh,  
Dưới chơn Thầy phán định phát ban,  
Dầu trong mọi cảnh khó khăn,  
Nguyên lòng đem hết sở năng thực hành.(...)  
Nguyên chung sức mở đường đại chúng,  
Đem Đạo mẫu công dụng mọi nơi,  
Cho người thông cảm cùng người,  
Đẹp tan sắc phách phục hồi tình thương.(...)<sup>4</sup>*

Lời kinh Cầu Nguyên của người nhân viên phổ thông giáo lý gần con người tu học với vai trò thực hiện sứ mạng hòa hiệp, qua đó nối kết con người với Đạo to lớn, với Đức Chí Tôn Thượng Phụng.

Đại diện tôn giáo Baha'i sau đó cũng dâng lời cầu nguyện bằng lời tán thán phẩm chất toàn mỹ, toàn chân, toàn thiện của Đấng Thượng Đế Chí Tôn Đại từ Đại bi ban bố hồng ân, tình thương và ánh sáng linh diệu cho con người có đủ sức mạnh để có ân phúc mà sống trong cảnh thái hòa.

Sau phần dâng lời cầu nguyện, đại diện các tổ chức thuộc các tôn giáo khác nhau trình bày ý kiến về sự hòa hợp tôn giáo. Đầu tiên, đại diện Công giáo, hiền huynh Giuse Bùi Văn Hóa đã phát biểu

tham luận, dùng phương pháp đối chiếu đối với lời của Đức Baha'u'llah và ý nghĩa đối với người Công giáo. Bài nói chuyện giúp thánh giả hiểu ra rằng sự khác biệt về hình thức tôn giáo chỉ là cái vẻ bên ngoài. Nằm yên ắng trong vẻ đa đoan của dị biệt vẫn là điểm đồng tâm về chân lý. Con người có một mối liên quan mật thiết với vũ trụ toàn thể, với Đấng Vinh Quang của mọi vinh quang.

Tư tưởng Đại đồng nhân loại cũng không khác ý nghĩa với sự hòa hợp tôn giáo. Người Cao Đài mà cụ thể là người nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý luôn lấy bài học Yêu Thương làm tâm điểm của nhân vị hầu làm nên nhân phẩm và nhân cách của người được trao sứ mệnh phụng Thiên sự dân. Bài phát biểu của đạo huynh Đạt Tường, Vụ phó Văn Hóa vụ, cho ta cái nhìn từ cá biệt đến tổng thể. Từ chỗ ý niệm về sự hòa hợp trong không gian tôn giáo, tín ngưỡng đặc thù, ở đây chính là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà Cao Đài giáo là một hiện thể, cho đến không gian ý niệm tâm linh, mối liên hệ bản chất của Đạo và tôn giáo, và sau cùng là ý niệm con người tâm linh phổ quát: Con người lặng yên trong màn đêm huệ thức. Hình ảnh con người lặng yên trong màn đêm huệ thức không hẳn chỉ nói về một cá nhân xuất chúng, thực tế cho chúng ta tin rằng nó muốn đề cập đến con người toàn thể, con người như là một tập thể trên sự đồng thuận về một tiến trình tồn sinh trong tiến hóa.

Đại diện của Cộng đồng Tôn giáo Baha'i đọc lại những lời của Đức Abdul-Baha đã phát biểu vào năm 1911, khi Ngài viếng thăm Paris, với nhan đề Vẻ Đẹp và Sự Hòa Hợp Trong Cá Biệt. Lời dạy của Ngài như một bức tranh vẽ lại tổng thể một khu vườn rộng lớn với nhiều loài sinh vật khác nhau cùng chung sống và phát triển một cách tự nhiên. Cũng như vậy, Ngài cho rằng, sự thù hằn trong xã hội con người trên cơ sở của khác biệt không nên làm. Trái lại, phải tôn trọng sự đa dạng đó như là một phần của Tạo Hóa, vì lẽ đó chính là nguyên nhân của tình yêu và sự hòa hợp. Con người, như vậy, có nguyên nhân là tình yêu và sự hòa hợp thì con người cũng phải thể hiện điều

4. Bài Cầu Nguyên của nhân viên Cơ Quan do Đức Lê Đại Tiên ban cho.

đó như một giá trị nhân bản. Chỉ có như vậy, con người mới thực sự vượt qua được những dị biệt để đến với nhau bằng ý chí và bài học về Yêu Thương. Thống nhất là ý chí của Thượng Đế, thực hiện yêu thương trong vòng tròn hòa bình và thiện ý là sứ mạng của con người. Ý nghĩa cao đẹp qua lời dạy của Ngài khiến tâm tư của chúng ta rung động. Đó là một bức tranh lý tưởng hiện thực đang bị thực tại găm nhảm bởi những riêng tư và cá biệt mà con người trong tư cách là một tập thể phải cố gắng với tất cả ý chí và tâm hồn cho đến khi nền thống nhất được thực sự thiết lập giữa mọi người.

Nghe được những bài tham luận của các đại diện các tôn giáo, chúng ta có được một cái nhìn toàn diện hơn về ý hướng của các bậc Giáo tổ. Tôn giáo chánh lý nào cũng đề cao sự hòa hợp và thương yêu. Ý niệm đó vượt lên suy nghĩ thông thường, nặng tính thế tục, đầy tính ồn ào để đem lại một ý nghĩa rộng lớn hơn, vững bền hơn và thanh thoát hơn cho sự thực hành yêu thương và hòa hiệp của con người. Sự gắn gũi giữa các tôn giáo, có thể nói, là cơ duyên đánh thức bản thân mỗi con người tôn giáo trong bước đi trên đường trở về cùng Đấng Chí Linh như lời của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã dạy: “Muốn thực sự gắn nhau, muốn thực sự hiểu nhau, con người lặng yên trong màn đêm huệ thức, sẽ thấy mọi niềm cảm xúc của chính mình, đem hòa lẫn tha nhân. Có như thế, tập thể nhân sinh này mới mong tồn sinh trong tiến hóa.”<sup>5</sup>

Sau phần dâng lời cầu nguyện, tham luận về sự hòa hợp là phần phát biểu ý kiến của các tín hữu Baha'i và phần ước hẹn cho những lần gặp mặt kế tiếp. Trước khi ra về, mọi người lại có thể bàn chuyện cùng nhau trong buổi tiệc potluck.<sup>6</sup> Có lẽ đây là đặc trưng của một hình thức sinh hoạt Cộng đồng Tôn giáo Baha'i.

Chắc chắn trong tương lai, nhiều sinh hoạt liên tôn giáo sẽ còn tiếp tục được tổ chức hầu nỗ

lực gắn kết những bộ phận rời rạc của cái khung Tình Thương vốn được Đức Chí Tôn thiết kế. Rất mong rằng, nhờ đó, nhiều tình thân, sự hiệp tác trong hòa ái sẽ được sinh thành, để dần hồi cải thiện đời sống tinh thần của nhân sinh. ■



CHỤP HÌNH LƯU NIỆM TẠI HỘI TRƯỜNG.



TRAO ĐỔI ĐẠO SỰ.

Hội trường buổi hội họp. Từ trái sang: Đạo huynh Thiện Nguyễn, Ngoại Giao Vụ trưởng (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo,) Đạo huynh Đạt Tường, Văn Hóa Vụ phó (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo,) Linh mục Phanxicô Xaviê Bảo Lộc (Trung tâm Mục vụ TGP TP.HCM).

5. Dẫn theo Đạt Tường, bài tham luận “Hòa hợp – Yêu thương” (09-02-2014).

6. Potluck là tên gọi một bữa tiệc mà mọi người tham dự sẽ mang đến một món ăn tự tay mình nấu.

# NGÀY XUÂN lạc du vào cõi thiên thi

■ TỬ LA LAN



*Minh họa: Bửu Long.*

**T**hiên là một con thuyền trầm tư, có thể chở tâm hồn con người vào bình an, có thể chở địa đàng về chốn trần gian, chở bỏ để về phiến nào. Thơ chỉ là đôi cánh mộng mơ, lại có thể đưa tâm hồn thênh thênh mây trời, phiêu phiêu sương khói. Ngày đầu năm, khi hơi thở của ngày tết, giai khúc của hoa xuân còn lãnh đãng, còn gì bằng khi có bạn- thơ ngồi nhấp ly tương tửu, có đại- bằng- hữu- thiên cùng chia sẻ chén trà thơm, có nhàn- tri- kỷ của suối non, gió núi khẽ ngâm lời ru ca u nhã...

Từ ngàn xưa, dải ngân hà của thiên nhai đã là bạn thân của con người qua những khúc thiên thi, nối tiếp nhau bay theo dòng thời gian hối hả. Đọc thơ thiên, chẳng để mong níu lại thời gian, chỉ là chút thấp thoáng thần tiên mà thiên nhân xưa đã bàng bạc rong

chơi giữa biển đời đau khổ này, như sen vườn đóa giữa bùn, như cánh én băng xuân qua tuyết lạnh...

### CƠ VÔ TIỀM

Thi nhân đời Thịnh Đường, ông đồ tiến sĩ niên hiệu Khai Nguyên (713–742), bài thơ này ông viết khi đến thăm thiền thất của Thượng Nhân Dung.

NGỘ DUNG THƯỢNG NHÂN LAN NHÃ

*Sơn đầu thiền thất quải tăng y  
Song ngoại vô nhân khê điều phi  
Hoàng hôn bán tại hạ sơn lộ  
Khước thính chung thanh liên thúy vi.*

Tạm dịch<sup>1</sup>:

ĐẾN AM THƯỢNG NHÂN DUNG

*Thảo am lưng núi tăng y  
Nghiêng khe chim lượn cần chi bóng người  
Đường non nửa dáng chiều với  
Rời chùa chuông khúc dạo phơi đất trời.*

Trong những chữ Hán Việt trong bài thơ, có chữ khước hơi lạ với tri khách quen đọc chữ Hán Việt. Khước có nghĩa lui bước, ý nói lúc thi nhân từ tạ cảnh chùa quay về. Cảnh thảo am tĩnh lặng, như tâm thiền gia trọn gửi vào chiếc áo đạo nhỏ treo ngang lưng núi, mà như trải tận cùng sơn lâm. Dấu ta bà dấu biển, vẫn gói lòng trong nửa hoàng hôn an lạc. Nghe tâm hồn nhẹ nhàng buông hết bằng khuâng. Kìa tiếng xuân chim hót, đây tiếng thu ve ngâm. Bay lượn đi dáng bướm tài tử, điểm tô đi hình hoa mỹ nhân, và bất tận nữa đi tiếng kinh chiều đang lẫn khuất trong sương núi...

### ĐỖ PHỦ

Tự là Tử Mỹ, hiệu Thiếu Lăng (712–770)

YẾT CHÂN ĐẾ TỰ THIÊN SƯ

*Lan nhã sơn cao xử  
Yên hà chuông cơ trùng  
Đồng tuyền y tế thạch  
Tĩnh tuyết lạc trường tùng  
Vấn pháp khan thi vong*

1. Phần tạm dịch của Tử La Lan.

*Quán thân hướng tửu dung*

*Vị năng cát thê tử*

*Bốc trạch cận tiền phong.*

Tạm dịch:

GẶP THIÊN SƯ CHÙA CHÂN ĐẾ

*Chùa lan khói nhã ngang triền  
Khói đeo mình núi sương viên thân non  
Suối đông trường đá chon von  
Tùng cao tuyết lạnh hãy còn ngao du  
Pháp quang soi lại phạm phu  
Buông thơ xả rượu đường tu về lần  
Vợ con chưa hết ân cần  
Nhà và Ta dọn về gần bên non.*

Chữ tình trong câu thứ tư, tình không mang nghĩa của chữ tình lang, mà chữ tình với chữ nhật đứng trước mang nghĩa quang tạnh.

Chữ cát trong câu thứ bảy, cát thê tử, chữ cát mang nghĩa cắt bỏ, lìa bỏ.

Chữ phong trong câu cuối, mang nghĩa núi cao.

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Thích Ca dạy: Anan, nay người tu pháp tam muội “nhĩ căn viên thông” là gốc thoát trần lao. Nếu cái tâm dâm dục chẳng dứt trừ thì không ra khỏi ngục tù thế gian. Dầu có nhiều trí thiền định mà chẳng đoạn dâm, tất đọa lạc vào ma đạo. Vậy Anan, nếu tu pháp mà còn tâm dâm dục, như nấu sỏi đá mà mong thành cơm, thì dầu qua trăm ngàn kiếp vẫn là sỏi nóng...

Ở Đại Ân Xá kỳ ba, để rộng đường phổ độ, Đức Chí Tôn ban ơn cho hành giả thọ thập trai và chưa diệt dục vẫn được thọ pháp sơ thiền. Đây là điều xưa nay chưa từng có trong thiền gia:

*Vợ chồng trọn nghĩa thủy chung*

*Giữ như sen mọc dưới bùn không nhơ.<sup>2</sup>*

Đó là lý do mà ngày xưa Tô Đông Pha, vì nặng tình thê tử, nên chưa vào được am thiền, chỉ xin dọn mình về gần chốn thanh cao nơi chân núi mà thôi. Trong ý thơ Bốc trạch cận tiền phong, ta nghe phảng phất thi ý của Trương Trào trong U Mộng Ảnh:

2. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, 01–9 Bính Tý (1936).

Mai biên chi thạch nghi cổ  
Tùng hạ chi thạch nghi chuyết  
Trúc bạng chi thạch nghi sấu  
Bồn nội chi thạch nghi xảo.

Tạm dịch:

Bên mai nên đá cổ xưa  
Bên tùng vụng đại đá lưa thừa sấu  
Dưới tàn trúc đá gãy hao  
Đá trong bồn lại đẹp xao xuyến lòng.

### LÝ BẠCH

Lý Bạch (701–762), là thi nhân đời Thịnh Đường. Được mệnh danh là thi tiên, cùng với Bì Mãn (kiếm thuật), Trương Húc (thư pháp), hợp thành Thịnh Đường tam tuyệt.

LÔ SƠN ĐÔNG LÂM TỰ DẠ HOÀI

Ngã tâm thanh liên vũ  
Độc vãng tạ thành khuyết  
Sương thanh Đông Lâm chung  
Thủy bạch Hồ Khê nguyệt  
Thiên hương sanh hư không  
Thiên nhạc minh bất hiết  
Minh tọa tịch bất động  
Đại thiên nhập hào phát  
Trạm nhiên minh chơn tâm  
Khoáng kiếp đoạn xuất một  
Tạm dịch:

NHỚ MỘT ĐÊM Ở ĐÔNG LÂM TỰ, LÔ SƠN

Giã từ đò hội đèn hoa  
Ta đi tâm lối về tòa sen xanh  
Chuông Đông Lâm vén sương thanh  
Hồ Khê trắng nước long lanh trắng vẽ  
Hương trời thơm tỏa bốn bề  
Nhạc trời đưa phiến tâm kẻ thần tiên  
Ngôi yên bất động ưu phiền  
Cộng tở chở cả trăm miền trời cao  
Tịnh lòng quay lại tâm bào  
Luân hồi khoáng kiếp thôi vào ra thêm.

Chữ khuyết trong câu thứ hai, cũng có âm là chữ quyết, vừa có nghĩa là cái lấu canh ở cửa thành, vừa có nghĩa lằm lổ. Ở đây, ý thi nhân muốn tạ từ thành đô, đồng thời để một ẩn ý muốn giã từ những lổ lằm để dẫn bước trên đường tu tập.

Chữ hiết trong câu sáu, cũng đọc là yết, có nghĩa là dừng, nghỉ. Bất hiết có nghĩa là bất tận, không ngừng nghỉ.

Chữ trạm trong câu chín, mang nghĩa sâu, trong trẻo. Trạm nhiên là yên lặng.

Chữ khoáng trong câu cuối, mang nghĩa rộng khắp, khoáng kiếp có thể hiểu là vô lượng kiếp. Còn chữ một cuối cùng không có nghĩa như chữ nôm là số một hay một lần. Chữ một ở đây có nghĩa là mất hết, không còn gì nữa.

Câu thơ thứ hai, Độc vãng tạ thành khuyết, lời thơ đơn sơ nhưng chở đầy ý Đạo. Trên những nẻo đường đời, nhân gian thường đắm chìm trong đua chen vào sương khói danh lợi, ái tình. Họ tự hóa thân thành những chú hề múa may quay cuồng trên sân khấu cuộc đời. Đó chỉ là những niềm vui dung tục, mà hạnh phúc chỉ thoáng chút giữa bao la bận bịu và lo toan. Những người biết thụ hưởng cuộc sống lại không phải là kẻ lảm tiên nhiều của, niềm vui sống an nhiên tĩnh tại lại thường hầu chuyện với những tâm hồn nghệ sĩ, những trái tim thiên tịnh, biết buông bỏ và an lạc cùng thiên nhiên trăng gió, những điều mà ta chỉ có thể tầm mình vào chứ không bao giờ nắm bắt được.

Lý Bạch của thi tửu năm xưa, nay là Đức Lý Giáo Tông của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, qua bài thơ này chứng tỏ khi sanh tiền, Ngài không chỉ có thi tửu, mà còn am tường thiên đạo, hiểu biết sám hối và thực hành công phu thâm ngộ như thế nào...

### TRẦN TỬ NGANG

Thi nhân đời Sơ Đường, tự Bá Ngọc (661–702).

THU DẠ THƯƠNG SƠN ĐỘC TỌA

Chung phạm kinh hành bãi  
Hương sảng tọa nhập thiên  
Nham đình giao tạp thụ  
Thạch lân tả minh tuyền  
Thủy nguyệt tâm phương tịch  
Vân hà tư độc huyền  
Ninh tri nhân thế lý  
Bị bệnh khổ phan duyên.

Tạm dịch:

ĐÊM THU TRÊN NÚI MÌNH TA

Tứ thời kinh tụng vừa xong  
Chiếu thơm sẵn trải giờ công phu rồi  
Ngoài sân chen núi cây trời  
Đá mềm tuôn nước trong mời suối reo  
Kìa trăng đáy nước tâm treo  
Dòng mây trôi ý về theo nẻo huyền  
Mối hay trần thế nhân duyên  
Tình đời còn vướng ưu phiền còn mang.

Trong câu thơ cuối cùng, chữ bị nghĩa là chịu, bệnh nghĩa là đau ốm, cùng đồng nghĩa với tiếng Việt đương đại. Chữ phan có nghĩa là níu kéo. Phan duyên có nghĩa là những duyên nghiệp níu kéo. Sông nước có xô xao ba đào, trời đất có vãn vũ phong ba, thì lòng người cũng ngổn ngang sóng gió do biết bao hột giống đã trót gieo từ lịch kiếp...

*Buông, để đêm thanh cô độc không mời trăng kể chuyện buồn. Buông, để canh khuya thức giấc, không nghe tiếng dế gọi niềm đau.*<sup>3</sup>

Có ba đào nào vĩnh viễn, có bão táp nào miên trường, khi hành giả luôn gắng bước quay về.

Nào đâu những bụi trần nhờn  
Đừng chôn chí cả trong cơn ngật nghèo  
Giông to nhờ vũng tay lèo  
Sóng về lòng nước, gió về không trung...<sup>4</sup>■

3. Lấy ý câu Thanh tiêu độc tọa, yêu nguyệt ngôn sầu ; lương dạ cô miên, hồ cung ngữ hận- Trương Trào.

4. Đúc Phan Thanh Giản, Trúc Lâm Thiên Điện, Ngo thời, 18-4 Tân Hợi.



# THÀNH GIÁO

(...)

Sáu tặc dẫn dắt cái tâm,  
Tạo nhiều nghiệp ác, đọa trầm khó ra.  
Thất tình cũng hại lắm mà,  
Ghét, thương, mừng, giận, muốn, lo, sợ lòng.  
Thất tình quyến luyến nội công,

Người tu chơn đạo rửa lòng sạch trơn.  
Tu trau phần xác, phần hồn,  
Xác được thanh khiết thì hồn thanh cao.  
Mười điều tổn hại, dạy trao,  
Nhớ ghi, hành đúng, chớ xao lãng lòng.

1. ĐI nhiều tổn hại gân trong,  
2. ĐỪNG nhiều tổn hại bộ xương bội phần.  
3. NGỒI nhiều tổn hại huyết lẫn,  
4. NGỬ nhiều tổn mạch, hại thần cơ linh.  
5. NGHE nhiều tổn hại đến “Tinh”,  
6. XEM nhiều tổn hại trong mình “Thần” hao.

7. NÓI nhiều tổn “Khí” càng lao,  
8. LO nhiều tổn hại tâm bào, tâm trung.  
9. ĂN nhiều tổn hại Tỳ cung,  
10. ĐÂM nhiều tổn hại vô cùng mạng linh.

Mười điều tổn hại phân minh,  
Thất tình, lục dục đình ninh những điều.

Công phu: khuya, sớm, trưa, chiều,  
Gom thần, định ý, mục tiêu vững vàng.  
Mới là kết quả ngôi hoàn,  
Tâm yên trí lặng, tịnh an cõi lòng.

Tu hành cố gắng bền công,  
Việc dầu khó mấy, thành công khó gì.

Nếu còn những tánh trừ tri,  
Việc dầu dễ mấy cũng thì không nên.

Nhị chuyển nhị thất lập nền,  
Nữ nam kết quả được nên đôi phần.

Bảo Tinh, dưỡng Khí, tổn Thần,  
Thọ truyền tân pháp, ân cần liệu lo.

Khí mãn bất thực cũng no,

Thần mãn ít ngủ, nên trò Thánh Tiên. (...)

ĐỨC THÁI THƯỢNG LÃO QUÂN, THÁNH HUẤN HIỆP  
TUYỂN, QUYỂN I, HỘI THÁNH TIÊN THIÊN, 1961, TR.175.■





■ THIÊN LÝ

# Hạnh phúc & An lạc

**N**hìn lại sự phát triển của loài người qua dòng thời gian của lịch sử, nhiều quan niệm đấu có khác nhau qua nhiều lập trường tư tưởng, nhưng chung nhất vẫn đồng thuận ở một điều là tìm đến sự hạnh phúc, an lạc của nhân sinh. Trên những chiến trường cay nghiệt phải đánh đổi sinh mạng, sự nghiệp, cuộc sống của chính bản thân, người thân, dân tộc, quốc gia và dù là đấu văn hay đấu võ, con người luôn mong muốn tìm, giành lấy và chiếm đoạt “cái” cảm nhận an lạc, hạnh phúc cho bản thân và cho những mối quan hệ với chính mình. Nó cũng dường như là mục đích cuối cùng của mọi giáo thuyết, học thuyết của các nền triết học, của các đảng phái, cho dù là phát-xít, dân chủ, cộng hòa hay cộng sản...

Nghịch lý ở chỗ, dù có cùng chung một mục đích đem đến hạnh phúc cho con người, vậy mà lịch sử loài người xưa và nay cũng phải đều đau đớn vì lưu lại những biển máu chứa đựng hận thù, chết chóc hoặc chỉ có thể tốt hơn một chút là ghi lại những hiệp ước hòa bình có tính ngoại giao ngăn ngui. Phải chăng hạnh phúc và an lạc là vô thường, là một phi vật thể luôn biến đổi và chưa bao giờ con người có thể với tới? Cuối cùng, có những câu hỏi loài người luôn luôn tự vấn: Hạnh phúc và an lạc có phải là một điều hữu ích nên có, cần nắm bắt chiếm giữ hay là một nhận thức vô vị, tiềm ẩn sự bịp bợm, sai trái theo từng thời điểm trong sự phát triển của giống loài con người? Nếu là hữu ích thì hạnh phúc, an lạc phải là như thế nào?

## 1. HẠNH PHÚC – AN LẠC LÀ MỘT THỰC THỂ HAY PHI THỰC THỂ? SỰ CẤU THÀNH

Thành Cát Tư Hãn đã từng nói rằng: “Niềm hạnh phúc lớn nhất của ta là chinh phục nhân loại, xua đuổi, chiếm đoạt đất đai, của cải, phụ nữ của kẻ khác và nhấm nháp nỗi thống khổ của họ.” Loại hạnh phúc này được gắn kết cụ thể với kết quả vật chất, tinh thần nhằm để nâng giá trị của cái tôi chính mình. Với ông và cả dân tộc của ông thì quan niệm về phúc lạc như thế là hữu dụng. Giả như, nếu sự hữu dụng này tồn tại mãi từ thời kỳ huy hoàng của Thành Cát Tư Hãn cho đến nay thì không biết loài người trên quả đất hiện tại này sẽ ra sao? Nhân loại sẽ thấy hạnh phúc, an lạc hay là đại đa số phải lo âu, đau khổ, bất hạnh?

Karl Max có phương ngôn bất hủ cho giới trẻ hiếu động: “Hạnh phúc là đấu tranh”. Loại hạnh phúc này được diễn dịch qua một trạng thái được định hình bằng tư duy (thức), dù những tư duy này có thể là tích cực, nhưng vẫn phải có mặt, phải tự chiến đấu bên trong suy tư, trong nội tâm của con người. Hạnh phúc ở con người này bắt nguồn từ sự loạn động của ý thức (tâm thức, theo thuật ngữ phân tâm học) bởi vì nó phải đối chiếu, phân tích cái đúng, cái sai, cái nên hay không nên của sự đấu tranh, của sự được – mất, hơn – thiệt... với chính bản ngã của mình. Điểm đích của loại hạnh phúc này vẫn là cái tôi của hệ tâm thức của một số ít tầng lớp giai cấp trong cộng đồng nhân loại. Triết lý này dù gì cũng đã chứng minh sự hữu dụng để có được hạnh phúc ở một số cá nhân, giai cấp, dân tộc, quốc gia... Câu hỏi đặt ra rằng: “Nếu anh chỉ là cái tôi của anh thì tôi sẽ là ai?” Khi đó, có thể tôi chỉ là một thực thể bên ngoài cái tôi của anh. Vì thế, bởi chính sự loạn động ý thức để bảo vệ, nâng cấp cái tôi của anh đã làm cho thực thể tôi bị loại trừ hoặc đứng bên lề của sự thật hòa hợp phát triển hạnh phúc, an lạc cùng chung. Hơn sáu tỷ người trên hành tinh này có thể có cùng một chủng loại cái tôi mà được sản sinh từ một khuôn mẫu nhận thức? Nếu tất cả

đồng thuận về sự mưu cầu hạnh phúc là cho cái tôi riêng mình bởi nhu cầu sống hưởng thụ thì thế giới nhân loại phải làm sao? Thế giới sẽ loạn động, cuộc đại chiến tranh thế giới sẽ xảy ra, hoặc nhóm cường quốc sẽ phân chia thị phần quyền lợi, hoặc có những quy ước thỏa hiệp tạm thời giữa các cái tôi mà luôn tiềm tàng sự mâu thuẫn bùng nổ! Sự tiến bộ về mặt tâm thức của nhân loại chẳng lẽ dừng lại, kết liễu ở đây và loài người sẽ không có một ngày hạnh phúc an lạc thật sự cho tất cả?

Quay ngược lại thời gian gần hai ngàn năm trăm năm trước, bắt đầu từ một nhà hiền triết...

Platon (427–347 TCN) nói rằng: “Nếu thỏa mãn vật chất là hạnh phúc thì ta có thể xem con bò là hạnh phúc.” Hai ngàn năm sau, nhà thơ La Fontaine đã nâng một mức độ nhận thức về hạnh phúc: “Cả giàu sang lẫn sự vĩ đại đều không thể mang lại cho chúng ta hạnh phúc.” Còn rất nhiều các nhà thơ, các nhà tư tưởng cổ đại, cận đại, hiện đại đều có những nhận định về hạnh phúc tương tự ý nghĩa như thế, có lẽ chẳng ai muốn lấy “con bò” làm mục tiêu cuối cùng của đời mình! Những nhận định theo trường phái giống như hiền triết Platon được xem như cùng tuyên bố một cách tuyệt đối rằng: Hạnh phúc của con người không là một thực thể vật chất hoặc không là một thể tinh thần trung gian có gắn kết mật thiết với vật chất. Từ đó suy ra rằng: Hạnh phúc, an lạc phải là loại khái niệm thuộc về phức hợp cảm xúc và tư duy, mà nó được sinh ra từ bản thể siêu ngã thuần túy của hệ tâm thức trong lành mà đời thường hay gọi là lương tâm. Nếu chấp nhận được cấu thành của hạnh phúc, an lạc là như thế, thì hạnh phúc, an lạc chỉ có thể xuất hiện ở con người và điểm quy chiếu cơ bản, then chốt chính là “Lương tâm”. Đại đa số loài người có chấp nhận hai chữ lương tâm hay không? Nếu câu trả lời là có thì có thể xảy ra một xác suất khả hữu để đại đa số con người cùng chung có được hạnh phúc và an lạc. Tuy vậy, tư duy và hành động theo lương tâm còn được đo lường ở mức độ nào thì sẽ tạo nên cảm

giác hạnh phúc cho con người? Làm một việc thiện nho nhỏ, cho người ăn xin một đồng xu, hoặc hy sinh trọn vẹn để hiến dâng đời mình cho sự thương yêu của Tạo Hóa đều có thể tạo nên niềm vui, hạnh phúc? Hoặc giả chỉ là anh nông dân ngâm nga những câu ca dao:

Đừng lo cái áo cụt tay  
Miễn Trời ngó lại vá may mấy hồi.  
Xưa nay Tạo Hóa xoay vần  
Hết bản lại phú, chẳng cần chi đâu.  
Râu tôm nấu với ruột bầu  
Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon.

Nếu các bạn sống thiên về vật chất thì hạnh phúc là những gì bạn có được, bất kỳ cái gì! Ngay cả bạn có hơn người bạn mình một làn tóc đẹp, hoặc một giọng hát hay, hoặc sự thông minh tiểu xảo thì bạn luôn thấy mình là người hạnh phúc hơn hoặc hạnh phúc nhất.

Nếu bạn sống thiên về tinh thần, một vần thơ, một nét vẽ, một bản nhạc, một triết lý sống sẽ làm cho bạn cảm thấy hạnh phúc. Thêm nữa, nếu bạn có tình yêu dạt dào, mãnh liệt, khi biểu lộ yêu thương cho người khác bằng hành động cụ thể, bạn càng sẽ thấy thật vui vẻ, có cảm giác như được xoa dịu tâm hồn.

Nhà vắng không vương chút bụi trần  
Dòng sông lờ lững chảy kể sân  
Thuyền cá chiều chiều vào ghé đậu  
Hương thơm rau quế khách xa gần  
Mừng được tạm yên thời loạn lạc  
Thẹn chẳng có tài để cứu dân  
Nhàn nhã ngồi chơi, nhờ ngọn gió  
Đưa vào cốc rượu chút mùa xuân.<sup>1</sup>

Hoặc:

Thanh thân ngồi yên chính giữa nhà,  
Nhìn Côn Luân khói gợn xa xa,  
Lúc mệt, thanh thoi, tâm tự tắt,

---

1. “Ngẫu hứng Trung Tân Quán” của Bạch Vân Cư Sĩ – hay còn gọi là Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. Trong đạo Cao Đài, danh xưng của Ngài là Thanh Sơn Chơn Nhơn.

Không thiên, không Phật, chỉ mình ta.<sup>2</sup>

Bạn hiện đang là ai và sẽ là ai? Hệ tâm thức của bạn đã rộng mở xán lạn hay vẫn còn đóng kín bởi cái tôi nhốt chặt lương tri, lương năng trong bóng tối?

Dù vậy, có rất nhiều cây cầu để nối với và thấp sáng lương tâm của bạn. Những cây cầu này đều được xây dựng bởi một cơ cấu thành phần đa dạng của phức hợp cảm xúc và tư duy của con người. Gọi là đa dạng bởi vì thành phần phức hợp này nó vừa thuộc về bộ não con người, lại vừa không thuộc về cái thực thể siêu việt nhất hành tinh này.

## 2. KHÁM PHÁ SINH HỌC TIỀM ẨN BÊN DƯỚI CẢM GIÁC HẠNH PHÚC, AN LẠC

Khoa học ngày nay đã khám phá được các cơ chế giữa mối quan hệ các tế bào thần kinh và các chất hóa học thần kinh trung gian, các hormone nội sinh để tạo ra cho con người thứ cảm giác vui vẻ, êm dịu, sáng khoái, sung sướng hoặc có thể trở nên hung dữ, điên loạn, kích động, ảo giác, khoái lạc, giảm hoặc mất hoàn toàn ý thức. Có rất nhiều chất như thế được sinh ra, được tái hấp thu từ tế bào thần kinh của não bộ con người. Chúng tác động độc lập, hoặc tương tác với nhau dưới sự điều hòa một cách kỳ diệu, có thể nói là đạt đến mức huyền vi. Những gì gọi là biểu lộ của thất tình, lục dục, ngũ uẩn hoặc tiêu sái, nhàn nhã, thanh tịnh, vô ưu thoát trần... đều bởi sự hoạt động của các chất này mà ra. Các chất hóa học thần kinh trung gian và các hormone nội sinh này được sản sinh hoặc được tái hấp thu theo những hệ thống khác biệt và rất có trật tự qua các hệ thống thụ thể các tế

---

2. Tuệ Trung Thượng Sĩ, tục danh Hưng Ninh Vương – Trần Quốc Tung, là anh ruột của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Ngài đã từng xông pha ra trận chống giặc ngoại xâm với nhiều chiến công hiển hách cùng với Hưng Đạo Vương. Sau khi đã trọn nghĩa trung thân, Ngài buông bỏ tục lụy trần gian, trở thành một thiền sư và sau đó độ dẫn Vua Trần Nhân Tông vào cửa thiền, chứng đắc Phật Pháp lưu truyền muôn thuở cho đời sau. Bài thơ này nằm trong tập thơ Thiền của Ngài. Không có tên.

bào thần kinh (receptors). Ví dụ như hệ thống Serotonergic, Glutamatergic, GABA-ergic, Peptidergic neurotransmission... phóng thích và tái hấp thu các chất Serotonin, Glutamate, GABA, Endorphin là những chất chính yếu làm cho thấy khí sắc tươi nhuận, vui vẻ, cảm giác an tịnh, êm dịu... Hệ thống Dopaminergic phóng thích Dopamine làm tăng kích thích tư duy, ảo giác khiến cảm xúc hưng phấn, hoặc cáu gắt giận dữ, hành vi bất thường. Hoặc sự căng thẳng, lo lắng, đau khổ mất ăn mất ngủ, mất đi sự tự tin, niềm tin và trạng thái buồn bã, tuyệt vọng, sụp đổ tinh thần là do sự rối loạn phóng thích và hấp thu các chất hóa học thần kinh Serotonin, GABA và các hormone như CRH (Corticotropin releasing hormone), ACTH (Adrenocorticotropin hormone), FSH (Follicle Stimulating hormone), LH (Luteinizing hormone) từ trục HPA (Hypothalamus-Pituitary peptides-Adrenal axis).<sup>3</sup>

Ngoài ra còn rất nhiều hệ thống thụ thể thần kinh khác phóng thích ra các chất hóa học, các chất hormone, các men, điện tế bào thần kinh... làm ảnh hưởng đến suy nghĩ, tư duy, trí nhớ, nhân cách, hành vi... và toàn bộ các chức năng hoạt động của tất cả các cơ quan khác trong cơ thể con người. Sự hoạt động tương hòa, tương hiệp của các hệ thống thụ thể thần kinh này rất chặt chẽ, tinh vi và trật tự. Do các chất hóa học thần kinh trung gian, các hormone hoạt động một cách tự động theo nguyên tắc điều hòa một cách hết sức trật tự, nên con người bình thường không dễ dàng gì tự có thể thay đổi cảm xúc, khí sắc, tư duy, tác phong và hành vi một cách đột ngột và chính xác. Đôi khi, mọi người nghĩ rằng, giả điên, giả khùng là dễ dàng hoặc có thể

---

3. Trục HPA gồm Hypothalamus (Vùng dưới Đồi) – Pituitary (Tuyến yên) – Adrenal (Tuyến thượng thận). Theo dược động học thần kinh, Khi có hội chứng lo âu, trầm cảm (rối loạn khí sắc) thì thấy có sự gia tăng phóng thích các chất hóa học thần kinh và các hormone từ trục này-The American Psychiatric Publishing-Text book of PsychoPharmacology-Alan F.Schatzberg, M.D & Charles B. Nemeroff, M.D, PhD-Chapter 1 & Chapter 7.

tự làm cho mình có vẻ sáng sủa, thần khí minh linh. Thật sự, khó có thể thực hiện bởi chính vì các ý thức xung động từ võ não chưa đủ lớn để kích thích các hệ thống thụ thể này thay đổi hoạt động nhanh chóng đến như thế. Tuy vậy, có hai cách khiến cho cảm giác, cảm xúc, tư duy, hành vi của con người thay đổi. Một là rất nhanh nhưng không bền vững và nguy hiểm đến sức khỏe – Một thì chậm rãi, vững chắc và ích lợi đến sức khỏe cơ thể. Công bằng mà nói thì cả hai cách này đều đem lại cho con người cảm giác hạnh phúc, an lạc hoặc khoái lạc:

Cách 1: Làm tăng hoạt về số lượng phóng thích một cách ồ ạt, từng lúc các chất hóa học thần kinh trung gian như Dopamine, Serotonine, GABA, Glutamate, Noradrenaline, cholin, các hormone thuộc peptidergic như Endorphine, Enkephaline... theo chiều hướng xấu (rối loạn trật tự) khi con người sử dụng hoặc bị lệ thuộc các chất gây nghiện, chất ma túy, rượu... làm thay đổi nhanh đến mức rối loạn nhận thức (không biết mình là ai, ở đâu, thời gian,) biểu hiện tràn đầy sức sống, vui vẻ, hưng phấn, cười nói huyên thuyên, ảo giác (thường là ảo thị và ảo thanh,) chìm đắm trong những ảo tưởng khoái lạc... Thời gian xảy ra chừng vài giờ (2-6 giờ).

+ Các chất ma túy điển hình như thuốc lắc, hàng đá, Cocaine làm kích thích hưng thần có ảo giác (Psycho stimulated substances,) hoặc nhóm gây ảo giác (Illusion substances) như bồ đề, cần sa (họ Cannabis,) chất thơm họ Benzyl, nấm độc, nhựa xương rồng Mexico, chất tổng hợp LSD... hoặc các chất họ thuốc phiện (Opioids.)

+ Có sự thay đổi tăng hoạt và điều hòa một cách chậm rãi theo chiều hướng trật tự của các chất hóa học thần kinh trung gian, các hormone nội sinh, các men tế bào, sự trao đổi i-on ở màng tế bào khắp cả các nơi trong cơ thể từ hệ thần kinh trung ương cho đến toàn bộ các cơ quan, ngay cả đến tuyến nang của tế bào da, lông... (các bạn hãy đối chứng điều này qua câu: “Hào mao khổng khiêu ban sơ thông đồng” trong khẩu khuyết sơ thiên) để tạo nên một hiệu

ứng sinh học tích cực giúp các cơ quan trong cơ thể hoạt động điều hòa với một khả năng tốt nhất. Khi đó, sẽ có được một thân thể an khang, khí sắc tươi nhuận, thần khí điều hòa, cốt cách quang minh, chính đại... Vì thế, con người cảm thấy an lạc, hạnh phúc. Để tạo nên hiện tượng này, đạo học và khoa học đã chỉ dạy con người thực hành thiền định, yoga, kungfu, thể dục, thể thao, tu dưỡng tinh thần trong sạch, thanh tịnh không ưu phiền, lo toan...

Trong hai cách tạo nên các chất hóa học thần kinh, các hormone của cơ thể để có trạng thái hạnh phúc, vui vẻ, cách thứ nhất bị công ước quốc tế cấm đoán và tất cả những ai có một chút lương tri cũng đều sẽ không đồng tình. Vậy tại sao cái Công ước Quốc tế này dựa vào đâu mà cản ngăn cái quyền tự do của con người như thế? Câu trả lời chắc chắn rằng phải dựa vào thành phần thứ hai của phức hợp cảm xúc-tư duy, đó chính là lương tri. Lương tri của nhân loại không cho phép con người bị lệ thuộc một cách mù quáng, tuyệt đối vào bất kỳ một chất tự nhiên hay tổng hợp nào. Chính vì thế những cảm giác sung sướng, hạnh phúc từ các chất ma túy, gây nghiện đều là giả tạo, bị lên án, bởi nó không phát xuất từ thực thể tinh thần (lương tri). Khổ nỗi, giá trị lương tri lại bị phân cấp và có sự khác biệt do tính chủng tộc, ý thức hệ dân tộc, đảng phái, giai cấp, quốc gia, truyền thống văn hóa, tôn giáo... cho nên tính bình đẳng, tự do, hạnh phúc của nhân loại lắm phen bị xét lại. Thế giới nhân loại lắm phen hứng chịu các cuộc xung đột cục bộ hay lan tỏa nổ ra, dù rằng phe nhóm nào cũng đưa sự bình đẳng và tôn trọng nhân quyền làm cương lĩnh, hiến chương cho tổ chức của mình. Vậy xã hội hạnh phúc, an lạc có phải chẳng là vô thường?

### 3. NHỮNG CÂY CẦU LƯƠNG TRI VÀ PHÉP TU THÂN NỐI KẾT HẠNH PHÚC, AN LẠC – ĐẠO XUẤT THỂ

– Có ba cây cầu của nhà Phật bắc cầu nối kết bề khổ và hạnh phúc, an lạc thật (cõi Niết bàn) tên gọi là:

- Cây cầu Thanh Văn: Nghe pháp để chứng ngộ.
- Cây cầu Duyên giác: Suy tư để giác ngộ.
- Cây cầu Đại thừa: Tu hành theo pháp Minh tâm – Kiến tánh; người tu theo và chứng pháp Đại thừa là một Thiên ân sứ mạng, tự độ – độ tha, chứng đắc cõi Niết bàn tại thế. Mục tiêu và chìa khóa cũng chỉ là một: Tâm Không. Chiếc cầu này, không chỉ mang lại hạnh phúc an lạc cho riêng mình mà còn khiến cho thiên hạ thay đổi nhận thức về hạnh phúc, an lạc.

Ba cây cầu này giúp con người cảm nhận hạnh phúc, an lạc là gì, ở đâu, khi biết thân xác này là nghiệp, là tạm bợ. Hạnh phúc trường cửu không phải ở tại thân này! Nào là thất tình, nào là lục dục, nào là thập nhị nhân duyên... tất cả kết trong sợi xích oan nghiệp khiến cho con người còn khổ lụy, phiền não. Đức Phật đã trao “pháp môn” cho nhân loại để nắm bắt hạnh phúc an lạc trường cửu. Thật sự từ bao ngàn năm nay, đã có những ai bước đi thành công trên một hoặc cả ba cây cầu kia? Hằng hà sa số Phật... bấy nhiêu vẫn là chưa đủ. Thời gian dù có trôi mãi, Đức Phật vẫn còn mãi đợi chờ!

– Có một cuốn kinh chứa đựng Đạo kinh và Đức kinh đã hơn hai ngàn năm trăm năm từ một Thánh nhân, tên gọi là Lão Tử dạy người sống theo Đạo Trời thì hưởng được sự thanh nhàn, an lạc. Đó là hạnh phúc thật sự của kiếp người.

*Trì nhi doanh chi, bất như kỳ dĩ.*

*Sửu nhi nhuệ chi, bất khả trường bảo.*

*Kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thủ.*

*Phú quý nhi kiêu, tự di kỳ cữu.*

*Công thành, danh toại, thân thoái, Thiên chi đạo.*<sup>4</sup>

(Giữ cho tràn đầy, chi bằng buông bỏ.

Mài gọt cho sắc, chẳng lâu cũng mòn.

Châu báu đầy nhà, khó mà giữ mãi.

Giàu mà kiêu căng, tự dời họa tới.

Công thành danh toại, thì phải thoái thân, đó là đạo Trời.)

4. Đạo Đức Kinh, Đệ Cửu chương.

Đức Lão Tử dạy con người sống phải bình thường. Danh vọng rực rỡ, của cải, trí huệ sắc sảo, sự nghiệp to lớn không phải là thứ tồn tại mãi để con người theo đó mà có được hạnh phúc, an lạc. Buông bỏ thôi! Đó là đạo Trời. Hễ sống theo đạo Trời, sống trung dung, giản dị thì mới có được an lạc, hạnh phúc thực sự. Một nét đặc biệt trong lời dạy của Đức Lão Tử là không tạo cho con người một nhu cầu điểm đích quá cao vợi như đạt đến cõi Niết bàn của giáo lý nhà Phật, mà chỉ dạy người tu thân nên bình thường cho đến khi đạt đến mức độ trống rỗng! Có phải chăng đó là phương pháp diệt đi cái tôi bản ngã một cách giản dị nhất?

[...] *Đồng ư Đạo giả, Đạo diệc lạc đắc chi.*

*Đồng ư Đức giả, đức diệc lạc đắc chi.*

*Đồng ư thất giả, thất diệc lạc đắc chi.*

*Tín bất túc yên, hữu bất tín yên.<sup>5</sup>*

(Hòa cùng Đạo, thấy cái vui trong Đạo

Hòa cùng Đức, thấy cái vui trong Đức

Hòa trong cái mất, thì cũng thấy vui trong cái mất.

Lòng tin không đủ, nên không đủ tin.)

Hạnh phúc, an lạc theo Đức Lão Tử là bàng bạc, đầy đầy trong trời đất, con người và vạn vật. Do vậy noi theo Đạo, hòa nhập với Đạo thì ắt an vui. Tuy vậy, dẫu có mất đi mà ta hòa được tâm thanh tịnh vào trong cái mất mát ấy thì cũng sẽ tìm thấy niềm vui, bởi vui trong cái mất này chính là Đạo. Đây là một quan niệm dung hòa trên mọi quan niệm về vô-hữu để tìm thấy sự giác ngộ, tìm thấy được hạnh phúc, an lạc cho bản thân. Đây cũng là nét triết lý độc đáo của Đức Lão Tử về Đạo vô vi. Đôi khi ta phải mất thì mới đạt được Đạo! Nếu tạo dựng nên được Tâm Thiên đạo – Tâm Thanh tịnh – Tâm Không – Tâm Chơn Như là xây dựng được mảnh đất màu mỡ của cây hạnh phúc bản thân mình và thiên hạ sẽ ghé vào trồng cây trên mảnh đất ấy.

– Có một cơ duyên cuối thời Hạ nguơn: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ – đạo Cao Đài ra đời.

5. Đạo Đức Kinh, Đệ Nhị Thập Tam chương.

Đức Giáo chủ khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Đấng Thượng Đế mà Ngài thường xưng danh với môn sanh của mình là Thầy. Từ ngày mới khai Đạo tại xứ Nam Việt, Thầy đã dạy rằng: “*Thầy đến lập Tam Kỳ Phổ Độ chỉ vụ một chữ Hòa*”<sup>6</sup>, “*Sự yên tịnh và hòa bình là hai điều Thầy dụng để gieo mối Đạo.*”<sup>7</sup> Ngoài nghĩa đen đã minh bạch của lời dạy trên, có nhận ra chẳng những lời dạy của Thầy tràn ngập sự dịu dàng thương yêu, hiền hòa, giản dị! Mà Thầy lại là Đấng Cha Trời với quyền pháp vô biên! Ngẫm suy lại, có thể thấy ý nghĩa ẩn tàng đằng sau lời dạy trên là khí độ khiêm cung, hòa ái được phát tỏa ra. Phải chăng nền tảng của sự an lạc, hạnh phúc của thế giới loài người là từ tình yêu thương và tánh khiêm cung, giản dị?

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy: “*Chỉ có lòng đạo và tình thương mới thể hiện và thực hiện cõi thái hòa an lạc.*”<sup>8</sup>

Đức Vân Hương Thánh Mẫu dạy: “*(...) Hòa là cực điểm của tình thương, không hơn không kém, không lệch lạc, không người không ta, không màu da sắc tóc, không tôn phái, chỉ là một cứu cánh chung tối thượng để đem lại sinh tồn, hạnh phúc, an vui cho mọi người sống ở thế gian, không còn phân cách chủng tộc.*”<sup>9</sup>

Mục đích Thế đạo của đạo Cao Đài là đem lại tình thương yêu, không phân biệt sắc tướng để tạo dựng thế nhân hòa. Không phải chỉ nêu lên chủ thuyết, mà con đường tu thân sống đạo của người tu theo pháp môn đạo Cao Đài không phải thật sự là dễ dàng để có thể có được ắt chúng, để có thể thực hiện được sứ mạng, mục đích vị nhân sinh. Con đường tu ấy cũng chính là con đường nhận ra hạnh phúc, an vui

6. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 2, đàn ngày 12-01 Đinh Mão (1927).

7. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 2, đàn ngày 03-3 Đinh Mão (1927).

8. Đức Đông Phương Lão Tổ, Trúc Lâm Thiển Điện, 18-7 Kỷ Dậu.

9. Đức Vân Hương Thánh Mẫu, Thánh Giáo Sưu Tập 1968-1969, NXB Tôn Giáo, 2009, tr. 26.

nơi chính mình và vô ngã trao tặng cho kẻ khác. Vậy con đường tu thân, luyện kỹ ấy ít nhất phải tạo nên, phải sản sinh cho tự thân một phức hợp cảm xúc (khí sắc tươi nhuận) và tư duy (Lương tri) theo như quan niệm của Đạo học, triết học, văn minh nhân loại và khoa học hiện đại mà đã được trình bày ở phần trên. Ngoài ra còn phải nuôi dưỡng phần tâm linh trong cái thân của chính mình là chưa được đề cập đến!

Đức Thái Thượng Đạo Tổ (cũng là Đức Lão Tử) hơn hai ngàn năm trăm năm sau, thông qua huyền cơ diệu bút Thiên Nhân hiệp nhất, một bí pháp trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Ngài đã dạy về an lạc, hạnh phúc dành cho những bậc tu Đại thừa Thiên đạo:

*An vui mùi đạo Thánh nhân*

*Song tu tánh mạng diệt lần nghiệp duyên...<sup>10</sup>*

Chỉ là một câu dạy ngắn ngủi, nhưng đã chứa đựng một chủ trương, mục đích và phương pháp tu hành của người tín đồ Cao Đài và cũng hàm chứa ý nghĩa của hạnh phúc, an lạc dựa trên ý nghĩa của mô thức phức hợp cảm xúc và tư duy. “An vui mùi đạo Thánh nhân” nghĩa là sống và suy tư theo Thánh nhân thì ắt được an vui, hạnh phúc. Song tu tánh mạng là tu tánh, luyện mạng. Phương pháp này ắt phải có ý nghĩa làm cho người tu luyện có khí sắc vui vẻ, tươi nhuận, dịu dàng, khả ái. Cách tu làm cho con người đạt cả hai thành phần cảm xúc và tư duy trong mô thức của hạnh phúc, an lạc. Như vậy, dù là dựa trên quan niệm đạo học, triết học, khoa học hay quan điểm văn minh của nhân loại, cũng đều nhận thấy rằng pháp môn Cao Đài hay cách tu của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có ý nghĩa giúp con người tìm và có được hạnh phúc, an lạc thực sự trong cuộc sống này.

Có nhiều nấc thang, mức độ tu thân, luyện kỹ cho môn sanh đạo Cao Đài và từ đó có nhiều mức độ nhận thức hạnh phúc. Tuy vậy, cho dù ở mức độ nào, cơ bản nhất người tín đồ đạo Cao Đài phải biết mục tiêu, tôn chỉ của Đại Đạo;

phải thực hành sám hối, phải tỏ rõ sự hòa ái, yêu thương được thể hiện trong lời kinh Ngũ Nguyên ở mỗi buổi cúng tứ thời hằng ngày. Đó chính là trau dồi tâm thức sáng rực ánh linh quang tự có. Đó cũng chính là sự gọt dũa nên tấm lương tri trong lành, sáng sủa để hạnh phúc đậm chồi từ mảnh đất lương tri ấy.

### TÂM THỨC

– Có nhiều tiêu chuẩn cho Tâm, Hạnh, Đức, Tài của người tín đồ, người sứ mạng và người tu Đại thừa Thiên đạo. Dù ở cấp nào, cơ bản nhất vẫn là đều phải nội tu và ngoại tu. Nội tu sẽ tạo nên thần quang cho người tu. Ngoại tu sẽ tạo nên khí độ, đức độ, tài trí và tác phong cho người tu. Cả hai đều phải được dung hòa mới tạo nên sự an lạc, hạnh phúc cho chính mình và có thể mong ảnh hưởng đến người khác. Do giới hạn của bài viết nên xin được phép chỉ giới thiệu một vài khái niệm tu thân cơ bản liên quan đến ý nghĩa cõi bỏ cái tôi, hòa tâm thức vào siêu ngã và dẫn tiến lên nấc thang tâm linh, một tâm thức trống rỗng (Chơn như-vô ngã) song song với phương tu làm cho khí sắc vui vẻ tươi nhuận, thuần hậu, khả ái:

+ Hạnh khiêm cung, biết quý trọng kẻ khác: Đức Mẹ Diêu Trì Kim Mẫu dạy: “*Mẹ tiếc vì chưa thấy ai là hiện thân của Vô Vương, nghe lời lành liền cúi lạy. Vì vậy mà chưa gặp được minh quân. Chưa thấy ai kiên tâm đứng đệp ba lần, vì thế chưa gặp hàng lương tế. Chưa thấy ai phục thiện hạ sĩ bất văn bái Thần đồng, vì thế chưa gặp Thánh Nhơn xuất thế độ đời.*”<sup>11</sup>

“*Các con! Cơ Quan là một bộ máy, trong đó gồm cả trục xoay, bánh tròn, dây chuyền, các bánh phụ tùng, những con ốc nhỏ và nhiên liệu, hoạt liệu... Bộ máy muốn chạy điều hòa, không nứt thiết chỉ nhờ một phụ tùng, mà phải nhờ toàn thể bộ phận liên đới. Không một biển cả nào mà chẳng nhờ những sông nhỏ, rạch con, suối cạn. Không việc làm nào trọng đại mà chẳng nhờ những bộ phận cùng chi tiết nhỏ mọn.*”<sup>12</sup>

10. Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Đại Thừa Chơn Giáo, Nxb Tôn Giáo, 2011, tr. 24.

11. Đức Mẹ Diêu Trì Kim Mẫu, Thiên Lý Đàn, 01-4 Ất Tỵ.  
12. Ibid.

“Các con hãy xem, rất đỗi các Đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần còn phải xuống trần bất luận ngày đêm, để lập thêm công, bồi thêm đức, hướng hỗ chi các con chỉ được công đức là bao? Vì vậy mà các con chớ nên tự mãn, hãy cố gắng thêm lên. Hãy thắng mọi sở thích của thể xác và chơn thần mới hành được nghĩa vụ trọng đại ấy.”<sup>13</sup>

+ Hạnh Sám hối: Có câu nguyện hằng ngày “Tam nguyện xá tội đệ tử” để biết mình còn vướng nhân quả kiếp này, để trì thủ hành theo Thiên đạo, để nhắc nhở mình luyện kỹ tu thân. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy rằng: “Ở đời mạt kiếp này, ai là người thì không ai khỏi lỗi, nhích chân, há miệng đã gây nên tội lỗi rồi, cần gì hành động. Liếc một cái, xủ mặt một khi đã gieo vào lòng mình một hay nhiều hạt giống nhân quả, đã phóng vòng dây đến người, rồi sẽ báo trả với nhau... Chẳng những sau này các trò bị khiển trách vì tội lỗi không biết ăn năn, cho đến những kẻ chịu trách nhiệm dìu dắt các trò là Thần, Thánh, Tiên, Phật cũng xấu hổ vì bất tài, bất lực, bị Cha Trời quở trách. Bởi Người phó thác để độ đám con cái của Người, nào khác chi kẻ đi chăn chiên mà để chiên đói, chiên nhóp, chiên ghẻ và sài, chiên bị lạc mất đi, chiên bị cạp beo bắt thịt, thì sao khỏi bị chủ la rầy...”<sup>14</sup>

+ Hạnh bác ái, từ bi: Đức Phật Thích Ca Như Lai dạy tín đồ Cao Đài về hạnh tu của bậc Thiên ân sứ mạng: “Dục đắc Như Lai hạnh, Tu tri Đại Đạo chơn.”<sup>15</sup>

“(…) Dem giống từ bi gieo trên ngũ trước cho toàn cả chúng sanh khỏi cảnh nghiệp chướng luân hồi. Như thế mới gọi là tu cái hạnh của Ta. Bằng chẳng được, muôn ngàn kiếp thế gian này không cải tạo, thì mong gì đắc quả Như Lai.”<sup>16</sup>

+ Đức Hy sinh: “(…) muốn tạo được cái thế

nhơn hòa đoàn kết ấy, thì người lớn phải tỏ ra đức độ, phải chịu hy sinh; Hy sinh cái ý kiến tư hữu của mình cũng là điều quan trọng không kém sự hy sinh tính mệnh. Hy sinh vì sự sống còn của kẻ dưới, hy sinh vì mọi người, hy sinh vì chính nghĩa cao cả như sự bảo tồn xương minh chơn truyền đạo pháp chẳng hạn.”<sup>17</sup>

+ Tâm Chí thành (nhứt tâm):

Tạm xác thân đành ứng chịu nhọc,  
Giữ tinh thần sáng suốt tinh anh,  
Sống trong hư ảo giựt giành,  
Lòng con, con giữ chí thành lòng con.<sup>18</sup>  
Muôn việc nên chẳng cũng bồi lòng,  
Lòng càng chuyên nhứt, việc càng thông,  
Vị bằng diên đảo theo cơn trốt,  
Việc chẳng nên gì hóa uổng công.<sup>19</sup>

“Nếu tâm chí đã quyết, mỗi người hãy tự dẹp tan mọi chướng ngại riêng tư để có một niềm tin tha thiết trong tình thiêng liêng tổ chức, để mọi cõi lòng đều sáng suốt, ý chí hăng hái, hân hoan, nắm vững mấu chốt thời gian từ khắc một. Nhớ đừng bước sau vó ngựa để khỏi bị cát bụi phủ mờ, đừng nuôi dưỡng những gì vị ngã, vì nó sẽ bị hủy diệt bất cứ thời gian nào. Hãy bắt nó phục vụ cho đại ngã để thành thánh đức mai sau.”<sup>20</sup>

#### NẮC THANG TIẾN HÓA CUỐI CÙNG CỦA TÂM THỨC:

Tâm Không – Chơn như vô ngã. Khảng định như thế thì chắc là khó thuyết phục đại đa số người bình thường chưa bước đi trên con đường tu Đại thừa. Có thể chỉ những ai tu đạo vô vi mới có thể nhận ra Lão Tử ở ngày nay. Người viết cũng không dám xảo ngôn ngụy biện cho điều mà chưa có trải nghiệm, dù đôi lúc có vài khoảnh khắc ngăn ngui tưởng chừng như đã bắt lấy! Xét trên khía cạnh sinh lý học thần kinh, một khi tế bào não ngập tràn những xung động thì chắc chắn bộ não đó sẽ sớm suy

13. Ibid.

14. Đức Đông Phương Chương Quán, Vinh Nguyên Tự, 16–11 Ất Tỵ.

15. Đức Thích Ca Như Lai, Huồn Cung Đàn, 08–4 Ất Tỵ.

16. Ibid.

17. Đức Tổng Lý Hưng Đạo, Thiên Lý Đàn, 10–4, Ất Tỵ.

18. Đức Mẹ Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn, 15–4 Ất Tỵ.

19. Đức Lý Giáo Tông Vô Vi, 15–4 Đinh Tỵ.

20. Ibid.



nhược. Do vậy, nhờ cơ chế giấc ngủ đã giúp các tế bào thần kinh được nghỉ ngơi, hồi phục lại và đã giúp cho những người hay lo toan, suy tính, bôn ba lận lợi chốn lao xao còn sống được bình thường trong một giai đoạn nào đó. Ngược lại, nếu biết tu dưỡng tinh thần, cao cấp hơn là luyện tâm, luyện tinh-khí, luyện thần-khí theo chánh pháp thì chắc chắn rằng hệ tâm thức và các cơ quan cơ thể sẽ mạnh khỏe. Và khi đạt đến ngưỡng tâm vô vi, tâm không, thì lo gì không sử dụng được tiềm năng mạnh mẽ nhất bộ não của con người! Đức Lý giáo Tông Vô Vi dạy:

“Muốn tiến lên nấc thang Đại thừa Thiên đạo, càng phải trau dồi hoàn hảo hơn để chơn tâm như gương trong sáng thấu nhận tất cả hình ảnh tốt xấu, dữ lành mà không hình bóng nào lưu lại.”<sup>21</sup>

Toàn bộ sự tu dưỡng, rèn luyện Tâm, Hạnh, Đức, Tài được đưa vào nhóm tâm thức (lương tâm, lương tri, siêu ngã) của phức hợp cảm xúc và tư duy để tạo nên hạnh phúc và an lạc. Tuy nói như thế không phải cứng nhắc cho rằng tư duy và cảm xúc là sự tương quan một cách độc lập với hạnh phúc, mà song song với tương quan đó, chúng cùng tương hòa, tương hiệp với nhau để tạo nên một trạng thái hạnh phúc, an lạc một cách chánh đạo, cao thượng bao gồm cả cảm xúc và lương tri.

Như đã nói phần trên, việc tạo ra khí sắc tươi nhuận, vui vẻ, dịu dàng, thuần hậu, tiên phong đạo cốt, thần khí quang minh là từ thực hành Đạo pháp (bí pháp tâm truyền.) Những lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng về vấn đề này trong Thánh giáo phổ quát, xin được nêu ra đây một ít:

Đức Thái Thượng Đạo Tổ, cũng là Đức Lão Tử chỉ dạy cách thực hành để an vui hạnh phúc là:

*Y pháp hành trì cứu kiều thông,  
Đạo tâm thanh tịnh chiếu minh hồng,  
Hiệp hòa thần khí nương hơi thở,*

21. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, 15-4 Đinh Tỵ.

*Thường chuyển pháp luân hội cạp rồng.*<sup>22</sup>

Cùng ý nghĩa với lời dạy này, xin nhắc lại lời dạy của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn:

*Nhật khúc thiếu quang bóng ác tà,  
Đường về quê cũ độ bao xa,  
Say sưa lịch kiếp du hồn mộng,  
Tỉnh giấc đôi phen vượt ái hà,  
Bắt hổ non nam về thủy phủ,  
Dem rồng bể bắc lại sơn kha,  
Dụng thần đóng kín đường sanh tử,  
Tứ tổ quy về hiệp nhất gia.*<sup>23</sup>

“Nhất Âm – Nhất Dương chi vị Đạo. Hai chất đục trong trong một dòng nước. Tâm linh và nhân sinh là một thể, thể nên người tu hành phải tu sao cho hình thể không bị lao nhọc vô ích. Thân được an định anh minh, thân hình diệu dụng suốt thông thì có chi mà người không biết, không hiểu được. Đạo rất giản dị (...) Người hành giả phải luôn luôn sống Đạo, sống như cá trong nước. Nước cạn thì cá khô. Mất Đạo thì người vô dụng.”<sup>24</sup>

Cuối cùng, xin dành phần bàn luận, lý giải cho người đọc, cho những ai đang kiên trì dò dẫm trên hành trình tự nhận ra được chính mình. Đó là đang tận hưởng hạnh phúc và an lạc. Nhưng hạnh phúc an lạc không bất động, không đứng yên, nó luôn như chiếc bóng chính mình trải dài ra phía trước, nó như người anh em song sinh chưa bao giờ lộ mặt. Mình bước đi nó đã in hình phía trước. Luôn có một hành trình hạnh phúc cho những ai đang tìm lại.

*Hạnh phúc bởi đã mất,  
Hạnh phúc bởi vẫn còn,  
Một ánh thiêng nho nhỏ,  
Lóe sáng trên đầu non,  
Xin tạ ơn Thượng Đế,  
Hạnh phúc trên đường về,  
Trùng hoan cùng chơn ngã,  
Thôi từ tạ bến mê. ■*

22. Lý Lão Tử, Đại Thừa Chơn Giáo, Nxb Tôn Giáo, 2011, tr. 25.

23. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vinh Nguyên Tự, 29-4 Nhâm Tuất.

24. Ibid.

# Hành hương

## VỀ CÔI

### BAO DUNG



Minh họa: Bửu Long.

Là một nhà khoa học, ông còn được biết đến như một nhà văn và dịch giả uyên thâm, với những tác phẩm như *Suối nguồn trong trẻo đánh thức vẻ đẹp tâm linh: Mùi hương trầm, Lưới trời ai dệt, Mộng đời bất tuyệt...* Mỗi lần đọc tác phẩm của ông, trò chuyện với ông, là một lần như được lên đường trong chuyến hành hương từ vật lý đến triết học rồi dừng chân ở tư tưởng Phật giáo, để hiểu hơn cuộc đời.

Năm 2014 là năm bản lề của nửa sau thập kỷ 2010, một thập kỷ đã và đang đặt ra trước con người, cả phương Đông và phương Tây, những thách thức lớn như thế nào về môi trường, về văn hoá và những giá trị sống?

Đến nay, thập kỷ 2010 chứng kiến thay đổi nhanh chóng trong kinh tế và công nghệ thông tin. Những quốc gia, những tập đoàn kinh tế không phù hợp với các thay đổi của thời đại đều lần lượt phải tuyên bố phá sản, hay phải nhờ các quốc gia khác giải cứu. Điều đó chứng tỏ những gì không thích nghi sẽ bị đào thải, bất luận là quốc gia, cơ chế hay một tập đoàn kinh tế. Đó là điều mà hơn chục năm trước, ta ít khi chứng kiến.

Chủ nghĩa thực dụng đang lan tràn khắp nơi, không phải chỉ tại Việt Nam. Các chính quyền của mọi quốc gia chỉ quan tâm đến kinh tế và công ăn việc làm cho dân chúng là đã hết khả năng và phương tiện. Tình hình của chúng ta lại càng bức xúc hơn vì sự phân hoá giàu nghèo quá rõ rệt, nó làm người ta còn chạy theo đồng tiền nhiều hơn và bỏ quên tất cả những giá trị khác.

*Chúng ta đang ở đâu trong thế giới này?*

Việt Nam tuy đông dân vào thứ 13 thế giới, trước Đức và sau Philippines, nhưng tiếc thay không đứng vào vị trí xứng đáng. Tôi chỉ mong nước mình có được một thể chế thể nào đó để người dân được dân chủ trong chính trị, tự do trong kinh tế và nhân văn trong văn hoá. “Vẻ đẹp tâm linh” hiện nay là một điều xa vời trên phạm vi toàn xã hội, nó chỉ còn đọng lại rải rác trong các nhóm nhỏ hay trong gia đình.

*Những thành phố cũ như Hà Nội, Sài Gòn sẽ*

sống sót như thế nào trước xu hướng phát triển kinh tế bằng mọi giá? Kiến trúc xanh theo ông có là một giải pháp của tương lai?

Tất cả tùy thuộc vào sự hoạch định của các nhà lãnh đạo và phát triển đô thị. Nếu các vị đó hoạch định đúng bài bản, không bị quyền lợi riêng tư ảnh hưởng, không bị tư duy nhiệm kỳ chi phối thì ai cũng có quyền hy vọng sẽ có đất nước và các đô thị xinh đẹp. Dĩ nhiên còn vấn đề ngân sách, nhưng không nhất thiết phải giàu mới đẹp. Kiến trúc xanh hiển nhiên là đáng hướng đến, nhưng làm sao thực hiện được nếu như người ta chỉ tập trung “khai thác” đô thị, biến từng mét vuông đất thành tiền bạc nhằm kinh doanh sao cho thành tiền. Chỉ nội một đô thị ít ô nhiễm và ngập nước là đã khó thực hiện rồi, không dám mơ xa.

*Người ta thường nói Sài Gòn là thành phố của những cơ hội, cởi mở và năng động... Vào Sài Gòn dưới tuổi hai mươi, ông nghĩ gì về phẩm cách của Sài Gòn nói chung và người Sài Gòn nói riêng...? Phải chăng phẩm cách lớn nhất là sự bao dung?*

Sài Gòn là một thành phố vô cùng duyên dáng. Ai đi dạo trong Sài Gòn nửa khuya khi vắng xe thì thấy người ta mê Sài Gòn cũng phải. Người Paris mê Paris thế nào thì nhiều người mê Sài Gòn thế đó. Tôi thuộc loại người mê cái duyên của Sài Gòn. Ngày nay tiếc thay Sài Gòn đã quá tải và ô nhiễm, nhiều người phàn nàn. Bao dung ư?

Theo tôi bao dung là tôn trọng sự khác biệt. Bao dung là để cho những ai yếu thế cũng có tiếng nói của mình, là “tự do của thiểu số”. Đúng là xã hội chúng ta cần tính cách bao dung, trong tinh thần mình sống và để cho người khác cùng sống, nói dân dã là “mình có cơm thì người khác có chút cháo”.

*Một dân tộc bao dung, phải có bản lĩnh và nội lực như thế nào? Bản lĩnh ấy được hình thành ra sao sau bao nhiêu thăng trầm của thời cuộc?*

Bản lĩnh giữ nước của ta thì cả thế giới đều biết. Bản lĩnh xây dựng của ta thì thua kém mọi người, đó là một sự thực không ai phủ nhận. Nguyên nhân là chúng ta quá trung thành với những điều đã được chứng minh là lỗi thời. Nội lực chúng ta có lẽ chưa mất, nhưng đã bị chôn vùi trong sự thụ động của tất cả các tầng lớp dân chúng. “Bản lĩnh” của các nhà lãnh đạo là chủ động xới lên lại nguồn lực của cả dân tộc. Nhưng “xới lên” đồng nghĩa với sự xếp đặt lại của cả nước, điều đó không dễ. Nếu được thì công ơn của họ đối với dân tộc sẽ không ai quên.

*Voltaire từng nói: “Bất đồng là căn bệnh nặng nhất của nhân loại, khoan dung là phương thuốc duy nhất”. Phải chăng bao dung có thể thay thế bạo lực? Bằng cách nào?*

Bản thân mỗi người cũng phạm nhiều sai lầm, chính ta phải tha thứ cho chính mình. Thì trong xã hội, bao dung và

biết bỏ qua lại càng là một phẩm chất hầu như bắt buộc nếu muốn có một xã hội hoà bình. Văn hoá là gốc để chúng ta có thể thực hành bao dung, văn hoá cũng là nỗ lực chung của toàn xã hội, từ lãnh đạo cho đến các cơ sở giáo dục. Ngày nay tiếc thay bạo lực tràn lan, có người không bao dung với ai cả, kể cả với người thân.

*Trong ký ức của ông về xứ Huế, điều gì ông nhớ nhất về “hương vị quê nhà” qua hình ảnh những gánh hàng rong?*

Những hình ảnh và âm thanh càng xa xưa, càng nằm sâu trong thời thơ ấu, càng làm tôi dễ xúc động. Đi xa mới biết yêu quê, ra nước ngoài mới biết yêu đất nước. Cho nên ta phải “đi” mới biết thế nào là “về”.

Tôi sợ rằng gánh hàng rong sẽ mất đi theo dòng phát triển của xã hội. Như xe xích lô, như chợ họp buổi sáng... Nhưng có lẽ đó là điều mà ta phải chấp nhận. Có những điều dù đẹp đến mấy cũng có lúc phải mất đi. Ở Âu Mỹ cũng có vô số ngành nghề truyền thống đã phải biến mất.

*Với ông, dòng sông quê mang những kỷ niệm nào đáng nhớ nhất? Mùi hương nào của tuổi thơ mà ông nhớ nhất?*

Tôi nhớ sông Hương biết bao khi thấy sông Danube tại thủ đô Budapest của Hungary. Hai dòng sông giống nhau ở chỗ sáng lên khi hoàng hôn xuống. Mùi rạ chín lúc trẻ con nhà quê thả diều là mùi hương không thể nào quên.

*Điều gì làm ông đau xót nhất mỗi lần trở lại với những bến sông quê?*

Ý thức môi trường của ta quá yếu. Tôi vừa trắm trồ kênh Nhiêu Lộc nay đã xanh và đẹp hơn, có cỏ xanh, có băng ghế thư giãn, có người câu cá; nhưng lại tiếc khi thấy bao nilông trôi lênh bênh trên nước. Nếu mỗi người chỉ chịu khó chút thôi, biết giữ gìn chút thôi thì không đến nỗi thế.

*Ông đã có một bài viết rất xúc động về tiếng ve sầu, phải chăng sự tịch mịch của miền quê Bao Vinh – Huế và nền nếp giáo dục của gia đình đã hình thành nên con người Phật giáo trong ông?*

Đó là một thứ âm thanh vang vọng từ quê hương, từ thời thơ ấu, từ một tâm thức rỗng lặng của trẻ con. Ai cũng có những kỷ niệm như thế. Tiếng gà trưa của Trịnh Công Sơn cũng vậy.

*Sự hòa hợp và khác biệt giữa tôn giáo và khoa học đã giúp ông có được một cảm quan thế nào để lý giải về cuộc đời, về nhân tình thế thái?*

Đối với tôi, khoa học là một đại lộ để đi vào tôn giáo, không có chút mâu thuẫn nào cả. Phật giáo và khoa học có nhiều cái chung. Cả hai đều áp dụng phương pháp khoa học thực nghiệm. Hiểu cái này là tiền đề đi vào cái kia. Tôi cảm ơn cuộc đời đã cho tôi tiếp cận với hai cái tưởng chừng như đối nghịch đó. Nhờ sự hài hoà đó mà tôi thấy cảm thông trong mọi quan hệ, kể cả cái mà ta gọi là “nhân tình thế thái”.

*Trong những cuộc hành hương về đất Phật, ông đã chiêm nghiệm ra điều gì thú vị nhất?*

Các cuộc du hành đều thú vị. Các chốn hành hương đều có một năng lượng riêng, không nhất thiết là tại các thánh tích Phật giáo. Hè vừa qua chúng tôi đi Lourdes tại Pháp, một chốn hành hương rất nổi tiếng của Thiên Chúa giáo và tôi cảm nhận tâm mình rất an tịnh và cảm khái.

*Viết và dịch sách có phải là một cách dẫn thân của riêng ông? Tinh thần ấy có ngược với Phật giáo, để có được tịnh hạnh, tịnh tâm?*

Sống trong xã hội, mỗi người đều có trách nhiệm. Đạo Phật không những chỉ có triết lý nhận thức mà còn triết lý hành động. “Hành động” tức là tùy điều kiện mà làm điều gì đó có lợi cho mọi người. Có lúc càng làm nhiều lại càng “tịnh hạnh tịnh tâm”, chúng không mâu thuẫn.

*Người trí lọc bỏ dơ bẩn của bản thân, của đời sống như thế nào, để có thể tự chế bản thân, nhận chân cuộc sống?*

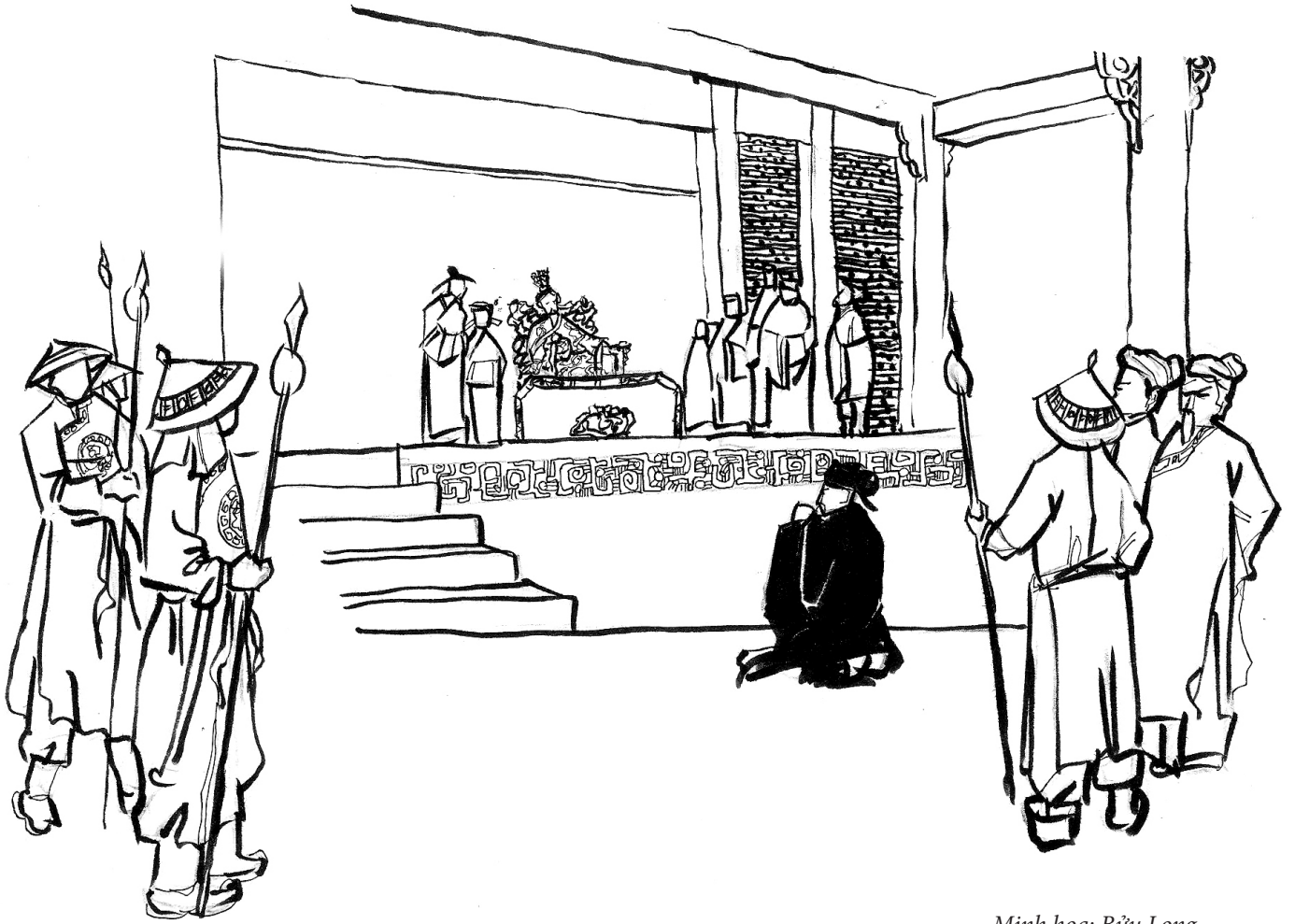
Nếu biết quan sát, biết ghi nhận mọi điều đang xảy ra trong tâm và ngoài tâm thì những điều gọi là “dơ bẩn” sẽ tự tan biến. Cũng như kẻ trộm khi ta biết đến nó thì nó lảng đi. Nên tập một cái tâm quan sát khách quan, không phê phán không dính mắc những điều đang biến hiện trong tâm, đó là cánh cửa mở ra để đến với

những cái mà ta gọi là “minh triết”. Nếu ta nắm được cái tức khắc đang diễn ra thì đó cũng là bước đầu của cái mà ta gọi là “thiền định”. Sau đó thì những bước kế tiếp sẽ tự diễn ra, không cần dụng công. ■



*Nguyễn Tường Bách sinh năm 1948 tại Thừa Thiên – Huế. Ông du học Đức năm 1967, tốt nghiệp kỹ sư xây dựng năm 1975, tốt nghiệp tiến sĩ kỹ thuật năm 1980. Ông là tác giả và dịch giả của nhiều cuốn sách nổi tiếng đã xuất bản và tái bản nhiều lần tại Việt Nam. Ảnh: do nhân vật cung cấp.*

*Theo tôi bao dung là tôn trọng sự khác biệt. Bao dung là để cho những ai yếu thế cũng có tiếng nói của mình, là “tự do của thiểu số”. Đúng là xã hội chúng ta cần tính cách bao dung, trong tinh thần mình sống và để cho người khác cùng sống...*



Minh họa: Bửu Long.

# PHÉP CHỌN NHÂN TÀI CỦA NHÀ HẬU LÊ

■ THIÊN CHÍ SƯU TÂM • THEO KIENTHUC.NET.VN

**T**ính từ năm 1442 đời vua Lê Thánh Tông đến đời vua Lê Cung Hoàng (1526), nhà Lê tổ chức được 26 kỳ thi đại khoa, lấy đỗ 989 vị tiến sĩ trong đó có 63 người dự bậc Tam khôi. Lê Quý Đôn cho như thế là thịnh đạt lắm.

Năm 1426, sau khi đánh thắng giặc Minh, mới đến Đông Đô đóng quân ở dinh Bồ Đề, vua Lê Thái Tổ đã mở khoa thi lấy đỗ 36 người.

Năm Thuận Thiên thứ 2 (1429), ra chỉ dụ lập nhà

học ở các phủ, huyện, lộ chọn con em những nhà lương thiện sung làm Lộ hiệu sinh cử những nhà Nho xứng đáng để dạy dỗ. Đặt trường Quốc Tử Giám ở kinh đô cho con cháu các đại thần, quan viên và thường dân có năng lực được vào học tập.

Lại hạ chiếu cho quân dân các bộ và những người đang ẩn dật, các quan tù tú phẩm trở xuống ai tinh thông kinh sử thì đến Đô sảnh đường để thi khoa Minh kinh. Năm thứ 4 (1431), thi khoa

Hoành từ để chọn người văn hay, học rộng. Nhà Lê mới phục quốc, lòng người chưa muốn ra làm quan cho nên cách thi lúc đầu còn đơn giản, các khoa Minh kinh, Hoành từ chỉ tùy tài chọn dùng không bó buộc. Phép thi như của nhà Trần.

Năm Thiệu Bình thứ nhất (1434), Thái Tông xuống chiếu: “Muốn có nhân tài trước hết phải chọn người có học. Phép chọn người thì lấy thi cử làm đầu. Nước nhà từ khi trải qua binh lửa, anh tài như lá mùa thu, tuần kiệt như sao buổi sáng.

Thái tổ mới dựng nước đã lập hệ thống trường học, nhưng lúc mới mở mang chưa đặt khoa thi. Ta noi theo chí tiên đế, muốn cầu được người hiền tài để thỏa lòng mong đợi. Nay định lệ khoa thi, hẹn tới năm Thiệu Bình thứ 5 (1438) thi Hương ở các đạo, đến năm thứ 6 (1439) thi Hội ở Đô sảnh đường.”

Từ đó về sau cứ 3 năm 1 khoa thi, đặt làm thường lệ. Cử thi đỗ đều cho là tiến sĩ xuất thân theo thứ bậc. Phép thi thì trường nhất thi một bài Kinh nghĩa và Nghĩa Tú thư, mỗi sách một bài hạn trên 300 chữ. Trường nhì thi chế, chiếu, biểu. Trường ba thi thơ phú, trường tư thi văn sách một bài, hạn 1.000 chữ trở lên.

Năm Đại Bảo thứ 3 (1442), thi Hội, thi Đình, lấy tam khôi cập đệ lại sai soạn văn dựng bia tiến sĩ. Đây là khoa thi được chuẩn bị kỹ lưỡng có quy chế chặt chẽ, có hội đồng khảo hạch được chuẩn hóa theo chức danh gồm các quan hiệu: Quan Đề đầu, Hội đồng giám khảo (chánh, phó chủ khảo và giám thị), quan Tuần xức, quan Thủ quyển...

Năm Thái Hòa thứ 6 (1448), thi Hội, thi Đình, vua Lê Nhân Tông cho chia người đỗ ra làm chánh bảng, phụ bảng. Năm Quang Thuận thứ 3 (1462), vua Lê Thánh Tông định lệ, người nào có đức hạnh mới được ghi vào sổ ứng thí. Những người bất hiếu, bất mục, loạn luân, điều toa, những người con nhà làm nghề hát xướng, ngụy quan, có tiếng xấu thì bản thân và con cháu dù có học vấn văn chương cũng không được đi thi...

Năm thứ 4 (1463), thi Hội có 4.400 người ứng thí mà chỉ lấy đỗ 40 người. Từ đây các năm 1466, 1472, 1475, 1478, 1481, 1484 đều tổ chức thi Hội. Đối chức danh trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa làm tiến sĩ cập đệ, chánh bảng làm tiến sĩ xuất thân, phụ bảng là đồng tiến sĩ xuất thân. Lập bia tiến sĩ từ năm 1442 đến năm 1484 là 25 tấm.

Định nhật kỳ thi Hương và số lượng hương cống được lấy ở các trường nhiều hay ít tùy theo dân số từng địa phương. Sai quan Hàn lâm viện đi làm khảo quan trường thi Hương cả nước. Ban mũ áo tiến sĩ theo thứ bậc cao thấp mà định màu sắc, kiểu cách, hoa văn khác nhau.

Năm 1527, Mạc Đăng Dung cướp ngôi Lê Cung Hoàng. Việc thi cử triều Lê tạm thời bị dừng lại.

ĐINH VĂN NIÊM. ■

NGUỒN: [HTTP://KIENTHUC.NET.VN/KIM-CHI-DA-LUA/PEHP-CHON-NHAN-TAI-CUA-NHA-HAU-LE-30901.HTML](http://KIENTHUC.NET.VN/KIM-CHI-DA-LUA/PEHP-CHON-NHAN-TAI-CUA-NHA-HAU-LE-30901.HTML)



TƯỢNG THỜ VUA LÊ THÁNH TÔNG TẠI QUỐC TỬ GIÁM, HÀ NỘI.

# Phát huy năng lực GIAO TIẾP QUỐC TẾ CỦA CƠ QUAN

■ THIÊN QUANG

Đối diện với một thế giới đầy biến động, người nhân viên Cơ Quan đang tiến đến gần hai cột mốc thời gian quan trọng: năm 2025 là cột mốc kỷ niệm 60 năm thành lập Cơ Quan, và tiếp theo, năm 2026 là cột mốc kỷ niệm 100 năm Khai Minh Đại Đạo. Đây chẵn chẵn là hai cột mốc đúc kết những thành quả của Cơ Quan và toàn đạo Cao Đài sau chặng đường sứ mạng đầu tiên kể từ khi được Đức Chí Tôn khai mở; mà đây cũng có thể là bước ngoặt lịch sử cho giai đoạn ra khơi uy hùng của con thuyền đạo. Trong tầm nhìn đó, Cao Đài với tư cách một nền đạo phổ độ toàn nhân loại và Cơ Quan với tư cách một bộ máy phổ thông giáo lý khắp thế giới không thể thiếu sự chuẩn bị cho các giao tiếp quốc tế; khái niệm “giao tiếp quốc tế” ở đây bao gồm mọi hình thức trao đổi tư tưởng với các cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài trên toàn cầu. Trong những năm gần đây, số lượng giao tiếp quốc tế đang tăng dần; điều đó gợi ý cho một dự đoán: Cơ Quan và toàn đạo Cao Đài dù muốn hay không cũng sẽ đối mặt càng thường xuyên hơn với các giao tiếp quốc tế khi tiến đến càng gần những cột mốc thời gian vừa nêu. Bài viết này thảo luận về việc phát huy những gì sẵn có của Cơ Quan, từ đây đến 2025, để chuẩn bị cho những giao tiếp quốc tế ở những mức độ khác nhau.

## CƠ QUAN LÀ MỘT TỔ CHỨC QUỐC TẾ KHÔNG ĐÓNG KHUNG TRONG PHẠM VI CAO ĐÀI

Đôi khi chúng ta thấy trong Cơ Quan xuất

hiện những trường hợp cá biệt có thể được mô tả bằng cụm từ “đầu óc địa phương, cục bộ”, trái ngược hẳn với tinh thần đại đồng “vượt khỏi ngưỡng cửa Cao Đài” mà Đức Lý Giáo Tông đã từng nhấn mạnh vào năm Kỷ Tỵ 1989. Cơ Quan, tuy vậy, ngay từ ban đầu đã được Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng thiết kế như một tổ chức quốc tế không đóng khung trong phạm vi Cao Đài. Đặc điểm này đã được thể chế hóa trong bản Quy Điều của Cơ Quan.

“Cơ Quan là của toàn Đạo do Ôn Trên chỉ định lập ra để tổ chức các phương cách, phương pháp và phương châm với mục đích phổ thông và phổ biến trong nhơn sanh một giáo lý Cao Đài thuần nhất.” (Điều 3, Chương III, “Mục đích [của Cơ Quan]”)<sup>1</sup>

“Để thực hiện mục đích ghi ở chương III điều 3 trên đây, Cơ Quan sẽ áp dụng những hoạt động liên quan hành đạo, nghiên cứu, bảo trợ, thuyết pháp, ấn tống kinh điển sách vở Đạo, báo chí, xuất bản tờ thông tin, truyền thanh, đào tạo hướng đạo, mở chi nhánh Văn Phòng những nơi nào chưa có thánh thất, thánh tịnh và ngoại quốc, v.v. hay những hoạt động nào khác được Ban Thường Vụ chấp thuận.” (Điều 4, Chương IV, “Hoạt động [của Cơ Quan]”)<sup>2</sup>

“Các hoạt động ghi trong điều 4 trên đây không nhứt thiết ở trong phạm vi Cao Đài

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Thánh Dụ Quy Điều, tr.11.

2. Ibid.

hay trong nước mà thôi.” (Điều 5, Chương IV)<sup>3</sup>

Tính chất quốc tế và không đóng khung trong phạm vi Cao Đài của Cơ Quan còn được bản Quy Điều thể chế hóa thành trách nhiệm của các Vụ và các Ban. Ví dụ:

– “Ban Văn Hóa<sup>4</sup> có trách nhiệm xây dựng, tiến hóa, bảo vệ, hoằng dương giáo lý Cao Đài trong nước nhà và ra năm châu bốn biển.” (Điều 13-a, Chương VI)<sup>5</sup>

– “Ban Thông Tin Báo Chí gồm có phần truyền tin, truyền thanh, truyền hình, phim ảnh, v.v. (...) Có trách nhiệm thu thập và phổ biến trong nước cũng như ngoài nước, trong Đạo cũng như ngoài Đạo, những tài liệu có liên quan đến vấn đề này.” (Điều 13-b, Chương VI)<sup>6</sup>

– “Ngoại Giao Vụ tập trung các hoạt động của Cơ Quan có liên quan với nước ngoài hoặc với những tổ chức quốc tế, vạch đường lối liên hệ với nước ngoài và đoàn thể ngoại quốc.” (Điều 14, Chương VI)<sup>7</sup>

– “Ban Thường Vụ sẽ kiểm soát các việc trong Cơ Quan, tại trong nước hay ngoài nước.” (Điều 20, Chương VII)<sup>8</sup>

Để phát triển nguồn nhân lực có khả năng đáp ứng cho các hoạt động của các Vụ và các Ban của Cơ Quan ở quy mô toàn cầu, Lịch Trình Hành Đạo đã đưa ra những tiêu chuẩn về sinh ngữ một cách rất cụ thể cho nhân viên ở các cấp bậc hành đạo khác nhau.

– “Tu Sĩ cần phải biết một ngoại ngữ, bất cứ ngoại ngữ nào. Quy lệ này gồm cho ngoại quốc Tu Sĩ.”<sup>9</sup>

3. Ibid.

4. Ngày nay là Văn Hóa Vụ.

5. Sđd, tr.13.

6. Sđd, tr.13-14.

7. Sđd, tr.14-15.

8. Sđd, tr.17.

9. Sđd, tr.30.

– “Giáo Sĩ phải thông hiểu một Việt ngữ<sup>10</sup>, hai ngoại ngữ, áp dụng cả ngoại quốc Giáo Sĩ.”<sup>11</sup>

– “Phó Ban (...) phải thông một Việt ngữ, ba ngoại ngữ, áp dụng cả ngoại quốc Phó Ban.”<sup>12</sup>

– “Trưởng Ban phải thông hiểu một Việt Ngữ và ba ngoại ngữ, áp dụng cả ngoại quốc Trưởng Ban.”<sup>13</sup>

– “Vụ Trưởng phải thông hiểu một Việt ngữ và bốn ngoại ngữ, áp dụng cả ngoại quốc Vụ Trưởng.”<sup>14</sup>

Như vậy, trong mọi hoàn cảnh, Cơ Quan luôn phải ý thức về chính mình như một tổ chức quốc tế, bất kể phạm vi hoạt động hiện thời của mình. Với ý thức đó, người nhân viên Cơ Quan phải luôn đứng trong tư thế sẵn sàng đối với các giao tiếp quốc tế. Tất cả các trách vụ và bộ phận có những chức năng quốc tế (mà Quy Điều có đề cập) đều phải chuẩn bị nhân sự và sắp đặt đạo sự sao cho có thể thực hiện được những chức năng đó bất kỳ lúc nào Đại Đạo cần đến.

## PHÁT HUY TÁC DỤNG CỦA LỊCH TRÌNH HÀNH ĐẠO

Theo lời dạy của Đức Lý Giáo Tông vào năm Kỷ Tỵ 1989, Cơ Quan phải phát triển tiềm lực nhân sự vượt khỏi ngưỡng cửa Cao Đài và đạt đến tầm vóc nhân loại. Nhưng, làm thế nào để mỗi nhân viên có thể tích lũy được những nỗ lực của mình qua các niên trình hành đạo và thật sự đạt được tầm vóc này? Câu trả lời nằm ở Lịch Trình Hành Đạo mà Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên đã truyền đạt cho Cơ Quan vào năm Bính Ngọ 1966. Là một

10. “Một Việt ngữ”: dân tộc Việt Nam là một cộng đồng bao gồm nhiều dân tộc, trong đó có dân tộc Kinh và nhiều dân tộc thiểu số như Mường, Nùng, Dao, Mạ... (hiện nay, cộng đồng này được ghi nhận là có 54 dân tộc); tất cả các ngôn ngữ của các dân tộc trong cộng đồng này đều là Việt ngữ (ví dụ, tiếng Mường là một Việt ngữ). Vì vậy, sử dụng cụm từ “một Việt ngữ”, Lịch Trình Hành Đạo không buộc mọi cấp nhân viên Cơ Quan đều phải học tiếng của người Kinh, mà có thể học bất kỳ tiếng nào trong đại gia đình Việt Nam.

11. Sđd, tr.31.

12. Ibid.

13. Sđd, tr.32.

14. Ibid.



chương trình huấn luyện nhằm tạo ra một đội ngũ nhân sự xuất sắc ở đẳng cấp quốc tế, Lịch Trình Hành Đạo giúp cho từng nhân viên phát triển tâm, hạnh, đức, tài của mình theo một thứ tự hợp lý để vươn dẫn đến tầm vóc nhân loại.

Chúng ta đang nắm trong tay Lịch Trình Hành Đạo nhưng chưa thật sự biết khai thác bừa bời này một cách có hiệu quả trên thực tế. Cho đến nay, Cơ Quan vẫn chưa có một giải pháp để đảm bảo rằng mọi nhân viên đều có thể chủ động tự học và tự tu theo đúng Lịch Trình Hành Đạo qua mọi cấp độ của Lịch Trình, nhất là khi Cơ Quan chưa có điều kiện để mở các khóa đào tạo chính thức. Ví dụ, đối với những người vừa được bổ nhiệm vào vị trí Vụ Phó hay Vụ Trưởng vào đầu một niên trình, Cơ Quan làm cách nào để đảm bảo được rằng tất cả các vị này có thể tự trang bị được những gì mà Lịch Trình yêu cầu để hoàn thành tốt trách vụ mới? Không có cách nào hết, xét đến thời điểm này. Hậu quả là thành phần hành sự quan trọng nhất trong guồng máy Cơ Quan – thành phần lãnh đạo ở cấp Vụ Trưởng và Vụ Phó – luôn luôn là thành phần không được đào tạo đầy đủ để hành sự, mặc dù mọi chi tiết cho sự đào tạo này vẫn nằm đầy đủ trong Lịch Trình.

Có thể thay đổi được tình trạng khiêm khuyết này trong vòng mười hai năm tới bằng một giải pháp hoàn toàn nằm trong tầm tay của chúng ta hiện nay: từ đây đến 2025, Cơ Quan cần viết một bộ sách – có thể gọi đó là bộ sách “Lịch Trình Hành Đạo” – theo thể loại tự học (self-improvement) cho nhân viên các cấp, từ Tu Sĩ đến Vụ Trưởng, bao gồm đầy đủ các môn mà Đức Lê Đại Tiên đã chỉ ra. Căn cứ trên những nội dung của Lịch Trình, có thể phác họa bộ sách này như sau.

Quyển 1: Tâm đức và trách vụ của người hành đạo (từ Tu Sĩ đến Vụ Trưởng).

Quyển 2: Nền tổ chức Đại Đạo.

Quyển 3: Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo – nghĩa lý và tác dụng.

Quyển 4: Ngũ giới cấm và Tứ đại điều quy.

Quyển 5: Tương quan căn bản giữa ngũ chi trong Đại Đạo.

Quyển 6: Nhân văn học.

Quyển 7: Tôn chỉ, lập trường và mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Quyển 8: Tân Luật và Pháp Chánh Truyền.

Quyển 9: Tiểu sử khai đạo và tiền bối khai đạo.

Quyển 10: Nhân đạo Khổng giáo.

Quyển 11: Triết học.

Quyển 12: Tâm lý học.

Quyển 13: Luận lý học.

Quyển 14: Nghệ thuật thuyết trình và giảng đạo.

Quyển 15: Giới thiệu kinh sách từ lúc khai đạo.

Quyển 16: Thánh Đạo.

Quyển 17: Sinh lý học.

Quyển 18: Tiên Đạo.

Quyển 19: Vũ trụ học.

Quyển 20: Phật Đạo.

Quyển 21: Thần linh học.

Tuy rằng chưa giải quyết được những vấn đề như khả năng ngoại ngữ hay trình độ đạo pháp của nhân viên, bộ sách này vẫn đem lại cho Cơ Quan những lợi ích to lớn. (1) Đối với Cơ Quan với tư cách là một tổ chức quốc tế, bộ sách này là một hình thức tiêu chuẩn hóa chất lượng nhân sự, trình bày rõ ràng về những yêu cầu căn bản đối với tâm-hạnh-đức-tài của mọi cấp nhân viên, và hướng dẫn nhân viên cách thức đạt được những tiêu chuẩn ở cấp bậc hành đạo của mình. (2) Sử dụng bộ sách này, mọi nhân viên Cơ Quan đều có thể tự học những kiến thức căn bản có liên quan đến trách vụ của mình. (3) Đến khi cần tổ chức các chương trình học chính thức – ví dụ: Tu Sĩ, Giáo Sĩ, Phó Ban,... – các bộ phận hành sự tương ứng sẽ dựa vào bộ sách này mà khai triển thành các giáo trình. (4) Và khi cần giới thiệu về Cơ Quan cho cộng đồng quốc tế, bộ sách này sẽ đóng vai trò trọng tâm trong việc trình bày về hành trang tâm-hạnh-đức-tài của các cấp nhân viên Cơ Quan một cách có hệ thống.

Lịch Trình Hành Đạo, nếu được soạn thành bộ sách tự học như vậy, sẽ thúc đẩy sự tiến bộ về tâm, hạnh, đức, tài của mỗi nhân viên, và do

đó, gia tăng sức mạnh tổng thể cho Cơ Quan. Điều này sẽ phát huy mọi năng lực của Cơ Quan, trong đó có năng lực giao tiếp quốc tế.

Theo Lịch Trình Hành Đạo, người nhân viên Cơ Quan tùy theo cấp bậc hành đạo phải sử dụng được từ một ngoại ngữ (Tu Sĩ) đến bốn ngoại ngữ (Vụ Trưởng). Vì vậy, mỗi nhân viên có thể chọn bất cứ ngoại ngữ nào và học từ lúc càng trẻ càng tốt. Tuy nhiên, một trong những ngoại ngữ “có lợi nhất” chúng ta hiện nay là tiếng Anh, vì tiếng Anh đang nằm trong số những ngôn ngữ thông dụng nhất trên thế giới và đây cũng là một ngoại ngữ tương đối dễ học. Một điều khá may mắn cho chúng ta là hầu hết kinh điển của các tôn giáo trên thế giới đều đã được dịch ra tiếng Anh, kể cả kinh điển Khổng giáo, Lão giáo và Phật giáo. Việc nghiên cứu những kinh sách Tam Giáo đã được dịch sang hoặc viết bằng tiếng Anh sẽ giúp chúng ta tiết kiệm được rất nhiều thời gian trong việc phổ thông giáo lý Đại Đạo ra toàn cầu.

Lịch Trình Hành Đạo trang bị cho chúng ta bảy lĩnh vực tri thức mà giới nghiên cứu tôn giáo quốc tế quan tâm đến nhiều nhất: Nhân văn học, triết học, luận lý học, tâm lý học, sinh lý học, vũ trụ học, và thần linh học. Nếu biết trang bị kịp thời và khéo vận dụng những tri thức khoa học này để phát huy giáo lý Đại Đạo, các nhân viên nghiên cứu giáo lý

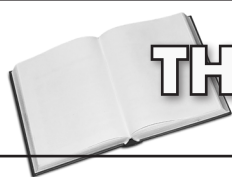
của Cơ Quan có thể dần dần bước vào cộng đồng nghiên cứu tôn giáo quốc tế một cách tự tin. Việc tham gia các hội nghị khoa học quốc tế về tôn giáo hay công bố các kết quả nghiên cứu của mình trên các tạp chí tôn giáo quốc tế sẽ góp phần không nhỏ vào công cuộc phổ thông giáo lý, làm sáng danh Thầy và danh Đạo khắp năm châu bốn biển.

## KẾT LUẬN

Muốn đạo Cao Đài trở thành một tôn giáo thế giới (world religion), ít nhất, Cơ Quan phải phát huy được năng lực giao tiếp quốc tế của mình.

Năm 2026, khi đạo Cao Đài tròn 100 tuổi, thay vì chỉ cử các phái đoàn đi dự (các) đại lễ kỷ niệm 100 năm Khai Minh Đại Đạo do các Hội Thánh tổ chức, Cơ Quan cần đánh dấu thời điểm đó bằng việc đạt được “tầm vóc nhân loại, vượt khỏi ngưỡng cửa Cao Đài” như Đức Lý Giáo Tông đã dạy. Nếu thật sự trở thành một Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo của cả thế giới, dĩ nhiên chúng ta có đủ thực lực để làm cho đạo Cao Đài trở thành một tôn giáo thế giới.

Thời gian còn lại của chặng đường sứ mạng hai mươi năm 2005–2025 là không nhiều. Nhưng nếu toàn Cơ Quan tập trung vào việc biến Lịch Trình Hành Đạo thành hiện thực, tầm vóc nhân loại mà Ông Trên mong đợi sẽ không nằm ngoài tầm tay của chúng ta.■



## THÁNH GIÁO

(...) Chư môn đệ khi định tịnh có thấy phàm tâm phóng túng như thế nào chăng? – Thì phải biết thu nó lại. Cũng như Tôn Hành Giả bỏ Tam Tạng mà đi, thì nhờ có câu chú căn cơ, Tôn Hành Giả mới nhúc đầu mà quay về mau lẹ được. Chư môn đệ cũng thế, khi ngồi tịnh, tâm có phóng túng tưởng việc quá khứ, vị lai, hiện tại điều chi cứ niệm danh hiệu của Thầy thì thu tâm lại liền.

Điều cần nhất là khi tịnh, đừng để cho tâm phóng túng lo nghĩ việc thế trần, phải chú trọng vào một điểm linh quang sáng suốt của Thầy như thế mới kết quả được. Chư môn đệ ráng tinh luyện làm sao cho Thân, Khẩu, Ý được hoàn toàn trong sạch hầu sau này để hộ thân mạng cùng cứu người.

ĐỨC THÁI THƯỢNG LÃO QUÂN, THÁNH HUẤN HIỆP TUYẾN, QUYỂN I, HỘI THÁNH TIÊN THIÊN, 1961, TR.181.■

TÌM HIỂU

# 12 con giáp gốc Việt

■ ĐÌNH CHUNG



**X**ưa nay như người ta vẫn lầm tưởng rằng 12 con giáp có xuất xứ từ Trung Hoa. Tuy nhiên, mới đây trong một công trình nghiên cứu về ngôn ngữ Việt cổ, nhà nghiên cứu ngôn ngữ học Nguyễn Cung Thông phát hiện ra nguồn gốc 12 con giáp có xuất xứ từ Việt Nam.

## NGÔN NGỮ LÀ “LÁ BÙA” TỔ TIÊN ĐỂ LẠI.

Theo văn hóa Phương Đông, lịch được xác lập theo chu kỳ thay đổi đều đặn của Mặt trăng. Do đó, 12 con giáp ứng với 12 giờ trong ngày, 12 tháng trong năm, 12 năm trong một giáp. Đó là những nền tảng quan trọng để tính lịch và là dấu hiệu để nhận đoán về số mệnh của từng người theo cung Hoàng Đạo.

Trong lịch sử, Việt Nam và Trung Hoa có một thời kỳ giao lưu văn hoá ít nhất 2000 năm. Những đợt giao lưu văn hóa cứ tiếp biến và chồng chất lên nhau khiến cho dấu hiệu nhận biết nét riêng của từng dân tộc rất khó khăn. Thêm vào đó, các tài liệu xưa không còn nhiều, nếu còn cũng chỉ trong kho thư tịch Hán cổ khiến cho việc nghiên cứu hết sức rắc rối và phức tạp. Chính điều này đã đốc thúc nhà nghiên cứu ngôn ngữ Nguyễn Cung Thông cố công đi tìm cho bằng được những bí ẩn ngôn ngữ của tổ tiên mà theo ông đó là những “lá bùa” con cháu cần tìm lời giải.

Ông Thông cho biết, ông bắt đầu việc nghiên cứu tiếng Việt của mình vào những năm đầu thập niên 1970 tại nước Australia. Trong một lần nghiên

cứu về nguồn gốc 12 con giáp để lần tìm cội nguồn tiếng Việt, ông đã phát hiện ra một số từ Việt cổ mà người Việt đã dùng để chỉ về 12 con giáp có nguồn gốc lâu đời trước khi 12 con giáp xuất hiện ở Trung Hoa. Vào những ngày cuối năm con trâu, tại Viện Việt học ở thành phố Westminster (California, Mỹ) ông đã có một buổi thuyết trình những khám phá thú vị của mình với chủ đề “Vết tích của tiếng Việt cổ trong tiếng Hán”.

“Tìm hiểu về gốc của tên mười hai con giáp là một cơ hội để ta tìm về cội nguồn tiếng Việt. Tên 12 con giáp là Tý/Tử, Sửu, Dần, Mão/Mẹo, Thìn/Thần, Tỵ, Ngọ, Mùi/ Vị, Thân/Khôi, Dậu, Tuất, Hợi. Thoạt nhìn thì thập nhị chi trên có vẻ bắt nguồn từ Trung Quốc vì là những từ Hán Việt, nhưng khi phân tách các tiếng Việt, và thấy có những khác lạ, tôi đem so sánh trong hệ thống ngôn ngữ vay mượn thì sự thật không phải vậy” – ông Thông nói.

Theo ông Thông thì tên 12 con giáp nếu đọc theo tiếng Bắc Kinh và bằng cách ghi theo phiên âm (pinyin): zi, chou, yín, mào, chén, sì, wè, wèi shèn, yòu, xù, hài ... hoàn toàn không liên hệ đến cách ghi tên 12 con giáp trong tiếng Trung Quốc hiện nay. Ngay cả khi phục hồi âm Trung Quốc thời Thượng Cổ thì vẫn không tương đồng với các cách gọi tên thú vị thời trước. Như vậy nếu có một dân tộc nào đó dùng tên 12 con thú tương tự như tên 12 con giáp ngày nay thì dân tộc đó phải có liên hệ rất khăng khít với nguồn gốc tên 12 con giáp này.

Từ điều này, khởi đầu cho việc nghiên cứu ông đi tìm nguyên do vì sao trong 12 con giáp của Trung Quốc, con Mèo bị thay bởi Thỏ. “Người Trung Quốc dùng thỏ thay cho mèo (biểu tượng của chi Mão/Mẹo) vì trong văn hóa người Trung Quốc thỏ là một loài vật rất quan trọng và thường được ghi bằng chữ tượng hình là Thố, giọng Bắc Kinh, là từ viết bằng bộ nhân không có từ để chỉ mèo. Hầu như chỉ có dân Việt mới dùng mèo cho chi Mão: nguyên âm e hay iê là các dạng cổ hơn của a như kẻ/giả, vế/hoạ, xe/xa, khoe/khoa, hè/hạ, chè/trà, keo/giao,

beo/ báo... Vì thế mà mèo cũng là loài vật hiện diện trong đời sống dân Việt thường xuyên hơn” – ông Thông lý giải.

Thời tiền Hán, tiếng Việt không có nhiều thanh điệu như bây giờ, nên sự khác biệt về thanh điệu không có gì lạ. Trong khẩu ngữ người Việt có cách dùng “chờ một tý” hay “chờ một chút”, “đưa chút tiền”, “đưa tí tiền”... vào thời tiền Hán, các câu trên đọc như giọng Huế (ít thanh điệu hơn so với giọng Hà Nội) thì thấy chút hay chụt / chuột chính là các cách đọc của Tý sau này.

### **VÌ SAO VIỆT NAM KHÔNG GIỮ ĐƯỢC “THƯƠNG HIỆU”?**

Thực tế, đã từng có nhiều công trình của nhiều tác giả cố gắng chứng minh văn hóa Trung Quốc có xuất phát từ văn hóa Việt Nam như tác giả Lê Mạnh Thát qua cuốn “Lịch sử âm nhạc Việt nam từ thời Hùng Vương đến thời kỳ Lý Nam Đế” hay tác giả Nguyễn Thiếu Dũng với cuốn “Nguồn gốc Kinh Dịch”... Hầu hết các cuốn sách này đều cho thấy chiều vay mượn văn hóa là từ phương Nam vào thời thượng cổ, chứ không phải là từ Bắc xuống Nam (cũng như các nước chung quanh) vào các đời Hán, Đường lúc văn hoá Trung Quốc cực thịnh. Tuy nhiên không tác giả nào đề cập đến nguồn gốc tên 12 con giáp, và rất ít dùng, cấu trúc của chữ Hán, Hán cổ cùng các biến âm trong cách lý giải.

Theo ông Thông, ngoài hai chi Tý/ Tử/ chuột, Mão/ Mẹo/mèo là dễ nhận thấy nhất thì những chi còn lại khi so sánh trong tương quan ngữ âm, ngữ nghĩa cũng đều cho ra những kết quả khá bất ngờ.

Ví dụ với trường hợp của Thân là chi thứ 9 trong bản đồ Hoàng Đạo. Nếu xem cách viết chữ Thân bằng bộ điền với nét giữa dài hơn với cách viết chữ Khôn (một căn bản của Kinh Dịch có từ thời Thượng cổ) thì ta thấy bộ thổ hợp vài chữ Thân hài thanh. Đây là liên hệ trực tiếp giữa Thân và Khôn, tuy nhiên tiếng Việt cổ có chữ khôn là con khỉ (người Huế hay người xứ Nghệ hiện nay một số chỗ vẫn còn những câu cửa miệng “tuồng mặt cọp khon” để ám chỉ những người vô tích sự, chẳng làm chẳng nên trò trống gì). Thành ra,



Thân chính là khí, tiếng Việt cổ dù biến âm th–kh rất hiếm gặp trong tiếng Việt ngày nay nhưng nó vẫn còn dấu tích của những từ cặp đôi như thân–cận–gần, thận–cẩn (thận trọng, cẩn trọng).

Tương tự với trường hợp của con Rồng. Xưa nay nhiều người vẫn cho rằng rồng là một con vật tiêu biểu cho vương quyền của phương Bắc và sau đó nó được chọn làm một trong 12 con vật có mặt trong 12 con giáp của cung Hoàng Đạo. Nhưng ít ai biết được rằng rồng thực sự là con vật chủ của người Việt cổ và ngày xưa người Việt đã có những từ ngữ riêng để nói đến rồng hay thìn. Thìn/Thần dấu tích còn lại trong giọng Bắc Kinh hiện nay chỉ còn chén – âm này có thể tương ứng với các âm trần, trâm, thần của Hán Việt. Tuy nhiên, theo nhà nghiên cứu Nguyễn Cung Thông thì nếu phục hồi âm cổ của Thìn/ Thần là tlan (Tiếng Việt cổ – âm r chuyển thành l) và trần, lươn (âm ts– mất đi), rắn, chình (loài cá giống con lươn), rồng/long (nguyên âm o thay cho a như nôm/nam, vốn bản...) và khuynh hướng đơn âm hoá để cho ra các dạng từ ghép như lãn – thần lãn, tlian– thường luồng... cho thấy vết tích của rồng trong các ngôn ngữ phương Nam.

Lý giải về nguyên nhân dẫn đến việc bị “lẫn lộn” về nguồn gốc 12 con giáp, ông Thông cho rằng “Với ảnh hưởng quan trọng của nền văn hoá Trung Quốc, từ đời Hán và sau đó là Đường, Tống... với sức ép của giai cấp thống trị từ phương Bắc tên 12 con vật tổ đã từ từ được thay thế bằng hình ảnh con người, mang nặng màu sắc văn hoá Trung Hoa hơn. Từ tính chất cụ thể của các loài vật láng giềng, 12 con giáp đã trở nên trừu tượng và còn ảnh hưởng đến vận mạng con người nữa (bói toán) Tuy nhiên, cái vỏ hào nhoáng của chữ Hán, Hán Việt không thể thay đổi được nền văn hoá bình dân (khẩu ngữ) trong đời sống người Việt.”

Sự phát hiện mới mẻ này đã chứng minh cho sự phát triển của người Việt xưa trong cách tính lịch và làm nên một nền văn minh lúa nước rực rỡ ở phía Nam Đông Nam Á.

TRÍCH “GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI” ■

Cơ chơn đạo vô vi là cơ dịu dặt nhưn sanh đi đến con đường siêu thoát. Nếu ai đã thực hành được chơn đạo tức nhiên là cải tạo được bản thân từ thể xác đến linh hồn, tánh mạng đều được sửa đổi tốt đẹp, hạnh hưởng tại trần, chẳng còn lo sự tật bệnh, tứ khổ.

Chư môn đệ có biết chăng? Con người sống đây là nhờ có đủ tinh, khí, thần mới bảo tồn thể xác tại trần được. Ngày giờ nào mà trong tam bửu: tinh, khí, thần bị khuyết một, thì cũng hoại thể xác ngay, nhưt là sự thở về phần khí.

Người phạm chỉ thở một hơi vẫn từ cổ trở ra thôi. Vì thế, mà khí không đem vào bồi dưỡng thể xác cùng các cơ thể, nên hằng biến sanh bệnh tật. Bởi vậy, công phu luyện mạng tức là hơi thở. Phải thở thật dài, đem vô từ mũi chí sũng, đến rún, rồi ngưng một chút mới từ từ thở ra.

Nếu chư môn đệ biết được pháp luyện ấy cũng đủ làm cho xác thân tráng kiện. Nhưng con người ở trần này vì sa mê trong vòng danh lợi, sắc tài, không để ý đến đời sống, thành ra phải tự sát lấy bản thân, không đợi đến số mạng.

Người tu được chơn đạo thì lần lần việc thể trần dứt bỏ, hằng để tâm vô tư, vô lự, tịnh yên, tồn thần, dưỡng khí, nuôi tinh. Ấy là cơ bảo tồn thể xác đó!

Về chơn đạo không thể đem ra biện bạch bằng lời nói được, vì chính đó cũng là hậu thiên. Nếu môn đệ nào hữu căn, quyết chí tu chơn, tự mình trau giồi, lóng lờng trong sạch, kềm tâm, định tánh, thì Ôn Trên sẽ mở khiếu quang minh, trí huệ mà hành tàng cơ Đạo. Còn những sự dạy hữu hình bằng lời nói hoặc trong kinh điển toàn là hậu thiên, chỉ có biết căn cơ để vận chuyển vậy thôi.

ĐỨC THÁI THƯỢNG LÃO QUÂN, THÁNH HUẤN HIỆP TUYỂN, QI, HỘI THÁNH TIÊN THIÊN, 1961, TR.173. ■

# Giúp người khác Thay đổi THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI

■ CAO BẠCH LIÊN SƯU TẦM

## **ĐIỀU MỌI NGƯỜI MONG MUỐN LÀ SỰ THÔNG CẢM, ĐỒNG TÌNH VÀ YÊU THƯƠNG**

Bạn có muốn có một câu thần chú có thể chấm dứt việc tranh cãi, loại trừ ác cảm, tạo ra thiện chí và làm cho người tiếp chuyện với bạn lắng nghe chăm chú không phát chán đó là câu nói: “Tôi hoàn toàn hiểu được cảm giác của bạn. Nếu ở trong hoàn cảnh đó chắc chắn tôi sẽ làm như vậy.”

Câu nói này sẽ khiến người thô lỗ nhất cũng phải dãn giọng. Bạn sẽ thấy rằng 100% ý nghĩa và hiệu quả của câu thần chú đó là sự thật. Giả sử bạn có hình dạng tính khí như một tên trùm tội phạm, bạn cũng có môi trường sống giống như anh ta. Lúc đó bạn sẽ trở thành con người hệt như anh ta, cũng sẽ rơi vào hoàn cảnh giống anh ta. Bởi vì chính những sự việc như thế, và chỉ có những sự việc như thế mới làm cho anh ta trở thành như thế.

Lý do duy nhất khiến bạn không phải là một con người khác, đó là vì cha mẹ bạn không phải là cha mẹ họ và bạn cũng không lớn lên trong môi trường mà họ được nuôi dưỡng.

Nếu theo cách nhìn nhận này thì những kẻ cáu kỉnh mù quáng, phi lý nhứt cũng không có gì đáng khinh ghét. Bạn nên thương xót và thông cảm cho những người tội nghiệp đó. Ba phần tư những người bạn gặp gỡ trong cuộc sống đều khao khát yêu thương và được yêu thương. Xin bạn hãy dành cho mọi người tình yêu thương của bạn.

Một giáo viên dạy dương cầm kể lại cách bà xử lý một vấn đề mà các thầy dạy dương cầm thường gặp với các cô học trò dưới tuổi 20. Bà có một cô học trò để móng tay rất dài, đó là một cản trở lớn đối với ai muốn phát triển kỹ năng luyện ngón đàn dương cầm. Bà kể:

Lúc cô bé bắt đầu chơi đàn, tôi không hề nhắc đến những móng tay của cô. Tôi không muốn cô thất vọng trong việc học và

cũng biết cô không muốn cắt bỏ những cái móng tay, niềm tự hào của mình.

Sau bài học đầu tiên, tôi thấy đã đến lúc tôi nói: Này em gái, bàn tay của em rất đẹp, em lại rất thông minh nhanh nhẹn. Nếu em muốn chơi dương cầm thật tốt thì chắc chắn em sẽ thực hiện dễ dàng và nhanh chóng đến nỗi em phải ngạc nhiên. Quá trình này có thể còn nhanh hơn nhiều nếu em chịu khó hy sinh một chút nét xinh xắn của những móng tay bằng cách tưa ngắn bớt một chút, bởi vì một điều đơn giản là móng tay dài rất khó chơi đàn em ạ, cô gái biểu lộ vẻ khó chịu, tôi cũng nói với mẹ cô về việc này, và nhắc rằng móng tay của cô đáng yêu ra sao. Lại một phản ứng bất mãn, rõ ràng những móng tay xinh đẹp được giữ gìn cẩn thận cũng quan trọng đối với bà mẹ.

Tuần sau, cô học trò quay lại học bài học thứ hai. Tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy móng tay của cô đã được cắt gọn gàng. Tôi khen ngợi cô đã

chấp nhận một hy sinh to lớn như vậy. Tôi cũng cảm ơn bà mẹ đã giúp động viên con gái cắt móng tay, Bà trả lời rằng: Tôi chẳng làm gì trong chuyện đó. Nó đã tự ý quyết định. Đây là lần đầu tiên cháu nó cắt móng tay vì một người lạ.

Bà giáo đã đạt được sự đồng thuận của cô học trò mà không cần phải chê trách hay dài dòng giảng giải gì cả! Bà chỉ khẳng định sự hy sinh to lớn của cô vì mục đích lâu dài tốt đẹp cho việc học đàn.

Sự thông cảm, đồng tình của người khác với ước muốn của mình là điều con người khao khát nhất.

- Đừng để một ai chẳng nhận được gì sau khi rời bạn, mặc dù bạn biết rằng có thể sẽ không bao giờ gặp lại họ. Đôi khi chỉ một ánh mắt thiện cảm dành cho người khác, cũng là một món quà lớn lao trong đời.

- Chỉ cần một cái ôm thật chặt, một sự im lặng cảm thông, một cái chạm tay thân thiện, một đôi tai biết lắng nghe là bạn có thể chia sẻ với tất cả mọi người.

- Lòng tốt và sự quan tâm chia sẻ, đồng cảm là ngôn ngữ đặc biệt mà bất cứ ai cũng có thể cảm nhận được.

Khơi gợi tinh thần vượt lên thử thách

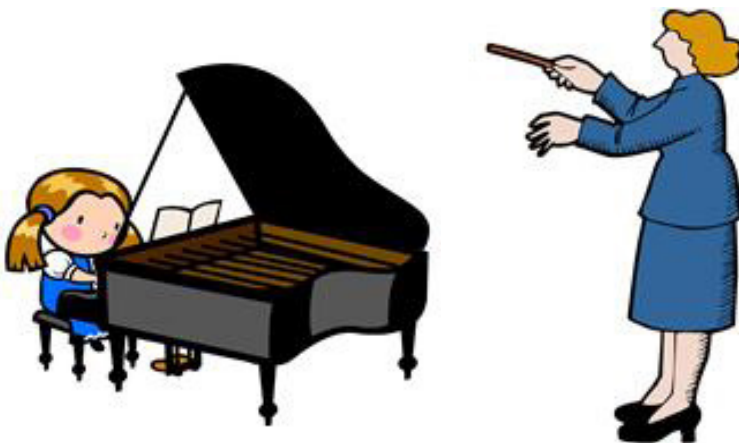
Một lần vị Tổng giám đốc đến một phân xưởng sản xuất, kiểm tra thấy xưởng luôn không hoàn thành kế hoạch đã đề ra. Ông hỏi Quản đốc: “Người có năng lực như anh lại không thể làm cho xưởng của mình đạt được chỉ tiêu sao?”

Người Quản đốc lúng túng trả lời: “Tôi thật sự không biết, tôi đã cố gắng đủ mọi cách, từ động viên, thúc giục, la mắng, thậm chí cả dọa đuổi việc mà họ chẳng thay đổi gì cả, đơn giản là công nhân của tôi không có năng lực làm việc.”

Cuộc nói chuyện này diễn ra vào cuối ngày, trước khi ca tối bắt đầu. Giám đốc bảo đưa cho ông một viên phấn, rồi quay sang một công nhân đứng gần nhất, ông hỏi “Ca làm của anh hôm nay đổ được bao nhiêu mẻ nung?” “Dạ, 6 mẻ.” Không nói gì, Giám đốc lấy phấn ra vẽ một con số 6 thật to trên sàn nhà rồi bỏ đi.

Ca làm việc tối bắt đầu, mọi người đến xưởng đều thấy con số 6 được ghi và hỏi ý nghĩa của nó. Những người ở ca làm ngày trả lời rằng sếp lớn vừa đến và hỏi họ đã hoàn thành bao nhiêu mẻ nung trong ngày, ông đã ghi thành tích đó lên sàn nhà.

Sáng hôm sau khi sếp vào





xưởng, con số đã được ca tối chỉnh lại thành số 7 rất to. Các công nhân ca sáng nói với nhau rằng ca tối nghĩ là đã làm tốt hơn họ. Vậy thì họ sẽ chứng tỏ cho ca tối biết khả năng của họ. Thế là mọi người bắt tay vào làm với nhiệt huyết rất cao. Con số 7 đã được xóa và thay con số 10. Mọi thứ hoàn toàn thay đổi trong thời gian ngắn sau đó, xưởng sản xuất này trở thành nơi có hiệu quả và năng suất làm việc cao nhất nhà máy. Vậy bí quyết là gì?

Theo ông Giám đốc chia sẻ: “Cách tốt nhất để hoàn thành công việc là khơi gợi một sự thi đua lành mạnh trong công ty.”

Chúng ta khuyến khích tạo điều kiện cho những người ham muốn, khát khao được thể hiện năng lực xuất sắc trở dậy trong mọi người. Đó là sự khao khát được thể hiện mình! Đưa ra thách thức là một cách làm tuyệt vời để khuyến khích người khác thay đổi.

Câu “Bất kỳ ai là con người đều có những nỗi lo sợ. Người can đảm là người biết vượt qua được sợ hãi và bước tới trước, đôi khi là các thất bại đang chờ

trước mắt, nhưng thường là họ chiến thắng.” Còn thử thách nào hơn là cơ hội vượt qua những nỗi lo sợ đó.

Yếu tố động viên quan trọng nhất đối với con người không phải là tiền bạc, môi trường làm việc tốt hay phúc lợi, mà là bản thân công việc. Nếu công việc thú vị, tạo điều kiện để phát triển, thể hiện năng lực, người làm việc sẽ gắn bó và luôn có động lực hoàn thành tốt công việc.

Đây cũng là điều mà mọi người mong muốn, có cơ hội thử sức, có cơ hội bức phá thể hiện, cơ hội để chứng minh giá trị thực của mình, để phát triển và thắng lợi trong công việc.

Liên hệ đến Tập đoàn Giáo sĩ, chúng ta bàn về kiện toàn tổ chức. Giáo sĩ Hồng Mai, Giáo sĩ Huệ Ý đã kêu gọi các em Tu sĩ, Tu sinh, mạnh dạn nhận nhiệm vụ – tham gia vào công việc của Tập đoàn, và các em cũng có nguyện vọng như vậy. Đây cũng là thời cơ để các em chiến thắng cái rụt rè, e ngại của bản thân, để tự khẳng định mình. Đây là cơ hội thử sức mình, chứng minh giá trị thực của mình. Đây cũng là bước đầu nhận

sự thử thách, từ thấp đến cao của người Tu sĩ–Giáo sĩ tương lai.

Chuyển hóa người khác mà không gây ra sự chống đối hay oán giận

– Trước khi phê bình hãy khen ngợi.

– Phê bình một cách gián tiếp.

Một bà Giám đốc tín dụng đã kể lại cách bà giúp một nhân viên cải thiện khả năng làm việc như thế nào.

“Gần đây chúng tôi tuyển vào một nhân viên thu ngân được huấn luyện chính quy. Cô xử lý công việc chính xác, nhanh chóng và tiếp xúc với khách hàng rất lịch thiệp, không chê vào đâu được.

Nhưng vấn đề lại phát sinh vào cuối ngày, lúc kết toán sổ sách. Trưởng phòng kế toán tới gặp tôi và nhất quyết đề nghị sa thải cô ta. Cô kết toán sổ quá chậm khiến mọi người phải ở lại sau giờ làm việc, mặc dù anh ta đã chỉ cách để cô làm tốt hơn.

Hôm sau tôi đến quan sát cách cô làm việc và chẳng cần nhiều thời gian đã có thể phát hiện lý do cô gặp khó khăn trong công việc này. Sau giờ đóng cửa, tôi đến trò chuyện



với cô, tôi khen ngợi cô về sự thân thiện và cởi mở của cô với khách hàng, khen cô làm việc chính xác và nhanh chóng. Sau đó, tôi gợi ý với cô xem lại cách thức cô kết sổ tiền mặt hàng ngày, một khi hiểu mình được tin tưởng, cô dễ dàng theo gợi ý của tôi và chẳng bao lâu sau cô thành thạo công việc này và không còn bị chê trách nữa.”

Khen ngợi trước khi góp ý cũng giống như nha sĩ bắt đầu công việc nhổ răng bằng thuốc tê vậy. Nó giúp bệnh nhân khỏi đau đớn đột ngột khi nhổ răng, những người lãnh đạo hay quản lý nên quan tâm đến cách này để chỉ bảo cho người cộng tác với mình.

- Khát vọng sâu xa của mỗi con người là được khen ngợi, được tôn trọng và được quan tâm.
- Không gì ít tốn kém bằng lời khen, lời cảm ơn và lời xin lỗi.

– Phê bình gián tiếp:

Một vị Giám đốc đi thăm một trong những nhà máy của ông vào giờ nghỉ trưa. Ông bắt gặp mấy công nhân đang hút thuốc ngay dưới tấm biển “Cấm hút thuốc.” Ông bước đến trao cho mỗi người một điếu thuốc và nói “Các cậu này, nếu như các cậu hút ở bên ngoài, tôi hoàn toàn tán thành việc hút thuốc.” Những công nhân này biết mình bị bắt quả tang đang vi phạm nội quy, nhưng họ vẫn thán phục cách ông nhắc nhở nhẹ nhàng khéo léo và vẫn giữ được thể diện cho họ. Ai lại không quý trọng một con người như vậy, nên từ đó họ nghiêm chỉnh chấp hành việc cấm hút thuốc trong nhà máy.

– Khéo léo trong ứng xử:

Một Tổng giám đốc của công ty thường đi vòng quanh các cửa hàng lớn của mình để quan sát các nhân viên bán hàng làm việc. Có lần ông nhìn thấy người khách đang đứng đợi ở một quầy thanh toán, trong khi các nhân viên bán hàng thì cứ túm tụm ở một góc nói chuyện và cười nói tự nhiên.

Ông Tổng giám đốc lảng lạng ra phía sau quầy và phục vụ cho người khách nọ, sau đó ông

trao món hàng của khách cho những người bán hàng để gói lại cho khách, mà không một lời quở trách nhân viên, rồi tiếp tục đi kiểm tra nơi khác. Sự im lặng và thái độ của vị Tổng giám đốc, đã nhắc nhở nhân viên của mình một cách nhẹ nhàng, không phải rầy la mà mọi người nể phục và chăm chỉ làm việc.

Nhiều người cũng bắt đầu bằng lời khen chân thành, tiếp theo đó là từ nhưng và kết thúc bằng một lời nhận xét phê phán. Chẳng hạn trong khi tìm cách thay đổi thái độ lơ đãng trong học tập của con bạn, bạn có thể nói: “Cha mẹ rất tự hào về con, bởi vì con được xếp hạng học tập cao hơn học kỳ trước. Nhưng nếu con chăm chỉ hơn nữa môn toán, chắc chắn kết quả còn khá hơn nữa.” Trong trường hợp này, cô bé có thể cảm nhận được sự khuyến khích, đến khi nghe từ nhưng. Lúc đó cô ta có thể nghi ngờ sự thành thực của lời khen ban đầu. Đối với cô bé, lời khen ban đầu, chỉ là một sự chuẩn bị khôn khéo để đi tới nhận xét phê phán. Thế là bạn đã đánh mất sự tin cậy của con bạn và sẽ không đạt được mục đích.

Bạn có thể khắc phục dễ dàng điều này bằng cách thay đổi từ “nhưng” thành từ “và”. Lời nhắc nhở của bạn sẽ nhẹ nhàng thế này: “Cha mẹ thực sự tự hào về con, vì trong học kỳ này con được xếp hạng cao hơn. Và nếu con cứ tiếp tục cố gắng chăm chỉ như vậy thì điểm toán của con cũng có thể được nâng cao cùng với các môn khác vào học kỳ tới.”

Cô bé chấp nhận lời khen đó bởi vì nó không kéo theo một nhắc nhở thất bại. Việc người khác gián tiếp chú ý tới những thiếu sót của mình sẽ làm cho những người nhạy cảm rất cảm kích. Trong khi họ có thể cảm thấy rất khó chịu trước bất kỳ lời phê phán trực tiếp nào.

Cách chọn từ ngữ trong nói năng rất ảnh hưởng đến kết quả giao tiếp của bạn.

Con người vốn có bản tánh kiêu hãnh tự nhiên.

Việc nói thẳng ra rằng người nào đó sai lầm chính là một sai lầm lớn nhất của bạn.■

# MỘT SỐ NGHI LỄ DÂN GIAN tiến hành vào đầu Xuân

■ ĐIỀU THUẬN SỰ TÂM



Những ngày đầu năm mới, người dân Việt Nam vẫn giữ được tập tục tiến hành một số nghi lễ truyền thống vào đầu Xuân.

## LỄ ĐỘNG THỔ

Lễ động thổ hàng năm được tiến hành sau ngày mừng 3 tết. Động thổ phải có lễ cúng Thổ thần để trình xin bắt đầu động đến đất cho một năm mới.

Xưa kia, tại Việt Nam lễ này cũng được tổ chức từ triều đình tới nhân dân, nhưng về sau, lễ này chỉ còn tồn tại trong dân chúng.

Thực ra, ngày làm lễ động thổ không nhất định là phải vào ngày nào, nhưng để giúp dân chúng tiện việc làm ăn, nhiều làng thường cử hành lễ này sau ba ngày tết. Các bậc kỳ lão và quan viên được cử làm chủ tế và bồi tế để cúng thần Đất. Lễ vật cúng gồm hương đăng, trầu rượu, y phục và kim ngân đồ mã.

Trong buổi lễ, ông chủ tế với áo thụng xanh cước mây nhát xuống đất để lấy một cục đất đặt lên bàn thờ, tường

trình với Thổ thần xin cho dân làng được động thổ.

Sau buổi lễ động thổ này, dân làng mới được động tới đất. Ai cuốc xới trước lễ động thổ bị dân làng bắt vạ. Trong ba ngày tết, nếu không may có ai mệnh chung, tang gia phải quàn lại trong nhà, đợi lễ động thổ xong mới được đào huyệt an táng.

### **LỄ KHAI HẠ**

Theo tục lệ Việt Nam, ngày mùng 7 tháng Giêng là ngày hạ cây nêu. Cây nêu trồng trong năm, khi sửa soạn đón tết cùng với cung tên bằng vôi trắng vẽ trước cửa nhà để “trừ ma quỷ,” nay được hạ xuống.

Lễ hạ nêu còn được gọi là lễ khai hạ. Nhân dịp này, ngoài lễ cúng trời đất, người ta còn sửa lễ cúng gia tiên, cúng Thổ công và Thần tài. Thường sau ngày lễ này, mọi công việc thường xuyên mới được bắt đầu trở lại.

Ngày nay, nhiều nơi không còn lễ khai hạ nữa, tuy nhiên tại các gia đình Việt Nam nhất là những gia đình buôn bán, ngày mồng 7 tháng Giêng vẫn có cúng lễ, cầu buôn may bán đắt, phát đạt, thịnh vượng quanh năm.

### **LỄ THẦN NÔNG**

Thần Nông là vị “vua” đầu tiên đã dạy dân nghề làm ruộng, chế ra cày bừa và là người đầu tiên đã làm lễ tịch điền hoặc hạ điền. Lễ Thần Nông tức là lễ tế vua Thần Nông để cầu mong cho mùa màng và nghề nông phát đạt.

Trên các quyển lịch hàng năm, người ta thường vẽ một mục đồng dắt một con trâu. Mục đồng tức là vua Thần Nông, còn con trâu tượng trưng cho nghề nông. Hình mục đồng cũng như con trâu thay đổi hàng năm tùy theo sự ước đoán của Khâm thiên giám về mùa màng năm đó tốt hay xấu.

Năm nào được mùa, Thần Nông giày dép chỉnh tề, còn năm nào mùa kém, Thần Nông có vẻ như vội vàng hấp tấp nên chỉ đi giày một chân.

Con trâu đổi màu tùy theo hành của mỗi năm, vàng, đen, trắng, xanh, đỏ ứng với Kim,

Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Hàng năm xưa có tục tế và rước Thần Nông tại triều đình.

### **LỄ TỊCH ĐIỀN**

Lễ tịch điền còn gọi là lễ hạ điền do chính vua Thần Nông đặt ra. Cũng như một số nghi lễ khác, lễ tịch điền của người Trung Quốc đã du nhập sang Việt Nam. Hàng năm vào đầu xuân, nhà vua lại tự thân cày mấy luống đất để làm gương cho dân chúng và cử hành lễ tịch điền. Tiếp sau vua, các hoàng thân, các quan văn võ, các chức sắc, bộ lão sở tại cũng ra cày.

Tại các tỉnh, các xã cũng có lễ tịch điền. Ở tỉnh, quan tỉnh bắt đầu lễ tịch điền bằng việc cày và ở xã là vị chức sắc cao nhất trong xã. Tùy từng triều đại, việc cử hành lễ tịch điền có lúc long trọng, lúc đơn giản và ở mỗi địa phương cũng có những tục lệ riêng.

### **LỄ KHAI ẤN**

Tục truyền, lễ khai ấn thường được tiến hành sau ngày Rằm tháng Giêng. Các ấn đã được lau chùi trong năm. Ngày xuân, Bộ Lễ chọn ngày lành, giờ tốt để làm lễ khai ấn, nghĩa là dùng ấn đóng lên một công văn chỉ dụ. Thường bản văn đầu tiên được đóng ấn là bản văn tốt lành.

Tại các tỉnh, huyện, xã, mỗi viên chức có ấn đều chọn ngày khai ấn. Ngày xưa, người ta còn có sửa lễ cúng vị thần giữ ấn tín trong dịp lễ khai ấn.

### **LỄ KHAI BÚT**

Tuy không có quy định bắt buộc về lễ khai bút đầu xuân, song ý tưởng tôn trọng việc học đã nâng thành một hành động mang ý niệm tâm linh và trở thành truyền thống văn hóa không thể thiếu đối với dân tộc Việt Nam mỗi dịp năm mới.

Ngày xưa, dịp đầu năm mới, sau lễ cúng đón giao thừa, các viên quan, các nhà giáo, nhà sư, các môn đồ chuẩn bị án thư, nghiên mực, bút lông và giấy hoặc lụa để làm lễ khai bút đầu năm.

Mực thường dùng là mực Tàu thơm được mài kỹ và sau đó người khai bút sẽ thảo lên giấy (XEM TIẾP TRANG 129)

# Song sinh

■ THIÊN LÝ

Tôi có người em song sinh. Tuổi thơ tôi chẳng nhận ra và biết em tồn tại, bởi em lặng lẽ, âm thầm ẩn kín. Em chưa bao giờ đòi ăn một bát phở nóng, thơm ngon. Em chưa bao giờ đòi mặc một chiếc áo đắt tiền, hợp thời trang. Những lời khen tặng giỏi dang, hào hoa phong nhã chỉ dành một mình tôi. Một ngày nọ, tôi giật mình hoảng sợ vì tôi nghe em hét vào mặt tôi, giận dữ: “Đồ hờ hững vô tâm!”. Ngày hôm đó, vì tôi đã thân nhiên ký tên trong bệnh án dưới hàng chữ: “...bệnh nhân tử vong, báo gia đình làm thủ tục” mà không một thoáng suy tư. Ngày hôm ấy, tôi chỉ thấy lạ lẫm một chút vì tiếng hét của em, rồi quên. Bỏ lơ em như chiếc lá khô bay trong thoáng nhìn của buổi chiều ngược gió. Bởi lẽ có quá nhiều tiếng cười ngạo nghễ, tiếng nỉ non dịu ngọt và tiếng bào chữa lạnh lùng kiêu ngạo trong tôi. Em chỉ biết cúi đầu đổ lệ xót xa...

– “Bà già đi chỗ khác!” Tôi quát to với một bà già ăn xin và nhiều người nghèo hèn, cơ nhỡ như thế! Bởi họ vô duyên, nài nỉ, xen ngang những câu chuyện đang thú vị.

– “Ủm! Chuyện nghe thật bi đát, tội nghiệp!”. Rồi sau đó tôi vô tư không lưu lại gì cho mình, dẫu là một thoáng giây chia sẻ yêu thương.

– Một đứa bé ung thư hạch vùng trung thất vừa qua đời. Người cha đã phải bán người mẹ cho một bà mối không rõ nhà cửa, tên tuổi, để lấy tiền mua thuốc hóa trị cho con. Vậy mà giờ nó đã đi rồi! Vậy mà, ông bác sĩ chỉ nhìn người cha mất hồn bằng ánh mắt sông đuột như cây tầm vông đã chuốt cành, giọng thân nhiên như vừa ăn xong một bữa điểm tâm: “Con ông nặng quá, không đáp ứng thuốc. Nó đi rồi!”. Ông bác sĩ chưa bao giờ nhin đói để dành tiền mua thuốc, mua sữa cho con; chưa bao giờ lo lắng, khổ cực chạy vay từng đồng, đói lả và hoảng sợ từng phút, từng giờ trong suốt một tháng nay. Giờ đây, ông chỉ biết lạnh lùng, thân nhiên bảo rằng: “Nó đi rồi!”

Cũng có những cái đã rồi, như có những đứa bé sơ sinh bị bỏ rơi, bị vứt bỏ như rác, vì phải gánh chịu sự tàn nhẫn và tội nghiệt của cha mẹ. Chúng bị dị tật, bị nhiễm HIV, bị ruồng bỏ như một dấu ấn tội lỗi. Tôi nghe người bạn kể, tôi đọc trên báo, có một chút ngậm ngùi trong tôi, bởi thấy em tôi đang lặng lẽ khóc. Rồi sau

đó, như một giai điệu nhàm chán hàng ngày, tôi để những dòng nước toan tính cận kề tràn ngập, dội rửa đi hoặc nhận chìm cái cảm xúc ngậm ngùi từ lòng yêu thương vừa chớm nở. Từ đó em lặng lẽ ở ẩn sau tôi không một lời đối thoại. Từ đó, tôi chẳng hề nhìn em, một kẻ khù khờ lại hay đa cảm, đa đoan!

Công việc của tôi được mọi người gọi là “ban ân, bố phước” cho thiên hạ, nên tôi dường như mặc nhiên cho rằng mình được nhiều ân phước. Nó bình thường đến nỗi tôi không còn có một đồng cảm nào với nỗi niềm đau khổ hoặc hạnh phúc của họ. Chỉ có người em song sinh của tôi biết đau khổ và hạnh phúc, mà nó dường như cứ mãi giấu giếm và tích tụ lại, chờ đợi!

Chiều hôm đó là buổi chiều định mệnh an bài, nếu không phải vì đánh thêm hai séc tennis, uống vài lon bia thì đâu phải gấp gáp chạy vội vàng về phòng mạch. Nếu không phải vì chạy vội vàng thì xe không phải tông thẳng vào thành cầu và tôi bị bay rớt xuống sông. Tôi nghe nhiều tiếng xì xầm rồi thấy trước mắt tối đen...

Trong một khung cảnh nửa sáng, nửa tối, vừa vắng vẻ, vừa lạnh lẽo, âm khí bao trùm làm tôi nổi da gà. Tôi đang nằm trên một chiếc bàn đá vừa vụn thân người lơ lửng giữa không trung, trên người là một tấm vải trắng bắt chéo và cột thắt lại phía trước, trông giống như những tử thi nằm trên xe đẩy sau một thời gian bị bấm dập trong bệnh viện. Một điều kỳ lạ là tôi thấy người em song sinh của tôi đang quỳ mọp bên dưới khóc lóc, nước mắt ràn rụa, trả lời theo những câu hỏi với âm độ cực lớn như xé nát màng tai, mà không biết từ đâu phát ra lồng lộng:

– Người có vô tình trước sự van nài, kêu gọi của những người đang bất hạnh, đau khổ không?

– Dạ có!

– Người có tự dối mình để có lợi hay không?

– Dạ có!

– Người có nhẫn tâm làm lợi dù trái với lương tâm hay không?

– Dạ có!

– Tiền bạc, của cải người để làm gì?

– Dạ mua sắm, ăn mặc, đi du lịch, lo cho vợ con...

– Bây giờ cái thầy người nằm đó, tiền bạc nhà người để làm gì?

– Dạ...không biết!

– Người có thèm ăn không?

– Dạ không!

– Có thèm mặc không?

– Dạ không!

– Có thèm thụ hưởng những gì cho cái thầy kia hay không?

Người em song sinh lăm lét nhìn tôi, nỗi lo sợ, hối hận tràn ngập trong ánh mắt. Tôi thấy thương cho nó. Lỗi tại chính tôi chứ nào phải nó. Mấy ông bắt nhầm người rồi! Các ông đã nhầm! Nhầm lẫn rồi! Là chính tôi, nó vô tội! Tôi vùng vẫy gào lên thật to, mảnh vải xiết càng mạnh và làm đau rất hai cườm tay và cườm chân của tôi. Tôi thấy nước mắt người em song sinh chảy ràn rụa, môi nó run rẩy định nói gì đó, rồi một luồng điện nhóe sáng lên đập mạnh vào thái dương tôi như một cú giạt sấm sét, đầu tôi đau buốt từng hồi như bị chày giã cua nện vào. Đau như chảy ra từng dòng màu trắng từ chất não, tôi mất dần đi ý thức xung quanh. Một màu trắng xóa phủ nhòa những hình ảnh trước mắt, hình ảnh người em song sinh của tôi tản ra thành hơi dưới ngọn lửa cháy hừng hực, nước mắt nó chảy như suối trên gương mặt tiêu tụy. Cái thằng đa cảm, yếu ớt ấy! Tội nghiệp cho nó...Vĩnh biệt em...Tôi cũng mất đi hoàn toàn ý thức.

Câu chuyện kể này không biết từ đâu. Chỉ biết có một đứa trẻ tám tuổi, ôm lấy con chó thân yêu của mình ngủ rất ngon. Sáng ra, người ta thấy con chó đã chết, đứa trẻ khóc lóc tiếc thương và làm ba mẹ của nó quýnh quýnh lên, bấm điện thoại trật vuột như thế nào không biết mà từ chiếc điện thoại lại phát lên câu chuyện kể ấy. Chẳng ai hiểu mô tê gì cả. Ngày hôm sau, nhiều tờ nhật báo đăng tin một tai nạn xe đâm vào thành cầu mà nạn nhân là ông bác sĩ khét tiếng ăn chơi và giàu có!■

# Viết ngắn

■ BÙU LONG

## 1. THOÁT KHỎI ĐỊA NGỤC

Một thiền sư tu hành lâu năm, ngày nọ trong lúc va chạm với bàn tay một thiếu nữ, về thảo am mà lòng cứ để quên nơi hình dáng búp sen bàn tay và nỗi ngọt ngào làn da con gái. Tâm thiền bị sóng ái tình xô đẩy vào những đợt sóng lao xao. Trong cuộc lênh đênh ấy, thiền sư trách ông Trời sanh chi hồng nhan để bận lòng quân tử, mà còn sanh chi chuyện tu hành phải đoạn trừ ái dục, đoạn trừ cái đẹp chính do Trời tác tạo... Trong giấc mê mộng, thiền sư sẩy chân rơi xuống a tỳ. Diêm Vương thấy thiền sư từ trong ý đã bận lòng tịnh tu, để bụi trần đóng che danh Đạo. Muốn phạt, Diêm Vương bảo với sứ:

– Nếu ông nói một câu gì đúng, ta sẽ đưa ông xuống hỏa ngục.

Còn nói một câu gì sai, ta sẽ đưa ông vào trăm kiếp luân hồi.

Thiền sư suy nghĩ hồi lâu, rồi trả lời:

– Tôi sẽ bị trăm kiếp luân hồi.

Nhờ câu nói không đúng và không sai này, thiền sư được phép trở lại dương trần để tu tập. Cũng nhờ chuyển ghé thăm âm phủ ấy, thiền sư ngộ ra: ái tình luôn bắt ta làm giống như phạm nhân, ném vào đó nhân cách, tâm tư và thời gian – những điều quý giá nhất sẽ giúp ta thoát khỏi lưới luân hồi...

## 2. CÁI GÌ ÍT MỚI QUÝ

Tôi tốt nghiệp kỹ sư, và thích học vẽ thêm. Nhưng ba tôi chỉ mong tôi học Đạo. Ông là một văn tài nổi danh, sách ông viết về Đạo được nhiều người đọc say sưa. Nhưng dù bao lần ba đem những bài viết tâm đắc đưa trước mặt, tôi vẫn thật tình không muốn đọc. Những lời dạy Đạo của ba tràn bữa cơm, ngập những lúc trò chuyện, khiến tôi mệt mỏi vì thừa mứa. Khi học vẽ, tôi được biết màu đẹp nhất trong tranh không được dùng nhiều, vì sẽ không quý nữa. Nếu kim cương mà đầy đường thì hơn gì sỏi đá. Phải chi ba tôi biết được điều này...

Rồi ba bệnh nặng, hai tháng sau thì mất. Trong lúc sắp xếp đồ đạc của ba để liệm, tôi bắt gặp một phong bì ghi tên tôi. Trong thư, ba viết: ... ba viết sách cho nhơn sanh, nhưng nhơn sanh ba mong mỗi nhất là con. Những điều ba viết ra được còn ít so với ước muốn phụng sự mông mênh. Từ nay, ba không còn sách thêm nữa, con hãy xem những gì ba làm được là ít lắm để quý mến và đọc nó...

Những dòng thư còn lại của ba, tôi đọc trong sụt sùi nước mắt...

### 3. NỢ TANG BÔNG<sup>1</sup> VÀ NẸO QUAY VỀ

Anh học xong lớp giáo sĩ ở Cơ Quan năm mười chín tuổi, rồi theo gia đình định cư ở Mỹ. Bôn ba, với hai tấm bằng đại học và quá nhiều đam mê. Anh đi làm ở bốn quốc gia khác nhau, qua nhiều cuộc tình lãng mạn và dang dở. Làm việc hăng say, học biết rất nhiều lãnh vực, đi khắp nơi, và nếm trải đủ ngọt ngào cay đắng của những chuyến ái tình. Anh không vay, mà xem như đã trả xong món nợ tang bông.

Ngày về thăm Cơ Quan, đã hai mươi năm anh mới khoác lại chiếc áo dài trắng ngày nào. Hai mươi năm, mới lên cúng. Nghe tiếng kinh ngâm nga nửa lạ nửa quen. Nghe tiếng chuông reo rất nửa đáp nửa bay. Người ta nói trồng hoa để gọi bướm, chắt đá để mời mây, chứa nước để gọi bèo, xây lầu để mời trăng, lên thuyền để gọi hoàng hôn...

Còn tụng kinh, thì ra là để gọi nhắc linh hồn một nẻo quay về...

Bạn học đạo năm xưa, nay đã là một vụ trưởng đáng kính, giúi vào tay anh mấy câu thánh giáo:

*Mang vào một kiếp nhơn sanh*

*Lỡ vay chút nợ âu đành trả xong*

*Nhưng lòng phải dạn lấy lòng*

*Chớ say ngoại vật mà không quay về.<sup>2</sup>*

Chỉ có bốn câu thánh giáo đơn sơ, lại vẫn

theo bên anh suốt cả đêm. Thì ra mấy chục năm để theo đuổi sự nghiệp, danh vọng, và tình ái, cũng chỉ là nổi bươn bả đuổi say theo ngoại vật mà thôi. Còn nội vật, cái bên trong, cái tâm ta, đã đầy phủ rêu phong.

Dầu biết một chữ tình để duy trì thế giới, một chữ tài để tô điểm càn khôn, anh đã quên mất chữ tâm để một nẻo quay về...

### 4. NHỮNG TUYỆT PHẨM GIỮA TRẦN GIAN

Phụ nữ đẹp, thật đáng để ngắm nhìn. Trên đường đi, để ý một chút, ta sẽ thấy mỗi người mỗi vẻ. Tạo vật cũng vậy, có để cho mình cũ bao giờ. Chiếc lá xanh non sẽ thay cho vàng phai, ráng chiều thay áo cho trưa hè nóng nắng, hương bưởi sẽ thơm thay cho ngày lúa, trăng cũng triển miên lãng du trên chành vênh khuyết đầy, và dòng sông có bao giờ chở lại mây trời của một ngày đã qua...

Lòng có giai nhân, cảnh có sơn thủy, trời đất có phong sương, hương hoa. Nhưng trăm lối khuyh thành, vạn nẻo nguy nga, hay vô bờ thơ mộng, cũng chỉ là chùng ấy canh bạc của vô thường. Những vẻ đẹp trác tuyệt, bao la, và vĩnh cửu của trần gian lại ở ngay trong xuân tâm của tri nhân. Ngày xưa thiển sư Thần Tú<sup>3</sup> siêng năng lau tâm để mong kiến tánh, đã thấy lòng tinh khô, mới mẻ. Còn Huệ Năng<sup>4</sup> tâm vắng như sơn lâm, tình lặng như hư vô. Có cần gì làm mới nữa, mà nhan sắc giai nhân, vẻ đẹp sơn thủy, hình hoa phong sương phải nghiêng mình kính bái. Khi đó, lòng thiển mặc sức mà vân du giữa thác réo non cao, giữa bụi hạ tở đàn, giữa bất tận bông lai...

*Thiền tham thai thoát hóa thân quang*

*Chuyển vận trung tiêu Bát Quái Càn*

*Như thác nguồn cao dòng nước réo*

*Tợ đàn bụi hạ tiếng âm vang.<sup>5</sup>■*

1. TANG là một loại cây dâu, vừa chắc vừa dẻo, người Trung Hoa xưa thường dùng làm thân cây cung, BÔNG là một loại cỏ, dùng làm tên. TANG BÔNG có ý chỉ làm trai phải đi đó đây và học rộng, biết nhiều.

2. Đức Nam Hải Quan Âm Như Lai, Minh Lý Thánh Hội, 03-9 Giáp Dần (17-10-1974).

3. Huệ Năng và Thần Tú, hai thiển sư nổi danh thời Vô hậu, xin xem thêm Pháp Bảo Đàn Kinh.

4. Ibid.

5. Đức Quán Pháp Chơn Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 08-12 Đinh Mão.

# Ý NGHĨA HÀNH HƯƠNG

## ■ ĐIỀU THUẬN

**D**ân gian ta từ xưa đến nay đã có phong tục đi hành hương thập tự nhân dịp đầu xuân mới. Bài viết này xin được phép trích dẫn những khái niệm cơ bản về danh từ hành hương, cũng như ý nghĩa thực sự cao cả của hai chữ hành hương để chúng ta có thể hiểu rõ ý nghĩa của việc hành hương theo chiều hướng chánh tín, tích cực trong cuộc sống.

Theo từ vựng Thích Đức Tường<sup>1</sup> thì thuật ngữ “hành hương” được đề cập trong tiếng Anh là từ Pilgrimage/Anglo; tiếng Pháp là từ Pilgrimage (Middle English (1100–1500)). Pilgrimage vừa có nghĩa:

1. Cuộc hành trình, đặc biệt là chuyến đi dài ngày, đến một địa điểm thiêng liêng nào đó, nhằm mục đích lễ bái.

2. Có nghĩa là “bất kỳ cuộc hành trình dài ngày nào” (Pilgrimage (n): 1. A Journey, esp. a long one, made to some anylong journey). Từ điển Oxford Reference English Dictionary (1996): “hành hương là chuyến đi nhằm mục đích hoài niệm quá khứ hay tình cảm” (Any journey taken for nostalgic or sentimental reasons).

Việc hành hương ý nghĩa thực sự là đến những nơi đầy ắp kỷ niệm thiêng liêng, người hành hương không chỉ thành tựu được sự gia tăng về niềm tin và chất lượng cho cuộc sống tâm linh của mình mà còn tăng cường sợi dây gắn bó, mối quan hệ giữa mình và cộng đồng.

Việc hành hương sẽ góp phần hoàn thiện con người, làm cho tâm người hành giả được tái tạo mới nhờ cuộc du hành đầy tác dụng giáo dục và được thăng hoa nhờ sự bồi bổ tri thức của kết quả “đi một ngày đàng, học một sàng khôn”. Vì sau cuộc hành hương là thời gian để ta hồi tưởng và suy gẫm; những ý tưởng mới được xác

lập để định hướng cho những hành động và lối sống của chính mình. Đó chính là cuộc hành trình tâm linh của chúng ta.

Còn theo Giáo lý hội học của Ky tô giáo thì hành hương vốn là một phong tục cổ xưa xuất hiện trong các tôn giáo như Phật giáo, Do Thái giáo, Ki tô giáo, Hồi giáo và đạo Baha'i. Hành hương chính là một cuộc lễ hành của các tín hữu về những nơi được có liên quan đến đời sống và hoạt động của vị Giáo chủ. Theo quan niệm Ki tô giáo việc hành hương đem lại mục đích: 1. Các tín hữu muốn chứng tỏ lòng tin của mình bằng việc trải qua cuộc hành trình nhiều thử thách gian nan. 2. Các tín hữu muốn dâng lời cầu nguyện tại những nơi Thánh với những mong ước đón nhận phúc lành cho họ hoặc cho những người thân yêu. 3. Các tín hữu cũng muốn được thanh tẩy tâm hồn hoặc thay đổi cuộc sống để họ sống đạo tốt đẹp hơn trong cộng đồng tôn giáo. Tóm lại, hành hương là một cuộc tìm kiếm Thiên Chúa và gặp gỡ Người trong một khung cảnh phụng tự.<sup>2</sup>

Theo quan điểm Phật giáo hành hương là dịp mà người Phật tử gieo trồng thiện nghiệp, việc hành hương thường được kết hợp với việc cúng dường tam bảo, thực hành hạnh bố thí (dana). Việc hành hương với một tấm lòng thâm tín và tâm thanh tịnh có thể đưa người Phật tử tại gia tiến đến thực hành hạnh “xuất gia”, vì khi người Phật tử thực hiện một chuyến hành hương là tạm thời đã gác bỏ bên ngoài một sinh hoạt thế tục để hướng tâm linh mình đến nơi thánh thiện, siêu thoát.

Đã từ lâu dân gian Việt Nam ta không biết từ bao giờ đã lưu truyền lại trong tiềm thức của nhân dân Nam bộ, là bắt đầu bước sang năm mới hay vào năm mới, mỗi người tự mình hay cùng bạn bè chọn lấy 10 ngôi chùa (thập tự) trong vùng để đi lễ

1. Ủy viên Thường trực Ban Hoàng Pháp Trung Ương.

2. Hành hương Ki tô giáo, Giáo hội học, giáo lý.



Phật trong thời gian một ngày được chọn là ngày tốt. Khi đến mỗi chùa người đi lễ thường mang theo lễ vật và lòng tin với ước mong được Đức Phật từ bi bác ái độ trì cho gia đình mình được bình an, khỏe mạnh, cũng như ước mong nhận được những lời giáo huấn của các sư trụ trì chùa và hái lộc đầu năm mới để được mọi điều tốt đẹp.<sup>3</sup>

Ngày nay, việc hành hương thường được các chùa tổ chức cho các Phật tử đi tham quan 10 cảnh chùa trong đầu năm mới tại một địa điểm nào đó, ngoài việc để tạo phước đầu năm cũng là dịp để gieo duyên mới với ngôi chùa mà mình đến. Trong lúc đi thập tự, ngoài việc đánh lễ xưng tụng công đức của Đức Phật, cầu nguyện cho bá tánh nhân sanh, chiêm ngưỡng nét đẹp kiến trúc khác nhau của từng ngôi chùa, người Phật tử sẽ được nghe các sư thuyết giảng những bài giáo pháp như: có nên đi thập tự trong đầu năm mới hay không? Hay đầu năm đi chùa cầu phước như thế nào? v.v. Đồng thời chỉ cho người Phật tử thấy rõ là lúc đến chùa là lúc mà con người đang quay về sống hiện tại với chính mình bằng ý niệm thiện lành phát khởi trong tâm. Việc đến chùa cầu phước chỉ thực sự mang giá trị tâm linh, đem đến sự bình an cho bản thân khi tâm ta biết hướng thượng, có ý niệm thiện lành và phải biết tu tập để chuyển hóa nghiệp thức vô minh, chuyển hóa tội lỗi nhiễm ô của tâm mình, tu tam nghiệp thân – khẩu – ý cho được thanh tịnh. Đồng thời, cũng chỉ cho người Phật tử nhận thức rõ phước báu của con người do đâu mà có? Phước báu đó do chính con người tự gieo trồng lấy, hễ con người gieo nhân nào thì gặp quả đó. Vì thế, nếu con người làm phước báu với tấm lòng chân thật, tự nguyện, vô cầu, vun bồi nhiều thiện nghiệp thì sẽ được nhiều phước báu...

Sở dĩ Phật giáo chọn con số 10 (hành hương thập tự) vì theo nhà sư Thích Minh Tuệ (Thích Đồng Trí) thì con số 10 là con số viên mãn, nó còn có ý nghĩa là 10 tâm trường dưỡng, 10 tâm kim cương,

đó là những mảnh đất tâm tốt đẹp để nảy sinh mọi công đức, quả lành trong hành trình tự độ, độ tha, tự giác, giác tha của người tu để được giác hạnh viên mãn. Số 10 cũng còn có nghĩa là biểu hiện cho thập thiện nghiệp đạo nơi thân, khẩu, ý trọn lành của hành giả trong năm mới. Người hành giả tu tập để đạt được 10 sức mạnh và thập lực, đầy đủ phương tiện nhập thế độ sinh. Số 10 cũng còn có ý nghĩa 10 phương chư Phật trong khắp pháp giới, và cũng là 10 hạnh nguyện của Đức Phổ Hiền Bồ Tát mà người hành giả cần phải tu tập.

Qua đó ta thấy đi lễ chùa đầu năm chính là phong tục tốt đẹp của nhân dân Việt Nam. Phong tục này ngoài việc cầu an vui, may mắn, nó còn mang ý nghĩa tìm kiếm sự bình lặng trong tâm hồn vì chùa chiền chính là nơi thanh tịnh, trang nghiêm, là nơi mà con người sống thật với bản ngã, tránh xa những tất bật, bon chen trong cuộc sống hằng ngày để tìm kiếm sự thanh tịnh, tĩnh tâm.

Phong tục lên chùa đầu năm mới chính là để hướng con người đến cái chân thiện mỹ, đến những điều tốt đẹp trong cuộc sống, cũng như nhắc nhở người tu tránh xa những dục vọng, những điều sai trái trong cuộc sống.

Nếu hiểu rõ ý nghĩa tích cực của việc đi hành hương và thực hành đúng theo ý nghĩa đó thì hành hương đầu năm mới quả là một việc hữu ích và đầy ý nghĩa. ■

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

*Ý nghĩa hành hương – Giác Hạnh Phương.*

*Đầu năm đi chùa cầu phước như thế nào? Hòa thượng Thích Giác Toàn.*

*Hành hương thập tự đầu năm – Thích Minh Tuệ (Thích Đồng Trí).*

*Ý nghĩa hành hương – F.M Vincent Bằng – Ky tô giáo.*

*Hành hương Phật giáo là gì? – Nguồn Internet.*

*Hành hương nội tâm. – Nguyễn Chính Kết.*

*Hành hương Ki tô giáo – Giáo hội học, giáo lý.*

*Hành hương tâm linh con đường hoàng pháp – Tỳ kheo Thích*

*Đức Trường – Ủy viên thường trực Ban Hoàng Pháp Trung Ương).*

*Hành hương thập tự đầu năm – Lê Lam Tịnh Long – nguồn www.daophatngaynay.*

*Từ điển Lễ tục Việt Nam, NXB Văn hóa – Thông tin, 1996.*

3. Theo Từ điển Lễ Tục Việt Nam, Nhà xuất bản Văn Hóa – Thông Tin, 1996.

TRANG GIA CHÁNH

# Súp Măng Tây

■ BẠCH TUYẾT



Nguyên liệu: cho 10 người ăn

- 200 gr nấm rơm
- 10 tai nấm đông cô
- 200gr nấm bào ngư
- 1 hộp măng tây
- 2 miếng hủ ky non
- Bột nêm nấm + đường
- Ít dầu mè
- 4 muỗng súp bột năng
- Tiêu + ngò rí.
- Một ít củ hành tím

## CÁCH NẤU

Nấm đông cô ngâm nước xả sạch cắt sợi, nấm rơm cắt chân, rửa sạch cắt sợi, nấm bào ngư rửa sạch xé sợi. Tàu hủ ky non xắt sợi nhuyễn. Bắc chảo lên bếp cho dầu vào 3 muỗng súp, cho ít củ hành tím cắt nhỏ vào xào cho thơm, kế cho nấm rơm, nấm đông cô, nấm bào ngư, tàu hủ ky vào, cho nửa muỗng súp đường, 3 muỗng bột nêm, xào trộn đều, rồi tắt lửa.

Đặt một nồi nước khoảng 2 lít lên bếp, đợi sôi, cho hỗn hợp nấm đã xào vào đợi sôi nêm lại cho vừa ăn. Măng hộp khai ra rửa lại nước sạch, cắt cọng măng khoảng 2 cm, cho tiếp vào nồi nước. Đợi sôi lại.

Bột năng hòa tan với nước lạnh, cho vào nồi, vừa đổ vừa quậy đều theo một chiều, nước hơi sệt là được, không đặc quá mà cũng không lỏng quá. Múc ra tô cho ít dầu mè và tiêu xay, ngò rí cắt nhuyễn là đã dùng được.■

TRANG THƠ

# Vô thường

■ PHONG HIẾU



Ai sống được một đời trăm tuổi  
Kiếp phù sinh ngắn ngủi lắm thay  
Mong manh đường hạt sương mai,  
Động tan phút chốc lâu dài được đâu.  
Xanh tóc đó bạc đầu rồi đó  
Chuỗi thời gian như vó ngựa qua  
Ngờ đâu thoáng chốc tuổi già  
Vô Thường quý dữ buông tha người nào.■

## Một số nghi lễ dân gian...

(TIẾP THEO TRANG 122)

trắng hoặc lụa trắng. Bên án thư, có người đặt một đỉnh trầm ngát hương bay tỏa lẫn với hương xuân giao mùa ngoài cửa.

Nội dung bài khai bút thường là một câu đối, một bài thơ Đường luật ứng tác hoặc một câu danh ngôn, một lời chúc mọi người, có khi là một lời tự chúc với bản thân như một tâm nguyện trước năm mới.

Bài khai bút sau đó được đặt ở một nơi trang trọng, có khi là đầu một cuốn sổ nhật ký, một án thư, có khi được treo trang trọng trong thư phòng hoặc phòng khách trong suốt năm mới ấy.

Lễ khai bút là một phong tục trang nghiêm và thiêng liêng với mong muốn hướng tới một thế giới tinh thần rộng lớn, bày tỏ nguyện vọng kẻ sĩ lập ngôn cao đẹp của người trí thức trước cuộc đời.■

BẠN CÓ BIẾT

# ĂN CHAY KHÔNG HỀ NHẠT NHỂO

**Người ăn chay có chế độ ăn uống như thế nào không?**  
SOURCE: PETAASIAPACIFIC.COM  
TRANSLATED BY KENH14.VN

chế độ ăn uống của họ rất đơn giản và khoa học. Nhiều người cho rằng ăn chay sẽ giúp bạn có vòng eo gọn, giảm nguy cơ mắc các bệnh tim mạch, tiểu đường và ung thư... Nếu bạn còn băn khoăn, hãy tìm câu trả lời ở đây nhé!

**Tôi sẽ lấy protein từ đâu?** protein có thể ở:

lượng protein cần thiết từ 19-70 tuổi	ĐẬU LĂNG	ĐẬU ĐEN	BÁNH CHAY	ĐẬU HŨ
46g (nữ) / 56g (nam)	18g	15g	13g	11g
BÁNH YONG	MÌ Ý	BƠ ĐẬU PHỘNG	SỮA ĐẬU NÀNH	SỮA CHUA ĐẬU NÀNH
9g	8g	8g	7g	6g
			BÁNH MÌ	KHOAI TÂY
			5g	4g

**Thế còn canxi cho xương chắc khỏe?** canxi có thể ở:

CẦN: 700 đến 1000mg mỗi ngày

BÔNG CÁI, CÁI XANH, HẠNH NHÂN, MŨ TẠT, MÈ, ĐẬU NÀNH, CÁI XOÀI, ĐỒ UỐNG TĂNG CƯỜNG

**CẦN THÊM CHẤT SẮT NỮA CHỨ?** HÃY DỪNG CHẠO GANG ĐỂ TĂNG THÊM CHẤT SẮT

LƯỢNG CHẤT SẮT CẦN MỖI NGÀY	THỰC ĂN
8-18 mg (nữ) / 8-11 mg (nam)	8.8mg đậu nành
	7mg mật mía
	6.6mg đậu lăng
	5.2mg đậu hình quả thận
	4.7mg đậu xanh
	4.5mg đậu lima
	4mg củ cải Thụy Sĩ

Hãy dùng kèm thực phẩm giàu vitamin C để tăng tính hấp thụ chất sắt, bạn nhé!

**Vậy còn Omega-3 được hấp thụ làm sao?** không cần tỏi dầu!

Bạn có thể cung cấp Omega-3 bằng các thực phẩm như hạt lanh, dầu hạt lanh, quả óc chó, hạt gai dầu, rau sam và thuốc chức năng Omega-3.

**Thế còn vitamin D?** AaBbCcDd VITAMIN D CÓ Ở:

vitamin D có trong ánh nắng, sữa cho người ăn chay, nước cam. vitamin D giúp tăng cường sự phát triển thể chất.

**Ở thực đơn ăn chay không có gì?**

Cholesterol. Người ăn chay có lượng chất béo trong người thấp hơn. Vì vậy, nguy cơ mắc bệnh tim mạch ở họ thấp hơn so với người ăn thịt.

người ăn thịt	210
người ăn kiêng	141
người ăn chay	135

## 10 LỢI ÍCH SỨC KHỎE TỪ BÔNG CÁI XANH

- Ngăn Ngừa Ung Thư**  
chứa chất chống oxy hóa và gây ung thư mạnh mẽ, ngăn ngừa các bệnh ung thư vú, tử cung...
- Hạn Chế Sự Thêm Ăn**  
1 quả bông cải xanh có lượng protein bằng 1 chén cơm nhưng với lượng calo thấp hơn phân nửa
- Tăng Cường Hệ Miễn Dịch**  
70g bông cải xanh chứa lượng lớn beta-carotene, kẽm, selen... hỗ trợ cải thiện hệ miễn dịch
- Chống Lại Các Dị Tật Bẩm Sinh**  
1 quả bông cải xanh có 94mcg axit folic, vitamin B rất tốt cho sự hình thành các tế bào thai nhi
- Phòng Ngừa Bệnh Tiểu Đường**  
Với lượng chất xơ dồi dào và lượng đường thấp, mức insulin trong máu sẽ được giữ ở mức thấp nhất
- Giảm Nguy Cơ Mắc Bệnh Tim Mạch**  
Lượng lutein, vitamin B6, axit folate sẽ giúp ngăn ngừa các bệnh tim mạch, đột quỵ...
- Cho Xương Chắc Khỏe**  
1 quả bông cải xanh có lượng canxi khá cao kết hợp vitamin K sẽ giúp phòng ngừa bệnh loãng xương
- Ổn Định Huyết Áp**  
Magie, kali và canxi trong bông cải có khả năng điều hòa huyết áp rất tốt
- Ngăn Ngừa Cảm Cúm**  
Vitamin C trong bông cải là 1 vi chất có tác dụng giải cảm tuyệt vời
- Tăng "Nam Tính" Cho Phái Mạnh**  
Giảm lượng hormone estrogen, tăng lượng hormone testosterone

source: [Natural healthy concepts](http://NaturalHealthyConcepts.com)  
translated by **KENH14**



# GIÁ CỦA PHÉP MÀU

VẼ : CQ TRÔNG

BÉ MARY, TÁM TUỔI<sup>2</sup>, CÓ EM TRAI BỆNH NẶNG, MÃ GIA ĐÌNH KHÔNG CÒN TIỀN, CHỈ CÓ PHẪU THUẬT RẤT TỐN KÉM MỚI CÓ THỂ CỨU SỐNG EM TRAI



MARY NGHE BỜ NÓI VỚI MẸ, THÌ THẦM... CHỈ CÓ PHÉP MÀU MỚI CỨU SỐNG ĐƯỢC ANDREW



VỀ PHÒNG, MARY LÔI RA CON HEO ĐẤT, EM ĐẸM HẾT ĐỒNG TIỀN LẺ



CHÁU CẦN GÌ ?  
ĐA, EM TRAI CHÁU BỆNH RẤT NẶNG VÀ CHÁU MUỐN MUA PHÉP MÀU

CHÚ KHÔNG CÓ PHÉP MÀU ĐỂ BAN, CHÁU Ạ



LÚC ĐÓ CÓ MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG THANH LỊCH VÀO

EM CHÁU CẦN LOẠI PHÉP MÀU GÌ ?

MẸ CHÁU NÓI EM CẦN PHẪU THUẬT, MÃ PHẢI CÓ THÊM PHÉP MÀU ĐÓ MỚI CỨU ĐƯỢC EM



VẬY CHÁU CÓ BAO NHIÊU

ĐA, MỘT ĐOLA MƯỜI MỘT XU

Ồ! VỪA ĐỦ CHO CÁI GIÁ CỦA PHÉP MÀU



DẪN BÁC VỀ NHÀ CHÁU, ĐỂ BÁC XEM BÁC CÓ PHÉP MÀU MÃ EM CHÁU CẦN KHÔNG



NGƯỜI ĐÀN ÔNG THANH LỊCH ĐÓ LÀ BS CARLTON AMSTRONG, MỘT PHẪU THUẬT GIA THẦN KINH LĨNH DANH

CẢ MÔ ĐƯỢC HOÀN THÀNH VỚI CHI PHÍ MỘT ĐOLA MƯỜI MỘT XU, ANDREW SAU ĐÓ XUẤT VIỆN YÃ KHỎE MẠNH



BÉ MARY ĐÃ BIẾT GIÁ CỦA PHÉP MÀU : NIỀM TIN + LÒNG NHAN AI + MỘT ĐOLA MƯỜI MỘT XU

# THEO DÒNG ĐẠO SỰ

■ THANH HIỂN



**15-12 QT (15-01-2014)** Lúc 13g, Cơ Quan tiếp phái đoàn các Hội Thánh: Ban Chính Đạo, Tiên Thiên, Truyền Giáo, Cầu Kho Tam Quan, Giáo Hội Cao Đài VN Bình Đức, Chiếu Minh Tam Thanh đến chuẩn bị đi chúc xuân Giáp Ngọ tại Bộ Nội Vụ.

**16-12 QT (16-01-2014)** Cơ Quan và phái đoàn các Hội Thánh đi chúc xuân các cơ quan chính quyền, tôn giáo bạn đồng trên địa bàn TP.HCM.

**19-12 QT (19-01-14)** Lúc 14g30, Cơ Quan tiếp đón Ban Tôn Giáo Chính Phủ (Vụ Cao Đài) đến chúc xuân.

**20-12 QT (20-01-2014)** Lúc 8g, phái đoàn CQ đến chúc xuân Ủy Ban Nhân Dân Quận I. Cùng ngày, lúc 15g30, Cơ Quan tiếp Ban Tôn Giáo TP đến chúc xuân.

**21-12 QT (21-01-2014)** Lúc 15g30, Ban Thường Vụ Cơ Quan tiếp ông Nguyễn Thanh Xuân Ban Tôn giáo Chính phủ đến chúc xuân.

**22-12 QT (22-01-2014)** Lúc 15g30, Ban Thường Vụ Cơ Quan tiếp phái đoàn UBND- UBMTTQ.Q.I đến chúc xuân.

**23-12 QT (23-01-2014)** Lúc 7g30, phái đoàn Cơ Quan cùng với Đh Chí Hùng (Nam Thành Thánh thất) và Đh Giáo sư Huệ Đức Quang (Hội Thánh Bạch Y), đến chúc xuân Tịnh Độ Cư Sĩ (45 Lý Chiêu Hoàng) và Cộng đồng Tôn giáo Baha'i.

Cùng ngày, lúc 15g30, Ban Thường Vụ Cơ Quan tiếp phái đoàn UBND.P.NCT đến chúc xuân.



**24-12 QT (24-01-2014)** Lúc 8g, phái đoàn Cơ Quan đến chúc xuân Ban Tôn Giáo TP, UBMTTQ TP, UBMTTQ Q.I, và UBND.P.NCT.

Đạo trưởng Đạt Trí, Đạo huynh Thiện Chí tiếp phái đoàn các Thánh thất Trung Nghĩa, Trung Tín, Trung Nam đến chúc xuân Cơ Quan.

**01-01 GN (31-01-2014)** Ngoại Giao Vụ chia ra làm 7 đoàn đi chúc xuân các Thánh thất, Thánh tịnh, tất cả 38 nơi.

**08-01 GN (07-02-2014)** Phái đoàn Cơ Quan dự lễ Vía Đức Chí Tôn và kỷ niệm 88 năm thành lập Thánh thất Tân Sơn Nhì.

**10-01 GN (09-02-2014)** Lúc 9g, phái đoàn Cơ Quan tham dự buổi sinh hoạt “Tuần lễ Hòa hợp tôn giáo hoàn cầu” do Cộng đồng Tôn Giáo Baha'i tổ chức tại 63C-4 Trần Đình Xu, Q.I. (H1, H2) Cùng ngày, lúc 14g, đại diện Cơ Quan dự lễ khởi công xây dựng Phòng khám Từ thiện thuộc Minh Lý Thánh Hội tại 445-20 Lạc Long Quân Q.11.

**21-01 GN (20-02-2014)** Đạo huynh Đức Nhẫn (NGV phó 2) dự Hội Nghị ký kết liên tịch giữa UBND- MTTQ và các đoàn thể phường Nguyễn Cư Trinh Q.1.

**22&23-01 GN (21&22-02-2014)** Đạo huynh Chí Thật (NGV phó 1) và quý đạo tỷ Vụ NCH Cơ Quan tham dự buổi giao lưu học tập giáo lý của nữ phái Đại Đạo và dự lễ kỷ niệm 62 năm ngày thành lập Cao Thượng Bửu Tòa và 55 năm ngày đăng tiên của Ngài Chơn Sắc (đặc vị Đông Thắng Chơn Như).■